VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

suy nghĩ về một dân tộc "mù chữ"
đoan hùng
thế giới văn chương hồ trường an
võ kỳ điền
phỏng vấn lê minh hà
triều hoa đại
hàng xóm
võ đình

truyện
nam dao ● bùi bích hà ● tâm thanh
trúc chi ● song thao

thơ
trần mộng tú ● cung trầm tưởng ● hoàng lộc
nguyễn xuân thiệp ● khánh hà ● hồng khắc kim mai
cao xuân tú ● triều hoa đại ● quan dương

tạp ghi
thạch hãn

157
THÁNG 5 1999

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris, FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 157 ● tháng 5, 1999

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
ĐOAN HÙNG	3	nhân xem tranh mộc bản, suy nghĩ về 1 dân tộc "mù chữ"
TRẦN MỘNG TÚ	18	*sợi tóc*
VÕ ĐÌNH	14	hàng xóm
NGUYỄN XUÂN THIỆP	24	*ôi! phong linh*
TRẦN VĂN TÍCH	27	khoảnh khắc tâm thức việt?
CUNG TRẦM TƯỜNG	37	*limbô*
VÕ KỲ ĐIỀN	38	thế giới văn chương hồ trường an
KHÁNH HÀ	45	*tiếng suối giao mùa*
CAO XUÂN TỨ	46	*đường lên xứ lạng*
NGÔ NHỰT TÂN	48	nhận định về "sống và viết..."
HỒNG KHẮC KIM MAI	54	*bước chân lưu vong*
DŨNG VĂN	55	mánh lới cuối cùng...
TRIỀU HOA ĐẠI	65	*trôi theo đường mây*
TRÚC CHI	66	huế, một đêm mưa
HOÀNG LỘC	73	*một lần huế-quảng*
NAM DAO	74	loạn kiêu binh
QUAN DƯƠNG	95	*lỡ hẹn*
BÙI BÍCH HÀ	96	mùa phục sinh
TÂM THANH	100	lông hồng
SONG THAO	110	biết nói chi
THẠCH HÃN	120	tạp ghi
TRIỀU HOA ĐẠI	134	phỏng vấn lê minh hà
VĂN HỌC	144	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	150	thư tín
VĂN HỌC	154	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 1999
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1999

Thư Tòa soạn
Văn Học

Số báo đặc biệt đánh dấu mười bốn năm xuất bản của Văn Học nhận được nhiều lời khen ngợi của độc giả và văn hữu.

Trước hết là khen mẫu bìa mới. Đơn giản và trang nhã, rất văn nghệ, như nhận xét của nhà thơ Lê Nguyễn. Những tính từ đó, hình như cũng là yêu cầu của chúng tôi, khi nhờ họa sĩ Đinh Cường phác thảo cho một mẫu bìa mới cho Văn Học năm 1993. Đơn giản không hoa hoè chỉ vì cái khó bó cái khôn: Văn Học không đủ điều kiện tài chánh để xuất ra ba bốn trăm Mỹ kim in bìa màu hàng tháng. Thông thường, những món tiền quảng cáo bù đắp cho chi phí này. Những người làm Văn Học lại không có kiên nhẫn đi xin quảng cáo, và phải nghe những lời không vui. Thế là Văn Học phải đóng vai kiệm ước nghiêm túc, mặc dù cũng muốn "bay bướm lả lướt" về hình thức như các tạp chí bạn. Không ngờ cái đơn giản lại hợp ý với bạn đọc, Văn Học tiết kiệm được một khoảng tiền, nhờ thế số trang tăng từ 130 lên 160 mà giá vẫn như cũ.

Văn Học cũng được "khen lây" nhờ các tác giả có bài đăng trên số 156. Đối với những người từng cộng tác thường xuyên với Văn Học như Tạ Chí Đại Trường, Trúc Chi, Trần Long Hồ, Lê Minh Hà, Phùng Nguyễn, Đặng Hiền, Lê Nguyễn..., độc giả có thêm lý do để yêu mến họ. Đối với những người mới, độc giả thực sự ngạc nhiên: kịch bản "Treo đầu dây Quan họ" của Nam Dao là một ngạc nhiên thích thú. Nhà thơ Lâm Chương viết truyện ngắn, và truyện ngắn của anh trên Văn Học cũng là một ngạc nhiên thích thú khác. Hoàng Ngọc Tuấn ở Úc với những bài lý luận phê bình sắc sảo đã làm cho nhiều bạn đọc thắc mắc, hỏi Tòa soạn cái ông "hình như là tình yêu" ở Sài Gòn thời xưa qua Úc hồi nào, tại sao bỏ viết truyện thơ mộng để chuyển qua viết lý luận văn học.

Các dư luận thuận lợi ấy là tín hiệu vui cho chúng tôi, khi bắt tay chuẩn bị số báo đầu tiên của năm thứ mười lăm này.❐

Nhân xem tranh mộc bản, suy nghĩ về một dân tộc "mù chữ"

Đoan Hùng

Ký ức của dân tộc Việt Nam về sinh hoạt cụ thể thật là ngắn ngủi. Ngắn ngủi quá mức!

Cứ mỗi lần xem lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng, tôi lại tức anh ách! Tức khi thấy hai Bà cưỡi voi, mặc áo vàng và đội khăn vành dây. Trông cứ na ná như.. Nam Phương Hoàng Hậu. Hình như qua cả gần hai ngàn năm mà các bà, các cô Việt Nam chẳng chịu thay đổi mode một chút nào hết! Chưa hết! mấy anh lính cầm lọng đi hầu thì đội nón chóp, bó chân trông cứ như anh lính khố đỏ. Muốn tăng thêm phần "truyền thống" người ta chỉ cần cắt một mảnh giấy tròn tròn, dán trên ngực, rồi vẽ chữ "binh" lằng ngoằng như trong bộ.. cờ tướng. Nhưng trách làm sao được! Chúng ta nào có biết bà Hoàng Hậu của vua Gia Long ăn mặc ra sao đâu, huống hồ là lùi về xa hơn nữa. Lắm lúc tôi nghĩ cũng còn may là thế hệ các cụ còn thấy Nam Phương Hoàng hậu còn sống. Các cụ quy tiên rồi thì không chừng vài mươi năm sau nữa hai Bà sẽ được mặc xoa-rê theo kiểu.. hoa hậu phu nhân!

Cái tức anh ách đó nó hao hao giống cái cảm giác "bần thần" của Nguyễn Hưng Quốc khi ông đọc loạt sách về tiểu sử các nhà văn Tây phương với *"ngồn ngộn tư liệu. Đầy ắp các chi tiết.."*. Ông "bần thần", ông "ganh tị" với giới nghiên cứu văn học Tây phương vì họ *"có cả ngọn núi* (tư liệu)*, chúng ta chỉ có một hòn non bộ tí tẻo"*. Ông bần thần cũng phải! Nếu đọc báo Việt thì hẳn các nhà nghiên cứu ngoại quốc sẽ rất lấy làm ngạc nhiên khi thấy nhà nghiên cứu Việt Nam tranh luận về những đề tài thật "dớ dẩn" chẳng hạn như Tú Xương có đi thi khoa Tân Mùi hay không? Tự Lực Văn Đoàn có mấy người? Thật cứ như Tú Xương sống đời

Trần và Nhất Linh sống đời Hồng Đức vậy! Nhưng bởi đâu có tình trạng nghèo nàn, khốn khổ về tư liệu như vậy? Nguyễn Hưng Quốc cho rằng *"nguyên nhân chính là do chúng ta lười viết, trước hết là lười viết hồi ký, nhật ký và thư từ"* và ông ngờ rằng cái tính lười thâm căn cố đế đó có tính truyền thống: *"Vấn đề là: tại sao chúng ta lười, lười truyền kiếp như thế. Tôi ngờ lý do chính là tình trạng mù chữ cả hàng ngàn năm của Việt Nam. Theo tôi, tình trạng mù chữ phổ biến và kéo dài này chính là yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc định hình diện mạo của nền văn học Việt Nam từ xưa đến nay. Chứ không phải là truyền thống chống ngoại xâm, chống thiên tai, nạn phong kiến kéo dài hay truyền thống hòa đồng các luồng tư tưởng lớn của Đông Phương (Nho Phật và Lão) như điều mà giới nghiên cứu văn học Việt Nam lâu nay thường khẳng định"*. Theo ông trí thức thời xưa, ít ra là cho tới thế kỷ 14 chỉ học chữ Hán mà *"Chữ Hán, với người Việt Nam, chỉ là một tử ngữ. Đó là thứ ngôn ngữ học thuật chứ không phải thứ ngôn ngữ giao tiếp"* vì thế tuy họ có thể học hỏi và thông thái nhưng về mặt văn học *"họ là những kẻ mù chữ, họ không viết ra được cái thứ tiếng mà họ thường dùng để tâm tình với người thân hay nói thầm trong đầu, cái thứ tiếng đã tan hòa trong máu thịt.."* và *"Biết chữ, với người Việt Nam, chỉ có nghĩa là biết chữ Nôm hay chữ Quốc ngữ.."* , chữ Quốc ngữ thì quá mới còn chữ Nôm *"thì trừ hai thời kỳ ngắn ngủi dưới thời nhà Hồ và nhà Tây Sơn, thứ chữ ấy vẫn chỉ được xem là thứ chữ ngoại hôn, không được cả dân chúng lẫn chính quyền thừa nhận như một thứ văn tự chính thống, và do đó chưa bao giờ được phổ cập sâu rộng. Số lượng người đọc và viết chữ Hán đã ít; số lượng người đọc và viết được chữ Nôm lại càng ít hơn nữa"*. Ông dẫn theo David Marr là trước thế kỷ 20 có thể đến khoảng 25 phần trăm những người trên 15 tuổi có thể biết khoảng vài trăm từ Nôm và Hán Việt đủ để đọc được gia phả và các loại văn bằng hay khế ước thông thường. Và cho rằng *"không ai biết chính xác con số những người biết chữ Hán và chữ Nôm đến trình độ có thể sáng tác hay thưởng thức các tác phẩm văn học. Nhưng khó tin được là nó vượt quá 5 phần trăm dân số"*. Tình trạng đó dẫn đến nhiều hệ quả như "khuynh hướng truyền miệng" của văn học Việt Nam, tác động trở lại trên cả âm thanh tiếng Việt: *"không chừng đây là một trong những nguyên nhân làm cho tiếng Việt giàu nhạc tính". Và "Khuynh hướng ấy một mặt làm phát triển tính cụ thể, mặt khác lại làm giảm bớt tính chất duy lý, trừu tượng"* của ngôn ngữ Việt. Khuynh hướng ấy làm cho văn học nặng về mặt *'kể chuyện"* mà lơi về mặt *"kỹ thuật và ngôn ngữ"*. Sự ly cách sâu sắc giữa lời nói và chữ viết đã thiêng liêng hóa chữ viết do đó *"Viết là một hành động nghiêm chỉnh, nghiêm túc. Người ta chỉ viết khi nào thật cần thiết.."* chứ không

phải là *"trò chơi với chữ nghĩa"* vốn là bản chất của văn chương. Vì thế *"Văn học nghệ thuật Việt Nam luôn luôn lăng xăng 'vị' một cái gì đó. Vị lý tưởng, vị chính nghĩa.. Nó rất 'được việc', trừ cái việc đáng lẽ phải được xem là cần thiết và quan trọng nhất: hay."* (1)

Thế Uyên trong một bài viết (2) cũng nhận xét *"Muốn học chữ Nôm phải học chữ Hán trước. Vì vậy chỉ có một số rất nhỏ người trí thức thời bấy giờ biết đọc và viết chữ Nôm. Sự thiếu vắng một thứ chữ dễ đọc dễ viết là lý do tại sao văn xuôi đã xuất hiện muộn tại Việt Nam. Văn vần vì có vần có điệu nên dễ nhớ và dễ truyền bá trong quảng đại quần chúng. Văn xuôi trái lại vì khó nhớ nên phải đợi đến khi có một thứ chữ dễ đọc hơn chữ Nôm xuất hiện"*.

Ôi! Giá như Nguyễn Hưng Quốc ca ngợi tính thơ của Văn Học Việt Nam, hay tính hoà đồng bao dung của tư tưởng Việt với vài ngàn năm văn hiến thì hẳn chú Ả Q trong tôi có thể "ra về thơ thới hân hoan" và.. đi ngủ. Đằng này ông nói huỵch toẹt là dân ta "mù chữ" thì ai mà chịu được! Tôi ngờ rằng chính ông.. cũng không chịu được vì ông cũng là người Việt Nam với lòng tự ái dân tộc to tầy đình. Nếu "chịu được" ông đã chẳng *"bần thần thật lâu. Thật lâu. Cho đến bây giờ, gần hai năm sau, cảm giác bần thần ấy dường như vẫn chưa tan hết"!!*

Thành thử khi đọc ông tôi đâm ra.. bần thần. Nhiều điểm tôi thấy ông có lý nhưng tôi không tin là Hán Nôm là lý do chính cho sự chậm phát triển của văn xuôi Việt Nam như Nguyễn Hưng Quốc và Thế Uyên nhận xét.

Tôi nghĩ rằng tuy Hán Nôm khó đọc và viết thật nhưng nó không hề làm cản trở văn học đến tầm mức đó. Trung Hoa là cả một lục địa với nhiều dân tộc nói nhiều thứ tiếng khác nhau. Người Bắc Kinh không thể hiểu người Phúc Kiến hay Quảng Đông. Họ chỉ có chung một thứ: Chữ. Như thế: nói và viết ngay cả đối với người Hoa cũng không phải là một! Cứ thử đưa cổ văn với "chi hồ giả dã" cho một anh bán hủ tíu xem thì anh ta chắc phải thốt lên "hà cái lày ngộ không hiểu lớ!". Nhưng văn xuôi Trung Quốc nào có chậm phát triển! Với cùng thứ chữ "khó đọc khó viết" ấy mà xưa thì La Quán Trung, Thi Nại Am nay thì Kim Dung, Quỳnh Dao viết tràng giang đại hải khiến nhà văn Việt Nam dịch ra thứ chữ "dễ đọc dễ viết" đến.. hụt hơi! Một bằng chứng khác rành rành nằm trong bài của NHQ là khi ông trích dẫn cụ Phan Khôi: *"Ở Trung Hoa, từ mấy trăm năm nay , việc viết nhật ký đã khá phổ biến; riêng ở Nhật, nhật ký còn xuất*

hiện sớm hơn nữa, vào thời trung cổ của họ, từ một ngàn năm nay, mà cũng có nhiều bổn nhật ký truyền đạt đến bây giờ". Tuy đã sáng tạo ra hệ Kana có thể ký âm một cách đơn giản, nhưng người Nhật vẫn phải giữ lấy Kanji (hán tự), và cho đến ngày nay người Nhật tối thiểu phải học thêm khoảng gần 2000 chữ Kanji(3). Như vậy với một thứ chữ cũng khó không thua chữ Nôm là mấy mà họ vẫn viết nhật ký, thì ta phải giải thích sao đây?

Như vậy, ta thấy rằng, khó và dễ thật ra rất tương đối. Nếu học quốc ngữ mất ba tháng thì học Hán Nôm có thể mất vài năm, nhưng cuối cùng là ăn thua ở hệ thống giáo dục. Người Tầu, người Nhật nào có mù chữ? Với chữ quốc ngữ chưa chắc tỷ lệ số người biết chữ ở ta và họ ai hơn ai? Theo ý tôi sở dĩ chúng ta cho Hán-Nôm là "khó" thì trước hết là do: chính vì thế hệ chúng ta không được học Hán-Nôm từ bé như thế hệ ông cha và người Tầu, Nhật hiện nay nên nó mới "khó". Vì "khó" nên chúng ta không thể tin rằng thế hệ trước có thể "suy nghĩ và viết" với thứ chữ "khủng khiếp" ấy!

Khi đọc NHQ tôi chỉ suy nghĩ thế thôi và bần thần.. ít ra một năm, cho đến khi tình cờ đọc được một quyển sách về ký họa Việt Nam(4), trong đó có một vài bức tranh gợi hứng để viết bài này. Quyển này giới thiệu về một công trình của Henri Oger, một người Pháp, thực hiện khoảng năm 1906. Oger đã nhờ nghệ nhân Việt Nam vẽ 4577 bản vẽ khắc gỗ in trên giấy dó về sinh hoạt, nghề nghiệp.. đủ mọi mặt của người Việt đầu thế kỷ. Đây thực là một cuốn "tự điển bách khoa" bằng tranh thực là sống động và phong phú.

Có một bức tranh thật là độc đáo: "phố An Nam" vẽ quang cảnh đường phố với một cửa tiệm bán hàng đồng. Trên bức vách của cửa hàng vẽ nguệch ngoạc một hình tam giác có râu tua tủa, bên cạnh đó là một hàng chữ Nho.

Chữ thánh hiền chăng? Chữ để "tải đạo" chăng? Chữ để "vị" chính nghĩa chăng?

Không phải! Đấy là hàng chữ Nôm mà nếu "dịch" ra quốc ngữ thì là..: " Đéo mẹ cha đứa nào ở trong cái nhà này!"

Và cái tam giác "râu" chính là cái mà Hồ Xuân Hương mô tả "chành ra ba góc da còn thiếu"!

Xem bức tranh này tôi khoái trá và hết.. bần thần. Có ba cái thú vị:

Thứ nhất là một niềm khoái trá hơi ngây thơ, trẻ con là phát hiện ra rằng ông cha ta cũng.. mất dậy như mình.

Thứ hai là một tác phẩm cực hiện thực như vậy còn vượt xa hẳn thế

hệ chúng ta về mặt táo bạo. Có họa sĩ "trẻ" nào đã đưa lên tranh một cảnh đường phố một cách trắng trợn như thế. Còn trên mặt văn chương thì chỉ các văn sĩ thuộc loại *avant garde* mới dám viết lên chữ chửi tục mà không cần viết tắt thành đ.m.!

Thứ ba là hàng chữ Nôm ấy là một bằng chứng sống động liên quan đến bài viết này:

a) Hàng chữ trên tất do một tay ma cà bông (hay ma cà bông có trình độ.. nho sĩ) viết! Mà viết ra là cốt để người khác đọc. Người chủ tiệm đọc, hiểu nó và tức học máu! Láng giềng và các tay du côn trong xóm hiểu nó và khoái chí! Suy ra là chữ Nôm không phải là ít người hiểu như ta tưởng. Nếu quả thật số đông mù chữ thì tác giả nó chỉ cần vẽ cái.. tam giác là đủ.

b) Khi tiếng Nôm diễn tả cả được tiếng "đéo", thì thiết tưởng nó đã phải đi qua những bước phát triển dài, đủ phong phú để ghi lại bất cứ một cái gì. Nếu như với chữ quốc ngữ thì tay du côn hiện đại chẳng cần nhiều cố gắng khi đánh vần đờ e đe ô đeo sắc. Viết được cái chữ thốt ra "thánh hiền phải đỏ mặt" này bằng chữ Nôm tất nhiên có phần khó hơn. Hắn phải ráp chữ khẩu bên cạnh chữ đáo. Mà tất là không phải bản thân hắn tự bịa ra được cách viết ấy. Chữ ấy phải thành hình qua thời gian và được vận dụng khá nhuần nhuyễn. Ngay cả trong trường hợp hắn là người đầu tiên nghĩ ra cách viết chữ tục này thì điều đó cũng chứng tỏ cách cấu tạo tiếng Nôm cũng đủ "đơn giản" để người ta có thể sáng tạo ra chữ mới và người khác có thể hiểu được một cách dễ dàng.

Nôm thì thế, còn Hán thì sao? Chữ Hán có phải là tử ngữ đối với người Việt?

Trong sách tôi còn lục được một bức tranh cũng thú vị không kém. Tranh vẽ một bảng cấm ở nông thôn, một mảnh ván dài với hàng chữ Hán "Thử xứ cấm bất đắc phóng uế" nghĩa là: Ở đây cấm.. phóng uế! Bức tranh này cho ta thấy tình trạng "mù chữ" ở thôn quê có lẽ cũng chẳng đến nỗi nào. Nếu không thì cắm bảng làm chi? Chỉ cần cho anh trương tuần cấp roi đứng rình nơi phạm trường là đủ. ít ra người ta phải đủ hiểu chữ đến mức một bà mẹ quê chỉ cần quay sang hỏi con "làng cấm gì vậy hở con?" chứ không phải thửa một mâm xôi, con gà mà đến thầy đồ hỏi ý kiến trước khi.. hành sự.

Tác giả Nguyễn Mạnh Hùng cho ta một con số thống kê khá bổ ích là các nghệ nhân đã chú thích tranh bằng: Chữ Nôm nhiều nhất (50 %), chữ Hán (30 %) và còn lại là 20% Nôm pha Hán.

Tóm lại, sau khi xem hai bức tranh tôi thấy chữ Hán-Nôm không khó đối với dân ta như chúng ta tưởng. Nó không hề là tử ngữ, nó sống, rất sống (5). Nó không hề chỉ là "chi hồ giả dã", nó chẳng bị bó buộc trong

vòng "tải đạo" và đủ phong phú để diễn tả đủ mọi thứ trên đời.

Niềm khoái trá khi xem tranh còn pha lẫn nỗi buồn. Buồn vì lạ lùng chưa? Quyển sách nào đã phải cổ lắm đâu. Tính đến nay nó chưa đầy một thế kỷ mà người trong tranh đối với ta như người xứ nào ấy! Thế hệ chúng ta cơ hồ như bị cắt đứt với quá khứ một cách đành đoạn. Thực ra phần lớn chúng ta "mù chữ" đối với quá khứ. Không dám nói ai, tôi cứ căn cứ vào mình thì biết. Các cụ xưa "thiên kinh vạn quyển" như thế nào thì không biết nhưng gia đình tôi còn chỉ giữ lại được vỏn vẹn đúng ba quyển sách của ông nội tôi là một thầy đồ. Thế hệ cha tôi thì còn đọc được lõm bõm. Anh tôi thì chỉ còn đọc được cái tựa đề sách. Còn tôi thì tôi mù tịt, tôi chỉ thấy nó hao hao giống.. tờ quảng cáo dầu Nhị Thiên Đường! Thêm một thế hệ nữa tôi ngờ rằng nó sẽ vào sọt rác! Giả như trong số ba quyển đó có một quyển là nhật ký của ông tôi thì tôi cũng không tài nào biết được! Lắm lúc tôi tự hỏi không biết hậu duệ của các nhà văn hóa lớn như Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú.. những giòng họ khoa bảng lớn như họ Nguyễn Tiên Điền hay Phan Huy, Ngô Thì hoặc giòng quý tộc như Lê, Trịnh, Nguyễn có còn giữ được gì của quá khứ!? Nếu không còn giữ được thì có lẽ dân tộc chúng ta phải cắt ngắn bớt chiều dài của nền văn hiến thành một thế kỷ! Trí nhớ ngắn ngủi của thế hệ chúng ta phải chăng bắt nguồn chính từ tình trạng "mù chữ" của chính chúng ta? Và sự "mù chữ" đó hẳn không kém phần nguy hiểm! Giá như có một chiếc máy "thời gian" đưa tôi lui lại một thế kỷ về ngôi làng nọ thì hẳn tôi đã bị anh trương tuần lôi cổ ra đình phạt vạ vì cái tội nhầm lẫn là tấm bảng kia có nghĩa là.. nhà vệ sinh công cộng!

Nhưng nếu không vì trở ngại văn tự, thì vì lý do nào chúng ta "lười viết nhật ký", lý do nào khiến nền văn xuôi của Việt Nam phát triển chậm? Tôi nghĩ vấn đề đó có liên quan xa gần đến câu hỏi tại sao ta không có tác phẩm "lớn"? Tại sao ngành hội họa, điêu khắc, kiến trúc.. của ta không "xuất sắc" nếu so sánh với những nước cùng tầm cỡ như Đại Hàn, Nhật Bản? Và tôi ngờ rằng chúng ta cần phải tìm nguyên do trong hoàn cảnh kinh tế, cấu trúc xã hội, chính trị của nước ta. Đó là một xã hội thuần nông nghiệp. Thương nghiệp chậm phát triển không kích thích được công nghiệp. Thành thị không tách rời nông thôn. Tổ chức xã hội thì không có chế độ phong kiến thế tập với một tầng lớp quí tộc có lối sống vượt lên cao hẳn "dân đen".., không có thương nhân, không có địa chủ lớn.. mà cả nước ai cũng nghèo đại khái như nhau!

Tính chất nông nghiệp thì ở các nước Đông Á khác cũng thế, nhưng

Việt Nam có lẽ là nơi thương nghiệp yếu kém nhất. Ta thấy người Hoa,Nhật, Bồ.. qua Hội An mở chi nhánh buôn bán mà không hề thấy thương nhân Việt Nam đi đâu cả! Thương nghiệp không phát triển thì thành phố cũng không tách rời nông thôn. "Thứ nhất Kinh Kỳ, thứ nhì Phố Hiến" xảy ra tương đối trễ, và cũng do thương nhân ngoại quốc sang ta chứ không phải ngược lại. Thành phố là trung tâm chính trị chứ không phải thương mại. Chúng ta có Thăng Long mà không có Tô Châu, Hàng Châu hay Nagasaki. Cấu trúc xã hội cũng khác các nước Đông ?. Sau khi Hồ Quý Ly lật đổ nhà Trần thì chế độ phong kiến ở Việt Nam biến mất, không còn quý tộc, không còn nông nô, không còn trang điền, thái ấp. Quyền lực và sự vững bền của vương quyền không cao như ở Nhật, Đại Hàn. Như ở Đại Hàn từ thế kỷ thứ 10 đến 19 chỉ có hai triều đại, ở Nhật khoa cử chỉ dành cho giai cấp quý tộc cho mãi đến thời Tokugawa (đầu thế kỷ 17) mới cho phép dân thường đi thi. Khác với Trung Hoa, Việt Nam không hề có những địa chủ lớn kiểu như gia đình họ Giả trong *Hồng Lâu Mộng*, nơi cậu Giả Bảo Ngọc suốt ngày không có việc gì làm ngoài ngâm thơ và đòi ăn sáp môi của các tiểu thư. Xã hội Việt Nam khá "bình đẳng", ai cũng có thể đi thi chỉ trừ con hát, địa chủ chỉ có vài sào đất, nông dân có thể đi thi mà trở thành quan. Xuất thì "xênh xang áo mão" mà xử thì lại về với "nhạc ngựa bò vàng". Tục ngữ ta có câu "Ai giàu ba họ, ai khó ba đời" là bởi thế. Khắp nước là một cái "làng" lớn, người người là nông dân! Tính chất "nông dân" còn đậm nét cho tới bây giờ thể hiện trong tâm lý của ngay người Việt thành thị. Sống ở thành nhưng không mấy kẻ là không có quê. Nếu như người Tây phương chán ngấy thành thị mới sinh thèm cuộc sống bình dị ở nông thôn thì người Việt giống như anh nông phu bị "bắt" lên thị thành. Ở Sàigòn chỉ cần phóng Honda 15 phút là thấy trâu thế mà ta vẫn than thở, mơ mộng hát: "Ai bảo chăn trâu là khổ". Văn chương "miệt vườn" được người Việt mê thích là bởi thế.

Trở lại vấn đề "lười viết nhật ký" thì ta thấy: muốn có nhật ký thì phải có các điều kiện sau: a) Ai viết nhật ký b) Viết cái gì? c) Viết rồi thì ai bảo quản? Trên nền tảng xã hội như trên, tôi tưởng khó mà có nhật ký. Trước nhất (a) ta thấy phải là người có "hành trạng" gì mới nảy ra ý định viết nhật ký! Số người có "hành trạng" tất không đến một phần ngàn dân số. Bởi thế nếu số đông có "mù chữ" thì điều này không ăn thua gì cả đến vấn đề có nhật ký hay không! Và số người có khả năng viết nhật ký ở nước ta theo tôi chắc hẳn không ít. Nhưng vấn đề là: viết thì phải có cái mà viết (b)! cuộc sống phải có gì thay đổi, có gì "lạ" thì mới viết chứ! Một nho sĩ về trí sĩ ở nông thôn chỉ có thể ngâm thơ vịnh nguyệt chứ viết nhật

ký thì biết viết cái gì? Cuộc sống an nhàn, bình dị ở nông thôn không thể kích thích người ta viết. Viết khỏe như Hải Thượng Lãn Ông thì như ta thấy chỉ khi cụ được chúa Trịnh vời lên kinh để chữa bệnh cho Trịnh Cán thì cụ mới có chất liệu mà viết quyển "Thượng kinh ký sự" mà ta có thể gượng coi là "nhật ký". (c) Vả lại có viết rồi thì ai gìn giữ đây?

Hãy vào thăm "ba gian nhà cỏ" của cụ Nguyễn Công Trứ:

Đầu giường tre, mối dũi quanh co
Góc tường đất, giun đùn lố nhố
Bóng nắng đọi trứng gà trên vách, thằng bé tri trô
Hạt mưa xoi hang chuột trong nhà, con mèo ngấp ngó
Trong cũi lợn nằm gặm máng, đói chẳng muốn kêu
Đầu giàn chuột lóc khua niêu, buồn thôi lại bỏ"

(Hàn nho phong vị phú)

Chúng ta thử tưởng tượng chỗ nào cụ treo.. tranh? chỗ nào cụ ngồi viết nhật ký? chỗ nào cụ lưu trữ giấy tờ, sách vở để tồn tại cho đến thời đại chúng ta?

Nước nào cũng có nghệ thuật "dân gian" và nghệ thuật "cung đình". Điểm nổi bật trong nghệ thuật Việt Nam là sự yếu kém của "cung đình" so với "dân gian". Ta có tranh mộc bản dân gian, có "nghệ nhân" mà không có "họa sĩ". Nếu như dân ca rất phong phú thì nhạc cung đình chẳng hiểu sao biến đi đâu mất cả! Tôi ngờ rằng cái biển cả mênh mông của cuộc sống nông thôn, sự nghèo nàn bình quân của mọi người và sự thiếu vắng của chế độ phong kiến đã gây ra tình trạng này, tình trạng mất quân bình giữa hai giòng nghệ thuật. Cái đẹp mộc mạc, khoẻ mạnh, ngây thơ của "dân gian" không thay thế được nét đẹp tinh vi, cao cấp của "cung đình". Giữa hai giòng nghệ thuật ấy có tác động hỗ tương, thúc đẩy lẫn nhau. "Cung đình" lấy "dân gian" làm nền tảng, nâng nó lên một trình độ cao hơn, tinh tế hơn và thúc đẩy trở lại "dân gian". Thử lấy ví dụ về gốm Bát Tràng qua câu

Để anh mua gạch Bát Tràng về xây.
Xây dọc rồi lại xây ngang.
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân".

Đó là nhu cầu của người nông dân, một nhu cầu "chắc", "khỏe", "thực tế": Gạch! Không thấy câu ca dao nào nói về bình về chén cả! Để có nét đẹp tinh tế của gốm Bát Tràng phải có nhu cầu của "lệnh bà" này, "ông lớn" nọ mua chân đèn, lư hương để cúng vào đình vào chùa (6). Phải có sự thúc đẩy của các thương nhân buôn ấm chén để người Nhật dùng trong trà đạo. Trong xã hội xưa tầng lớp "phong kiến", "chủ nô" hay "địa

chủ" chính là người thúc đẩy nghệ thuật, tư tưởng lên tầm cao hơn. Chỉ có họ mới đủ điều kiện, thì giờ để tự mình trở nên, hay "nuôi" người làm nghệ thuật, học thuật chuyên nghiệp. Chỉ có họ mới có quyền lực, có tiền của để thực hiện những công trình lớn phục vụ cho sự "vui chơi" hay "niềm tin" của mình. Với khả năng đó thái hậu Ỷ Lan đã cho xây hàng trăm ngôi chùa khi ân hận đã bắt nhiều cung nhân phải tuẫn táng theo vua. Ở thời này ta thấy xuất hiện những ông vua kiêm nhà tư tưởng, nhà thơ, những vương hầu kiêm họa sĩ, văn sĩ. Tôi ngờ rằng tính thanh nhã và độc đáo của nghệ thuật Lý-Trần phần nào bắt nguồn từ cơ sở xã hội đó. Các vương triều sau có lẽ do chế độ phong kiến đã mất, không có sự ổn định tương đối lâu dài như thời Lý-Trần (Lý chuyển sang Trần do "đảo chính" một cách êm xuôi, không có sự gãy đổ). Ở các triều sau không phải không có cố gắng xây dựng nghệ thuật và (học thuật) cung đình nhưng tôi ngờ rằng họ không đủ thời gian làm chuyện đó. Gần như ở mỗi triều đại đều xảy ra hiện tượng có tính chu kỳ: Vua thứ nhất sáng lập triều đại thì giỏi quân sự. Vua thứ hai lo ổn định chế độ, xây dựng lại những gì đã đổ vỡ, như vua Minh Mạng lo gom góp lại những sách vở đã thất tán qua chiến tranh. Đến đời thứ ba, bốn là ông vua văn học nghệ thuật như Lê Thánh Tông với hội Tao Đàn, vua Tự Đức hỗ trợ Đào Tấn trong việc cung đình hóa tuồng. Vua thứ năm thứ sáu là ông vua "chơi bời" và thế là chấm dứt. Khổ thay! phải chăng bản chất nghệ thuật lại chính là để "vui chơi"? Không kịp "vui chơi" lấy đâu ra nghệ thuật? Vì lầu Trăm Nóc mà Vũ Như Tô bị xé xác. Vì xây Khiêm Lăng mà xảy ra loạn chày vôi. Và cứ mỗi biến động là lại một lần: sách vở, giấy tờ vất đầy đường như thời loạn Trần Cảo. Cung điện cháy tang hoang như dinh chúa Trịnh. Chuông, tượng bị nấu chảy ra làm khí giới như dưới thời Tây Sơn.. Tóm lại, sự thiếu vắng của nghệ thuật cung đình đã làm cho nghệ thuật Việt Nam không phát triển cao và tinh tế. Tất nhiên vấn đề không phải chỉ là "vui chơi"! Sự thiếu vắng của một nền nghiên cứu chuyên nghiệp tác động ngược trở lại sự phát triển của xã hội về mọi mặt. Lấy ví dụ về chữ Nôm thì ta thấy cách cấu tạo của nó không thoát ra nguyên tắc của chữ Hán trong khi Đại Hàn, Nhật Bản đã sáng tạo hệ thống ký âm cho ngôn ngữ của họ. Có thể là do tính đặc thù của các ngôn ngữ này (ít "nhạc tính" hơn nên dễ hơn?) nhưng rõ ràng là thành tựu đó phải đặt trên một nền nghiên cứu "chuyên nghiệp" về ngôn ngữ học.

Nền tảng xã hội nông thôn cũng không phải là thuận lợi cho sự phát triển của văn xuôi. Khác với văn vần, văn xuôi phải được viết ra, viết ra phải có người in lại, hay ít ra phải chép lại, và rồi thì số người "chép lại"

đó cũng phải đủ đông để tác phẩm đó mới được lưu truyền, sáng tác mới bõ công. Nông thôn không thể là môi trường kích thích được lối văn này. Các tiểu thuyết chương hồi như *Tam Quốc Chí* mới đầu là những chuyện dân gian, các chuyện này được hoàn thiện dần dần qua giới kể chuyện chuyên nghiệp ở thành phố, cuối cùng mới được văn sĩ hệ thống hóa lại. Sự hình thành của nó như ta thấy phải có quá trình. Phải có đám đông ông già, trẻ con.. ngồi túm tụm nghe người kể chuyện. Nghe xong rồi mỗi người phải góp vài đồng chinh cho anh ta lấy sức hoàn thiện tiếp câu truyện! Tóm lại phải là nơi đông người tụ họp lại mà "nuôi" cho nền văn học đó lớn lên.

Anh kể chuyện ngoài đường phố phải có thính giả "nuôi" mới trở thành chuyên nghiệp. Xã hội Việt Nam không có ai đủ sức "nuôi" một tầng lớp nghệ sĩ chuyên nghiệp. Viết văn là việc các nho sĩ làm trong lúc "trà dư tửu hậu", là việc họ "tranh thủ" làm sau khi đã xong việc quan. Một việc "tay trái"! Đối với mình như để thỏa mãn một bức bách nội tâm, đối với người thì đó là công việc hoàn toàn có tính chất.. phước thiện! Thật giống như nhà văn Việt Nam ở hải ngoại ngày nay! Mấy năm nay các báo thường hay hỏi các nhà văn câu hỏi "vì sao anh, chị viết?", các câu trả lời thật phong phú: viết vì do thúc đẩy nội tâm, viết vì.. không thể không viết, viết vì.. vì.. linh tinh! Nhưng tuyệt nhiên không có ai trả lời là viết để.. trả tiền thuê nhà! Kẻ viết bài này không phải là nhà văn, hắn làm nghề viết software và cũng mê computer không kém nhà thơ mê thơ! (xin các nhà thơ đừng cười khi dễ! Viết software không thiếu tính nghệ thuật như các vị tưởng đâu). Nhưng nếu hắn chỉ viết software vì.. thúc đẩy nội tâm thì tất hắn chẳng làm cái gì cho ra hồn! Tuy viết văn là một "thiên chức cao quý" nhưng nó không thể ra ngoài cái quy luật phàm tục đó. Phải chăng nền văn chương hiện đại cũng được sinh ra và hình thành với sự phát triển của Sài gòn, Hà Nội.. Nơi đó giới thị dân ngày càng đông và chính những thầy thông, cậu ký, cô phán "nằm khểnh ra đọc nhựt trình" chính là những người góp đồng chinh nuôi được một tầng lớp nhà văn, nhà báo chuyên nghiệp có thể sống một cách.. tuy lây lất như Nguyễn Vĩ từng than "nhà văn An Nam khổ như chó!" nhưng dẫu sao viết văn cũng đã trở thành nghề tay phải(7).

Sự phát triển của thành phố cũng làm cho văn sĩ thêm chất liệu sáng tác. Thành phố nơi nhiều người đủ mọi tầng lớp chung đụng nhau với đủ thứ quan hệ phức tạp. Nó có cao lâu tửu quán, có giai nhân tuyệt sắc có tài tử phong nhã và có.. du côn du đãng. Hít thở bầu không khí đó văn chương dần dần "phàm tục" hơn, tính "tải đạo" bớt đi, nó "sống" hơn. Không cứ

phải đợi đến thời Pháp thuộc. Sự phát triển của "Kinh kỳ, phố Hiến" phải chăng đã là môi trường của sự phát triển nhẩy vọt của văn chương Việt Nam trong thế kỷ 18/19? Hơi thở của cuộc sống ngồn ngộn đi vào văn chương với những hình ảnh sống động như bọn lừa bịp trong Vũ trung tùy bút, những nhân vật sắc nét như Tú Bà, Sở Khanh trong *Truyện Kiều*, hay Nguyễn Hữu Chỉnh trong *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*..(8) Trong bối cảnh đó nền văn xuôi chữ Hán đã phát triển, chỉ chưa có văn xuôi chữ Nôm. Sự xác lập của chế độ thuộc địa cũng như sự phát triển của chữ quốc ngữ là một ngọn roi "quất" khiến cho "con ngựa" văn xuôi phải bước nhanh hơn, nhưng giá không có bước phát triển này thì văn xuôi Việt Nam bằng chữ Nôm cũng sẽ phải xuất hiện do nhu cầu khách quan của nó như ở các nước láng giềng(9). Tuy trễ nhưng chắc chắn nó sẽ phát triển tương tự như thơ chữ Nôm cũng đã xuất hiện sau thơ chữ Hán.

Tóm lại, với sự xuất hiện của nghệ sĩ chuyên nghiệp có "khách hàng" của nó và trong một xã hội ngày càng phát triển phức tạp, văn chương, nghệ thuật Việt Nam hiện đại đang lớn lên. Nói về mặt "chuyên nghiệp" có thể nói nghệ thuật Việt Nam còn "non trẻ" cho dù đất nước này đã khá già. Nó đang lớn lên, và có lẽ cũng cần thời gian, thời gian để rèn luyện tay nghề, nó mới có được tác phẩm "lớn". Chữ quốc ngữ theo tôi không có tầm quan trọng như ta tưởng. Nếu không có chữ quốc ngữ thì nền văn học đó vẫn lớn lên, các thế hệ nhà văn cũng sẽ giản hóa tiếng Nôm, phong phú hóa, hệ thống hoá và hiện đại hóa nó. Thậm chí không chừng ta lại có một nền văn học "hay" hơn, vì nó không bị cắt lìa một cách đành đoạn với di sản quá khứ. Và quá khứ liệu có là lực trì tiến bộ không? Tôi nghĩ rằng không! Như một thành phố với nhà cổ nhà mới lẫn lộn có cái duyên dáng của nó. Đập nhà cổ đi thành phố nào cũng như thành phố nào, không cá tính, không diện mạo. Một nền văn hóa "nhà mới" và "vô duyên" như vậy không có lý do,không có cơ sở để lớn lên! Với suy nghĩ ấy tôi ngờ rằng đánh mất Hán-Nôm chính là một thiệt thòi lớn đối với văn hóa Việt Nam.

Muốn hình dung ra sự thiệt thòi của sự "đánh mất quá khứ" to lớn biết nhường nào chúng ta hãy theo dõi số phận của một quyển nhật ký đã tồn tại cả ngàn năm. Một quyển nhật ký sau khi được viết ra nó phải được bảo quản trước nhất bởi gia đình người viết, đời này qua đời khác, cho đến khi giòng họ (quý tộc hay khoa bảng) ấy bị đánh đổ. Phải có rất nhiều quyển nhật ký như vậy mới có thể còn vài quyển sống sót qua những cơn binh lửa. Rời khỏi giòng họ ấy muốn tồn tại nó đã phải trải qua tay không

biết bao nhiêu nhà sưu tập. Số phận một quyển sách, một bức họa có thể đã có nhiều may mắn hơn để sống sót: *nó đẹp, nó có ích*! Một quyển nhật ký thực là vô tích sự! Và kẻ sưu tầm nó phải là người say mê với việc sưu tập, phải là một người cuồng chữ, cuồng sách! Và không phải chỉ là sự si mê thôi mà đủ. Ngôn ngữ thay đổi với thời gian, kẻ sưu tập không những phải bảo quản mà phải biết "đọc" nó, nghiã là phải nghiên cứu nó để có thể hiểu nó và quý nó. Đấy tất phải là những nhà học giả với tầm hiểu biết sâu sắc. Một dân tộc gìn giữ được những quyển nhật ký như vậy phải có vô vàn những Lê Quý Đôn, những Vương Hồng Sển.. Một dân tộc gìn giữ được những thứ "vô tích sự" như vậy thì thử hỏi.. cái gì mà nó không giữ được? Ở ta chẳng những ta không còn nhật ký mà ngay cả số phận của những tác phẩm lớn cũng thực "đáng thương"! Hãy điểm sơ một vài số phận. Quyển *"Đại Việt Sử Ký"* của Lê Văn Hưu, sử thần nhà Trần, nay không còn. Nó thất lạc không phải chỉ do quân Minh đốt phá như cụ Trần Trọng Kim từng viết (trong *Việt Nam Sử Lược*), vì ít ra nó còn tồn tại cho đến thời Ngô Sĩ Liên khi ông viết *"Đại Việt Sử Ký Toàn Thư"*. Một quyển khác, cũng thời Trần, *"Đại Việt Sử Lược"* lưu lạc sang Tàu rồi cuối cùng còn "sống sót" trong bộ *Tứ Khố Toàn Thư* của nhà Thanh. *"An Nam Chí Lược"* và *"Nam Ông Mộng Lục"* cũng trải qua những bước đường lưu lạc và cũng "sống sót". Điều gì làm cho tác phẩm của một sử thần, trên đất nước mình, có một số phận hẩm hiu hơn quyển sử của một người "di tản buồn" Lê Tắc, hay một cuốn "hồi ký" một tên "cựu tù nhân" Hồ Nguyên Trừng trên xứ người (10)? Cụ Phan Khôi khẳng định: *"Nhật ký không nói quá có lẽ nó là cái thước để đo trình độ văn minh của một dân tộc. Trong khi cả nước Việt Nam xưa nay chưa có một cuốn nhật ký nào hết mà bảo rằng một nước văn hiến, một nước có văn hoá cao, thì tôi chẳng hề tin"*. Tôi ngờ rằng cụ chẳng quá lời. Có lẽ trong một sự so sánh tương tự, cụ đã "lạnh người" khi nghĩ về từng thế hệ con người Việt Nam mang xe hủ lô cào tuốt các mảng phù sa văn hóa quá khứ lấp đầy biển Đông! Lời của cụ không quá đáng mà là một lời cảnh tỉnh! Ở đâu bài tôi đưa ra hình ảnh Hai Bà mặc xoa-rê là chẳng phải muốn "chọc cười" bạn đọc vì câu chuyện chẳng đáng cười chút nào dù có "cười ra nước mắt". Đó là thực ra là chuyện "rùng rợn", chuyện của một con người đánh mất trí nhớ, đánh mất quá khứ và liệu hắn có một tương lai?

Những bàn luận ở bài này có thể sai! sai bét! Vì nó "tạm nhận" rằng trong quá khứ chúng ta không có tác phẩm lớn, không có nghệ thuật lớn.. vân vân. Nó cũng "tạm nhận" rằng ở nước ta chẳng còn gì nhiều nhặn sót lại từ quá khứ! Nếu những "giả thiết" đó sai thì đó là điều mà ai trong

chúng ta cũng đều sung sướng! Tôi muốn kết luận một cách dè dặt như vậy do "mặc cảm mù chữ" của mình đối với di sản quá khứ. Thế hệ chúng ta gần như không thể đọc được những gì cha ông đã viết nếu chưa có ai "dịch". Có dân tộc nào được "may mắn" như vậy không? Dĩ vãng chưa tới một thế kỷ mà đã khó hiểu còn hơn là.. kim tự tháp Ai Cập! Biết đâu có những vốn quý của cha ông còn nằm đâu đó? Biết đâu sự nghèo nàn của văn hóa cổ truyền mà ta tưởng chỉ là do.. sự dốt nát của chính ta! Nếu vậy thì đáng mừng biết bao! Tôi dè dặt như thế vì nhiều lúc đã được thấy mình sai một cách thú vị! Xin kể một chuyện vui để chấm dứt bài: Tính tôi thích đọc.. dâm thư. Khi xem truyện hay tranh *erotic* của Trung Hoa hay Nhật Bản tôi thường cảm thấy.. bần thần và "trách móc" là các cụ nhà ta sao mà "thanh giáo" quá! Trách các cụ mải "tải đạo" mà quên đi cái mặt rất ư "người" và dễ thương này.. Cho đến khi đọc được bản dịch (11) của tác phẩm *"Hoa Viên Kỳ Ngộ Tập"* được viết cuối đời Lê về cuộc tình tay ba của chàng thư sinh Triệu Kiệu và hai chị em Lan Nương, Huệ Nương con quan thứ sử họ Kiều thời Hồng Đức. Xin trích lại một đoạn sau đây:

"Tối hôm đó Sinh đến phòng Huệ, sai Nguyệt mời Lan cùng vào trướng gấm. Sinh muốn cầu hoan với Huệ, Huệ thưa:

- Mọi việc phải nhường bậc tôn trưởng, thiếp không dám hưởng trước.

Sinh ôm Lan vào lòng, cầu hoan với Lan. Lan cũng ngượng ngùng:

- Thiếp không dám!

Hai nàng nhường nhau hồi lâu, Sinh cũng không thể tự chủ được nữa bèn một tay kéo lấy vai Lan, tay kia mân mê vú Huệ, mặc sức đùa cợt trong chăn phỉ thúy, tận hưởng cuộc hoan lạc trong cõi nhân gian, không biết Sinh là Sinh, Lan Huệ là Lan Huệ nữa. Nửa đêm Sinh nói:

- Đây quả thật là cuộc kỳ ngộ, chúng ta nên có thơ ghi lại.

Lan nói:

- Chúng ta mỗi người góp một câu, nên chăng?

Sinh nói:

- Như vậy còn gì bằng!

Đoạn thủ xướng ngay bên gối, Lan Huệ ngâm nối theo bài từ của Sinh.."

Thú vị vậy thay! Trong căn nhà cổ không chỉ có cụ Khổng ngồi đạo mạo mắng mỏ con cháu mà còn có hoa có bướm!❐

Chú thích:

(1) Nguyễn Hưng Quốc, *"Văn học trong một nước mù chữ"* ,Hợp Lưu số 38, 1/98. Tôi cố gắng tóm gọn một số ý chính của bài viết vốn rất cô đọng và xúc tích này nhưng khó lòng không làm "rơi rụng" hay "phản" ít nhiều! Xin tác giả thứ lỗi và bạn đọc nên tìm xem lại.

(2) John C. Schafer và Thế Uyên, *"Tiểu Thuyết xuất hiện ở Nam Kỳ"*. Văn Học số 152, 12/98.

(3) Học sinh Nhật phải học tối thiểu 1945 chữ "Hán tự thường dụng". Người có học biết khoảng 3-4 ngàn chữ Kanji. Thường là người ta chỉ căn cứ trên hai mốc lịch sử: Hồ Quý Ly, Quang Trung muốn dịch "kinh điển" sang tiếng Nôm và.. câu "nôm na là cha mách quê" để kết luận rằng chữ Nôm bị "bạc đãi"! Và bên cạnh hai vị này các vua khác thường bị chúng ta chê là "nô lệ". Thực ra khá nhiều vua "trọng" và làm thơ bằng chữ Nôm. Ngay vua Gia Long cũng dùng chữ Nôm trong các chiếu lệnh của mình. Nếu so sánh với Đại Hàn, Nhật Bản thì ta cũng không "nô lệ" hơn họ đâu. Nhật Bản là nước khó có ai có thể chê trách về tinh thần độc lập tự chủ thế mà cho đến thời Minh Trị chữ Hán vẫn được dùng trong: a) văn kiện nhà nước b) sử sách c) kinh điển và sách nghiên cứu về nó. Các nhật ký cũng được viết bằng chữ Hán (xem Richard John Bowring,*"The Cambrigde Encyclopedia of Japan"*). Tinh thần tự chủ của hai vị Hồ Quý Ly và Quang Trung quả đáng trọng nhưng tôi ngờ rằng phải chăng đây là việc làm "quá sức"? Thực ra dịch thuật các "kinh điển" này không phải là đơn giản và tác động cũng như tầm quan trọng của nó trên học thuật, tư tưởng và chưa chắc hơn là việc chú giải, thích nghĩa, nghiên cứu về nó. Chỉ riêng việc này cũng đã là một công việc cần một lực lượng trí thức lớn. Để không đánh giá sai lầm cha ông chúng ta nên tự hỏi: gần một trăm năm nay thế hệ chúng ta đã dịch được bao nhiêu tác phẩm "kinh điển" của thế giới? (với ngoại lệ là kinh điển.. Marx-Lenin-Mao!).

(4) Nguyễn Mạnh Hùng, *Ký họa Việt Nam đầu thế kỷ 20*, Nhà xuất bản Trẻ, TPHCM 1989

(5) Số người biết chữ hay trình độ dân trí Việt Nam thủa xưa ra sao? Thế hệ chúng ta có thể nói là mù tịt hoàn toàn! Chúng ta chỉ có thể "phỏng đoán". Trong *"Kiến Văn Tiểu Lục"* của Lê Quý Đôn (NXBKHXH 1977, tr.102) có viết về một kỳ thi dưới thời *"Uy Mục Đế, năm Đoan Khánh thứ 2 [1502] thi khảo quân và dân bằng phép viết, phép tính ở sân điện Giảng Võ, số dự thi hơn ba vạn người, lấy 1519 người, phúc hạch 144 người, lấy 25 người trúng cách bổ sung vào hoa văn học sinh.."*. Con số ba vạn (không rõ có chính xác không?) người đi thi thật là lớn. Không rõ trình độ

họ ra sao nhưng riêng một việc là ba vạn người dám xách bút đi thi cũng chứng tỏ trình độ dân trí Việt Nam cách đây gần năm thế kỷ hẳn không thấp. Sự yếu kém của nghành Việt học (hay kết quả của nó chưa thành kiến thức phổ thông?) khiến cho khái niệm "xxxx ngàn năm văn hiến" hoàn toàn tựa trên lòng tự tôn (mà thực chất là tự ty!) dân tộc. Thiết tưởng chúng ta cần nhiều, (rất rất nhiều!) những công trình nghiên cứu nghiêm chỉnh, có hệ thống, cụ thể và thực sự khách quan để quá khứ trở nên "có da có thịt" chứ không phải là một "bộ xương" nhuốm màu huyền thoại.

(6) Rất thú vị là trên nhiều đồ gốm thời Mạc có ghi tên người mua và nghệ nhân. Nó cho ta hình ảnh quá khứ rất sống động chẳng hạn như: *"Đại Bảo Đà Quốc Công Mạc Ngọc Liễn (và vợ là) Công Chúa Phúc Thành (đặt) chế tạo ngày 3 tháng 5 năm Đoan Thái thứ 2 (1587)"*. Trích trong: Phan Huy Lê.. *"Gốm Bát Tràng , Thế kỷ 16-19"*, Nhà XB Thế Giới, Hà Nội 1995.

(7) Ta thấy Tản Đà.. dọa mang văn lên "bán" chợ trời. Như vậy quan hệ văn sĩ và người đọc không còn tính "phước thiện" nữa! Nó "trắng trợn" và "kinh tế" hơn!

(8) Thoắt trông "nhờn nhợt màu da" là một bức họa sinh động, vẽ nên một mẫu người chuyên sống về đêm. Bốn chữ tài tình ấy hẳn phải lấy từ chất liệu cuộc sống "lăn lóc" của kinh thành, của một Thăng Long by Night!

(9) Nhật Bản, nơi nền văn xuôi (viết bằng tiếng Nhật thuần tuý) tiến khá xa cũng là nước khá đặc biệt ở Đông ?, nơi thành thị phát triển rất cao không thua gì ở Âu Châu đương thời. Dưới thời Tokugawa (tương đương thời Lê-Trịnh-Nguyễn ở nước ta) những thành phố như Edo, Kyoto dân số lên đến cả triệu.

(10) Không phải do hoàn cảnh mà do ý thức, do lòng ham mê văn hóa. Xem *"An Nam Chí Lược"* Lê Tắc. Viện Đại Học Huế, 196. Sự trân trọng chữ nghĩa của các nhà sưu tầm bộ ANCL thực đáng làm ta suy nghĩ. Quyển này chẳng hạn đã qua tay Phục Ông (Trung Hoa,1812): *"..nguyên bản sao của Hồ Tứ Thôn mà ông sui của tôi là Viên Thọ Gia giữ được. Tiền Thiếu Thiềm có mượn đọc một lượt, dùng bút mực, bút son sửa chữa, chấm câu lại..Tôi mướn người chép theo bản của họ Viên và chép cả lời đính chính, rồi tự tay chấm câu lại.."*, rồi qua đến Kishi Ginko (Nhật, 1884) *"..Không lòng tư kỷ, chọn lựa san hành. Xa vượt trùng dương, cống hiến đồng chí. Hết lòng gắng sức, hiệu chính tinh tường. Phân mục chia hàng, chạm khắc khéo léo. Làm thành quyển sách báu, bao túi lụa xanh.. mong được cao minh thưởng lãm"*. Thật đáng kính phục thay!

(11) Viện nghiên cứu Hán Nôm, *"Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt*

Sợi tóc
TRẦN MỘNG TÚ

Sáng hôm nay em thấy ở trong gương
Đường ngôi lệch sợi tóc buồn vừa thức
Chiếc lược lạnh vùi trong vùng tóc ấm
Những chiếc răng rẽ mãi một đường ngôi
Ôi! Nếu tình mà rẽ được như ngôi
Ta sẽ buộc đời nhau ngàn sợi tóc
Sợi tóc mỏng của một thời mơ mộng
Của một thời tình ngủ giữa chiêm bao
Của một thời xô vỡ cả trăng sao
Biển căng ngực và núi rền tiếng thở

Đời mới lớn vừa mở tung cánh cửa
Tóc đã trượt chân ngã xuống vai nhau
Tình trượt chân nên chẳng bước cạnh nhau
Sợi tóc mỏng vẫy hoài gương lược cũ.

Nam", Nhà XB Thế giới - Hà Nội 1997. Tôi thêm đoạn này tuy hơi "lạc đề" , nhưng không dằn được vì muốn "mách nhỏ" với bạn đọc (và đặc biệt là với nhà văn Thế Uyên mà tôi rất "khoái" về lối "văn dĩ tải sex" của anh), về tác phẩm quý này. Đây là một bộ sách lớn, tập hợp 37 cuốn tiểu thuyết, dày khoảng 4000 trang! Đây là một tập hợp đầy đủ những tác phẩm từ đời Trần như *Việt Điện U Linh, Nam Ông Mộng Lục*.. cho đến đầu thế kỷ 20 như *Trùng Quang Tâm Sử*.Nhiều tác phẩm chưa từng được dịch ra. Bạn đọc yêu sách nên kiếm ngay, bỏ qua rất uổng (số in là 500 bộ)!

Hàng xóm

Võ Đình

Trong giới cầm bút ở hải ngoại, có đôi điều ít ai nói ra. Chẳng hạn: viết cái gì, viết thế nào, viết cho ai, vân vân. Một vài tạp chí văn học nghệ thuật đã từng công khó tìm hiểu, nhưng kết quả những cuộc thăm dò còn mù mờ.

"Cầm bút" không nhất thiết có nghĩa là tay "cầm" cây "bút". Thường được hiểu như là viết văn, làm thơ. Hiểu rộng hơn, "bút" cũng có thể hiểu như "bút vẽ", nghĩa là cây cọ. Thật ra, nếu người ta có thể viết bằng tay, bằng máy đánh chữ, bằng máy điện toán, hay cả bằng trí nhớ thì người ta cũng có thể vẽ bằng nhiều thứ khác ngoài cây cọ. Như bút lông, bút sắt, bút phấn, bút chì, vẽ bằng dao, bằng ngón tay, bằng nhiều thứ lạ lùng kỳ quái khác nữa.

Viết cái gì, viết thế nào, viết cho ai? Những câu hỏi mới nghe thật giản dị. Trả lời, không dễ. Có người thành thật chịu khó trả lời nhưng chưa thấy câu trả lời nào ổn thỏa. Mấy anh chị cầm bút xem ra không "khôn ngoan" cho bằng mấy anh chị cầm cọ. Bởi chăng trong giới cầm cọ chưa ai nêu ra những câu hỏi ấy. Chưa ai nêu ra những câu hỏi: vẽ cái gì, vẽ thế nào, vẽ cho ai? Không nêu ra thì khỏi trả lời. Đường ta ta đi. Khỏe ru.

Cho đến khi lạng quạng đụng đầu vào tường cái cộp! Cho đến khi không tránh né được nữa.

Dọn đến nơi ở mới được vài ngày thì một hôm tôi đang lui cui sau vườn nghe tiếng ai nói lớn "hello", ngẩng đầu lên thấy có người vườn bên đang tiến lại gần hàng rào. Tôi cũng đứng dậy, nghĩ bụng hàng xóm muốn *welcome* mình đây. Sau một hồi hỏi han nhau về tên tuổi, gốc gác, công ăn việc làm, v.v..., Bill hỏi tôi:

– Thế ông là họa sĩ à? Ông vẽ cái gì vậy? *What do you paint?*

Chết rồi. *Vẽ cái gì*, tương đương với *viết cái gì* đây. Nhưng cứ yên chí: *vẽ cái gì* coi như còn dễ trả lời hơn là *vẽ thế nào, vẽ cho ai...*

Ông hàng xóm vào khoảng bốn lăm. Dáng dấp không thanh cảnh mà cũng không thô lậu. Lời ăn tiếng nói không lịch lãm mà cũng không quê mùa. *An average American.* "Một người Mỹ trung bình".

Vẽ cái gì? Tôi chưa kịp trả lời thì thấp thoáng có "bóng hồng". Bill gọi lớn:

– Linda, Linda, lại đây em. Lại đây chào ông bạn hàng xóm cái đã em!

Bill liến thoắng:

– Này, Linda, đây là ông Mike mới dọn đến bên cạnh (Bill nghe *Mai* mà tưởng là *Mike* chăng?) Và đây là Linda, nhà tôi, hồi còn đi học có lấy mấy lớp về *Thưởng thức Nghệ thuật Tạo hình* (Art Appreciation) đó.

Rồi quay sang Linda, Bill ân cần bảo vợ:

– Hàng xóm ta là một họa sĩ đấy em à. Em nói chuyện hội họa với ổng đi. Em biết là anh dốt về cái khoản này lắm!

Linda có vẻ thông minh, nhanh nhẹn. Hơi nặng ký, nhưng xinh xắn. Nàng chìa tay:

– Chào ông hàng xóm... *Welcome to the neighborhood.* Ông là một họa sĩ đấy à. Ông vẽ cái gì vậy? *What do you paint?*

Lại vẽ cái gì! Tôi ậm ừ:

– *Well*, à thì...

Linda đỡ lời:

– Phong cảnh, chân dung, tĩnh vật?

– Ối, Linda, tôi không...

Linda hiểu ngay:

– Ồ, ông không vẽ mấy thứ đó hả? Ông xếp đặt những bố cục chứ gì? *Compositions*? Tả chân? Trừu tượng? Bán trừu tượng? *Realistic? Abstract? Semi-abstract?*

– À, thì bà cũng có thể nói vậy... *Compositions, yes, compositions all right...*

Nhưng Linda chưa vừa ý. Nàng thừa thắng xông lên:

– *Ah, so you compose*! Vậy chớ ông bố cục tranh ông với những gì vậy?

Thoáng qua, tôi nhớ lại hình ảnh trong một bài viết cũ. "Lạc Long Quân mắt sáng như sao ngồi cạnh bà Âu Cơ nghiêng nghiêng mặt ngọc"... (*) Nhớ thì nhớ nhưng chẳng lẽ lại vác Lạc Long Quân và Âu Cơ ra đây. Gây nên hiểu lầm là cái chắc: Linda xem như đủ hiểu biết để đoán được

rằng cuối thế kỷ 20 này, ông hàng xóm của nàng không thể là một người vẽ tranh lịch sử (*historical painting*) được.

Tôi chưa kịp trả lời, Linda đã nhanh nhẩu:

– À, nếu ông vẽ *representational* (hữu thể) thì chắc thế nào tranh ông cũng có vài cô gái thướt tha, tóa xõa dài sau lưng chứ gì? Bill và tôi có dịp được thấy những hình ảnh đó trong một hội chợ sắc tộc Á Đông năm ngoái... Thấp thoáng xa xa là mái chùa cong cong chứ gì?

Tôi nhìn Linda. Nàng có vẻ hồ hởi, hỏi chuyện thật lòng, không một chút mỉa mai hay hài hước. Một người hàng xóm dễ thương. *Friendly*. Cho nên tôi mới nói:

– Tôi cũng có vẽ như vậy, mấy chục năm về trước kia. Bây giờ tôi đã thay đổi nhiều lắm rồi. Tôi vẽ cái khác.

Linda cười tán đồng:

– Nhất định rồi. Nghệ sĩ phải thay đổi chứ, phải sáng tạo chứ. Vậy thì hiện nay ông vẽ cái gì? *But nowadays, what is it that you paint?*

Cái chị Linda này thật dai như đỉa. Tôi đành phải trả lời:

– Well, cái tôi vẽ là *cái cách* tôi vẽ. *What I paint IS the way I paint.*

– Ông nói dỡn! Linda cười lớn.

– Không, tôi nói thật đấy, không dỡn đâu. *I'm serious! I mean it.*

– Ý ông muốn nói là muốn biết ông vẽ cái gì thì phải nhìn tranh ông để thấy cái cách ông vẽ phải không?

Tôi mừng quá. Chị Linda xí xọn này hiểu biết lắm. Tôi gật đầu lia lịa:

– Đúng thế, đúng thế. Một ngày nào đây, mời ông bà qua nhà chơi. Xem tranh cho biết.

Chúng tôi dọn đến nơi ở mới đã hơn năm. Thế mà vẫn chưa bao giờ mời vợ chồng hàng xóm đến nhà chơi xem tranh cả. Tôi không tin rằng bà hàng xóm Linda, tuy có theo mấy lớp "Art Appreciation" thuở còn son trẻ sẽ thấy được cái tôi vẽ. Bởi vì cái tôi vẽ là cái cách tôi vẽ, mà cái cách vẽ là một cái gì quá khó thấy. Kiến thức chỉ là con dao cùn, không thể dùng để mổ xẻ một sự cảm nhận đòi hỏi phải bung phá ra khỏi những khuôn khổ của định kiến.

Cũng một chén cơm, cách người này ăn khác cách người kia ăn. Cũng một bài hát, ca sĩ A hát khác cách ca sĩ B hát. Cũng một đám mây, cách nhà văn nhà thơ này nhìn, thấy, và biểu hiện khác với cách nhà văn nhà thơ kia. Chén cơm, bài hát, đám mây là những sự vật hiện hữu bên ngoài, có thể ăn được, nghe được, thấy được. Cái cách và đối tượng của cái cách là hai sự kiện tách biệt. Thế mà trong nghệ thuật tạo hình ngày nay, có khi cái được biểu hiện và cái cách biểu hiện lại đã đồng nhất với

nhau.

Từ những hình ảnh vẽ bằng đất cát, than nhọ trong những hang động ở Lascaux (Pháp), Altamira (Tây Ban Nha) – 13 ngàn năm trước công nguyên – những thao thức, ước mơ, những ý tưởng, tình cảm của con người, thiên hình vạn trạng, đã được vẽ, được khắc, được nặn (tượng). Từ thời thượng cổ cho đến thời hiện đại, từ Viễn Đông châu Á đến Viễn Tây châu Âu, châu Mỹ, từ miền Nam châu Phi châu Úc, cho đến cực Bắc châu Mỹ, nghệ thuật tạo hình của con người biểu hiện dưới muôn vàn hình thái khác nhau.

Cũng đá và cây, cũng mây và nước, mà Mã Viễn với Hạ Khuê khác nhau tuy cả hai sống cùng một thời, quê cùng một quán. Cũng một niềm khao khát siêu linh, cái cách của Da Vinci khác với cái cách của Rembrandt, của Rouault. Cũng một niềm hưng phấn, nhưng cái cách của Watteau khác với cái cách của Hals, của Chagall. Gần với thời chúng ta hơn, cũng một sự chiêm ngưỡng "tòa thiên nhiên" của giống cái nhân loại, Modigliani khác với Derain, Maillol khác với Despiau. Cái cách làm nên cá tính sáng tạo. Cho nên có thể nói: Có "cách" là có tất cả. Không có "cách" là tất cả bỏ đi. Bởi vì cái được biểu hiện là gì ngoài cái cách nó được biểu hiện? Thiên nhiên hiển hiện theo cái cách của thiên nhiên, cho nên con người cũng có cái cách của con người.

Ngày xưa, ở Trung Quốc, có vị họa sư được vua vời vào cung vẽ cảnh mùa thu. Họa sư vẽ mấy cây đen đủi, cành gầy trơ trụi. Vua phán: Sao thu mà không thấy lá phong đỏ thắm đâu cả. Họa sư tâu: Có lá phong đấy ạ. Rồi sai bắt con gà, nhúng hai chân vào chậu son, đoạn thả gà chạy loanh quanh trên mặt tranh. Chân gà in son đỏ lên giấy trông giống hệt lá phong rơi rụng tơi tả. Dĩ nhiên đây là một "giai thoại làng họa" Tàu: Vua vuốt râu cả cười, truyền đem vàng lụa thưởng cho người họa sĩ tài ba độc đáo.

Giai thoại là thế nhưng trong chuyện Tàu này giữa cái được vẽ (lá phong đỏ) và cái cách vẽ (con gà vô tội hai chân nhúng son) vẫn còn có sự phân biệt giữa đối tượng và chủ thể. Ngày nay, ngay tại Mỹ Quốc, tại New York, Jackson Pollock đục vài lỗ lớn nhỏ dưới đáy thùng sơn rồi cho sơn nhỏ giọt, chảy lòng thòng, rơi tung tóe lên mặt bố trải phẳng lên sàn nhà. Năm 1949, nguyệt san LIFE đã phải đặt câu hỏi: Phải chăng Pollock là họa sĩ lớn nhất của Hiệp Chủng Quốc? Lần đầu tiên, *cái được vẽ* cũng là *cái cách vẽ*. Không còn cần một dụng cụ để điểm màu lên hình thể như từ Lascaux cho đến Phục Hưng, cho đến Ấn Tượng, cho đến thời hiện đại. Hành động tạo nên đường nét màu sắc đồng nhất với cái mà con mắt có thể thấy được.

Jackson Pollock, thế mà một nửa thế kỷ (XX) đã trôi qua. Tại những

lớp dạy "thưởng thức nghệ thuật (tạo hình)" ở rải rác các đại học, trong đó có lớp cũ của Linda, e rằng người ta chưa kịp vạch lối chỉ đường cho sinh viên thẩm thấu được cái "đạo" của con đường sáng tạo đó.

Nghĩ như vậy, nhưng vẫn thấy áy náy đối với cặp vợ chồng hàng xóm. Tôi sẽ tìm dịp đền đáp cái tình lân lý của họ một cách nào đó khác.

XII-1998

(*) *Bức Tranh Vẽ Mãi Không Rồi*, Hợp Lưu số 26, tháng 12/1995 & 1/1996

Đã phát hành:

Trong
Mê Cung

Truyện ngắn
Nguyễn Trung Hối

Tựa Trần Hồng Châu
Thơ cảm đề Hồng Khắc Kim Mai
Bạt Nguyễn Mộng Giác

Tạp chí Văn Học
xuất bản

Ôi, Phong linh

NGUYỄN XUÂN THIỆP

hãy mở cửa
dù đang đêm mùa đông
mở cửa. và nghe
tiếng phong linh
những giọt lệ đá xanh
lay động những chòm cây. đêm của biển
rụng. mảnh trăng tàn. về dâu
sao ngọn đèn trong căn lều người chăn vịt
còn thức dọi

ôi phong linh
đêm mùa đông. có phải đã năm 1999
sao hành nhân vẫn còn ở bến đò. dặm dài
bạch dương thẳm tối. mờ xa
phong linh
sao gọi hoài hồn của đá
gió. từ những kiếp xưa. mang theo tiếng
của những dòng sông. nơi người
đã khuất cùng hướng mặt trời
mọc. và rồi không trở lại. để
con ngựa và tên mã phu. đứng chờ
trong trăng

này phong linh
sự va đập của loài kim. và mộc thạch
gỗ vàng tâm còn tiếng đau
tưởng tượng. giờ này con tàu tốc hành đi lên
miền bắc. tuyết phủ lấp đường
ray. ven bìa rừng. mảnh trăng mùa
đông. như một hồn hoang. nhớ mái

nhà và bếp lửa. khuất bên đồng
cỏ lách
ôi phong linh
con tàu đã đi qua. không ghé lại. và gió trên
toa xe đuổi theo vì những vì sao
của cơn mơ nuối

hãy mở cửa
mở cửa
đêm mùa đông. đã năm 1999
tiếng phong linh
giã từ thế kỷ và thiên niên kỷ
giã từ những bóng tối và ánh sáng
đường chim bay chớp xanh
gió
nhớ gì không
những bông xoài trong khu vườn hạ huyền
đã rụng đầy mặt đất
Ghandi ốm trơ xương. không áo mặc. đi ven
bãi sông Hằng
Hemingway chơi trò đánh box và đấu bò
rừng.bên kia sông. sau hàng
cây. súng nổ và những đám mây
bụi khói
Charlie Chaplin. quần ống thụng. mũ và gậy.
cười toe dưới ánh đèn sân khấu.
bước một chân trên quá khứ một
chân vào tương lai. đêm về không
nơi trú ngụ
mang theo tay nải mảnh trăng xanh. Đạt Lai Lạt

Ma giã từ những đỉnh núi tuyết
vĩnh cửu
và Einstein. không mũ không giày không cà
vạt. đi trên đường phố Nữu Ước.
với đám trẻ thơ tóc để trái dào. nói
chuyện âm nhạc các vì sao và những
con số

ôi phong linh
và rừng phong du đã khô cháy
khuôn mặt em chợt hiện
như vầng trăng nguyệt thực
và những con sông đã bỏ nguồn
những người yêu nhau không bao giờ gặp lại
chỉ còn mùi hương nhu mái tóc hè xưa

hãy nói với phong linh
xin cho những hạt mầm. của tình yêu mùa phiêu
lãng. ủ trong đất mùa đông. sẽ đâm
chồi. dẫu đã muộn. phải không hường.
những mùa thu gặt trong đời
hãy nói với phong linh
mặt trời đã quỳ sẽ mọc
mặt trời đã quỳ sẽ mọc
vì gió đã mang lời
phong linh
về nơi chân mây ửng đỏ

Tháng hai, 1999

Khoảnh khắc: tâm thức Việt?

Trần Văn Tích

Kể từ thời điểm *Homo sapiens* biết tới các hình thái văn học là thơ, là văn thì thời gian trở thành một trong những đề tài quen thuộc. Bắt buộc phải tham gia cuộc chiến đấu chống lại năm tháng, con người nhận thức rất rõ mình là kẻ chiến bại trước khi lâm trận. Bởi thế nhà thơ nhà văn chỉ còn cách cam chịu và than thở (Lamartine, Baudelaire); nuối tiếc quá khứ (Villon); tôn thờ hoài niệm (Du Bellay); nổi loạn và kiếm tìm vĩnh cửu (Faust); thuần dưỡng thời gian và làm quen với cái chết (Montaigne); chiến thắng thời gian qua nghệ thuật, văn học (Proust, Sartre). Ngoài ra, còn một cách nữa, là dùng ngôn ngữ văn học phủ nhận dòng đời trôi chảy triền miên nhằm gìn giữ khoảnh khắc, nắm bắt tức thì, chụp ảnh sát-na tâm cảnh.

Đó là tâm thức người thơ người văn tự cổ chí kim và nhất là tự bốn phương trời, chứ không phải chỉ riêng là tâm thức Việt như Đỗ Minh Tuấn nghĩ tưởng để nhập đề bài viết của mình trên Văn Học số 152, tháng 12.98, trang 35 : *"Lịch sử thăng trầm biến động liên miên trong thân phận nhược tiểu đã tạo nên trong tâm thức người Việt một cảm thức văn hoá về cái tạm bợ mong manh, chập chờn bất định, một mặt biểu hiện ra trong mặc cảm lo âu với những ám ảnh về cái bấp bênh trôi nổi, mặt khác thể hiện ra trong mỹ cảm và trong những nguyên tắc mỹ học không thành văn. Tâm thức đó và mỹ cảm đó là hệ quả của những ám ảnh dằn vặt khắc khoải trước dòng đời, trước thời gian, thăng hoa lên thành những biểu tượng, những hình tượng, những môtíp nghệ thuật đậm đà bản sắc Việt. (...) Tính chất ước lệ bất định về không gian trong sân khấu, hội hoạ cũng phản ánh cái tâm thức ám ảnh bởi thời gian và sự thích ứng mỹ học với cái nhất thời cái tạm bợ. Mở rộng ra, cái linh hoạt Việt Nam thực chất là sự thích ứng về phương pháp luận với những khoảnh khắc tạm bợ, nó phát lộ*

một phương thức văn hoá đào sâu vào khoảnh khắc, cộng sinh cùng khoảnh khắc."

Nếu người Việt tuy có *"cảm thức văn hoá về cái tạm bợ mong manh"* nhưng lại *"thể hiện ra"* (...) *"trong những nguyên tắc mỹ học không thành văn"* thì giới cầm bút khắp thế giới *"thể hiện ra trong những nguyên tắc mỹ học"* thành văn hẳn hoi. Hơn nữa, họ còn có những câu thơ, câu văn trực tiếp đề cập đến *instant, moment, fleet emotion, Augenblick v.v..*trong tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức. Tôi xin lựa chọn và liệt kê một số câu thơ, câu văn loại đó, chủ yếu bằng Pháp ngữ và sẽ chỉ dịch một số câu coi như đại biểu điển hình. Đối với các câu thơ câu văn bằng những ngoại ngữ khác, tôi sẽ cố gắng chuyển sang Việt ngữ :

Hâtons-nous, l'heure fuit. Hâtons-nous de saisir
L'instant, le seul instant donné pour le plaisir.

André Chénier. Bucoliques. X. Au chevalier de Pange. XXV.

(Nào nhanh lên, giờ khắc chóng qua. Hãy gấp rút nắm bắt
Khoảnh khắc, khoảnh khắc duy nhất cung ứng cho niềm vui).

Souffre un moment encor ; tout n'est que changement ;
L'axe tourne, mon coeur; souffre encor un moment.

André Chénier. (như trên). *XXVII.*

Ce fut un de ces instants rapides que le hasard accorde quelquefois, comme une compensation de tant de maux, aux âmes faites pour sentir avec énergie. La vie se presse dans les coeurs, l'amour fait oublier tout ce qui n'est pas divin comme lui, et l'on vit plus en quelques instants que pendant de longues périodes.

Các *"âmes faites pour sentir avec énergie"* (tâm hồn được đào tạo giàu năng lực cảm xúc) mà Stendhal mô tả trong *Armance*, Chương XVI, có thể là của bất cứ dân tộc nào, không cứ chỉ là *"tâm thức Việt Nam"* mà thôi! Và *"quelques instants"* (một vài khoảnh khắc) của Stendhal không phải chỉ có Nguyễn Du mới biết sống!

(...) le temps d'un récit, de par le tissu et la continuité, est toujours une sorte de passé, bon gré mal gré qu'en ait l'auteur, tandis que le temps de l'amour (physique) est spécifiquement l'instant.

André Pieyre de Mandiargues. *Le Belvédère, les fers, le feu, la nuit de l'âme.*

Est-il aucun moment
Qui vous puisse assurer d'un second seulement?

La Fontaine. *(Le vieillard et les trois jeunes hommes. Fables)*

Il est dans les repos de l'humaine existence
De célestes moments, moments, hélas! trop courts,

Où dans le coeur trop plein le sang suspend son cours.

Lamartine. *15è vision. La Chute d'un ange.*

Temps jaloux, se peut-il que ces moments d'ivresse,
Où l'amour à longs flots nous verse le bonheur,
S'envolent loin de nous de la même vitesse
Que les jours de malheur?

Lamartine. *Le lac.*

Lãng Nhân dịch thơ :

Ghét-ghen chi những giờ say đắm
Đương cuộn dài sóng thẳm ân-tình
Lẽ nào hạnh-phúc bay nhanh
Nhanh như sầu-khổ tan-tành phút giây?

Il n'y a rien dans le monde qui n'ait son moment décisif, et le chef-d'oeuvre de la bonne conduite est de connaitre et de prendre ce moment.

Cardinal de Retz. *Mémoires. Seconde partie.*

Dieu, dans sa bonté, veut qu'un seul moment nous sauve; encore faut-il que ce moment soit le dernier(...)

Anatole France. *La Rotisserie de la reine Pédauque (Calman-Lévy)*

Ne distingue pas Dieu du bonheur et place tout ton bonheur dans l'instant.

André Gide. *Les Nourritures Terrestres. Livre Ier. III.*

J'ai compris à présent que, permanent à tout ce qui passe,Dieu n'habite pas l'objet, mais l'amour; et je sais à présent gouter la quiète éternité dans l'instant.

André Gide. *Les Nouvelles Nourritures. Livre Ier. I.*

"L'Avenir" est la parcelle plus sensible de l'instant.

Paul Valéry. *Mélange.* (Gallimard)

L'instant n'a de place qu'étroite entre l'espoir et le regret et c'est la place de la vie.

Marcel Jouhandeau. *Algèbre des valeurs morales.* (Gallimard)

Nous qui mourrons peut-être un jour disons l'homme immortel au foyer de l'instant.

Saint-John Perse. *Amers.* (Gallimard)

Son occupation (du Poète) *parmi nous : mise en claire des messages. Et la réponse en lui donnée par illumination du coeur. Non point l'écrit, mais la chose même. Prise en son vif et dans son tout. Conservation non des copies, mais des originaux.*

Saint-John Perse. *Vents. III. 6.* (Gallimard).

Pense dans le moment. Toute pensée qui dure est contradiction.
Sois juste envers le moment. Toute justice qui dure est injustice.

Marcel Schwob. *Le Livre de Monelle.*
(Mercure de France)

Hâtons-nous; le temps fuit, et nous traine avec soi :
Le moment où je parle est déjà loin de moi.

Boileau. Épitres.

Nous ne sommes qu'un instant sur la terre.

Massillon.

Notre vie ne sort jamais de l'instant.

Louis Lavellle. Le Moi et son destin. IV. Réalité de l'instant. II.

Il se souvint d'une femme qui lui avait dit jadis : ÂAh! fou qui ne sait ceuillir l'instant!".

André Maurois. Les Roses de septembre. II. V.

Vivez, si m'en croyez, n'attendez à demain :
Cueillez dès aujourd'hui les roses de la vie.

Ronsard. Sonnets pour Hélène.

Trên đây là những tác giả sáng tác bằng Pháp ngữ. Có thể kể thêm một số ngòi bút viết với tiếng nước khác :

Il faut jouir de notre instant comme s'il durait toujours.

(Phải xem khoảnh khắc của chúng ta như miên viễn để mà hưởng thụ nó).

Ô Dieu! Toi qui nous fis mortels, pourquoi nous as-Tu donné la soif d'éternité, qui fait le poète?

Luis Cernuda. Tây Ban Nha. Bản dịch Marrast et Schulman, *in* Cernuda *La Réalité et le Désir* (Gallimard).

Ceuille par conséquent la rose en son éclat,
Car l'âge viendra vite déflorer son orgueil ;
Ceuille la rose de l'amour alors qu'il en est temps,
Alors qu'aimant toi-même, tu peux être aimé d'une même passion.

Edmund Spenser. Anh Cát Lợi. Bản dịch Reul. *La Reine des Fées.* (La Renaissance du Livre)

Saisis l'instant, sachant que chaque jour
De ton futur c'est un jour qui s'en va.

Muslah-al-Din Saadi. Ba Tư. Bản dịch Lazard. *Ghazal, in Iran* (Publications orientalistes de France).

Ah! qu'elle est belle la jeunesse

Qui s'enfuit, qui s'enfuit sans cesse!
À votre gré soyez en liesse :
Demain? Il n'est rien de moins sur

Laurent le Magnifique. Ý Đại Lợi. Bản dịch Monjo. *in La Poésie italienne* (Seghers).

Aujourd'hui est le meilleur d'hier
Si ce n'est encore la félicité.

Umberto Saba. Ý Đại Lợi. Bản dịch Burckhardt. *Félicité, in Italie poétique contemporaine* (Éditions du Dauphin).

Mangeons et buvons, car demain nous mourrons.

Saint Paul. Do Thái. *Épitres aux Corinthiens.*

Carpe diem quam minimum credula postero.
(Hãy hái ngày hôm nay và chỉ tin tối thiểu vào ngày mai)

Horace. *Odes.* Bản dịch Gouast. *in La Poésie latine (Seghers)*

Đó là thái độ của chủ nghĩa Épicure, thái độ *carpe diem* nổi tiếng trong văn học, triết học.

Qui recte vivendi prorogat horam,
Rusticus exspectat, dum defluat amnis.
(Kẻ nào hoãn lại khoảnh khắc sống sung sướng,
Cũng giống như những dân quê chờ đợi dòng sông ngưng chảy).

Và cuối cùng là Goethe, với lời thỉnh cầu nổi tiếng của Faust (*Faust*, Phần II, Chương V, câu 11581-11584) :

Zum Augenblicke durft' ich sagen :
"Verweile doch , du bist so schoen!
Es kann die Spur von meinen Erdetagen
Nicht in Aonen untergehn".
(Để nói cùng khoảnh khắc qua đi :
"Hãy trì hoãn lại! Ta ưa ngươi quá!
Những ngày ta sống trên trái đất
Lẽ nào lại tiêu vong vào hư vô".

Chẳng những các dân tộc khác đều có "những ám ảnh dằn vặt khắc khoải trước dòng đời, trước thời gian" mà họ còn..."*thăng hoa*"...lên thành những loại hình "nghệ thuật đậm đà bản sắc"..người.

Văn chương phản ảnh cuộc sống bằng ngôn ngữ. Nhưng nhà thơ không thể biểu thị thái độ khen chê, tình cảm yêu ghét thông qua việc xây dựng nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình, thông qua việc miêu tả cuộc sống xã hội rộng lớn như nhà viết tiểu thuyết, nhà soạn kịch bản.

Thông thường thi sĩ bộc lộ trực tiếp tình cảm qua bức tranh cuộc sống hữu hạn mà mình miêu tả, khiến cho tình cảm của mình chan hoà vào trong hình tượng, từ đó nảy sinh ra ý cảnh đầy sức truyền cảm. Tất nhiên những tác phẩm trường thiên ưu tú cũng có ý cảnh ở nhiều chỗ, nhiều đoạn. Nhưng dẫu sao, *ý cảnh* trong sáng tác dài hơi vẫn không thể có cái trực tiếp, cái nhạy bén như trong thi ca. *Ý cảnh chính là mệnh mạch của thi ca, là tiêu chuẩn tài hoa của thi sĩ*. Goethe, trong thiên tự truyện *Dichtung und Wahrheit* (Thi ca và Chân lý), bảo thơ của mình thường là *Gelegenheitsgedicht* (thi ca gắn với cảnh ngộ) và nhà thơ lớn nhất của dân tộc Nhật nhĩ man xem đó là "loại thơ hàng đầu và loại thơ chân chính nhất trong tất cả các loại thơ" (*die erste und echteste aller Dichtarten*). Vương Quốc Duy đời Thanh trong *Nhân gian từ thoại* cho rằng *hữu cảnh giới tắc tự thành cao cách, tự hữu danh cú* (có cảnh giới tự khắc trở thành cao cách, tự khắc có câu hay). Các nhà thơ đời Đường *particularly prize the chueh-chu because in it they can do surpassingly well what they so often try to do when writing verse - catch some small moment of experience and stop its passing for an instant* (1)(đặc biệt đánh giá cao *tuyệt cú* vì qua thể thơ nầy họ có thể thực hiện xuất sắc điều họ thường cố gắng đạt được khi làm thơ - nắm bắt một chốc lát ngắn ngủi của kinh nghiệm sống và ngăn chặn sự trôi chảy của dòng đời trong một khoảnh khắc). Nhà thơ sáng tác theo *tuyệt cú*, qua ngữ pháp và thể loại, khiến liên hội đến quyết tâm chống đối thời gian tàn nhẫn qua đi mà không bao giờ trở lại, khi nhất định khắc ghi cho kỳ được một chớp mắt tâm tình, một sát-na tâm cảnh. Cũng vì lẽ đó, *tuyệt cú* là thể thơ tâm đắc của kệ trong thi ca Thiền tông. *Tuyệt cú* ngắn gọn, súc tích, chặt chẽ, cô đọng, đậm đặc, bảo hoà rất phù hợp với chủ đích ghi lại một cách nhanh chóng nhất giây phút đốn ngộ, thời điểm xuất thần của nhà tu hành. *Tuyệt cú* chứa đựng những năng lượng trí tuệ tích tụ đến độ căng thẳng, có tác dụng to lớn khai ngộ cho những tâm hồn khao khát chân lý Phật giáo. Cho nên *kệ* thuở ban đầu được gọi bằng chính hình thức bố trí ngôn ngữ của nó, *tứ cú kệ* (kệ bốn câu). Cũng tương tự như vậy, trong tác phẩm mỹ thuật, các bức vẽ chim ưng bay, đàn ngựa phóng, con hươu chạy, nhóm cá bơi v.v.. thường vẫn là nắm bắt lấy động tác trong chớp mắt của những con vật liên hệ rồi phác hoạ thành hình. Về mặt bức vẽ là *tĩnh*, nhưng tinh thần và thuộc tính của cái *động* của chúng hiển lộ rất rõ. Hàm súc và thi vị đi đôi cùng nhau. Ý tứ sâu xa phong phú, tinh vi nồng nàn, vận dụng được hình tượng hoa lệ hữu hạn phản ảnh cuộc sống vô hạn phức tạp, biểu hiện được tư tưởng sâu sắc, giúp được người đọc liên tưởng tới một phạm vi rộng rãi bao la, đó là chủ đích của thơ *tuyệt cú* qua thể tài *kệ*. *Tuyệt cú/kệ* thông qua cảm thụ

trực tiếp của nhà thơ đối với cuộc sống mà bày tỏ tình cảm, rồi từ đó truyền lan sang giới thưởng ngoạn. Đó là lý do tại sao khi Mộ Dung Bác hốt nhiên "đốn ngộ" trong *Lục mạch thần kiếm* để chợt nhận ra rằng thứ dân, đế vương cũng đều là cát bụi, nước Đại Yên khôi phục được cũng là *không* mà chẳng khôi phục được cũng là *không* thì nhà sư già trong chùa Thiếu lâm liền đọc lên mấy câu *kệ* để khai ngộ cho họ Mộ Dung cùng Tiêu Viễn Sơn, vào tích tắc những con người này bước từ bể mê lên bến giác. *Kệ* là hình thức cấu trúc ngôn ngữ đặc thù để nói lên, trong một tích tắc và vào một đỉnh điểm, tư tưởng Phật học hay Thiền học. Trong tiểu thuyết Kim Dung, dù độc ác gian tà đến đâu, chỉ cần mấy câu *kệ* là kẻ sát nhân đã *ngộ* và thiền môn trở thành tụ điểm cho mọi cuộc đời sau những tháng năm chém giết : Tạ Tốn, Tiêu Viễn Sơn, Mộ Dung Bác v.v..Cho nên các thành ngữ *Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn* (Bể khổ không bờ, ngoảnh đầu lại là đã đến bến), *Phóng hạ đồ đao lập địa thành Phật* (Bỏ dao giết thịt xuống lập tức thành Phật) có thể được xem là những bài *kệ tục ngữ*, tức là một hình thức kệ còn đặc quánh về từ vựng và đàn hồi về ngữ nghĩa hơn cả *kệ tứ cú*. Chúng là những câu *kệ* của khoảnh khắc.

Người Trung hoa qua thi loại *tuyệt cú* đã nói lên "cảm thức văn hoá về cái tạm bợ mong manh", còn người Nhật bản thì có thể thơ *hài cú* để *"phát lộ một phương thức văn hoá đào sâu vào khoảnh khắc, cộng sinh cùng khoảnh khắc"*. Viết về thơ *hài cú* của Tùng Vĩ Ba Tiêu Thiền sư, Shuichi Kato trong *Geschichte der japanischen Literatur* (Lịch sử văn học Nhật bản), nhà Xuất bản Scherz, Bern, 1990, tr.323, nhấn mạnh đến *ihre starke Tendenz zur Konzentration auf das poetische Stimmungsmoment, den Eindruch des Augenblicks* [xu hướng mạnh mẽ tập trung vào (sự diễn tả) chốc lát tâm cảnh, nhắm vào ấn tượng của khoảnh khắc]. Thơ *hài cú* rất cô đọng, chọn lọc, chải chuốt; tình cảm thác ngụ được nén ép dưới áp lực tối đa của kết cấu ngôn ngữ. Nó là hình thức bố trí lời chữ gợi nhớ đến các hình thức nghệ thuật khác : điêu khắc tỉ mỉ, với những tác phẩm chạm trổ nhỏ xíu; hội họa khéo léo, với những bức tranh chỉ có một, hai nét phóng bút; kỹ xảo trang trí *bonsai*, với những tàng cây cổ thụ vi tế. *Hài cú* tiết kiệm âm tiết đến tối đa; nó kín đáo, ít nói. Nó là nghệ thuật lược văn, lược từ tinh luyện nhưng nó cũng là nghệ thuật gợi ý, dẫn khởi siêu đẳng. Kỹ xảo của nó là diễn tả điều không diễn tả được bằng cách không biểu cảm cảm xúc. Cảnh và tình được nó trình bày là cảnh và tình dành cho cả người làm thơ lẫn người đọc thơ. Mối tương tác tác giả-độc giả sâu sắc và gần gụi đến nỗi chỉ cần một vài chữ sàng đãi kỹ lưỡng, hai ba dòng phẩm bình chính xác là đủ để gây hoà đồng, để tạo tiếng dội, để đạt hồi âm, để phát sóng đồng cảm, tất cả trong một tâm

trạng sẵn sàng rung động dây đàn cùng điệu của người thưởng ngoạn. Nghệ thuật hài cú nương tựa vào bí quyết kích thích trí tưởng tượng của hồn thơ mẫn cảm và hoà hợp. Trầm tư đòi hỏi yên lặng nhưng thơ hài cú chưng cất trầm tư thành một tiếng thở dài thì thầm hay một lời than hầu như không nghe nổi. Bài thơ nổi tiếng nhất của Ba Tiêu Thiền sư, được nhiều người coi là bài *hài cú* hay nhất của ông (2), là :

Furu-ike ya
Kawazu tobikomu
Mizu no oto

Nguyên tác có những chữ Hán *cổ trì* (ao cũ), *oa phi* (ếch nhảy), *thủy âm* (tiếng nước). Bản dịch tiếng Việt của Nhật Chiêu đăng trên Văn Học số 134, tháng 06.97, tr. 20 :

Ao cũ
Con ếch nhảy vào
Vang tiếng nước xao.

Có nhiều bản dịch bài thơ nầy sang tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức. Bản của W.G.Aston tạm chuyển được khung và ý thơ :

An ancient pond !
With a sound from the water
Of the frog as it plunges in.(3)

Nội dung bài *hài cú* có thể được diễn dịch bằng tưởng tượng như sau : nhà thơ/nhà sư đứng trong một ngôi chùa hoang vắng, cô tịch, tiêu điều, bên cạnh một cái ao hiu quạnh, điêu tàn, thê lương; không có bóng người qua lại; bao quanh ao là những tàng cây cổ thụ cao ngất, già lão, đứng yên lặng soi bóng xuống ao; gió không thổi, lá không rung; toàn cảnh chìm trong tịch liêu câm nín, nhưng là một cảnh tịch liêu câm nín trang nghiêm, long trọng, đồ sộ, đẹp đẽ. Không có sinh hoạt, không có chuyển động, nhưng vẫn có đời sống của vũ trụ, vẫn có hơi thở của thiên nhiên. Bỗng nhiên sự yên tĩnh mộng mơ tuyệt vời bị phá vỡ đột ngột vì có con ếch nhảy phóc xuống ao : thiên nhiên *thốt nhiên* thốt lên lời. *"Khoảnh khắc"* đã được *"tâm thức"* Nhật bản ghi nhận một cách thực là hoa lệ.

Tóm lại và nếu biết rằng *kệ* mang tên khai sinh là *già đà* thì cùng với *tuyệt cú, hài cú*, nó "phản ánh cái tâm thức ám ảnh bởi thời gian và sự thích ứng mỹ học với cái nhất thời cái tạm bợ" hình như chẳng đến nỗi tệ. Đương nhiên tâm thức nói ở đây không phải của người Việt mà của người Ấn, người Tầu, người Nhật. Còn người Âu, người Mỹ? Họ có chủ nghĩa *ấn tượng*, nó là một quan niệm nghệ thuật chú trọng diễn tả ấn tượng của sự vật gây ra đối với cảm giác chủ quan; thường nắm bắt một "dấu in" bất chợt, một cảm giác cá nhân, một cảm tưởng thoáng qua (ánh sáng, màu

sắc, cảm xúc tinh tế), không miêu tả chi tiết rành rẽ của hiện thực. Và như vậy không phải chỉ trong thi ca mà cả trong hội hoạ.

Ngoại giới lên tiếng, ngoại giới ra dấu. Hồn thơ tiếp thu, hồn thơ ghi khắc. Hồn thơ phải nhạy bén để thấu hiểu tiếng nói từ thiên nhiên, phải nhậm lẹ nhằm tiếp thu tín hiệu của tạo vật, phải nắm bắt lấy cái thoáng qua, cái chớp nhoáng, cái chốc lát, cái nháy mắt, cái tức thì, cái giây phút, cái sát-na, cái "khoảnh khắc". Bàn về mỹ học của Goethe, Arsène Chassang và Charles Senninger trong *La dissertation littéraire générale*, Tome 3, Nhà xuất bản Hachette, Paris, 1992, tr. 91 cho rằng *"Son esthétique est une esthétique de romantique qui privilégie la vie et ses instants"*. (Mỹ học lãng mạn đề cao cuộc sống và các khoảnh khắc của nó). Còn giới làm thơ Trung hoa? P.Carré và Z.Bianu trong *La montagne vide*, Nhà xuất bản Albin Michel, Paris, 1987, tr. 13, nhận định: *Le poète chinois combine les figures d'un stock d'images limité pour fixer, dans son infinie diversité, la particularité de l'instant* (...) (khắc ghi nét đặc thù của khoảnh khắc).

Rất nhiều nhà thơ nhà văn trên khắp thế giới chú trọng diễn tả một cảm giác chủ quan, một cảm tưởng thoáng qua như thế. Nghệ sĩ dồn sức biểu đạt những ấn tượng mạnh mẽ và trực cảm về đối tượng mô tả, về sát-na tâm cảnh. Thi sĩ hay họa sĩ, dù ở địa phương nào hay vào thời đại nào, cũng có người khắc ghi đối tượng hay tô vẽ tranh ảnh theo những nét tách biệt mà nghệ sĩ nắm bắt được qua những ấn tượng chốc lát, mà nhãn quan chụp hình được trong một cú bấm máy chớp nhoáng. (Song khi quan sát bao quát chỉnh thể thì lại vẫn có thể tìm thấy tính thống nhất và mối liên hệ kín đáo của các ấn tượng, các tấm hình). Nhà thơ, nhà vẽ có thiên hướng chấp nhận rằng cái có giá trị hiện thực duy nhất chỉ là cái thoáng qua, rất khó nắm bắt được, không thể diễn đạt được bằng bất cứ cái gì, ngoại trừ cảm giác.

Đó là điều William Cullen Bryant qua thi phẩm *The Poet* (Nhà thơ) tâm đắc :

Seize the great thought, ere yet its power be past,
And bind, in words, the fleet emotion fast.
(Hãy nắm bắt lấy tư tưởng lớn trước khi ảnh hưởng của nó qua đi,
Và dùng từ ngữ để kết liên chặt chẽ cảm xúc thoáng hiện).

Mà tất nhiên điều đó thì vốn chẳng liên quan gì đến "lịch sử thăng trầm biến động liên miên trong thân phận nhược tiểu" v.v..và v.v..❐

Bonn, đúng ngày bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm.

(1) William Mc Naughton.- *Chinese Literature. An Anthology from the earliest times to the present day (Văn học Trung hoa.* Hợp tuyển từ thuở ban sơ đến hiện đại). Charles E.Tuttle Company. Tokyo. 1974. p.342.

(2) Dr.Karl Florenz.- *Geschichte der japanischen Literatur (Lịch sử văn học Nhật bản).* Zweite Ausgabe. K.F.Koehler Verlag. Stuttgart. 1969. S.450.

(3) W.G.Aston.- *A history of japanese literature (Lịch sử văn học Nhật bản).* D.Appleton and Company. New York. 1899. p.28.

NHỮNG SÁCH DO TẠP CHÍ VĂN HỌC XUẤT BẢN

Tạp chí Văn Học tuyển chọn những tác phẩm giá trị của các văn hữu cộng tác với Văn Học để xuất bản và giới thiệu cùng bạn đọc. Sau đây là những tác phẩm bạn đọc cần tìm mua:

Thơ Khoa Hữu
Thi tập của Khoa Hữu
Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK
Tôi cùng gió mùa
Thi tập của Nguyễn Xuân Thiệp
Văn Nghệ phát hành, giá 12 MK
Những bài văn sử
cuốn sách mới nhất của Tạ Chí Đại Trường
dày 200 trang, in đẹp và trang nhã, giá 10 MK
Viết và Đọc
Tiểu luận phê bình văn chương
của Trần Hữu Thục (Trần Doãn Nho)
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK
Trong mê cung
Tập truyện ngắn của Nguyễn Trung Hối
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

Xin liên lạc **Nhà xuất bản Văn Nghệ**
PO Box 2301 Westminster CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761

Limbô

CUNG TRẦM TƯỞNG

Fou ne puis, sain ne daigne, névrosé je suis
Roland Barthes

Ngủ chập chờn miền trượt trơn
Cái lênh đênh đính nhớt nhờn lưng vai
Ngủ la đà mùi bố gai
Buốt tê trận gió bấc gài hấm hiu
Ngủ dây da nám tiêu điều
Máu xương mòn dã nhuốm nhiều suy vi
Ngủ lầm lì mặt môi
ướp đông nhân sự, ù lì thế gian
Ngủ tung tan, ngủ tụm tàn
Mắc buông heo hút làm màn che thân
Ngủ chân trơ dán trụi trần
Nghiêng tai bắt lấy băng tần hư vô
Ngủ phong thanh phượng (1) huyễn hồ
Mõ côn trùng gõ nam mô gọi hồn
Ngủ đôi giờ, khờ khạo luôn
Lách lau thiu nguội, bờ dồn khép quên
Ngủ gieo loang sóng lền lền
Suối co quắn cánh tay sền sệt lôi
Ngủ thu phông cám ơn đời
Đã cho lòng nếm lắm hồi chèo chua
Ngủ cọ kì hận già nua
Đêm dêm sống rõn chết dùa cũng hay
Ngủ vô tâm vấp quàng người
Chiều xăm khuất mặt huơ tay tiễn chờ
Ngủ cạn hồn còn ngẩn ngơ
Hà vào hổ phách bây giờ phù vân.

Hoàng Liên Sơn 1978-Minnesota 1998
(1) Chim phượng

Vài nhận xét về Thế giới văn chương của Hồ Trường An

Võ Kỳ Điền

....Tôi là một người nhiều ham muốn và khá tò mò, và tôi tin rằng nhiều độc giả cũng có cái tánh nầy, hể đã đọc tác phẩm nào mà mình yêu thích thì bất cứ điều gì liên quan tới tác giả mình cũng muốn biết hết, mà phải biết cho thật rõ mới chịu (cũng như khán thính giả tò mò muốn biết đời tư của các tài tử, cải lương, điện ảnh, cầu thủ đá banh vậy). Nhớ lại những năm về trước có lần tôi viết thơ cho Hồ Trường An (HTA) : "Chơi với bạn lâu lắm rồi, mà hình dáng của bạn ra sao tôi không hình dung ra được, mấy hình đăng trên sách báo, cái thì mập, cái thì ốm, mắt mũi không rõ nét...khi nào rảnh làm ơn gởi cho vài tấm chụp thiệt đàng hoàng, để xem coi dung nhan mùa hạ (hay mùa thu ?) của bạn ra sao..."

Sau đó tôi liền nhận được ảnh của An chụp chung với nhiều bạn ở bên Tây, trong đó tôi thấy có chị Nguyễn Thị Vinh... Trong hình, thấy ba bốn người đàn ông trạc tuổi trung niên, ông nào cũng giống nhau vì đen thui, cũng bụng bự bự, không đoán được HTA đứng ở giữa hay ở bìa. Thôi đành ngắm cô trẻ trẻ đứng gần chị Vinh vì cô nầy ốm, cao thon và đẹp ơi là đẹp, trong bụng vẫn còn thắc mắc không biết HTA là ông đen nào trong hình, dĩ nhiên cũng tò mò muốn biết cô trẻ đẹp đó (sau nầy biết tên là Mỹ Nương) quen với bạn mình ở mức độ nào, có thân thiết nhau không, biết đâu chừng ...

Nhớ có lần học giả Lâm Ngữ Đường đã nói «Một người biết đọc sách xét kỹ tác giả từ trong ra tới ngoài như người ăn mày lật áo ra để tìm rận. Một số tác giả luôn luôn kích thích độc giả như một chiếc áo đầy rận của người ăn mày. Ngứa ngáy là một cái thú trên đời.» Đó là ông nói về điểm thích thú của người đọc. Tôi cũng là một trong hằng ngàn độc giả có được

cái thú đam mê đọc sách đồng thời là một người bạn bút mực khá gần gũi của HTA trong giai đoạn phôi thai của nền văn học hải ngoại vào thập niên 80, nên chuyện tìm hiểu HTA là một ngứa ngáy đầy thú vị.

Tôi sở dĩ nói lòng vòng như vậy vì tôi mê văn HTA, muốn biết rõ con người HTA và cố gắng tìm tòi nét đặc biệt nào trong bút pháp mà anh đã tạo nên tên tuổi và tìm được một chỗ đứng vững vàng trong văn đàn hải ngoại nầy. Nhìn cái cây xanh trĩu lá hoa ta phải thấy được bên dưới lớp vỏ nâu sần sùi, luân lưu đầy mạch nhựa non tươi mát. Cây hết nhựa hay không còn chút nhựa nào thì chỉ còn dành cho lò sưởi... Cũng vậy chất liệu quí báu để nuôi cây tươi tốt là nhựa non bổ dưỡng, còn chất liệu để nuôi một tác phẩm nghệ thuật là bút pháp và khí hậu ấm áp của nó, cũng như máu nóng đối với cơ thể. Máu là điều kiện ắt có nhưng chưa đủ, muốn đủ là phải nóng, điều nầy cần thiết hơn. Cũng vậy muốn trở thành nhà văn phải chú ý đến trước hết là bút pháp và khí hậu của tác phẩm mình tạo ra, tức là cách viết đặc biệt của riêng mình. Với một nhà văn, không có lời nhận xét nào thê thảm hơn khi bị phê bình là cách viết nầy giống giống nhà văn nào đó. Viết văn mà giống người khác là mới tập viết, còn ăn đậu ở nhờ nhà người chớ mình chưa có nhà riêng. Phải cất nhà riêng cho mình, dù nhà lá hay là biệt thự, phải là do mình tạo ra. Nhà không có nóc, phải nương tựa vách nhà hàng xóm thì chỉ là cái chòi...

Trước hết tôi muốn nói đến khí hậu ấm lạnh của bài văn, đó là cái vốn căn bản để làm văn chương nghệ thuật. Muốn trở thành một tác phẩm, bài văn phải ấm áp, đầy nhiệt tình. Dù kỹ thuật có hay, cách viết có khéo, tư tưởng có cao, chữ dùng có đạt mà khí hậu lạnh tanh thì xấp giấy có chữ viết tèm lem đó phải chịu nằm ở xó kẹt nhà kho chớ không phải được đặt trên kệ sách quí.

Nhưng làm sao để tạo sinh khí cho câu văn? Cũng như Chúa Trời tạo ra loài người, Chúa phải chịu khó thổi hơi nóng cho hai người đầu tiên được nặn bằng đất sét. Nếu không truyền cho một ít hơi nóng tự bản thân của Chúa thì người chỉ là một cục đất sét có mặt mũi tay chưn nhưng không nhúc nhích. Có nhiều cách tạo hơi nóng cho tác phẩm, có tác giả dùng đối thoại dí dỏm, hoặc đốp chát tưng bừng gây cho người đọc cảm giác tươi vui, có tác giả quan sát tỉ mỉ, phân tách chi li khiến độc giả ngạc nhiên nhảy dựng lên, có tác giả kiêu kỳ, khinh bạc ngông nghênh, có tác giả thiệt thà, chất phác, bình dị, có tác giả ba trợn, ngang tàng, mỗi người là một sắc thái riêng tư, không ai giống ai... Nhà văn là Thượng đế đầy quyền uy với nhiều chất liệu sáng tạo, phải biết tận dụng cách thức riêng

để tạo sinh khí cho tác phẩm mình.

Riêng HTA, tôi vẫn thường thấy anh tạo hơi nóng cho tác phẩm, là trong khi sáng tác, coi độc giả như người bạn thân tình để chia xẻ những buồn vui, cùng nhau tâm sự, rồi lần lần đi đến nhiệt tình. Thế giới văn chương HTA không phải là thế giới nghiêm trang của nhà thờ hay chùa nơi đó tác giả khoát bộ mặt ông cha hay thầy tu để giảng đạo mong cứu vớt kẻ tội lỗi hoặc khổ đau, cũng không phải là trường học để thầy giáo phô trương kiến thức uyên bác, giảng bài dạy dỗ cho học trò là độc giả nghe, cũng không phải là chiến trường để cho tác giả múa may tung hoành, phô diễn những âm mưu lừa lọc, xảo trá, ca tụng thù tạc, cũng không phải là chợ búa mua danh bán lợi ồn ào để tác giả và độc giả giành giựt từng mớ chữ nghiã, cũng không phải là thế giới của người thành thị giả dạng quê mùa hoặc ngược lại...

Thế giới văn chương của HTA là thế giới của những người bạn thân tình, cùng chung những đau khổ và hạnh phúc, cùng an ủi và chia xẻ. Anh đã viết ra như vậy và đã sống thực như vậy. Độc giả từng đọc truyện của An, bạn bè từng giao tiếp với An, thân cũng vậy, mới quen quen cũng vậy, An đều coi như bạn thâm giao, đem hết trái tim cùng ruột gan ra mà cùng nhau chia xẻ buồn vui, không mảy may dè dặt, thủ thế ...

Ở tác phẩm HTA, bất cứ cuốn nào, bài nào, thì độc giả cũng thấy ở mỗi chữ, mỗi câu, mỗi thiên, mỗi tiết, ngay cả ở cách đặt tựa của những truyện ngắn, truyện dài, là những lời thủ thỉ tâm tình của tác giả và độc giả. Như có lần trong một bài tạp ghi viết về những sinh hoạt văn học nghệ thuật ở Montréal nầy, bạn đọc đã ngạc nhiên khi thấy cái tựa đề lạ lùng «Montréal, một thành phố hãy còn trong mường tượng». Chỉ với mấy chữ mà HTA nói được biết bao nhiêu điều, muốn kể cho bạn đọc nghe anh như đang mơ mộng về một phương trời Montréal xa thẳm, ở đó đang có những người bạn văn, đang chơi trò chơi chữ nghiã, có lẽ rất tưng bừng, phải chi một ngày nào mình đến đó... HTA đã viết và độc giả theo dõi.

«Chuyện miệt vườn», «Chuyện quê Nam, «Lúa tiêu ruộng biển» «Đêm chong đèn»,. «Tạp ghi xanh, «Lá thư mùa thu « «Trên dải tân bồi».. nói chung những tác phẩm của HTA toàn là những câu chuyện riêng tư vụn vặt của một người bạn là tác giả rù rì rủ rỉ, kể lể cho bạn hiền, là độc giả nghe, y như hai người bạn thân đang nói chuyện với nhau, ngồi xổm ở quán cóc hay vĩa hè, bên một liếp rẫy hay trên một bờ mương rong rêu,

bên chiếc cà ràng đất đầy tro bụi,... tất cả xuất hiện trong một không khí đầy ấm áp và nhiệt tình. Họ nói với nhau cái gì vậy? Có gì lớn lao đâu, toàn là chuyện cà kê dê ngỗng, như chuyện con mẹ nầy thương thằng cha kia, chuyện bà hàng xóm kia đánh ghen bà láng giềng nọ, chuyện bếp núc làm tôm làm cá, cách kho thịt làm sao cho ngon, cách phi hành sao cho thơm, về quần áo thì thứ lãnh nào đẹp, loại xuyến nào bền, may mặc đường kim mũi chỉ sao cho khéo, cách trang điểm của mấy cô mấy bà, với các lớp kem lót mặt hiệu nào, làm sao cho da được mịn,... Những người bạn độc giả nầy cũng dễ tánh, ai nấy đều xuề xoà, khi thì lắng nghe kỹ lưỡng, khi thì lim dim mắt nhắm mắt mở, nhiều khi giựt mình ngơ ngác hỏi, bạn kể tới đâu rồi, hình như vụ đánh ghen đó, vụ kho cá bóng kèo, rồi vụ nấu canh rau đắng, rau ngổ, rau tập tàng, vụ ma nhát ở Đồng Chó Ngáp... lần trước đã kể rồi mà.

Tác giả cũng với nụ cười hịch hạc dễ dãi, có gì đâu mà bạn đọc phải bận tâm, cứ yên lòng mà nghe kể tiếp. Hình như đức Phật có lần nói, đừng cho chuyện gì là quan trọng, đừng để tâm vướng mắc, cứ buông bỏ hết đi, thì sẽ đạt được hạnh phúc ngay trong cõi đời nầy. Đời tự nó đã khổ rồi, tại sao lại phải dằn vặt khổ thêm. Văn chương phải làm cho đời thêm tươi mát đẹp đẽ hơn, đừng nhắc chi chuyện buồn rầu...mệt lắm.

Thử coi cho kỹ trong đống tác phẩm hàng ngàn quyển đã in ra, nhà văn nhà báo nào cũng nói thương yêu quí mến độc giả mà ai lo lắng chăm sóc độc giả kỹ lưỡng bằng HTA không? Tại sao bằng chữ nghiã có sẵn, mình không dọn cho độc giả những mâm thịt cá ê hề, mời họ ăn cho ngon, thêu may quần áo toàn bằng lụa là để họ mặc cho đẹp, rồi chịu khó dẫn cả nhà đi coi hát bóng, coi cải lương, lắng nghe họ cãi nhau cho đã đời rồi nhìn họ yêu nhau thắm thiết... HTA cắt nghiã rõ cho bạn đọc nghiã đen của chữ *tiểu thuyết*, *tiểu* là nhỏ mà *thuyết* là lời nói hay câu chuyện. Đó là viết những chuyện vụn vặt để thể hiện được cái quan trọng là cõi lòng tốt đẹp, trong sáng, dịu dàng, cái tình cảm nhân hậu của con người đối với con người thương mến nhau. HTA đã gởi gấm và đã được độc giả chia xẻ trong niềm tương thân tương ái, ấm áp thân tình.

Như đã trình bày, trong văn giới có tác giả thâm trầm mà khinh bạc, người sắc sảo đến độ chi li, người thì phù hoa óng chuốt, có người ngông nghênh bất cần đời, người mộc mạc chất phác, người thì thô kệch...tất cả đều phải thể hiện nét sắc sảo, ly kỳ của ngòi bút mong đạt tới nét độc đáo tài hoa của mình, điều đó khó mà dễ. Nhưng với cách viết giản dị tươi

sáng, mà tạo được sự ấm áp thân tình hầu như hiếm lắm và ít người đạt đến được như HTA, tưởng dễ mà thật khó. Một học giả có lần đã nói: "Cá tươi không cần gia vị vẫn nấu được món ăn ngon, còn cá ươn thì phải thêm mắm muối càng nhiều càng tốt...."

Coi độc giả như bạn thân, HTA đã làm được nhưng chưa đủ, các tác giả nữ công gia chánh, nhà báo gỡ rối tơ lòng, trả lời thơ tín, rõ ràng họ đâu phải là nhà văn. Cũng vậy những vị học lực thâm sâu, kiến thức quảng bác, bằng cấp cao tột, cũng không phải là nhà văn, họ chỉ là những học giả nổi tiếng. Muốn là nhà văn, như có lần, Mai Thảo đã nói, phải là người giàu có, tha hồ tiêu xài chữ nghiã. Mai Thảo nói gì mà rắc rối khó hiểu quá vậy...? Nếu chịu khó suy nghĩ thì đúng thiệt, ông ta nói là làm. Mai Thảo vốn là tay ăn hoang tiêu rộng, phung phí chữ nghiã vì quá sức giàu có. Quả thật, ngôn ngữ là để diễn đạt tư tưởng, tình cảm. Vốn liếng của nhà văn là ngôn ngữ, nếu ngôn ngữ nghèo nàn, khô cạn, héo khô, ngọng nghịu...thì làm sao mà trao đổi, làm sao mà bàn bạc, diễn đạt. Giàu chữ nghiã có nhiều cách hiểu. Muốn diễn tả một ý niệm, nhà văn có thể dùng rất nhiều từ để diễn đạt, dùng nhiều cụm từ phụ thuộc như tĩnh từ (adjectif), trạng từ (adverbe) làm đậm đà thêm ý muốn nói. Đó là cách thường dùng của các nhà văn Tây phương. Câu văn nhờ đó mà trở nên đẹp đẽ, mỹ miều, tinh tế và nhứt là diễn đạt được tới cùng tận chỗ chi ly, sâu kín nhứt của lòng người. Cách ngược lại là cũng có thể dùng vài từ mà diễn đạt được nhiều ý, để độc giả tuỳ trình độ học thức và thưởng ngoạn, tự nghiền ngẫm thấm thía cái thú vị riêng tư (như cách của các nhà văn Trung Hoa).

HTA đã áp dụng được cả hai cách nhuần nhuyễn. Tuy anh học ngành Dược nhưng khả năng hiểu biết và kiến thức văn chương Việt Nam và thế giới khá cao, anh đọc rất nhiều sách và trí nhớ phải nói là như máy điện toán. Trong những thơ từ qua lại, nhiều khi tôi phải sững sờ tự hỏi làm sao An nhớ nổi các mẩu chuyện vụn vặt xảy ra ở một góc phố nào đó, vào một thời điểm xa lơ xa lắc của quá khứ. Vậy mà HTA đã nhớ rõ mồn một, kể lại từng chi tiết, tên tuổi tỉ mỉ có ngọn có ngành không sai sót... Chúng ta thử đọc vài đoạn hầu coi mức giàu có trong kho tàng ngôn ngữ miêu tả của anh:

«Răng năm nào của tôi tuy hô tuy vẩu nhưng vẫn xước mía thật tài tình, nhai ổi ngau ngáu. Mắt tôi tuy hí năm nào hễ khi nhắm mắt ngủ một giấc thoải mái trong veo. Giờ đây bốn chiếc răng giả xinh như hạt lựu, ngời sắc men mịn bóng, dẫu tôi có giận ai, chửi ai thì dám chửi chớ không

đám cắn. Mắt tôi thụt sâu để gương mặt tôi sáng hơn, nhưng đôi mắt ấy biết bao đêm mở dài tráu tráu trong bóng đêm vì mất ngủ, và hễ khi tôi nuốt thuốc ngủ vào, đôi mắt vừa nhắm là thấy ác mộng, dị mộng nườm nượp kéo về. Kiệt (Kiệt Tấn) nhắc lại đôi mắt cũ, hàm răng cũ của tôi, nhưng làm sao hắn trả lại cho tôi hai thứ quí báu đó để tôi nhai xương gà, cạp bắp, gặm giò heo, nhai khô mực, để đêm đêm nhắm mắt là ngủ một giấc êm suông sẻ, óng chuốt.»

Hoặc trong Chân Trời Lam Ngọc: «Hôm đó chị mặc chiếc áo dài màu rêu sẩm nổi hoa xám bạc. Màu sắc rất chìm, rất nguội nhưng rất trang nhã. Đặc biệt nhất là chiếc khăn choàng hiệu Pierre Cardin màu đen nổi vạch màu hoàng kim, màu xanh lân tinh và màu đỏ yên chi làm cho màu áo khiêm tốn và màu son phấn tranh điểm kín đáo của chị nổi bật xôn xao hẳn lên. Tôi có bảo một anh bạn: bà Diệu Tâm hôm nay chơi trội màu sắc quá.»

Qua hai đoạn ngắn trên chúng ta thấy tác giả dùng nhiều danh từ, nhiều tĩnh từ khiến phong cảnh, nhân vật đầy màu sắc lung linh và hình ảnh tràn đầy. HTA thường viết như vậy và lối viết đó trở thành thói quen. Anh phóng bút thoải mái, nghĩ sao viết vậy không sửa đổi, trau chuốt gạn lọc, nhờ vậy nên văn rất tự nhiên. Độc giả chỉ cần đọc vài câu và biết ngay tác giả là ai, không hề lẫn lộn hoặc sai lầm qua người khác. Đám đông quần chúng dễ đón nhận và cảm thấy gần gũi vì chuyện xảy ra y hệt cuộc sống bình dị hằng ngày.

Nhưng đôi khi HTA cũng dùng cách thứ hai, "đạt ý ở ngoài lời" của Trung Hoa. Đó là khi anh cố ý làm văn, khi viết thì câu văn ngắn gọn, chữ nghiã đơn giản, không nhiều tiếng phụ thuộc rườm rà, nhưng gây nhiều hình ảnh. Hình ảnh được tác giả cố ý tạo ra và được độc giả tưởng tượng thêm.... Một lần trong Lá Thư Mùa Thu (11.1984) HTA đã than thở:

"Giờ, Troyes đối với tôi là đất trích. Nhưng đất trích nầy đẹp quá, không có « lau vàng trúc võ nẫy mầm quanh hiên» như cảnh đất trích của nhà thơ Bạch Cư Dị. Nhưng tôi biết, bắt đầu giữa thu, cây sẽ trụi hết lá, cảnh vật sẽ buồn thảm, bầu trời thường thấp xuống và phủ mây màu chì. Có thể là vào đầu thu ở đây đẹp. Lá vàng như còn rạo rực ánh rạng rỡ. Vào buổi sáng hay buổi chiều, sương lam mỏng vương vất từ từ chòm cây khóm lá. Vào chơi trong rừng thu như vào cảnh mộng, đến khi trở ra xe thì áo măng tô đã ẩm nước» .

Thử phân tích đoạn văn ngắn nầy thì thấy ngay văn tài của HTA. Chúng ta hay bất cứ ai cũng có thể tả cảnh mùa thu có có lá vàng, có mây đen màu chì, có sương lam mỏng, có khí trời ẩm đụt, nhưng với tất cả đường nét đó không nói lên được điều gì, đó là những đường nét chết, miêu tả một cảnh vật không sinh khí...Chỉ thêm vào mấy chữ cuối dòng, HTA đã làm cho mọi sự sống động. Tác giả không chỉ vẽ hình ảnh một người lạc loài bơ vơ nơi đất khách, sống hiu quạnh thê lương qua hình dáng bên ngoài mà còn vẽ được trong cõi lòng cảm nghĩ nữa. Con người lưu lạc đó cũng biết tận hưởng cảnh đẹp như mộng đang có của phương trời Tây. Cái không khí mùa thu đất Pháp bàng bạc qua văn của Anatole France với hình ảnh chú bé lưng mang cặp sách, nhảy chân sáo tung tăng buổi tựu trường đầu thu ngang qua công viên Luxembourg, lãng đãng với không khí mùa thu Tô Châu, Hàng Châu của Trung Hoa thời xa xưa...Thi hào Tô Đông Pha đời Tống đã viết lời kết trong Tiền Xích Bích phú....»khi đồ nhắm hoa quả đã hết, mâm bát bỏ ngổn ngang, cùng nhau gối đầu mà ngủ ở trong thuyền, không biết vầng đông đã sáng bạch tự bao giờ. (hào hạch ký tận, bôi bàng lang tạ, tương dữ chẩm tạ hồ chu trung, bất tri đông phương chi ký bạch)

Người xưa say mèm giựt mình thức giấc, bất giác thấy vầng đông đã sáng bạch. Người nay tuy đang dạo chơi rừng thu - khi trở ra xe thì áo măng tô đã ẩm nước. Hai trạng thái thức ngủ tuy khác mà cảm giác như một. Độc giả cũng bất giác, ngạc nhiên sững sờ thú vị. Viết ngắn gọn được như vậy là tuyệt bút. Đâu cần phải có câu chuyện ly lỳ, tâm sự éo le, tư tưởng siêu tuyệt,... mới là văn chương.

Còn bao nhiêu điều chưa khám phá trong thế giới văn chương HTA? Tôi tin là nhiều lắm nhưng do tình cờ đọc lại xấp thư cũ bạn gởi cho, đâm giựt mình. Một ngày cuối thu năm 1993 An đã viết «Viết về HTA, xin bạn đừng nên, việc gì phải quậy lên cho độc giả chú ý. Tôi khác mụ X...ở chỗ đó, không quá khiêm tốn để tự hạ mình, không quá hách xì xằng, không khua động...Cố viết sao cho anh em bằng hữu vui, rồi mình cũng vui theo là được. Mà Điền tin đi, hễ mình vui là độc giả vui lây...»

HTA đã viết rành rành như vậy mà thiệt tình, tuy tay tôi không cầm bầu rượu nắm nem mà cũng vì mãng vui nên đành quên mất lời anh dặn dò. Trong mớ trí nhớ hỗn độn mù mờ, chợt nhớ hai câu thơ của một người bạn gái:

Người đã nói rồi hay chưa nói,

Tiếng suối giao mùa
KHÁNH HÀ

Sân nhà tuyết vừa tan
Anh thảo nở vội vàng
Từng đóa hoa cười mỉm
Nghiêng nghiêng đón nắng vàng

Mấy búp xanh vừa chớm
Trên cành cây trơ xương
Con suối nhỏ ven đường
Chạy tìm ai hối hả

Ôi một con suối lạ
Từ giấc mộng xa xôi
Xác lá vàng trôi nổi
Có chở hộ hồn ta

Bỗng đưng mà nhớ nhà
Ở một kiếp nào xa
Có chiều vàng đứng đợi
Suối chở thuyền ra khơi

Người có nghe tiếng suối
Từ giấc mộng xa xôi
Giữa cõi đời im lặng
Hình như chỉ còn tôi...

Người đã nói rồi hay chưa nói ra...

Quả là mấy ông bà làm cái nghề thi sĩ, văn sĩ thiệt rắc rối, nói tới nói lui, vòng qua vòng lại không ai hiểu gì hết trơn. Thực sự đến giờ phút nầy, cũng không biết tôi đã nói được chút ít gì về văn tài HTA, người bạn văn sĩ thân tình của tôi chưa. Thôi đành kể như là có nói mà chưa hết ý... ❐

Đường Lên Xứ Lạng
CAO XUÂN TÚ

Hì hục đoàn tàu bò lên xứ Lạng
Chiều mật ong lịm vàng ngọn sóng
Kỳ Cùng sông ơi kỳ cục
Chảy ngược về xứ các chú con trời
Đây lũng ngàn biên giới
Lưng đồi thắt dải lụa xanh
Xanh rét rừng xanh áo Tày
Xanh mắt nàng Tô xanh thầy mo
Xanh cả tôi buổi chiều quan tái
Đây miền xôi đậu hai nước anh em
Răng với môi mấy phen tóe khói
Đường qua ải quan
Trạm cống sinh một thời
Người vàng ngà voi sừng trâu
Thầy tăng châu báu ngọc trai
Ông sứ thần nốc cạn chén bôi
Đánh ngã câu thơ còn tươi nét chữ
Đường Động Đình thấp thỏm
Nào ai biết ngày về
Hỏi đâu ngài Nguyễn Nhược Pháp ơi

Em ba lô liếc bản đồ
Hê lô China
Rồi lăn ra ngủ

Nhắc chi chuyện ngày xưa
Phên dậu An Nam giờ phết vôi mới
Xe thồ xe máy xe ôm tưng bừng qua lại
Đồ đồng thiếc nhôm linh kinh chát tai
Nhét vài cân á phiện cho oai
Lân la chợ Kỳ Lừa
Dăm ba ghế nhựa
Ka ra ô kê kèm đặc sản nai tơ
Quán em hết Ken (1) chỉ còn Bảy Úp (2)
Chị chờ ngoài anh vào chơi một lúc
Mấy đô thôi
Thôi em ơi

Đêm Đồng Đăng gió ngứa mùa trở Bấc
Đốt xương bắt nhịp đồng cậu đồng cô
Một thoáng xì ke
Vài chấm lửa vật vờ ma xó
Ma trơi ma cà bông lùng săn bát phở
Gót dày lấm bùn đường mương đất đá
Làm tôi bỗng nhớ
Một mảng ngoại ô Hà Nội
Mới hôm qua sau cơn mưa vội
Một tối tắt đèn

(1) tác giả tập thơ Ngày Xưa về chuyện đi sứ
(2) Ken: bia Heineken, Bảy Úp: nước Seven Up

Nhận định Sống và Viết...

Ngô nhựt Tân

Gần đây, bài "Sống và Viết như những người lưu vong" của Nguyễn Hưng Quốc (NHQ), đăng trong Việt số 2 năm 1998, phát hành tại Úc châu, đã gây tranh luận sôi nổi trong giới văn học. Những sôi nổi này, bênh vực anh cũng có (Tranh luận về một thái độ tranh luận đối với những đề tài văn học lưu vong của Hoàng Ngọc Tuấn đăng trong Văn số 24), mà không đồng quan điểm với anh cũng có (Đàm luận với nam bán cầu của Thế Uyên đăng trong Văn học số 155 và Bi kịch Việt nam hải ngoại: "Một bi kịch văn hóa"? của Trùng Dương đăng trong Văn số 21). Để tìm hiểu nguyên nhân nào bài viết của Nguyễn Hưng Quốc đã khiến gây sôi nổi, đến nay vẫn còn âm ỉ, trong giới văn học, tôi đã phải dành chút thì giờ để đọc lại nhiều lần bài viết của anh.

Và sau đây là nhận xét cũng như ý kiến của riêng tôi về chủ đề "Sống và Viết như những người lưu vong."

Như đã nói, trước khi phê bình bài của anh chủ biên tạp chí Việt, tôi đã phải đọc lại nhiều lần bài này. Để nắm vững những điều mình nói ra là tương đối chính xác, là không quá hồ đồ chỉ vì bất cẩn không chịu đọc kỹ. Tôi không muốn bị như Thế Uyên, mà Nguyễn Hưng Quốc đã trách nhẹ, trong phần đầu của bài Vài lời minh oan "...anh có thực sự đọc bài viết ấy hay không?"

Có hai khía cạnh cần phải được nhận định: văn phong và tư tưởng. Về phương diện văn phong, chắc không ai có thể chối cãi kỹ thuật cao trong cách viết của Nguyễn Hưng Quốc. Anh có lối viết ngắn gọn, câu văn tưởng chừng trước khi lên khuôn phải qua nhiều lần hiệu đính, sửa đổi, gọt dũa. Anh viết rất màu mè. Màu mè hơn cả văn Mai Thảo. Sự khác biệt giữa hai nhà văn: Mai Thảo màu mè nhưng dễ hiểu, và màu mè

trong những trang tiểu thuyết. Tuy nhiên, khi viết phê bình, Mai Thảo vẫn viết rõ ràng, sát vấn đề, đọc giả không bị mất thì giờ khi đọc. Nguyễn Hưng Quốc, ngược lại. Có thể vì thế, câu văn được gọt dũa ấy, tuy đẹp, nhưng chỉ là những chiếc xe trang hoàng rực rỡ, chỉ ngắm cho vui, chứ không chuyên chở được gì nhiều. Kết quả, những gì anh muốn đọc giả hiểu, đọc giả đã không hiểu nổi, một cách ngoài ý muốn. Ví dụ câu "Bất cứ cộng đồng ngôn ngữ nào ... tri âm lại càng cực khó." (Văn Học, số 155, tháng 3 năm 1999, trang 116). Tôi đã phải đọc tới đọc lui, nhưng vẫn không hiểu nổi anh muốn nói cái gì. Cho đến nỗi cuối cùng, ngờ ngợ luôn cả khả năng đọc tiếng Việt của mình. Tôi có cảm tưởng anh đang dịch câu văn này từ một câu ngoại ngữ nào đó, và người dịch lại là một kẻ mới tập tễnh vào nghề. Lối dùng chữ của anh cũng phức tạp. Nếu, và chỉ nếu, anh có lo âu cho tình trạng văn học hải ngoại cuối cùng sẽ đi vào chỗ bế tắc, người làm cách mạng văn hóa đầu tiên phải là anh. Ví dụ câu "Điều người lưu vong không thể cảm nhận nổi là ý niệm về sự vận động trên quê hương mình." (Văn Học, số 155, tháng 3 năm 1999, trang 114). Tôi nghĩ, nếu anh viết câu này bằng tiếng Anh, có thể tôi sẽ hiểu ngay một cách dễ dàng, chứ không cần phải đọc lại hai ba lần, mà vẫn không hiểu nổi thông điệp anh muốn chuyển tới đọc giả, trong cụm từ sự vận động trên quê hương mình. Mặc dù tiếng Anh của tôi, đọc và nói thì ..như gió hiu hiu. Không ai từ chối được sự uyên bác của anh trong lãnh vực văn học. Nhưng nếu ngược dòng quá khứ, những sách và những bài viết làm anh nổi tiếng, đều là những bài anh viết có lối văn đơn giản, từ vựng dùng sáng sủa nhưng tư tưởng thì sung mãn. Còn những bài tạo tranh luận trong giới văn học, đều là những bài có lối văn mờ mờ ảo ảo, như một cô nghệ sĩ già phấn son trên sân khấu. Anh chắc biết, thì giờ của đọc giả rất ít, nếu mỗi lần đọc các bài nhận định, phê bình mà cứ phải mất thời giờ để đọc những câu như thế, thì trước sau gì, gặp những bài mới của anh, đọc giả dễ nổi cơn làm biếng. Sự cải cách trong lối dùng chữ của anh, vì thế thật là cần thiết. Trong bài Sống và Viết..., anh lại còn có khuynh hướng "assume" đọc giả phải hiểu điều anh muốn nói. Ví dụ đoạn "Cách đây mấy năm, một số người cầm bút ở hải ngoại ... sẽ nhập vào đâu?" (Văn Học, số 155, tháng 3 năm 1999, trang 116), anh quên rằng đâu phải ai cũng có thì giờ theo dõi để biết câu chuyện ghetto ấy thế nào.

Về mặt ý tưởng, bài Sống và Viết... mang chất tiêu cực nhiều quá. Anh làm như văn học hải ngoại sắp chết tới nơi. Trong khi nghĩ cho cùng, mọi sự vẫn bình thường, như ăn ngủ hàng ngày. Trong đoạn đầu của bài, có những chuyện rất thường, nhưng không biết sao, khi nghĩ tới,

anh lại "càng thấm thía." Bất cứ ai, không riêng gì nhà văn, khi đã đổi môi trường thì phải biến chuyển để thích hợp với môi trường mới. Đây chỉ là sự tiến hóa tự nhiên, bởi vì nếu không "thay đổi cả căn cước" như anh đã viết, thì sao sống sót cho được. Loài chim sẻ tại đảo Galapagos Islands, sau 18 tháng hạn hán, vì môi trường thay đổi, mỏ chúng trở thành cứng hơn và lớn ra, để có thể mổ được những đồ cứng mà sống sót; huống chi con người, một giống sinh vật có bản năng sinh tồn mạnh. Anh cũng quy sự việc một cách chủ quan khi viết "quê hương chỉ còn là một nỗi nhớ mà nỗi nhớ nào thì cũng có khả năng biến mọi thứ thành quá khứ và mọi hình ảnh đều trở thành lấp lánh đẹp." Chắc gì quá khứ nào cũng lấp lánh đẹp! Theo tôi, một nhà văn dễ trở thành nô lệ cho quá khứ và hình ảnh của quá khứ trở thành những hình ảnh đẹp khi, thứ nhất, anh ta không có một hiện tại đẹp hơn quá khứ; thứ nhì, anh ta đã mang sẵn trong vô thức yếu tố tiêu cực và bi quan; thứ ba, anh không còn đủ khả năng để vươn lên, trong lãnh vực văn chương nơi xứ người; và thứ tư, anh ta mang nhiều tham vọng quá, nên bất chợt tự suy nghĩ "nếu mình viết như thế này mà được ở trong nước thì..." Với những yếu tố chính ấy, và nhiều yếu tố phụ khác, nhà văn lưu vong của Nguyễn Hưng Quốc trở thành mơ màng với những quá khứ lấp lánh đẹp, nên cứ loay hoay đi tìm một nơi. Tôi tự đặt câu hỏi, có những nhà văn hội đủ những yếu tố nêu trên, chỉ khác yếu tố thay vì tiêu cực thì lại rất lạc quan, hoặc hiện tại đẹp quá, thì sao nhỉ? Tôi nghĩ, nhà văn ấy cứ thế mà viết, viết rất mạnh. Thử nhìn sức sáng tác của Trần Long Hồ thì biết. Và khi đã sáng tác, họ sẽ sáng tác bất cứ đề tài gì. Điều gì chất chứa tron tâm thức họ nhiều nhất, và cho họ cảm xúc mạnh nhất, họ sẽ sáng tác trên lãnh vực ấy xúc tích nhất. Nếu là nhà văn Việt Nam, đã sống hơn nửa cuộc đời tại quê hương, nếu không nói về miệt vườn thì nói gì nhỉ? Thử nhìn các thế hệ con cháu chúng ta, chúng có sống ngày nào trên quê hương Việt Nam đâu, hoặc có thì cũng chỉ rất ngắn ngủi, nên khi viết, miệt vườn của chúng là những gì chúng đã tiếp nhận được trong thời gian trưởng thành tại các nước Tây phương. Vì thế, tôi không đồng quan điểm với NHQ khi anh cho rằng cần nhiều quyết tâm lớn và tài năng lớn để giũ bỏ tính chất miệt vườn trong văn chương. Tôi nghĩ nghịch lại. Phải cần tài năng rất lớn để và quyết tâm lớn để một nhà văn không nói về miệt vườn. NHQ có một lối viết quy nạp, khi cho rằng "tâm lý lưu vong là một thứ tâm lý bảo thủ." Lối viết này dễ làm người đọc hiểu lầm, nếu sau mệnh đề quy nạp, giải thích cho mệnh đề chính ấy không được rõ ràng. Tôi nhận thấy lối giải thích của anh trong mệnh đề "tâm lý lưu vong là một thứ tâm lý bảo thủ," đã không mang được tính thuyết phục. Nhất là sau khi tuyên bố tính tâm lý bảo thủ, anh

làm đọc giả phân vân với ý niệm về sự vận động trên quê hương mình. Tôi vẫn nghĩ NHQ muốn nói sự biến chuyển liên tục xảy ra trên quê hương gốc của kẻ lưu vong. Đặc biệt khi dùng thí dụ một người Quảng Nam xa xứ đã vài chục năm mà giọng Quảng vẫn còn đặc sệt, thì tôi không thể nào đồng quan điểm với anh được. Anh không thể đem so sánh những người Quảng trong nước giọng nguyên chất của họ bị nhạt đi, vì bị tiếp xúc nhiều với các giọng nói khác, cũng như qua hệ thống truyền hình và truyền thanh, với những người Quảng Nam đang sinh sống trong mấy chục năm qua tại Pháp được. Lý do một bên thì tiếp xúc với tuy nhiều giọng khác nhau, nhưng cùng chung một ngôn ngữ, còn một bên thì khác ngôn ngữ. Và để kết thúc phần tâm lý người lưu vong là một loại tâm lý bảo thủ, chỉ viết một lối văn với mùi vị hơi hướm xưa, anh đã ráng làm cái công việc gióng lên tiếng chuông báo động sự nguy cơ của cái gọi là "văn học hải ngoại là cánh tay nối dài của văn học miền Nam trước năm 1975." NHQ có thể bị mắc phải một trong bốn loại bịnh tâm lý của Blueler: chứng paranoid. Trên quan điểm kỹ thuật, nếu những người làm văn học hiện nay có gốc rễ tại miền Nam trước 75, nơi mà họ đã chịu ảnh hưởng về nhiều mặt, thì nền văn học hải ngoại là một cánh tay nối dài của nền văn học ấy, điều ấy chỉ là tự nhiên, có gì là nguy cơ? Nếu tôi tốn nhiều năm để học về ngành máy vi tính, rồi gần mười năm trời làm việc trong lành vực này, nếu bây giờ tôi viết về máy vi tính, thì có gì là nguy cơ? Ngô thế Vinh viết về Người y tá cũ, mang hơi hướm trong lãnh vực nghề nghiệp y khoa của ông, có gì là nguy cơ? Cánh tay nối dài ấy là chuyện đương nhiên. Câu hỏi cần đặt ra là khi nào cánh tay nối dài ấy nên bớt đi hơi hướm của chuyện xưa, để có thêm nhiều chuyện nay một chút. Câu hỏi này phải được trả lời bởi những bậc đàn anh nhiều kinh nghiệm trong văn giới. Vẫn phải là cánh tay nối dài, nhưng trong một giòng máu mới. NHQ nên truyền những mạch máu hy vọng vào những cánh tay nối dài chẳng đặng đừng ấy, thay vì chích vào đó những chất xúc tác rất tiêu cực, làm nản lòng những người đang hăng say muốn tập tểnh lăn vào cầm bút. Trong đoạn *Nguy cơ nhất và cụ thể nhất ... Một trận đấu kỳ dị. Quái gỡ. Và tuyệt vọng, (Văn Học số 155, trang 115)* tâm lý của NHQ càng phơi bày rõ nhất khi anh viết *"Nguy cơ rõ nhất và cụ thể nhất là việc tiếp nhận cái mới trở thành vô cùng khó khăn dù về phương diện khách quan, chúng ta có đầy đủ tất cả những điều kiện cần thiết khiến những người trong nước phải thèm thuồng.* Nếu dựa vào nguyên lý lưỡng cực (bipolar) của triết gia Kant ở thế kỹ 18, và nguyên tắc đối nghịch (opposite) trong tâm lý học của Carl Jung, đầu thế kỷ 20, thì câu của NHQ hàm chứa một ý niệm nghịch lại, và đấy mới là ý chính, khiến anh nhận định như thế.

Nói cách khác, khi phát biểu như trên, tâm lý của NHQ hàm chứa một suy tư kín đáo, chính anh cũng không nhận thấy là, người trong nước có đầy đủ tất cả những điều kiện cần thiết khiến những kẻ viết văn lưu vong phải thèm thuồng? Điều kiện ấy là gì, nhiều đọc giả biết đến, danh phận nhiều? Tôi phải đặt những dấu hỏi đằng sau những câu ấy, vì e rằng mình có hồ đồ quá không? Có phải vì bài viết xuất phát từ tâm lý cá nhân của anh, nên ít được sự đồng thuận của nhiều người khác. Nên bài của Hoàng Ngọc Tuấn có tính cách minh oan giùm cho Nguyễn Hưng Quốc, hơn là một bài nhận định trung thực. Sự đứng bên lề của các nhà văn lưu vong hoàn toàn do chính quyết định của họ. Không ai có thể làm chủ được vận mạng của chính mình, nếu tin luật nhân quả. Tôi hay có những cuộc tranh luận với các bạn đồng nghiệp, trong lãnh vực máy vi tính. Có người cho rằng vì bị kỳ thị chủng tộc mà họ không tiến thân nổi. Tôi lại nghĩ khác, vì mình không đủ khả năng, nên những người da trắng đã không thể dùng mình cho lợi ích của họ được. Tôi có nhiều đồng nghiệp bước lên tới chức giám đốc, rồi đứng luôn. Đơn giản, vì lên nữa, điều kiện công ty cần lúc ấy là sự quen biết trong giao tiếp để mang lợi về cho công ty, chứ không phải khả năng kỹ thuật. Mà người mình thì ít ai đủ khả năng để có khả năng quen biết cao. Lè tè, đồng nghiệp của tôi được gắn lon quản lý (manager) rất nhiều, nhưng chỉ có thế, vì chức vụ này vẫn còn quanh quẩn tron phạm vi của hãng, chưa cần phải ra ngoài nhiều. Các nhà văn lưu vong cũng thế, nếu không đủ khả năng để hội nhập vào giòng văn học của xứ người thì đứng bên lề là chuyện không thể tránh được. Nhưng, không phải vì đứng bên lề mà chúng ta là một thứ nhà văn sắc tộc khiêm tốn và buồn thảm, như NHQ đã nhận xét một cách tiêu cực. Chúng ta có nhiệm vụ của người bên lề, nhiệm vụ ấy theo tôi, còn nặng nề hơn cả nhiệm vụ không bên lề, vì qua kinh nghiệm của chính bản thân, chúbg ta phải nghĩ đến việc đào tạo một thế hệ tương lai, tiếp tục chúng ta làm chuyện văn học bằng một loại ngôn ngữ, mà đối với chúng, không còn là tiếng mẹ đẻ nữa. Ấy là là một thách đố lớn lao nhất, và phải là mối ưu tư hàng đầu đối với những bậc đàn anh trong văn giới.

Trước khi chấm dứt bài viết, tôi muốn lấn một tí sang bài Vài lời minh oan, Nguyễn Hưng Quốc trả lời Thế Uyên (Văn Học số 155, trang 129). Tôi nghĩ NHQ có hơi nặng lời với Thế Uyên (TU) khi cho rằng TU không đọc kỹ bài của anh. Để đọc giả hiểu sai ý mình, là lỗi của người viết. Viết là truyền đạt một tư tưởng, một ý niệm cho người đọc. Nếu viết quá khúc mắc, hoặc câu văn quá mơ hồ, mang nhiều ý nghĩa, khiến đọc giả hiểu khác ý mình muốn nói, thì sao lại do lỗi của người đọc? TU cho

NHQ là "negative" trong lối dùng chữ, tôi nghĩ ông không quá lời, ông nói nhẹ nhàng và lịch sự. NHQ cho tôi có cảm tưởng anh đang chống chế cho bài của mình, chứ không phải mình oan là đọc giả đã hiểu sai ý mình, như lời anh trần tình. Ví dụ trong một đoạn nói về viết văn trở thành một cách hành lạc đau đớn, mà tôi đã có dịp nêu lên quan điểm của mình trong Văn Học số 145, tháng 5 năm 1998, trang 36, thì rõ ràng anh đang chống chế, biện luận. Anh viết rất rõ ràng: " viết văn trở thành một cách hành lạc đau đớn của những người bị bất lực." Chú ý động từ trở thành trong câu văn của anh. Đây không phải chỉ là một ẩn dụ (metaphor), như anh đã xin thưa với TU. Động từ trở thành đã khiến tạo sôi nổi. Nếu anh thay động từ trở thành bằng động từ giống như hay tương tợ như, thì có lẽ sự việc đã khác. Những người khi đặt bút phê bình, tôi nghĩ, họ biết họ đang viết gì. Và chắc chắn, họ phảiđọc nhiều lần trước khi phê bình bài viết của một nhà văn khác. Câu của anh lại càng không phải là một loại metaphor, một ẩn dụ như anh nói. Câu chuyện Trí Huệ, Mỹ Huệ của Trần diệu Hằng đăng trong Văn Học xuân Đinh Sửu 1997, số 129 & 130 là một loại metaphor, một loại ẩn dụ. Câu chuyện nói tới trí tuệ bát nhã trong đạo Phật. Khi đọc hay nghe ẩn dụ, tùy theo trình độ người đọc hay người nghe, mà ý nghĩa, cũng như thông điệp chính của người viết có thể cảm nhận được bởi đọc giả. Tuy nhiên nếu đọc giả không hiểu ẩn ý, thì câu chuyện vẫn là một câu chuyện, như là không có tí nghĩa đen nào trong đó cả, vẫn hay, vẫn hấp dẫn người đọc. Có thể hiện nay chúng ta là những chú lùn đối với văn học nội địa. Nhưng chẳng có gì chúng ta phải tội chúng ta cả, như NHQ đã tội giùm giới cầm bút hải ngoại. Chúng ta lại càng chẳng có gì để mặc cảm. Người đang viết, cứ viết, và cố gắng tìm thêm tài năng mới. Khi đã viết hay, tác phẩm đã có giá trị, thì những "anh lùn nội địa" vẫn phải ngỏ ý với những "anh lùn hải ngoại" để xuất bản những tác phẩm ấy.

Tôi có đồng quan quan điểm với Thế Uyên. Khi viết phần lớn những người cầm bút lưu vong hay bị day dứt cái mặc cảm tự ti, tôi thấy một NHQ đang nhấp nhô trong đám người đó. Nên lời khuyên của TU là một khuyến khích có giá trị. Ông bảo cứ viết, cho mình rồi cho cái cộng đồng nhỏ bé của mình, và còn phở thì còn viết, còn viết thì chúng ta sẽ mãi còn văn học hải ngoại. Ý tưởng của Thế Uyên nghe tức cười, nhưng thực tế. Tôi dùng nó để kết thúc bài viết.❐

Bước Chân Lưu Vong

HỒNG KHẮC KIM MAI

Mở tay đón gió gió đến phương nào
Mở lòng coi hội hội chẳng đơm sao
Mở mùa xuân cũ nhìn tia nắng chói
Mở khóa tim say say khướt sông đào

Gửi điệu ru êm đêm chùng thao thức
Gửi tiếng mình ơi rơi đứt dây đàn
Gửi vàng vô thu ru hồn ray rức
Gửi bóng điều bay hiu hắt mây ngàn

Cởi áo vần thơ thơ run như chết
Cởi lốt người xưa xưa chẳng chịu xưa
Cởi trói lầm than trong buồng tâm thất
Cởi oán đất trời vơi mấy thiệt thua ?

Cấy thơ vô vừng sáng láng bóng trăng
Cấy thép vô người nung cứng trái tim
Cấy chữ vô đầu sao tôi thở vắn
Cấy son vô lòng đong bao nổi chìm ?

Dẫu in nghìn pho kinh kinh kệ kệ
Dẫu rừng-bệ-vệ thánh cũng thành thằng
Dẫu núi-lăng-xăng tâm vẫn còng thân
Dẫu trăm hoa aha ! ba thú lằng nhằng

Lỡ bước chân nhu dường tăng tam tạng
Lỡ gót phiêu bồng thiết bổng tề thiên
Lỡ cơ ù lỡ cơ mùa chinh biến
Lỡ dường lỡ bột lỡ cả khoai nương

Mánh lới cuối cùng của một con người

(đọc Mở Cửa Tử Sinh - *Trường Ca của Trần Nghi Hoàng)*

Dũng Văn

1

Tại San Jose, vào hồi 11 giờ 39 phút đêm 26 tháng 9 năm 1997, trong căn phòng trọ đường Kinsule, Trần Nghi Hoàng đã hoàn thành Trường Ca "Mở Cửa Tử Sinh" bao gồm 121 đoản khúc không đề (được đánh số thứ tự) và đoản khúc thứ 122 mang tên: Cửa Tử Sinh và đề tặng "Thương quý cho Trần Nghi Âu Cơ sinh nhật 10 tuổi của con gái.." (T.N.H).

Tuy thế ở Tựa họ Trần bạch lộ những điều hệ trọng không chỉ riêng cho Ái nữ của anh.

Anh viết *"Kẻ làm thơ là một con người sinh hai lần, hoặc giả nhiều lần. Một lần cho chính hắn; và lần khác, những lần khác cho kẻ khác...*

Làm thơ, tất nhiên là gia nhậpmột cuộc chơi. Và là một cuộc chơi lớn. Một cuộc chơi thách thức Định mệnh, thách thức Tử Sinh, thách thức chính mình... Rốt ráo, Tử Sinh chính là thơ. Cánh cửa Tử Sinh chính là Cánh cửa Thơ. Ai là người dám đi qua Cánh cửa này để vào Cuộc chơi lớn???

Nhận lời thách thức, tôi thận trọng lao vào từng đoản khúc của trường ca và chứng kiến cuộc du hành vào bản thể với nỗi quạnh hiu truyền kiếp của kẻ du cư họ Trần.

2

Có những đoản khúc của trường ca MCTS được thi sĩ viết một cách ngay thẳng, chân thành từ những vụt hiện mạnh mẽ và sống động, hình ảnh chất chồng vất bỏ tương quan vật lý cơ giới của những thực thể hữu hình nhằm biểu hiện một khắc khoải của thân phận ly hương, một dĩ vãng bị thất lạc, trong một tự vấn rất sử thi của một ý thức tìm kiếm cội nguồn:

về đâu?
từ đâu đến mà về!
đến đâu?
từ đâu đi mà đến!
hướng cửa trái tim treo sợi dây
trái núi tòng teng nhịp
trái xoài tuổi nhỏ mùa thơ ngây
lồng lộng nói cười cong đốt mía
ngọt lừng mười ngón tay
gọi tên thời phế tích
không hay vọng tiếng còi xa
tiếng tù và
đứt hơi rớt lại mấy ngàn năm
của một điều chuyển động không dừng
(đoản khúc 1-tr.12-MCTS)

Có lúc nhà thơ công khai tuyên bố :

không còn những phiên tòa
không còn những nhà lao
không còn những pháp trường

nhân loại mỗi người là một tội nhân

mỗi tội nhân tự hành hạ chính mình
rồi khóc và nguyền rủa Thượng Đế
Thượng Đế tiếp tục chạy trốn lịch sử

Nhà thơ than phiền rất mỉa mai rằng: "lịch sử nhân loại luôn vắng bóng Thượng Đế - và con người thường ngó ngoái lịch sử để chết chìm trong quá khứ" nên "từ đấy, nhân loại thi nhau làm cách mạng cho hiện tại- và làm lịch sử cho tương lai" (đoản khúc 83-tr.102-MCTS). Tuy thế đôi khi một cố hương cụ thể lại hiển thị trong thăm thẳm tâm linh của một "căn hầm trí nhớ kèn cựa lời chúc tụng can qua của đi và ở":

miệng cá bầm cắn lưỡi câu xanh
dế lục bình ngủ quên ôm bờ sông súng tím

những đóa sen mọc trang nghiêm
không nhất thiết có lời biện bạch
(đoản khúc 106-tr.128-MCTS)

Bút pháp Trần Nghi Hoàng luôn luôn biến hóa. Khi thì hồ như có chất tức hứng của một bài thơ Thiền thời Lý -Trần, sau những câu thơ chiêm nghiệm đớn đau: *" lời trần tình thống thiết chẳng ai tin - mặt nạ đeo quen quên dần bản lai diện mục"* anh viết:

soi gương nhìn cố cựu
thoắt thương tâm mình chẳng nhận ra mình
trỏ ngón tay vào tâm thức
thấy gì ngoài cái hư không???
(đoản khúc 82-tr.101)

hoặc:

Ôi những con người đi tìm mãi một Quê Hương
(quê hương của bên kia bờ định mệnh)
con sấu chiều hôm khóc mặt trời chìm
trong lòng đá im
tiếng hát âm âm hải cẩu lạc bầy
dề lục bình bập bềnh dưới một cụm mây...
(đoản khúc 34-tr.50-MCTS)

Có khi đường bút họ Trần phóng dật như một tay bút Haiku vẽ ra tức thì một cảnh trạng đầy mộng mỵ mà thê thiết:

Cơn mưa hoang vu làm ướt lòng sông
chiếc quần đỏ trôi cuối bờ tĩnh vật
và màu xanh mênh mông.
(đoản khúc 7-tr. 18-MCTS)

Trước đó ở đoản khúc 6-tr.tr17, khi luận về những "thứ triết lý bán rong" họ Trần dụng một bút pháp rất phóng sự: *"dõi theo làm gì những chuyến tàu tốc hành- trên những mống vòng loạn sắc- Hà Nội - Washington - Bến Tre -Moscow xa lắc.* Và sau đó người ta có thể bắt gặp những đoản khúc đầy những câu thơ siêu thực hoặc ấn tượng, ví dụ:

vầng trăng chửa hoang vàng vọt đêm tàn
sao mai ngỡ ngàng làm chứng
giọt sương giọt máu ngọt lựng phút khô khát
con chim vàng anh cắn cọng gai đen trên đầu núi cháy
bay về Đông thả rớt trên biển xanh.
(đoản khúc 84-tr.103-MCTS)

hoặc:

... sao tát cạn dòng sông tâm tưởng
mở trều nghiêng mấy bận xôn xao
con cá nhảy bờ ao

mắc cạn thủa tình cong miệng ngáp
(đoản khúc 112-Tr.134)
...mấy bụm mưa ngày lũ
tưới vào tim đòi lại bão giông
chiếc lá bồ đề bay mải miết ở hư không
rụng xuống dòng sông một buổi chiều rất úa
(đoản khúc 85-tr.104-MCTS)

Và có thể nói: có phảng phất một chút bút pháp Thanh Tâm Tuyền những năm 60 hay Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng và hơi thở của thơ tiền chiến những năm 40 trong thơ của Trần Nghi Hoàng, chẳng hạn:

ngày vỡ chiêm bao hừng hực lửa
mây cõng người qua núi ngủ đêm
ai về thở dòng sông thơ dại
chở biển cười soi dấu đá mềm
(đoản khúc 62-tr.81-MCTS)
tẩu tán ơn đời trong tiếng khóc
trái sầu đâu rụng ngõ oan ương
nỗi niềm sông lạch ai thao thức
mà biển phù vân vẫn rẫy ruồng
(đoản khúc 56-tr.75-MCTS)

Đương nhiên sự khả biến của bút pháp sẽ tạo ra sự đa thanh và phức hợp của giọng điệu thơ.

Nhiều lúc đọc những câu thơ văn xuôi dài đến hụt hơi khó thở của Trần Nghi Hoàng, tôi nghĩ đến ảnh hưởng của W.Whitman, của Allen Ginsberg và ít nhiều của Ezra Pound, của W.Carlos Williams *đối với tác giả:

"...Tiếng gọi của những người tình cô đơn khuất mặt.Ngày mai. ngày mai đừng dặn chính mình cái nhớ cái quên băng băng chạy về phía trước. Chạy mải miết về phía trước theo những tiếng chuông tiếng chuông ông già bán cà rem cây trước cửa trường tiểu học 40 năm cây cà rem còn lạnh những mùa hè Việt Nam ai quên ai nhớ?

dưới gốc cây khế chua chôn một bụm tro hai bài thơ cổ tích ba năm sau cây khế chua biến thành cây khế ngọt. Cây khế ngọt để hái tặng người con gái vú quả cau lông mày xanh như chiêm bao và nụ cười thơm mùa mía ngày bong bóng nổ" (đoản khúc 14-tr. 25-MCTS)

Khao khát tìm sự giải thoát nội tâm bằng con đường tâm linh trong cuộc du hành vào bản thể cho nên MCTS vừa là sự đối thoại với những ấn tượng phi hình thể vừa là săn đuổi quá vãng hú gọi quê hương:" *hành trang người về quá khứ là nỗi ám ảnh của tương lai. Người luôn luôn chạc*

trốn tương lai bằng cách ẩn chui vào quá khứ, như con đà điểu vùi đầu vào trong cátttìm chút an toàn tuyệt vọng! bước tầm vong! đàn ông chui vào đàn bà để tìm lại chính mình! cuối cùng là một nỗi lặng thinh thinh lặng mênh mông của sa mạc và xương rồng của bất công và thống hối của tội lỗi và vong thân!!!! của thánh thần và ma quỷ.

dấu chân bí tích đấng Giác Ngộ sơ tâm để quên trên triền núi cũ, máu nhỏ đầu núi đen hoa ưu đàm nở lúc sao rụng trăng tàn và cỏ thở râm ran lời dế gáy! (đoản khúc 90-tr.111-MCTS)

Trần Nghi Hoàng luôn luôn đối diện với chính mình trong một thế giới tâm linh đa chiều để nhận diện chính mình trong cuộc tử sinh với hết thảy tiềm năng văn hóa Đông phương và Văn hóa Tây phương mà anh tàng trữ được. Cả chán chường hoang mang. Cả tuyệt vọng thảng thốt. Cả chấp nhận ngạo nghễ lẫn khước từ bất cần.Cả độ lượng ngọt ngào lẫn ai oán lưu niên. Cả hy vọng hiu hắt lẫn phiền vọng miên man. Cả trần trụi bộc lộ lẫn ý nhị tỏ bày. Vừa nói toạc móng heo vừa đoan thanh mời gọi. Vừa đào xới nghiệm suy vừa lãng du buông thả. Nghĩa là hết thảy mọi khí chất tâm linh bùng nổ thăng giáng và chuyển diễn trong thân phận Trần Nghi Hoàng đã thai dưỡng, tạo tác nên sự đa thanh và phức điệu của trường ca.

3

Người ta có thể tìm thấy trong đoản khúc thứ 122- mang tên mang tên Cửa Tử Sinh những câu thơ trực trần hệ trọng có thể giải thích cấu trúc thơ của trường ca:

mỗi con người đứng trước cánh cửa của mình
với niềm tuyệt vọng hân hoan
...sống chết như thần trí loãng
hãy mở cánh cửa
""""TÔI""""

chiêm nghiệm cùng
MÁU
THỊT
TỦY
XƯƠNG
.....
và rất rất nhiều
những phần còn lại
ở ngoài
""""TÔI""""

mở vô hồi cánh cửa
khủng khiếp làm sao nhận diện
MÌNH

Đó chính là Tâm Pháp của nhà thơ. Cái Tâm pháp: "mở vô hồi cánh cửa- khủng khiếp làm sao nhận diện "MÌNH" đã quán xuyến và tạo ra cái cấu trúc liên hồi đoản khúc không tên của Mở cửa Tử Sinh. – cái cấu trúc liên hồi đoản khúc này mỗi một đoản khúc mở ra một cảnh tượng tâm linh, một vận hành ngữ ngôn hoặc một khí sắc tâm trạng hay một thần thái đam mê khác nhau nhằm vào một mục tiêu tối thượng là NHẬN DIEN CHÍNH MÌNH. Dĩ nhiên dẫu muốn hay không thì nhờ đó THỜI ĐAI CỦA CHÍNH MÌNH cũng hiển thị trong một thứ ánh sáng trắng thanh khiết khi mà Nhà thơ chỉ là kẻ nô bộc minh triết cho sự TỰ DO TINH THẦN của chính hắn. Từ Tâm Pháp thi nhân sẽ dẫn đến Thi pháp của tbi sĩ. – khoảng trống này là học vấn, là sinh ngữ là sự hội nhập, chuyển hóa của nhiều vùng văn hóa khác biệt nhau vào cái TÔI THI SĨ của họ Trần.

Trường ca của anh không kế thừa gì nhiều giòng giống truyện thơ, thơ dài (có thể gọi làTrường ca) của văn học Việt Nam ngày nảo ngày nào như những Cung Oán Ngâm Khúc, Chinh Phụ Ngâm, TruyệnKiều. Truyện Hoa Tiên, Sơ Kính Tân Trang...Mặc dù Mở Cửa Tử Sinh thuộc vào loại trường ca không có cốt truyện nhưng nó không gồm 7 hoặc 9 hay 12 chương với nhiều phân đoạn với những tựa đề có chủ đích tô đậm hoặc tụng ca, trang điểm cho một chủ đề chính như những trường ca mà tôi đã được đọc trước năm 1975 như Ba Mươi Năm Đời Ta Có Đảng, Theo Chân Bác của Tố Hữu, Bài ca Chim Chơ Rao của Thu Bồn, Những Người Trên Cửa Biển của Văn Cao, Bài Thơ Hắc Hải của Nguyễn Đình Thi, Mặt Đường Khát Vọng của Nguyễn Khoa Điềm, Khúc Hát Người Anh Hùng (Trường ca về nữ anh hùng Mạc Thị Bưởi của Trần Đăng Khoa)...

Sau 1975, nhất là từ 1979 trở đi tôi đã đọc hàng loạt trường ca viết về chiến tranh như Sức Bền Của Đất và Đường Tới Thành Phố của Hữu Thỉnh, Những Người Đi Tới Biển, Khối Vuông Ru-Bích, Đêm trên cát, Những Ngọn Sóng Cần Giuộc, Trẻ Con – Sơn Mỹ của Thanh Thảo, Đất Nước Hình Tia Chớp, Mặt Trời Trong Lòng Đất của Trần Mạnh Hảo, Trường Ca Sư Đoàn của Nguyễn Đức Mậu, Trường Ca – Làng Phước Hậu của Trần Vũ Mai. Gần đây tôi có nghe nói tới các trường ca: Nhất Định Thắng (1955), Cách Mạng Tháng Tám (1956), Hãy Đi Mãi (1957) của Trần Dần nhưng chỉ được đọc tận mắt chương X trong Trường ca Bài Ca Việt Bắc (gồm 13 chương) của ông. Ngoài ra, tôi còn đọc được một số

chương đoạn trong Trường ca Gọi Nhau Qua Vách Núi của Thi Hoàng, Paris - Nửa Tuần Trăng, Lòng hải lý của Đỗ Quyên v..v.

Kể từ ngày rời nước, tôi đã đọc được những tuyển tập thơ mà tôi cho là quan trọng như Hóa Thân và Thủy Mộ Quan của Viên Linh, Tuyển tập Thơ Tô Thùy Yên, tuyển tập Lời Viết Hai Tay của Cung Trầm Tưởng, Tiếng Hát Gia Trung của Nguyễn Sĩ Tế, Thanh Xuân của Khế Yêm, Viết Từ Phương Đông của Mai Vi Phúc và nhiều thơ đăng tải của nhiều tên tuổi tài danh trong làng Thơ Hải ngoại. Khi đọc Mở Cửa Tử Sinh có nghĩa là lần đầu tiên tôi được đọc nguyên con một Trường ca của một tác giả Việt Nam đang sống tại Mỹ.

Phải chăng chiến tranh đã đẻ ra thể loại Trường ca gồm những Anh Hùng ca, Trường Hận ca, Bi Tráng ca cho nên trước và sau 1975, văn học Việt Nam đã xuất hiện hàng loạt trường ca và khi hết hẳn chiến tranh thì trường ca cũng hết như nhà thơ nào đó đã nhận định? Thực ra khi chiến tranh kết thúc đời sống đã chuyển sang những cuộc chiến trên thương trường và trong tình trường mà trường ca vẫn không chịu tuyệt chủng trong dòng sống của văn chương Việt Nam. Rõ ràng có một cuộc chiến không bao giờ tàn trong tâm thức kêu đòi nhận diện, khao khát thăng hoa, thăng tiến trong tâm hồn Thi Nhân cho nên Trần Nghi Hoàng đã đẻ ra trường ca.

Thiết nghĩ Mở cửa Tử Sinh sẽ không phải là bằng chứng duy nhất. Nhiều chuyện về các nhà thơ trường ca ở trong và ở ngoài nước cần được bàn tới ở các vấn đề khác. Điều cần phải nói ngay lập tức là Thi pháp Trường ca của Trần Nghi Hoàng là Thi pháp hiện thực tỉnh táo khởi phát bởi một Tâm pháp lãng mạn nghiệt ngã: *Mở vô hồi cánh cửa -khủng khiếp làm sao nhận diện MÌNH.*

Không có cốt truyện thực đã đành nhưng một cốt truyện ảo, cốt truyện ước lệ cũng không. Nhân vật chính duy nhất của Mở Cửa Tử Sinh là Cái Tôi Đa Mang và Đơn Độc của nhà thơ. Nếu như trong Tiếu Ngạo Giang Hồ Ký của Kim Dung, Dương Thanh Phong đã truyền cho Lệnh Hồ Xung: Độc Cô Cửu Kiếm - là Kiếm pháp đánh theo kiếm ý, nghĩ đến đâu là đánh đến đó, muốn đánh thế nào cũng được thì trong Cõi Bút Mực Giang Hồ ai đã truyền cho Trần Nghi Hoàng Độc Cô Tâm Ý Bút?

Phải chăng từ cuộc hành hương từ Á Đông sang Âu Mỹ Trần Nghi Hoàng đã tiếp thụ của W.Whittman (trong Lá Cỏ- Grashalme và Bài hát chính tôi- Song of Myself), của Allen Ginsberg (trong Hú Gào-Howl) cái Thi pháp mà tôi gọi là Độc Cô TâmÝ Bút ấy? Cho nên anh chọn cho trường ca mình lối viết theo Tâm Ý, Tâm Tuệ nghĩ đến đâu viết đến đó, dài hay ngắn, thất thanh hay trầm bổng là do sự bùng nổ thăng hoa của nội lực

Tâm linh hiện thị tức thời. Ít có câu chữ làm duyên làm dáng hay sự trang điểm phù phiếm. Hiếm hoi làm sao mới gặp được một vài câu lục bát hoặc một vài đoạn thuộc thể loại truyền thống trong Mở Cửa Tử Sinh.

Tùy thế Trần Nghi Hoàng lại rất kỹ lưỡng và cầu kỳ trong việc trình bày chất thơ của mình trong tiếng mẹ đẻ như là một ký hiệu thẩm mỹ nhằm tăng cường đến tối đa sức biểu hiện, biểu cảm của thơ. Những khoảng cách thay đổi bất thường giữa từ này với từ khác, giữa dòng thơ này với dòng thơ khác. Những chữ viết in hoa cố ý, những dấu hỏi chùm ba (???) những dấu than chùm ba(!!!) trong những đoản khúc của anh là những thi động nghiêm túc đầy chủ định THƠ.Trong cuộc hoan lạc với nàng THƠ khi viết những bài thơ gọn ghẽ,xinh xắn-ấy là lúc thi sĩ giao hoan với Nàng Thơ bằng những chiếc hôn. Chiếc hôn có thể dịu dàng có thể mãnh liệt. Còn khi viết trường ca theo kiểu Độc Cô Tâm Ý Bút ném lên mặt giấy cả không gian-thời gian chín chiều náo động trong 122 đoản khúc liên hồi (theo kiểu Độc Cô Cửu Kiếm!!!)-ấy là lúc họ Trần giao hoan-hành lạc với Nàng Thơ vừa say đắm mê cuồng;vừa thong dong trầm mặc.

Cho nên, với cách đọc khác nhau của nhiều kẻ yêu thơ không giống nhau người ta sẽ đưa nhau đến việc tranh cãi: đâu là Thơ Trần Nghi Hoàng và đâu là Bài Thơ của anh vì Thơ và Bài Thơ thường vẫn ở với nhau nhưng chúng không phải là MỘT...

4

Tôi tin rằng đã và sẽ có nhiều người dám mở toang và đi qua Cửa Tử Sinh của Trần Nghi Hoàng. Lúc này, vấn đề dám can đảm đối diện với chính mình để nhận diện chính xác bộ mặt thật của chính mình là vấn đề thời sự của Tinh Thần Tâm Linh Việt Nam mà người Việt ở trong cũng như ở ngoài biên giới không thể thờ ơ. Cách đây hai mươi hoặc hơn hai mươi năm, nhiều nhà thơ (mà tôi đã nêu ở trên) đã viết trường ca để đối diện với thời thế nhận diện Núi Sông vạch mặt Chiến Tranh nhận mặt Con Người? Thơ của họ đã theo chân các danh nhân, lãnh tụ, đi trên mặt đường khát vọng, tới các sư đoàn, tới mặt trời trong lòng đất, đi tới thành phố, đi tới biển...

Giờ đây nhiều thi nhân lại viết trường ca chỉ để đi vào chính cái bản ngã của mình mong nhận diện Chính Mình dù có khủng khiếp đến đâu. Có nhà thơ đã viết ngay những đoản khúc trong phòng thẩm vấn của cái thiết chế chính trị mà họ đã cung hiến cho nó cả trí lực thanh xuân để nhận mặt lại những chân dung, những nhân dáng, những điều hoang tưởng, những trò bịp bợm. Còn nhà thơ Trần Nghi Hoàng viết Trường ca Mở Cửa Tử Sinh chỉ để tìm ra cho mình Cái Mánh Lới Cuối Cùng Của Một

Con Người- Mánh Lới Cuối Cùng Của Một Nhà Thơ thôi ư? Vậy là dường như không hề có dụng ý-từ Tâm pháp rất riêng của mình- Trần Nghi Hoàng đã đặt ra hai câu hỏi rất vui:" Này Con Người kia ơi! Ngươi đã đánh lừa được ngươi chưa? Này Nhà thơ kia ơi! Không biết tự sát thì làm sao mà ngươi giết được chính mình?". Trong thơ Trần Nghi Hoàng hay có hình ảnh "đề lục bình" tôi nhớ tới mấy câu thơ mở đầu trường ca Mặt Đường Khát Vọng của Nguyễn Khoa Điềm cũng có "lục bình":

Ta đã sống qua những năm tháng không ngờ
Vô tư quá để bây giờ xao xuyến
Bèo lục bình mênh mông màu mực tím
Nét chữ thiếu thời trôi nhanh trên sông

Ta lớn lên bối rối một sắc hồng
Phượng cứ đỏ hoài như đếm tuổi
Nhưng chiều nay một buổi chiều dữ dội
Ta bỗng nhận ra mình đang lớn khôn...

(Mặt Đường Khát Vọng- NKĐ)

Gặp cái tâm thế nhận diện chính mình của Nguyễn Khoa Điềm cách đây trên 25 năm, tôi bỗng mỉm cười nghĩ :giá như đời mình chỉ có một buổi chiều dữ dội như cái "chiều nay" từ thủa nào và chỉ có một lần "bỗng nhận ra mình đang lớn khôn". Đằng này càng mở cửa tử sinh càng thấy đời mình triền miên những buổi chiều dữ dội và lúc nào cũng "bỗng nhận ra mình đang lớn khôn"...

5

Chắc chắn khi viết xong Mở Cửa Tử Sinh, sau cuộc hành hương mê đắm hoan lạc trong đau thương trầm thống, Trần Nghi Hoàng- nhờ Tâm pháp và Thi pháp của chính mình đã không chỉ thoát khỏi những cơn đau trí tuệ mà anh còn vượt ra khỏi mê lộ Cô Đơn của một kẻ du cư bằng cách tọa Thiền trong cõi THƠ:

hồn phách hú gọi nhau chấp chới
ngật ngừ sông biển ngược dòng rên
dấu chân vách đá khô tờ máu
mấy lớp rêu xanh một nỗi niềm!

Thế kỷ quay đầu không đếm bước
xóa giờ sinh tử giữa mê hoan
ngón tay chỉ suốt cùng tâm thức
Chạm nhẹ vào THƠ một tiếng HOÀNG.

(đoản khúc 63-tr.82-MCTS)

Rõ ràng, họ Trần thường xuyên đối diện với chính mình- trong những mối liên hệ với vùng đất tạm cư và quê hương định mệnh, với nhân loại và với Việt tộc, với lịch sử tiền kiếp và hiện kiếp của mình để phơi bày và nhận diện bản thân mình một cách chân thành thẳng thắn trong không gian và thời gian; giữa đồng đại và lịch đại.

6

Cuộc đối mặt đằng đẵng trong từng hơi thở của một cái bản lai diện mục có danh tính là Trần Nghi Hoàng với một Trần Nghi Hoàng như là kẻ du cư "vác túi thời gian chạy từ thống khổ" trong "cuộc chơi chung" không "mấy khi hài hòa khế hiệp của thế thái nhân tình" đã không chỉ tạo ra chiều sâu của tâm trạng nhân tính mà còn làm sinh triển đầy ắp những biến tấu khôn lường của một tâm linh mà "trong chiếc đầu đầy ắp những hoang mang" thường xuyên"mọc lên niềm nghi hoặc - như thế nào là một CON NGƯỜI?"???

Kết quả là thi sĩ đã tìm ra "mánh lới cuối cùng của một CON NGƯỜI" và "Mánh lới cuối cùng của một NHÀ THƠ" bằng cả tri thức Tâm-Sinh Học Bản Thể lẫn những trải nghiệm rất sử thi bi tráng của thân phận. Ngôn ngữ thơ của anh đầy chấp nhận, thách thức và kêu gọi trong đoạn phụ lục(nơi dừng lại của trường ca dài ngót 150):

mánh lới cuối cùng của một CON NGƯỜI
là làm sao
đánh lừa được CHÍNH MÌNH

mánh lới cuối cùng của một NHÀ THƠ
là làm sao
giết được CHÍNH MÌNH
mà không cần tự sát.

Như thế- phải chăng vô tình Trần Nghi Hoàng đã buộc chúng ta gặp lại và đối diện với một câu hỏi đã cũ càng như Quả Đất nhưng không bao giờ hết mới mẻ và mất tính thời sự là : "Chúng ta phải sống như thế nào?".

Mỗi người sẽ có cách diễn giải riêng để tự trả lời câu hỏi không nguôi vang động ấy.Tôi tin rằng trong đêm tối thâm u thường hằng của một bản lai diện mục TÂM HỒN RIÊNG TƯ sẽ nảy sinh câu trả lời duy nhất được thừa nhận khi mà CON NGƯỜI RIÊNG TƯ ấy không sợ phải Mở Cửa Tử Sinh, không sợ phải ĐỐI DIỆN với CHÍNH MÌNH, không sợ TỰ SÁT-dù là một sự TỰ SÁT SINH HỌC hay một SỰ TỰ SÁT TRIẾT HỌC. Quả thực, Trần Nghi Hoàng đã dám chơi nghiêm túc một CUỘC TỬ SINH trong Cõi Thơ của CHÍNH MÌNH. ❐

Trôi theo đường mây

TRIỀU HOA ĐẠI

còn lại một vừng trăng
tôi đi. Theo mùa lá
dưới đôi chân, gập ghềnh tháng hạ
còn không
những bông hoa rực rỡ, gọi bình minh về
buổi sáng chưa tan

này em bên kia đồi. Mây trôi
vô hạn
này em, đôi cánh chim đi
mang tôi vào buổi trưa nhiệt đới
cùng với tiếng cười ai rộn rã
một mùa xưa

tôi đi tháng năm dài. Ngủ, thức
có còn không mảnh áo vai sờn
gọi lòng nhau thốn thức
bước chân ai trôi vào mùa lá rụng
theo trăng, theo chim
cả tình nhau cũng vậy
trôi đi mịt mù theo đường mây. Lá cuốn

con đò xưa đầm máy chèo
lãng đãng
khua trăng vỡ tan vào hư vô
vỡ hồn tôi từng mảnh

mùa hạ trôi vào đường mây
những chiếc lá phủ dài theo lối mộng
ở nơi đây. Tôi, ngõ mình quên đi
một tiếng đàn lìa .

Huế, một đêm mưa

Trúc Chi

Một vũng nước trong mười dòng nước đục
Một trăm người tục một chục người thanh
Biết ai gan ruột với mình
Mua tơ thêu lấy tượng Bình Nguyên Quân
(Trích một câu hò Huế)

Mưa rả rích trên sân. Ngày trước lâu lắm rồi, nó là một cái sân đất nện. Bây giờ, em gái tôi cho lót gạch, nên tiếng mưa ngoài hiên có những âm thanh lạ. Mà nhịp điệu cũng khác. Không còn những tiếng trong trẻo trên những vũng nước con con, khi khoan thai, lúc dồn dập. Nhưng mà tiếng những giọt nước rơi đều trên những tàu lá chuối bên hè thì nghe vẫn là những âm thanh ngày cũ. Ngày thơ ấu, ngày còn cắp sách đến trường, ngày ghé thăm cố quận sau những năm đem cái say sưa, cái hăm hở khi mới bước vào cuộc sống mà đổ vào những chốn khác đầy ánh sáng của tương lai, mà xây dựng cho nhiều thứ nay cũng đã đổ nát ngay chính trong lòng mình...cho đến ngày về đêm nay, gối mái tóc bạc lên kỷ niệm mà nghe mưa. Buồn.

Đâu đây trong gian nhà trống trải này tôi còn nghe được giọng ru em khàn khàn của người vú già đã từng ấm, từng lạnh với gia đình tôi qua ba thế hệ, ba thế hệ nổi chìm theo lớp sóng phế hưng bên ngoài bốn bức tường này...*à ơi...đêm khuya thắp đĩa dầu đầy à ơi...đĩa dầu đầy khô hết...* Cái điệu ru em ấy, buồn đến chết cả người, ngày xưa vẫn quyện lấy cái chấm sáng xanh lè của một ngọn đèn Hoa Kỳ được vặn nhỏ lại bằng hột đậu, cách chỗ tôi nằm bây giờ không đến hai bước...Và bây giờ, một cánh bèo còn sót lại sau cơn sóng gió kia của lịch sử là tôi, đêm nay, giạt vào cái bến cũ này, chong mắt nhìn sững vào bóng tối ngoài mùng, bên tai đôi

tiếng muỗi vo ve, nhìn sững vào một mớ ảo ảnh của ngày qua nơi cố lý đang nhảy múa, đang dật dờ trong gian nhà cũ ẩm hơi mưa. *Nằm nghe quanh chiếu rộn tang thương*. Câu thơ của Vũ hoàng Chương đang thấm vào tôi, thấm đến lạnh cả người.

Tôi tung chăn ngồi dậy bật đèn.

Ánh điện dọi ra cái bể cạn ngoài sân. Cái bể cạn này được xây cùng lúc với toàn thể nhà vườn khoảng thập niên 20. Như vậy là nó gần 80 tuổi. Tám mươi năm! Cũng nhiều đấy chứ. Bao nhiêu là đám mây trời góp sương trên Thái Bình Dương mà đổ vào lòng nó. Bao nhiêu là bong bóng nước mưa đã nổi lên, đã vỡ tan, đã biến mất trên khoảng mặt nước rộng không quá sáu thước vuông. Có nhiều gương mặt quen thuộc, thân yêu đã từng soi bóng vào đấy những sáng có nắng xuân tươi mát hay trưa hè vắng lặng. Trong số ấy, cũng có khá nhiều bóng dáng nay đã *lên đường về chân trời cũ*, nói như Hồ Dzếnh. Một trong những cái bóng còn lại là tôi đêm nay thao thức mãi mà soi mình vào một hiện tại có nhiều nét mới mà cũng chập chờn rất nhiều hình ảnh cũ.

Chiều hôm qua, hai anh em tôi thả một vòng xung quanh nhà và vườn, tôi hỏi em tôi:

"Cái bể cạn này ngày xưa không có non bộ. Em mới làm?"

Em gái tôi, gốc Huế đã đành, nhưng mà lưu lạc ở bên kia bờ vĩ tuyến từ năm 1947, buông một câu tiếng Bắc nguyên chất:

"Vâng ạ."

Mấy hòn tiểu sơn được gắn liền với nhau bằng một lớp hồ trộn cát vàng thật mịn có chỗ còn mới quá, điểm dăm vệt xi-măng chưa có rêu. Nghĩ đến nét duyên dáng mặn mà trên gương mặt một thiếu phụ mà tôi thấy thoáng đâu đó ở khu Bolsa mấy hôm đi sắm sửa các thức trước khi về nước, tôi mỉm cười mà nói với em tôi:

"Phải qua mùa mưa này thì cái tiểu cảnh này mới cũ được, mới đẹp được. Có nhiều thứ, như rượu vang tốt, càng già càng đậm đà, mặn mòi."

"Em có biết uống rượu đâu mà phân biệt được đậm với nhạt. Ngoài cái chuyện mới cũ ra, anh thấy hòn non bộ của em có đẹp không? Của người cháu nội ông Cả Lé trên Thành Lồi xuống làm cho em đấy. Anh biết ông Cả chứ?"

Sao lại không? Cái ông Cả này đã nổi tiếng một thời nhờ ở cái tài góp nhặt vật liệu của đất trời mà tạo ra những tác phẩm nghệ thuật nuôi dưỡng được cái tĩnh trong lòng của nhiều vị hưu quan không còn nhơ đến danh, màng đến lợi, những cuộc đời đã bị sóng gió trên cái biển hoạn ấy nó làm tình làm tội đến điều. Nghe thuật lại rằng trước khi chết - khoảng đầu thập niên 30 - ông đã dặn kỹ con cháu là quan quách không được

dùng đến đinh sắt, cúng vái bên mộ đừng có đốt vàng bạc, bởi vì *kim* với *hỏa* là hai thứ tối kỵ trong những tác phẩm chỉ dùng rặt có nhiên liệu thuộc *thủy, thổ* và *mộc*. Người nghệ nhân ấy tin rằng, dù ông chết đi nhưng mà *kim* và *hỏa* gần huyệt của ông nó có thể ảnh hưởng đến đến cái *khí* mà ông đã truyền vào những hòn non bộ rải rác trong nhiều khu vườn cũ ở đây, do chính tay ông tạo ra. Chuyện nghe được từ hồi tôi còn nhỏ, theo cha tôi đến thăm một vị hưu quan dùng những năm tháng còn lại vào việc nghiên cứu Kinh Dịch. Không biết có thật hay không. Nhưng mà cứ tin là có cho đời thêm được một nét đẹp. Xưa nay tôi vẫn quí cái đẹp trong tấm lòng thành, trong cái thuần túy, những giọt mồ hôi và biết đâu lại không có cả một dòng nước mắt, mà những người nghệ sĩ chân chính đã từng gửi vào tác phẩm của mình.

"À mà cái thế của mấy hòn núi đá này nó nghiêng nghiêng. Anh thấy cũng lạ lạ." Tôi đưa tay khua một cụm bèo tấm trên bể cạn. Đã lâu không có dịp vọc nước.

Em tôi cười hóm hỉnh:

"Anh cũng khá đấy. Em kể cho anh nghe nhá. Dạo cuối hè, không rõ nắng nôi ra sao hay là lâu đời quá, cái bể cạn nó bị nứt. Em phải thuê người trám lại hai ba chỗ. Luôn thể em nghĩ đến chuyện xây non bộ. Một công hai việc. Hôm em mời anh Liêm, người cháu ông Cả đến xem cũng là đúng vào hôm em nhận được thư anh báo tin anh sắp sửa về nước. Mừng quá, em vui miệng nói cho anh Liêm biết. Thế là anh ấy chọn ngay cái cảnh rất là... hợp tình hợp lý. Nó có một cái tên đặc biệt lắm."

Vẫn nét cười nghịch ngợm trong mắt, em tôi im lặng. Tôi tò mò:

"Tên chi?"

Em tôi chầm chậm ngắt rời từng tiếng:

"Lãng...Tử...Hồi...Đầu."

Tôi trợn mắt, vờ giận dữ mà xổ ngay giọng Bắc:

"Con này láo thật! Dám trêu tao. Anh về thăm nhà. Về lo việc nhà. Chứ còn suốt cả cuộc đời tôi, tôi sống theo cái sở thích của tôi. Có ân hận áy náy gì mà cô lại bảo anh phải hồi đầu với hồi đuôi."

Em tôi cười ngặt nghẽo:

"Thì để em nói hết hẵng nào. Mà ai bảo anh hỏi. Mấy hòn đá được xếp nghiêng này nó nằm ở cái thế mà anh Liêm gọi là vọng cố hương. Anh chả vọng cố hương là gì. Còn lãng tử hay không thì có anh biết lấy anh chứ ...có giời mà biết được."

Cái tinh nghịch của em tôi cũng làm tôi vui lây:

"Cô học ở đâu cái lối nói ỡm ờ này vậy? Hôm nào rảnh anh kể chuyện... đời anh cho cô nghe. Chả có gì lạ, chỉ có một đôi chỗ sái với ...

cái... *văn phạm* của người đời. Thành thử..."

Chờ một lúc không thấy tôi nói gì nữa, em tôi hỏi:

"Thành thử sao anh?"

Tôi tủm tỉm trêu lại em gái tôi::

"Anh đã nói để hôm nào rảnh mà. Mà ai biểu cô hỏi làm chi. Bây giờ nồi chè đậu ván của cô nó đang chờ anh trong nhà... Với lại, có nhiều thứ chuyện mà kể hết ra thì là... sái văn phạm!"

Em tôi đưa tay tạt nhẹ mấy giọt nước trong bể cạn vào người tôi:

"Anh quỉ quái thật."

Hai anh em tôi cười dòn bên bể cạn. Từ hôm về đến Huế cho đến chiều hôm qua, tôi lại mới có dịp cười ngon lành như vậy. Tôi đang cố nhớ lại, nghĩ đến những tiếng cười khác của ngày cũ trong gian nhà này. Nhưng mà cái thứ ánh sáng này của khoa học lại đưa tôi về nét leo lắt vàng vọt của một cây đèn dầu phụng ngày trước. Tôi thao thức mãi trong cái tịch liêu nơi nhà cũ giữa một đêm thu có mưa Huế dai dẳng, rót xuống thôn Vĩ Dạ này bao nhiêu là nỗi niềm khắc khoải, bao nhiêu là bóng dáng chập chờn... *Gối loan trằn trọc...năm canh*...Câu mở đầu cho một bản Nam Bình này, rung lên từ đầu môi của một ca cơ tài danh, có một lối hát tình tứ cơ hồ níu được những gót bước lang thang của tôi, vốn không bao giờ muốn cho tơ lòng mình bến rễ ở một bến một bờ nào cả, dù chỉ là rễ bèo nơi chân sóng, câu Nam Bình này mà tôi vừa nghe cách đây chừng hai trống canh, giờ này tự nhiên mà ai hoài quá. Điệu nhạc này thoát thai từ cung điện Chiêm Thành để biến thành lớp sóng âm trang trọng mà dư ba đã dứt hẳn bên lầu Ngũ Phụng trên cửa Ngọ Môn, đang khiến tôi nghĩ đến cái hận vong quốc trong cõi lòng của nhúm người Chàm lơ thơ sống ở vùng Bình Thuận, Phan Rang, Phan Rí, sống vất vưởng như những oan hồn mà nghiệp dĩ không tạo nổi một chốn nghỉ ngơi, dù là nghỉ ngơi tạm thời. Tôi nhồi kỹ một cối thuốc. Châm cũng rất kỹ để thấy rằng cái đậm đà của một hơi khói thuốc mặn mà lúc này là cả một liều thuốc an thần. Nó dẹp được một thứ sóng gió quả là bất kỳ trong tôi.

Bịn rịn một lúc lâu với mấy người nhạc công lúc tiễn họ ra cổng vào khoảng giữa hai cơn mưa, tôi trở vào nhà, tai còn nghe được giọng trong trẻo của người ca cơ ấy:

"Tụi em chừ ...nhiều khi vì đồng tiền ...chớ còn người biết nghe ca Huế mình có khi cả năm không gặp được một ai. *Nước Non Nghìn Dặm* của mình thấm thía rứa mà có bữa, mới bắt vô sắp nông* thì họ húp bún bò xùm xụp, còn la to lên mà đòi thêm tương ớt nữa. Nhiều khi cũng tủi lắm anh nạ. À, cái bài *Gối loan trằn trọc* nớ, mạ em vẽ (dạy) cho em khi em mới có mười tuổi. Lâu lắm mới gặp người đòi nghe cho được. Cám ơn

anh. Dạ thôi, xin phép anh."

Thật ra, rằng chính tôi là người phải cám ơn mấy người nhạc công, người ca cơ ấy. Về Huế chuyến này, lụt lội, tôi không đi thăm thú cho được đủ những nơi ngày xưa tôi không có dịp để chân tới, nhưng mà, qua lời giới thiệu của một người hết sức quan tâm đến nền cổ nhạc nước mình, nhạc sĩ Tôn Thất Tiết, tôi lại được thưởng thức tài nghệ của một nhóm nghệ sĩ tài danh bậc nhất ở cố đô. Họ đã đội mưa lặn lội đến tận nhà tôi mà nhấn một tiếng đàn tranh, nắn một tiếng đàn nguyệt, búng một tiếng đàn bầu, cất tiếng mà ngân một bài Cổ Bản, một câu mái nhì. Mà kể như vậy thì không chi cũng bõ cái công xếp vó mười mấy tiếng đồng trên máy bay.

"*Nước Non Nghìn Dặm* của mình". Hai tiếng "của mình" nghe ấm cúng quá, thân mật thiệt. Mà tôi cũng hiểu rồi. Nếu không vì đồng tiền thì có biết bao nhiêu người lại không bỏ ngay cái nghề của mình, dù là nghề tay phải đi nữa, để mà... Và câu tâm sự khá chua chát của một người tài hoa đã phải nuốt chút hận vì cái bạc bẽo của người đời đối với nghệ thuật của mình, câu nói ấy vô tình đã làm sống dậy trong lòng tôi hình ảnh của những giờ phút vinh quang, mà cách đây cũng đã lâu lắm rồi tôi đã thấy tận mắt, của Arthur Rubinstein tại Salle Pleyel, của Jacqueline Dupré ở Festival Hall, của Yehudi Menuhin ở Royal Albert Hall. Vinh quang trong những đợt vỗ tay kéo dài hằng mấy phút không ngớt đã đành, mà vinh quang ngay từ lúc cử tọa nín thở mà chờ những ngón tay bậc thầy ấy vẫy vùng trên bàn phím, trên bộ dây.

Giữa cái vắng lặng của gian nhà cũ mà tiếng mưa thu rả rích trên những tàu lá chuối rách nát ngoài hiên càng làm tăng thêm vẻ tịch liêu, buồn cho tương lai khá mờ mịt của cổ nhạc Huế, tôi lại nhớ đến lời thở than của một nhạc công sau đêm nghe ca trù ở Hà Nội:

"Vâng, thỉnh thoảng cũng có một vài người ở nước ngoài về, muốn nghe chúng tôi đàn hát. Nhưng mà họ nghe vì tò mò thôi. Ít ai biết đến cái hay của sênh phách, của tiếng trống, của đàn đáy. Thú thật với ông, lắm lúc cũng nản."

Người thanh niên đàn đáy đã thổ lộ tâm tình với tôi vào một phút nghỉ tay mà nhấp một hớp trà Bắc Thái khá đậm. Trước đó mấy phút,tiếng đàn đáy ấy đã níu chặt lấy một giọng ca trong trẻo, già dặn. Giọng ca của một ca cơ thanh tú mà mớ tóc mun đã được lồng gọn trong một cái bao nhung đen vấn quanh đầu, buông một cái đuôi gà có đến hai ba cái dấu hỏi rất lững lờ. Người ca cơ ấy, có một tấm nhan sắc dễ làm xiêu lòng một kẻ trót mang trong người rất nhiều hệ lụy với ảo ảnh của thanh sắc là tôi, người ca cơ ấy cũng là tay phách đã nắm được cái chân truyền của một bộ môn nghệ thuật đang nghiêng vào cái bóng xế của chính nó.

Ngồi lắng nghe nhịp phách, tiếng đàn, giọng ngân đang quyện lấy nhau trong một bản hòa âm mang nặng cái nghiệp dĩ của những thứ không thể lìa nhau được, ngồi nghe tiếng trống chầu khi gắt gỏng, lúc hiền từ, tôi đã nghĩ đến một cuộc tình có những vướng víu thiết tha của duyên mới bén, e ấp mà không dám thú nhận, dại dột, si mê.

Giữa một đêm thu của Hà Nội đã đi ngủ sớm, người ta đã đưa cái roi chầu mà mời tôi điểm cho cái mối tình ấy vốn là cái quấn quít của dây tơ, nhịp phách và giọng hát của con người, khi thấy bàn tay tôi cao hứng là nhịp theo những khổ nhặt khoan của một bài Hát Nói có một đôi câu khá dài đã phải chuyển sang lối bắt gối hạc. ...*khéo dối khách...ứ ư ừ... mà trêu người ừ ư ...cho Tư Mã khóc ừ ứ ừ*...Nhưng mà tôi đã cạn ly rượu bỏ dở từ lúc những nhịp phách dồn bắt đầu dội vào lòng tôi nhiều lớp sóng cảm hoài, mà khua tay, mà chối từ.

Nói cho ngay, cả cuộc đời tôi, dối lòng mình cho mấy rồi thì cuối cùng tôi cũng rụng vì cái quyến rũ của thanh sắc, dù là chỉ cái quyến rũ nhất thời. Nhưng mà vào cái lúc sương thu Hà Nội đang len dần vào căn phòng có nhiều những âm thanh não nuột, tôi không muốn đùa với nghệ thuật. Tôi không muốn đem những bước chập chững của tôi trên đầu ngọn roi chầu mà giỡn với cái thuần thục của những ngón tay điêu luyện, giọng hát lão luyện. Làm như vậy là vô lễ với nghệ thuật của người ta.

Nếu như là ngày trước kia, ngày còn trẻ, thì tôi cũng không ngần ngại chi mà không cầm lấy cái roi chầu ấy mà học thêm, mà luyện cho kỹ một cái thú mà tôi đoan chắc là nó có thể đưa mình đi cho đến chỗ say sưa tận cùng của một lối thưởng thức âm nhạc. Nhưng mà bây giờ gánh thêm một cái đam mê nữa, vay thêm một món nợ mà không biết mình có trả được hay không tôi bắt đầu thấy ngài ngại ở tuổi mà cái sầu vạn cổ mỗi ngày nó thêm chĩu trên cái kiếp người trăm năm, nói như bài *Tương Tiến Tửu*. Bởi vì đời là một ông chủ nợ rất khắc nghiệt, mà những người mê cái Đẹp của âm thanh, của sắc màu như tôi, vốn liếng có là bao...ngoài một chữ Tình. Châu báu của lòng tôi, tôi phung phí quá nhiều rồi. Còn chi! *Sòng đời thua đến trắng hai tay*...Để rồi đêm nay ngồi nghe từng trận mưa đều đều đổ xuống mái cũ, tôi chợt hiểu tại sao câu thơ ấy của Nguyễn Bính đang dội vào lòng tôi những nhịp sóng sầu lãng đãng...nhịp nhàng... liên miên...bất tận....

Bởi vì, chút tình còn lại trong lòng một người đã mòn gót ở nhiều chốn thuộc về tha hương, vốn có nghĩa đen của nó là quê của kẻ khác, bây giờ ngồi ngay trong nhà cũ của mình mà nhớ thương bao nhiêu là người cũ cảnh cũ, tôi biết trao cho ai, gửi vào đâu bây giờ trời đất ơi!.

Chỉ có một quãng đường từ nhà tôi, gọi cho thơ mộng là ở cuối thôn

Vì, lên đến cầu Trường Tiền mà nhiều lần tôi đã phải quay gót lui tới để tìm nhà một người bạn cũ, một cây mít, một cây nhãn, như một kẻ nghèo khó quanh quẩn tìm đồng xu cuối cùng trong tay vừa mới lỡ đánh rớt xuống đường. Chỉ có một quãng đường mà đã biết bao là đổi thay ngoài đời, bao nhiêu là mất mát trong lòng. Thì thôi, nhắc làm chi bao chuyện khác trên cái xứ Huế này.

Tựa mình vào thành cầu Trường Tiền cách đây mấy hôm vào một buổi chiều tạnh mưa, hết nhìn xuống giòng Hương hình như đã vắng hẳn những tiếng *hát cạy*, chỉ còn những con đò gắn máy, tôi lại đưa mắt về phía núi Ngự Bình ẩn hiện sau những đám mây chiều xám xịt giữa một bầu trời ẩm hơi mưa, tôi sực nhớ hai câu của Lưu Vũ Tích:

Nhân thế kỷ hồi thương vãng sự
*Sơn hình y cựu chẩm hàn lưu***

À, thì ra lòng mình cũng vậy đó, cũng là cái tâm sự của người đời muôn thủa đã bao lần (kỷ hồi) xót xa, ngậm ngùi cho chuyện đã qua, còn nhìn ra thì dáng núi muôn thủa vẫn gối đầu (chẩm) lên giòng sông lạnh. Động từ "chẩm" quả là tuyệt diệu, tạo ra được cái *tĩnh* của núi sông bên cạnh cái *động* của...việc đời. Mà đâu đó, trong một tập thơ của anh Bùi Giáng, tôi cũng đã bắt được một cái tứ na ná hai câu của Lưu Vũ Tích:

Dạ thưa xứ Huế bây giờ
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương.

Dạ thưa là giọng nhỏ nhẹ của một nữ sinh Đồng Khánh. Khỏi nói. Còn cái thần trong hai câu trên đây của anh Bùi Giáng, nó đột ngột hiện ra ở hai chữ *bây giờ*. Bởi vì muốn sống với *xứ Huế bây giờ*, hẳn anh đã phải thao thức với Huế nghìn trước, băn khoăn với Huế nghìn sau. Chỗ hàm súc mà cũng là chỗ tuyệt bút trong thi tài của anh Bùi Giáng nó hiện ra trong những điều anh không nhắc đến. Anh đã lược hết mọi thăng trầm vinh nhục của bao lớp người ở chốn này, anh đã gạt qua một bên bao nhiêu là thịnh suy, hưng phế, tồn vong từ khi mảnh đất này còn là châu Ô châu Lý cho đến...*bây giờ*. Anh đã để cho mạch thơ của người xem thơ anh, tự nó khơi lấy những cảm hoài riêng của mình.

Dạ thưa xứ Huế bây giờ
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương

Hay thiệt! Hai câu không có thương nhớ chi cả mà xốn xang lạ lùng. Xốn xang hơn cả trận mưa này càng về sáng càng nặng hột, càng tầm tã. Bên ngoài cửa sổ, từng đợt mây chầm chậm trải rộng, trải dài ra mãi ra giữa một bầu trời màu chì. Và ngoài xa nữa là một vệt chân trời mới hé, màu thủy ngân. Chừng sáu tiếng nữa là tôi lại phải rời Huế rồi. Theo thói quen, tôi lục quyển sổ tay định ghi lại tâm trạng của mình giữa một đêm

Một lần Huế-Quảng
HOÀNG LỘC

Một lần tôi ở Quảng ra
nắng thơm màu lụa vàng hoa nội thành
chân đi - một bước - không đành
ai xua thiệt chẳng khác mình chút mô.

Một lần em ở Huế vô
sông Thu ngày hạ miếng đưa đỏ lòng
lạ đường mỏi cẳng em không
con chim chi đợi nước ròng mới kêu?

Quê nhau cách mỗi chân đèo
chiến chinh mùa cũ dau chiều Hải Vân...
Rứa thôi. Chi rứa. Một lần
Ta buơng theo những thăng trầm mà qua.

Để rồi khi ở Quảng ra
nắng phai màu lụa vì hoa bớt vàng
Em về một bến sông Hương
tìm thăm mới biết đò ngang không bờ

Để rồi khi ở Huế vô
hiếm hoi cuối hạ còn đưa đỏ lòng
một lần mỏi cẳng em không
con chim xưa chẳng nước ròng cũng kêu.

mưa nơi cố quận. Nhưng mà vừa cầm lấy cây bút, tôi đã xếp quyển sổ lại. Chữ đâu mà ghi cho hết cái nức nở của một tiếng đàn bầu, cái ngọt ngào của một giọng hát, cái đạt, cái thoát của nhà thơ "điên" vùng Ngũ Phụng Tê Phi. Trưa nay, máy bay rời Phú Bài, cánh bèo này lại nổi trôi ... tha hồ mà bồng bềnh tâm sự với Huế *bây giờ*.❐

*__sắp nông__ là chỗ gần cuối của một bản Nam Bình, nhạc lên thật cao. Thí dụ: trong bản *Nước Non Nghìn Dặm*, __sắp nông__ bắt đầu ở câu *Dặn một lời Mân quân nghe chuyện....*

** trích bài *Kim Lăng Hoài Cổ* của Lưu Vũ Tích

Loạn kiêu binh

Nam Dao

Lời Tòa soạn: *Sau khi Văn Học đăng vở kịch "Treo Đầu Dây Quan Họ" của Nam Dao, dư luận bạn đọc đối với vở kịch thật nhiệt tình và hào hứng. Lâu lắm mới có những phản ứng đáng mừng như thế đối với một kịch bản, một bộ môn lâu nay bị bỏ quên trong sinh hoạt văn chương hải ngoại. Điều đó chứng tỏ khi một tác phẩm văn chương có giá trị thực sự ra đời, dù viết dưới bất cứ thể loại nào, công chúng thưởng ngoạn cũng nhận biết ngay lập tức giá trị đó và hân hoan đón nhận.*

Trước khi viết "Treo Đầu Dây Quan Họ", Nam Dao đã hoàn tất một cuốn tiểu thuyết lịch sử lấy bối cảnh thời Lê Trịnh-Tây Sơn đầy biến động, nhan đề cuốn truyện là "Gió Lửa". Văn Học đã trích đăng một lần cuốn tiểu thuyết này trên Văn Học số 146. Lần này, Văn Học xin trích đăng một chương khác: Loạn Kiêu Binh. Tác giả sẽ cho in cuốn tiểu thuyết giá trị này trong năm nay.

Không biết từ đâu chim từng đàn bay về khoảng giờ Dậu. Tiếng chim quang quác ríu lên thảng thốt như bị săn đuổi làm náo loạn dân hàng phố sống ven hồ Thủy Quân. Họ kéo nhau ra ngơ ngác đứng xem. Từng đàn chim nháo nhác bay dọc, rồi bay ngang, lắm khi tưởng như sắp xô vào nhau, nhưng lại túa ra, bốc lên cao, sà xuống thấp. Đầu giờ Tuất, chim đậu đen nghịt tháp Rùa.

Sáng hôm sau, cánh chim bay che rợp mặt trời, tới giờ Ngọ mà trông cứ tưởng chừng như là trời đã tối. Rợn nhất, vẫn là tiếng chim kêu. Tiếng chim có lúc chíu chít như kim chích vào não bộ, có lúc lại o o tựa như cơn sốt của nước sông Nhị lên vỗ mặt đê. Bỗng nghe ầm ầm như tiếng súng thần công. Bàn dân bảo nhau rằng nhà Chúa bắn súng để đuổi chim. Chim lại nháo nhác, bốc lên tít cao, nhưng vẫn bay quanh, hàng đàn, hàng đàn,

rít lên đinh tai nhức óc.

Cứ như thế, hai ngày liền. Sáng ngày thứ ba, chim sống bay hết đi đâu không còn một bóng. Còn chim chết đầy đường, chẳng biết cơ man nào mà kể. Người ta đi xúc xác chim rơi hàng xe bò mang đi đổ. Các cụ xì xào kể với nhau rằng điềm gở này đã xảy ra cách đây hơn ba trăm năm, cũng vào độ tháng chín năm Nhân Dần, ngày Thái sư Trần Thủ Độ chôn sống ba trăm người tôn thất nhà Lý.

Trong hai trấn Thanh-Nghệ, lại hạn hán. Nạn đói đẩy cả vạn người thất thểu đi về xuôi, bồng bế nhau, mắt trắng dã vô hồn trên những khuôn mặt vêu vao sạm đen vì nắng gió. Họ lê bước, im lặng đi, không còn đủ sức kêu xin, chỉ nhìn rồi chìa tay ra, khóe mắt lóe lên một chút hy vọng như ánh đèn dầu đang lụn dần.

Hoàng Tế Lý nhân danh Chúa ra lệnh lấy gạo trong kho ra phát chẩn. Hết gạo kho, Lý phái thừa sai đến những điền ấp ở hai hạt Thái Bình và Nam Định thu gạo. Đám điền chủ nhất định không chịu. Bọn quan quân địa phương được đút lót ngầm cũng lơ đi khiến Lý bắt buộc phải mua gạo. Giá quá rẻ, đám điền chủ từ chối không bán. Lý phái hai nghìn quân từ đồn Hạ Hồi đến nơi, nhưng không vào được bởi đám điền chủ đã trang bị giáo mác cho tráng đinh và đắp lũy phòng thủ. Khi ấy, người chết rải rác khắp chốn, xác nằm trên đê, dưới bụi, chương sình lên, mùi thối xốc vào mũi trong cả một vùng rộng đến hai huyện. Nạn dịch hạch lan ra, ban đầu chỉ ở Ninh Bình, nhưng chỉ độ tháng sau đã thấy người chết vì dịch ở vùng ven đô. Dân đất thượng Kinh cũng bắt đầu nhốn nháo.

Khi điềm chim bay về kêu liền ba ngày, họ khảo nhau rằng nước đang đổi Chúa, quyền hành thế nào cũng vào tay Hoàng Tế Lý. Họ đồn rằng Lý đã tư thông với Tuyên phi Đặng Thị Huệ. Chẳng bao lâu nữa, khi Thế tử Trịnh Cán oặt oẹo chết đi, Tế Lý sẽ liền tay cướp ngôi, ứng vào câu sấm "Nhất thỉ trục quần dương" nghĩa là "Một con lợn đuổi đàn dê". Họ xì xào nhắc là Lý tuổi Hợi, còn Tiên Chúa Trịnh Doanh và Tĩnh đô Vương Trịnh Sâm đều là tuổi Mùi. Về phần Cán, họ nói ra miệng với nhau là con riêng của Huệ và Lý, đặt ra câu vè:

Ve vẻ vè ve
con rồng làm Vua
con rơi làm Chúa
...

Lý giận lắm, ra oai bắt xẻo lưỡi ở chợ năm bảy người, làm thiên hạ ai nấy sợ, không còn dám nói năng gì nơi công cộng.

Cũng thời gian đó, Lý đã triệu được Lê Duy Trác, hiệu là Hải Thượng

Lãn ông từ Hương Sơn về trị bệnh cho Cán. Bọn quan thị-y và thị-dược ganh ghét với Lãn ông, chê bai dèm pha khiến Huệ nghi ngờ. Ban đầu, bệnh Cán có giảm, đã ăn uống được sau khi uống sáu thang thuốc do Lãn ông bốc. Thấy vậy, đám thị-dược sợ bị thất sủng, tự tiện gia giảm toa thuốc. Cán lại đau ốm trở lại, mạch Thốn mạch Xích yếu hẳn đi. Huệ không tin Lãn ông nữa, dắt vào nơi giam Đặng Thị Mai, đay nghiến: "Phá cái thai trong bụng nó đi. Thuốc ông không cứu được người thì chắc giết được người!". Sau, Tế Lý biết việc, cùng Lãn ông đến bắt mạnh lại cho Cán, tự mình giám sát việc thuốc thang. Lãn ông xem mạnh rồi lắc đầu xin về. Lý mang hết đám thị-dược ra chém, nằn nì xin Lãn ông cứu Cán. Lãn ông đưa cho Lý một toa thuốc, nói:

- Nếu Thế tử qua mùa đông thì còn cứu được. Nay cứ tạm dùng thuốc này cầm cự.

Thở dài, Lãn ông ngửng mặt lên trời như cầu xin:

- Sống chết là do Hoàng Thiên, Trác này mà làm gì được!

Lý tiễn Lãn ông, đưa tặng hai mươi lạng vàng. Lãn ông sụp xuống tạ ơn nhưng không nhận, miệng nói:

- Bẩm Thượng quan, Trác xin một việc.

-???

- Xin đừng phá cái thai trong bụng một người đàn bà đang bị giam trong cung Đặng Tuyên-phi.

Nhật ăn cơm xong, mắt nhắm mắt mở định bụng ngủ trưa, chợt nghe tiếng chân ngựa, rồi tiếng hớt hải:

- Võ tướng quân! Có lệnh quan gọi...

Nhật nhìn ra, lão Hài bương bả bước lên thềm, chòm râu bạc thếch chổng lên qua hơi thở phì phò như kéo bễ. Lão là lính từ thời Chúa Trịnh Doanh, đánh đông dẹp bắc, rồi phò Chúa Trịnh Sâm vào chiếm lấy Phú Xuân cách đây gần một giáp. Người lính già chất phác, suốt đời mở miệng chỉ biết một điều hai điều là "nhờ ân Chúa...". Không vợ không con, bổng lộc riêng tư lão Hài chia một phần cho bọn lính trẻ uống rượu, đứa nào cũng gọi lão là Bố-già. Chẳng phải chỉ có quân, mà ngay cả quan cũng quen miệng gọi lão như vậy, nên tên cúng cơm là Hài chìm vào quên lãng, có lẽ là chỉ độc có lão là nhớ được. Nhật ngồi lên, hỏi:

- Chuyện gì đấy Bố-già?

- Đi, đi ngay... Tôi suýt chết vì tay Phò mã Đặng Mậu Lân đấy. Sử-Trung hầu bị chém bay đầu rồi!

Trên đường đến Chính-phủ, Bố-già kể lại. Đêm qua Lân say rượu nằng nặc đòi vào phòng công chúa Ngọc Lan, thị nữ bị hắn đánh đuổi, réo

gọi nhau chạy. Sử-Trung được Trịnh Sâm phó thác kề cạnh công chúa chạy ra can:

- Phò mã, Chúa dặn là công chúa vẫn chưa lên đậu, chẳng thể chăn gối được. Xin ngài bớt giận.

Lân quát:

- Chúa, lúc nào mở miệng ra là Chúa. Ta ngủ với vợ ta mà nhà Chúa cũng ngăn, cũng cấm, thì là làm sao? Mà nhà Chúa là cái đếch gì? Con ranh vô dụng kia - Lân chỉ tay vào Ngọc Lan - để lâu không sờ vào thì nó mốc ra, quí báu gì!

Sử-Trung quì xuống, dập đầu:

- Xin Phò mã chớ nói nặng. Nhà Chúa hai trăm năm nay tiếp mệnh Trời cai quản thiên hạ, không phải là thường, ngài nên giữ mồm giữ miệng...

Lân nóng mắt thẳng chân đá một cái, Sử-Trung văng vào tường, mếu máo đứng lên. Ngọc Lan nằm trên sàng, xiêm y bị xé rách toạc, lõa lồ nằm co vào, sợ đến độ chỉ ú ớ rên rỉ gọi "ới cha ơi...", nước mắt nước mũi ròng ròng. Lân quay lại hét:

- Câm miệng! Quí báu đéo gì!

Quay sang Sử-Trung, Lân rít lên:

- Còn mày, đi khỏi đây ngay...

Sử-Trung lắc đầu thì Lân rút phăng kiếm ra, chẳng nói chẳng rằng cầm kiếm lia ngang một nhát. Máu Trung phụt ra từng vũng, tung tóe bắn vào mành, vào chăn, vào gối... Lân sững sờ, tỉnh rượu, cuống lên quát thủ hạ đóng cổng dinh, canh gác không cho xuất nhập. Một người thị nữ của Ngọc Lan chui qua ống cống về phủ Chúa báo.

Nghe tin, Trịnh Sâm điếng hồn, vời ngay Hoàng Tế Lý đến. Lý ôn tồn:

- Công chúa còn ở đấy, Phò mã Lân nổi điên nổi dại lên thì ném chuột sợ vỡ bình.

Nói xong, Lý sai Bố-già đến dinh đòi Lân vào phủ Chúa. Lân sai người ra kiếu ốm,bảo đang đau bụng. Bố-già nhất định không về, gọi to:

- Đặng Phò mã, việc gì mà phải sợ...

Nghe đến chữ sợ là đúng chóc bụng mình, Lân nổi cuồng lên, vác đại đao sồng sộc chạy ra, tay quơ chém loạn xạ, miệng hét:

- Việc đéo gì mà tao sợ đứa nào.

Bố-già đành chạy về báo quan Chánh đường. Lý bảo đến mai xem động tĩnh, rồi sẽ tính. Trong bụng, Lý thừa hiểu là Lân sẽ nhụt dần, nhưng biết là Chúa bị ép nên mới đành gả con nên nhân thời cơ nhất định không

nương tay mặc dầu biết Lân là em ruột Tuyên-phi Đặng Thị Huệ. Buổi sáng Lý vào chầu Chúa. Chúa bồn chồn phán: "Nó thế thì cứ giết quách đi. Chém sứ của Chúa theo phép là tội tử hình. Vậy nó chống cự, cứ việc, khỏi phải xét xử gì nữa".

Lý liền vời Nhật đến. Sau khi gặp Lý, Toàn Nhật và Bố-già cùng một toán lính đội Trung Kính thẳng đường đến dinh Mậu Lân. Cổng dinh đóng kín, trên nóc nhà thấp thoáng có bóng xạ thủ. Nhật dàn lính ra, rồi tay xách kiếm, một mình vào trước cổng, quát:

- Lệnh của Chính-phủ, mở cổng!

Không động tĩnh gì, Nhật lẳng lặng lùi ra, lấy đà phóng chân đạp. Đến lần thứ hai thì chiếc cổng đổ xuống. Nhật vẫy lính, từ từ tiến vào. Đặng Mậu Lân tóc xõa, tay cầm đao chạy ra, tru tréo, lồng lộn:

- A, quân nào dám phá nhà tao...

Toàn Nhật đứng sừng sững nhìn Lân chăm chú. Lân sựng người lại, ú ớ:

-... Mày giật roi tao ngày xưa phải không?

Nhật làm sao quên được cái cảnh Lân cùng đám thủ hạ quây người mắc bệnh hủi lại rồi nổi lửa thiêu sống. Dằn máu nóng đang bốc lên mặt, Nhật định thần, từng bước đi về phía Lân, không nói năng gì cả, mắt xoáy vào mắt Lân cái nhìn lạnh đến làm nước đóng băng. Lân hoảng sợ, chân cứ lùi dần, đến vách thì quị xuống. Tay trái, Nhật nắm lấy cổ Lân bóp lại, xách lên, rồi nâng bổng ép người Lân vào vách, gằn:

- Ngươi nói bậy một câu là ta vả vào cái miệng...

Liều lên, Lân chửi:

- Tổ cha mi!

Một tiếng bốp vang lên chói tai. Môm Lân đỏ lòe loẹt máu, nhổ ra một búng răng, mặt như hề bôi son trong những vở tuồng cổ.

Giải Lân về Chính-phủ xong, Bố-già và Toàn Nhật lững thững đi sang bến Hàm Như, nơi đóng quân của đội Tiền Hùng do Trần Nguyên Nhưng chỉ huy. Chiều hôm ấy, Nhưng mở tiệc mời bạn bè nhân ngày thượng thọ ngũ tuần.

Trà dư tiểu hậu, những lời đồn đãi hàng dân lại thành ra câu chuyện lính Tam phủ đem ra bàn bạc. Bố-già xưa nay vốn lừng khừng, sau dăm chén rượu, cũng mạnh miệng:

- Một họ nhà tôi đã ba đời nay sung quân tôn vua Lê, phò Chúa Trịnh. Riêng tôi, nay đây mai đó kể từ ngày biết cầm cái dao, cái kiếm, thờ hai đời Chúa, có đâu một dạ hai lòng. Ai chứ tôi, tôi sẵn sàng chết cho nhà Chúa, không để đứa nào tiếm ngôi được...

Đám thực khách cười rộ lên đồng tình. Bằng Vũ, nay là thư lại đội Tiệp Bảo, đổ dầu vào lửa:

- Tệ nhất là cái đám quan lại khoa bảng xưng là kẻ sĩ, miệng nói chữ Trung nhưng bụng thì chỉ biết chữ Lợi, đâm thọc, mưu này kế nọ, chỉ đợi Chúa băng hà là chia nhau lạm quyền... Cứ vây lại, chặn gạo bỏ đói thì

Nhất sĩ nhì nông

Hết gạo chạy rông,

Nhất nông nhì sĩ

Mọi người trong tiệc thích chí reo:

- Nhất nông nhì sĩ. Đúng đấy. Bọn sâu chữ có làm được gì! Xốc vác việc nhà Chúa là chúng ta cả.

Chén vào lời ra, chẳng ai kiêng nể gì tên quan Chánh dường và Tuyên-phi. Có kẻ lại phao rằng Thế tử Cán đã chết rồi, nhưng tiếng giữ kín, để Lý tiếm ngôi Chúa trước rồi mới báo. Nhưng Thế tử Tông thì sao? Cán chết thì ngôi Chúa lại trao về Trịnh Tông chứ? Liền có người nói rằng Tông đã bị Lý phát vãng về Sơn Tây, giao cho Quận Thạc Hoàng Phùng Cơ giam giữ. A, cái lão Quận Thạc cũng chẳng phải tay vừa. Biết đâu lão chẳng thừa cơ mang Tông về Kinh, lấy tiếng phù nhà Chúa mà đuổi Hoàng Tế Lý?

Những tình tiết bí hiểm, âm mưu lắt léo, tráo trở ly kỳ, kể ra hết những sự kiện không thể chối cãi được. Nghe chán chê, Nhật một mình lững thững tản bộ về phía bờ sông, ngồi nhìn nước chảy. Giòng nước đục ngầu như nước tù cứ loanh quanh như quẫn, xô vào đâu cũng là bờ là bụi, rác rưởi lênh đênh.

Một lát sau, Nguyên Nhưng và Bằng Vũ cũng theo ra. Ngập ngừng, Nhưng hỏi:

- Dân khảo, lính khảo như thế, chắc Nội Mật viện nắm hết, sao không thấy động tĩnh gì?

- Động tĩnh gì được trước lời đồn như gió bay? Nhật hỏi lại. Vả lại, từ ngày công tử Hoàng Đăng Khoa vào Phú Xuân, công việc của Nội Mật chắc cũng có phần lỏng lẻo...

Bằng Vũ ngần ngừ rồi nói:

- Vạn nhất có gì xảy ra, Toàn huynh liệu đứng ngoài xem hay muốn nhập cuộc?

- Nhập để làm gì?

Bằng Vũ như đinh đóng cột, chậm rãi:

- Để mở đầu cho cái thời "Nhất nông nhì sĩ".

Tiếng khò khè từ sập ngự xung quanh có treo những bức trướng thủy

tinh mỗi lúc một gấp gáp. Đặng Thị Huệ vạch trướng bước ra, tay vẫy một người nữ tì đứng gần, nói nhỏ vào tai. Lát sau, hai quan thị-dược vội vã bưng vào một bát thuốc sóng sánh màu đen biếc. Ánh sáng từ những ngọn bạch lạp để khắp phòng lung linh, chập chờn rọi vào những khuôn mặt khẩn trương, môi mím chặt, mắt nhìn xuống, chịu đựng, im lặng. Tiếng khò khè bỗng to lên, tưởng sắp tắt nghẹn, rồi lại nhỏ xuống, rên rỉ, lê thê kéo dài ra. Huệ xốc nách Sâm, đỡ đầu lên. Mặt Trịnh Sâm lúc này không còn thịt, chỉ vêu vao trơ xương, hố mắt trũng xuống sâu như cái chén hạt huyền, miệng há ra hớp không khí, nhe hàng răng lêu nghêu khấp khểnh đen sịt. Một thứ mùi thối khó tả xông vào mũi. Nó thum thủm, lại lẫn vào hơi chua như khi trẻ con ợ sữa, rồi nồng nặc mùi vôi đổ trên một đống rác lâu ngày chưa tiêu. Sâm hé mắt ra, thều thào:

- Mời Thánh Mẫu vào...

Khoảng ba khắc sau, mẹ già của Sâm vội vã đến, đứng bên cạnh sập, sụt sịt khóc. Sâm được đỡ chống người ngồi lên, mình dựa vào gối, nhìn mẹ:

- Con biết mình không còn ở lâu để phụng dưỡng mẹ, sắp về với cha nơi chín suối. Xin mẹ cứ yên hưởng tuổi già, việc phụng dưỡng do Tuyên-phi và Tự -vương thay cho con...

Thánh mẫu gạt nước mắt, ngẫn ngừ mãi, rồi nói:

- "Chị" thương con xót cháu, mà chẳng làm gì được với mệnh Trời. Trước khi con về với tổ tông, "Chị" xin thưa một điều: Tự-vương còn bé, lại yếu đuối trong khi Tông, đứa con "út", dẫu sao thì cũng chưa làm gì bại hoại, bất quá chỉ quá dại dột để bị lừa vào cái thế dấy loạn...

Thánh Mẫu nhìn Huệ, mím miệng tiếp:

- Nay, vì xã tắc và vì cơ nghiệp nhà Chúa, "Chị" xin cho Tông tạm ngôi Chúa đợi khi Tự-vương lớn khôn, lại xuống nhận phận con "út" như nay...

Sâm xua tay, lả người ra. Huệ sụp xuống chân Thánh Mẫu, khóc to, nói với Sâm:

- Chúa đi thì tôi cũng xin chết, chẳng muốn sống nhục trong nỗi ngờ vực oan khiên. Phụng dưỡng Thánh Mẫu đã có Tự-vương và các Đại-thần, có hay không có tôi cũng chẳng sao...

Sâm cố sức hổn hển:

- Mẹ lo cho xã tắc thì con không biết lo sao. Lúc này chưa nhắm mắt được cũng vì thế... Thằng Tông định làm phản cả cha lẫn em, đưa ngôi Chúa cho nó thì sự nghiệp họ Trịnh tiêu tan. Biết con, nào ai hơn cha. Thôi, xin mẹ về đi...

Thánh Mẫu lui ra, bắt gặp cái nhìn tóe lửa của Huệ, bụng thót lại,

không kìm được vãi ra ướt quần.

Sâm lại cho vời quan Chánh đường Hoàng Tế Lý, miễn lạy, chỉ tay cho ngồi cạnh sập. Lý tâu:

- Khải Chúa, còn những chuyện phải làm ngay. Một là xin Đức Vua sắc phong cho Thế tử Cán làm Chúa, hai là thảo ra "cố mệnh" chỉ định một số Đại-thần phụ chính cho Ấu Chúa.

Sâm giơ tay, chặn Lý:

- Tờ "cố mệnh" cậu lo thảo ngay. Đòi cho ta Quận Khanh và Quận Hoàn vào.

Quận Khanh là Trịnh Kiển, em Trịnh Doanh, vai chú của Sâm. Còn Hoàn đỗ tiến sĩ khoa Quí Hợi, trước làm Hữu- tri giảng dạy học cho Sâm, rồi lên đến chức Tham Tụng ở tiền triều, nay đã cáo lão. Sâm nói:

- Chắp tay lạy chú, lạy thày. Con bệnh nặng, nay sắp lìa đời, muốn Thế tử Cán lên nối ngôi Chúa, xin chú và thày đồng tâm hiệp lực giúp cho.

Nói dứt lời, Sâm lả đi, Huệ phải đỡ lấy giúp Sâm đặt mình nằm xuống. Hoàng Tế Lý quì xuống dâng trình tờ "Cố mệnh" nhưng Sâm chỉ xua tay lia lịa, miệng phùi bọt, lại thở khò khè. Khanh Quận công cầm bút phê vào những chỗ còn để trắng tên của bảy Đại-thần phụ chính. Ngoài Hoàn và Lý còn thêm năm người. Đó là Tứ xuyên hầu Phan Lê Phiên, Châu Quận công, Đàm Quận công, Diễm Quận công và Thùy Trung hầu Tạ Danh Thùy, toàn là hàng quan thị gần gũi với Thế tử.

Khi Quận Khanh hai tay dâng trình lên bản "Cố mệnh" thì Sâm mắt đã nhắm nghiền, miệng há ra hớp như cá hớp bọt.

Một quãng đời bốn mươi bốn năm quay về trong một chớp mắt. Sâm thấy một cậu bé trông giống mình. Nó lấy nhựa mít dính lên đầu sào ngồi rình chuồn chuồn, miệng ê a nho nhỏ: "Chuồn chuồn có cánh thời bay...". Rồi Sâm lại thấy Thái tử Lê Duy Vĩ. Nhìn vào mắt Vĩ, Sâm bảo: "Có Chúa này thì không có Vua ấy". Vĩ cười nhạt. A, cười hả? Sâm sai vào cung Vua bắt Vĩ. Trốn đi đâu! Bỏ nó vào ngục. Chưa bõ. Chém. Vợ con nó ư? Bắt, bắt ngay. Giam lại. Sâm mặc hoàng bào thắt đai đỏ dẫn đầu ba quân vào Phú Xuân. Mọi Tây Sơn đuổi Nguyễn Phúc Dương vào Gia Định, mặt bắc đâm ra bỏ trống. Xua quân vào lấy hết Hoan Châu. Cứ để chúng lục đục đánh nhau mặt nam. Phong hầu cho Biện Nhạc. A, cái phường gá bạc, quân vũ phu. Láo nhỉ? Nó dám xưng Đế. Ha, ha, thằng vua Mọi... Mặc nó, ta đánh giữ Phú Xuân, đẩy về phương nam ắt nó phải vào diệt bọn Nguyễn Ánh. Chúng nó kiệt sức thì ta vào thôn tính cả hai. Lê mạt rồi. Cứ xem Hiển Tôn bôi mặt diễn tuồng trong Hoàng cung để mà cười. Hai trăm

năm nghiệp Vương, đã đến lúc nối tiếp bằng nghiệp Đế cho họ Trịnh. A, Huệ ơi, Huệ yêu dấu... ừ, hôm nay ta làm ông hổ, được không? Ta vồ nàng, lấy chân móng sắc cào vào nhé?

Này, sao mày lại về đây Duy Vĩ? Mày vẫn theo tao ám hả? Tao cắt lưỡi mày, tao cắt lưỡi mày! Vĩ mặt xanh lè chẳng còn tí máu, cười nhạt:

- Đã đến lúc này mà còn hung hăng sao, ta bảo cho mi biết, họ Trịnh chỉ đương được nghiệp Chúa mà chẳng quá hai trăm năm. May thêm được hai ba năm nữa là cùng.

- Nói láo, tao đã thảo tờ "Cố mệnh", Tự-Vương được phù chính. Hoàng Tế Lý mưu cơ như thế, trời lại đưa Lý cho ta dùng, ắt rồi sẽ dấy nghiệp Đế cho mày xem.

- Thằng Cán chắc đâu là con mi. Ha ha ha... Mi có nghe lời thiên hạ đồn đãi không? Nó là con thằng Lý đấy! "Nhất thỉ trục quần dương", mi nhẹ dạ quá nên quên đi mất. Một con lợn rừng lại thêm vào một con rắn lục như con Đặng Thị Huệ, thì cái mạng con dê của mi đến ngày tuyệt... Mi có biết thuốc mi uống hàng ngày có độc dược không? Chính Hoàng Tế Lý bày ra đấy... Nói ra, cho mi chết mà không nhắm mắt được, ha ha ha...

Lúc đó là giờ Mùi ngày mười ba tháng chín năm Nhâm Dần. Chiếc đỉnh đồng đặt giữa phủ Chúa tự nhiên rung rinh phát ra những tiếng ken két như người nghiến răng. Một lúc sau, chiếc đỉnh đồng xoay tròn rồi nhích dần đến cửa sổ. Bỗng đâu cả trăm tiếng cú rúc ban ngày rờn rợn vang lên. Chiếc đỉnh đồng bị bốc lên cao rồi bay ra, xé toạc những bức trướng thủy tinh, rơi xuống vườn Uyển, nghe ầm ầm như tiếng đất động.

Sâm oặt đầu, miệng thổ ra một cục máu bầm, mắt trợn trừng trắng dã trong hai hốc đen đầy nước mắt. Đất nơi chiếc đỉnh đồng rơi xuống sụt sâu, nước ngầm tóe lên tuôn phùn phụt, lâu thành một cái ao. Còn cặp mắt Sâm, đúng là ai vuốt cũng không nhắm, tê cứng đi như làm bằng một loại kim màu sắt rỉ.

Bùi Bật Trực cũng người huyện La Sơn, xưa có học với Tiến sĩ Nguyễn Huy Oánh ở miệt Trường Lưu, làm Viên ngoại lang rồi mất quan, nhưng được Viêm Quận công cưu mang. Viêm Quận công là Quốc Cửu, đối với Chúa Trịnh Sâm là hàng bác, phú quí vinh hoa nhất nhì thiên hạ.

Trước kia, Trực lân la đến chơi với Trọng Thức và Toàn Nhật ở dinh Khương Tả hầu, viện tình đồng hương và cùng là con nhà danh giáo. Trực thích biện thuyết, than thân là viên ngọc quí ở chốn bụi đen, rất trọng Hàn Phi nên thỉnh thoảng lại mang lời Hàn Phi ra, bóng gió nói lên cái chí của mình. Hôm ăn thượng thọ của Trần Nguyên Nhưng ở bến Hàm Như, Bật

Trực cũng có mặt, ngồi nói rì rào với đám cấm binh, vẻ khẩn trọng, lo lắng.

Một tối, Trực mời Toàn Nhật và đám Bằng Vũ, Nguyên Nhưng đến dự tiệc nhân dịp thôi nôi đứa con trai. Đám khách quan gần hai chục người, trong đó có Gia Thọ làm thư lại cho Thế tử Trịnh Tông hiện còn bị giam lỏng trong Nội phủ. Chè chén đến độ ngà ngà, Gia Thọ mớm lời xoay chuyện, lại đề cập đến việc tiếm ngôi Chúa, chủ tâm dò xem ý tứ. Thấy không ai chống, Thọ lửng lơ:

- Thế tử Tông nóng ruột, thấy xã tắc bấp bênh, nhưng thân cô thế cô, tính mạng lại đang nằm trong tay bọn nghịch thần, chẳng biết xoay sở thế nào...

Một người râu xồm đứng lên nói ồm ồm:

- Nếu Chúa băng hà, Thế tử có chính nghĩa mà đứng ra thì mới nên chuyện, chứ cứ co lại sợ chết, hỏi ai làm gì được? Cấm binh Tam phủ là người từ đất "tắm gội" của bản triều, có ai nỡ để nghiệp nhà Vua nhà Chúa rơi vào tay bọn hoang dâm vô đạo!

Thế là nhao nhao lên mỗi người một ý, bàn tán xôn xao. Bằng Vũ đứng dậy, hai tay vỗ vào nhau khiến mọi người im lặng, rồi chậm rãi:

- Trong Kinh, quyền lực nào cũng phải dựa vào Cấm binh, kể cả Lý và Huệ. Vậy mà bọn ta là Cấm binh chứ còn ai vào đấy! Thế thì có gì là sợ... Trong bảy đội, chỉ còn hai đội phiên binh là chưa rõ ý, chứ ai cũng chỉ phò nhà Chúa, đâu có hai lòng. Đội Thị Kỵ thì nhỏ, thuận hay chống không là việc quyết định cho thành bại.

Quay về nhìn Toàn Nhật, Bằng Vũ hắng giọng:

- Riêng còn đội Trung Kính, anh em con nhà lính phân vân, chẳng biết Chưởng cơ nghĩ sao?

Cả bọn im lặng, mắt chăm chăm nhìn. Nhật mỉm cười, bỗng nhấc cả vò rượu lên tu ừng ực, tu xong nói:

- Các vị là bằng hữu, cứ theo nhân nghĩa mà làm thì Nhật này không chống!

Gia Thọ xen vào:

- Không chống nhưng không theo?

Nhật hỏi lại:

- Theo ai? Theo gì? Theo để làm gì?

Bằng Vũ thấy không khí căng lên, vội đứng dậy, nghiêm trang nói:

- Thưa các vị bằng hữu, Vũ này ở lính đã hai mươi năm, kể ra không gọi là ngắn được. Lính chúng ta xuất thân từ dân dã, gốc gác nhà nông, dẫu có tí chút học hành thì cũng không quên người làng xóm mình cày sâu cuốc bẫm, mang hột gạo hạt thóc về nuôi cả nước. Thời bình, cái ăn là

từ mồ hôi nước mắt của ta. Thời chiến, thì cũng lại xương máu của ta mang về để bảo hộ giống nòi, yên bề xã tắc. Thế mà từ ngày Vũ này biết nhìn biết nghĩ thì chỉ thấy dân đã chúng ta chịu sưu cao thuế nặng, còng lưng cam chịu sự o ép của đám cường hào đã lươn lẹo thông đồng với đám quan lại ở Phủ, ở Huyện, thật là cay cực không sao tả xiết. Vừa đây, dân hai trấn Thanh-Nghệ lại chết đói đầy đường, thây nằm rải từ sông Lam đến núi Tản, càng nghĩ càng đau lòng xót ruột...

Vũ cảm động, nghẹn ngào tiếp:

- Thưa các vị, dịp này Cấm binh ta giữ nghiệp Chúa không để bị soán đoạt cũng là dịp ta tâu trình để xin bỏ hết sưu dịch, giảm tô giảm thuế trong ba năm, để dân đen được thở ra... Vậy theo ai, ta theo nhân dân. Theo gì, ta theo đạo nghĩa, đền bù kiêm ái những người khốn cùng. Theo để làm gì? Để bắt đầu một xã hội công bằng cho kẻ tay làm thì hàm có quyền nhai, không để ai đi bóc đi lột mình... Vâng, một xã hội công chính, căn bản là nông. Còn tầng lớp Sĩ, Phú, Địa, Hào? Phải đánh tận gốc, trốc tận rễ...

Thời gian bỗng như chùng xuống. Lời Bằng vũ bay bổng mang sức mạnh một giấc mơ từ lâu đời. Cả đám thực khách cứ thế vỗ tay hò:

- *Đánh tận gốc, trốc tận rễ.*

Nguyên Nhưng đứng dậy, vòng tay rồi nói:

- Các vị bằng hữu, về cứ nói cho mọi người tỏ cái đồng tâm, đồng chí của chúng ta, và hẹn ngày rằm lên chùa trên núi Khán Sơn cùng nhau cắt máu ăn thề.

Toàn Nhật là người ra về cuối cùng. Đến cửa Bật Trực nắm tay:

- Chắc Toàn huynh cũng bắt buộc phải nhập cuộc rồi.

Nhật cười khẩy, hỏi lại:

- Còn anh?

Trực thâm trầm nhìn lên, rồi thủng thỉnh:

- Nhập thôi!

Nhật nheo mắt hóm hỉnh:

- Đừng quên mình là Sĩ đấy. Đào tận gốc...

Bật cười, Trực nói như đùa:

-... rồi cũng có lúc họ cần người biết đọc biết viết chứ, phải không?

Xế chiều hôm Sâm lìa đời, Vua Lê Hiển Tôn hạ sắc phong Trịnh Cán làm chúa, hiệu là Diễn-đô vương. Đặng Thị Huệ và bảy vị quan Đại-thần phụ chính cũng nhận được những lời phủ dụ từ Hoàng cung. Cán mặc sắc phục tước Vương, ra sập ngồi cho hai hàng quan văn võ lạy chào. Sau, Diễm Quận công bế Cán vào Huỳnh cung ra mắt Thánh Mẫu.

Quan tài Sâm vẫn quàn đó, đợi phong Vương cho Cán rồi mới khâm liệm cho Sâm. Trong triều, chỉ một mình Tế Lý biết là Cấm binh họp nhau ở Khán Sơn, nhưng không có thì giờ đối phó. Lý chặc lưỡi khinh bỉ, trao cho Quận Châu chức Binh phiên trì sự và dặn phải cẩn thận.

Trên núi Khán Sơn, có lẽ có đến cả trăm người đến hội. Oai Lý còn lớn, nên ban đầu ai cũng dè dặt. Đến khi bàn việc, không một ai lên tiếng. Bằng Vũ nhẩy lên đứng trên một mỏm đá, giọng kiên quyết:

- Gần như toàn thể Cấm binh Tam phủ ở trong quyền chỉ huy của chư vị có mặt ở đây. Lâm sự, ta chặt cầu cản đường cứu viện đường bộ từ Kinh Bắc và Sơn Tây. Mặt thủy, Đinh Tích Nhưỡng có đến được cũng không đổ bộ nổi. Vả lại, họ có đến được Kinh cũng phải dãm bữa một tuần. Nếu ta xử sự cho gọn, bắt giết Huệ và Lý, rồi xin ngay Đức Vua ban sắc phong Vương cho Thế tử Trịnh Tông, thì chỉ nội nhật là xong. Lúc đó, ai không nghe hiệu lệnh của Vua và Chúa là làm phản, bọn cứu viện nào dám đến nữa.

Ngưng lại, Bằng Vũ nhìn khắp lượt, nghiêm trang tiếp:

- Chỉ sợ anh em ở đây không đồng một lòng. Bây giờ trước Hoàng Thiên soi xét, ai tôn phù nghĩa tôi Chúa, quyết dẹp bọn tặc thần chuyên quyền, xin đứng sang bên phải. Ai chống, bên trái. Còn ở giữa thì xin cứ bình chân như vại, đừng có can thiệp.

Cả đám ồn ào lên, rồi di động. Hai phần ba bước về bên phải. Còn lại đứng giữa trừ một người. Nguyên Nhưng há hốc mồm nhìn, thảng thốt kêu: "Sao vậy? Sao lại vậy?". Trăm cặp mắt đổ dồn vào phía bên trái, và đã có người nắm đốc kiếm, miệng hầm hè. Người đó quần áo nho sinh, tóc búi, tay cầm quạt phẩy nhè nhẹ, đủng đỉnh bước lên đứng trên gò đất, nói rành mạnh:

- Chưa được đâu! Làm như cách Bằng Vũ nói là vội quá, dục tốc bất đạt. Hành sự chín chắn phải nghĩ đến khả năng bất thành, còn giữ đường mà lùi...

Giữ đường lùi đúng là đánh vào tâm lý đám Cấm binh thật ra vẫn còn sợ sệt. Họ nhôn nhao hỏi. Người cầm quạt nghiêm nghị:

- Bùi Bật Trực xin có một lời. Phàm làm việc, giữ được chính danh mà không mang hại là thượng sách. Ai cũng biết là Thánh Mẫu không đồng lòng việc phế Tông lập Cán. Hay nhất là bàn với Quốc Cửu Viêm Quận công, để ngài vào trình với Thánh Mẫu, và phát hiệu lệnh rồi mới bắt Lý và Huệ. Nếu thuận như vậy, Trực này xin làm con én đưa đường...

Đám Cấm binh vỗ tay hoan hô, cho là diệu kế. Bằng Vũ gật gù rồi nói:

- Ngày khởi sự như vậy chưa biết. Tam quân lúc nào cũng phải sẵn

sàng, khi nghe tôi vào phủ đường đánh ba hồi trống sau giờ cúng cơm buổi sáng là cứ việc tiến đến vây Chính-phủ và Vương phủ.

Đám Cấm binh lại vỗ tay hoan hô, cho Vũ là đảm lược hơn người, cử Vũ cùng Trực đi gặp Quốc cửu.

Sáng hôm sau, trên đường đến dinh Quốc cửu, Vũ bảo Trực:

-... có ý Quốc cửu và Thánh Mẫu hay không, đã cưỡi cọp rồi, xuống thế nào được!

Trực trả lời:

- Có càng hay. Không thì lại càng phải làm. Thành thì khối Đại-thần nhảy ra xin ăn theo, lo gì.

Quốc cửu là loại người vừa ngu vừa nhát, cứ ậm ừ, khuyên nên đến thẳng Huỳnh cung. Vũ và Trực đến, phao rằng Quốc cửu đã thuận và nay xin ý Thánh Mẫu. Bà ngần ngừ, biết là việc trọng đại, muốn trì hoãn và vời Hoàn Quận công vào tham khảo. Lúc đó, không biết kẻ nào đã thảo ra một tờ hịch, tựa là "Tam Quân Phù Chính" kể tội tiếm quyền, dâm loạn của Lý và Huệ, đòi truất Cán lập Tông. Hịch dán trên năm cửa ô, rồi chép ra truyền tay nhau đọc trộm, bàn dân xôn xao, có kẻ sợ Kinh sắp gặp đại biến, lục tục rủ nhau bồng bế về quê. Giá gạo cao vụt lên, và trộm cắp tha hồ hoành hành, bất kể luật pháp.

Hoàng Tế Lý gọi Toàn Nhật vào Chính-phủ, từ tốn hỏi Nhật về binh tình trong đội Trung Kính vốn có nhiệm vụ bảo vệ Tam cung Ngũ phủ. Lý đăm chiêu:

- Tin được bao nhiêu đầu lính?
- Năm sáu trăm, Nhật trả lời.
- Địch được bao nhiêu?
- Ba nghìn, ba nghìn rưỡi.
- Bao lâu? Lý cười nhẹ, nhướng mắt lên.
- Ba nghìn thì cả tuần, ba nghìn rưỡi, bốn đến năm ngày.

Lý trầm ngâm nghĩ ngợi rồi xuất một nghìn lượng bạc ra cho Nhật để thưởng cho lính đội Trung Kính. Mặt khác, Lý đích thân phái người của viện Nội Mật lên Sơn Tây vời quân Hoàng Phùng Cơ, sang Hải Dương vời quân Đinh Tích Nhưỡng và xuống Duyên Hải vời đội chiến thuyền của Nguyễn Hữu Chỉnh.

Từ dạo anh mình là Nguyễn Khản được tha tội chết, chỉ bị Chúa Trịnh Sâm giam lỏng tại tư dinh Châu Quận công, Nguyễn Du đã lánh lên Tuyên Quang, tá túc nhà một viên võ quan cấp thấp. Đường xá xa xôi, Du ít tin tức, không biết là Đặng Thị Mai gặp nạn và Trọng Thức phải bỏ trốn, trôi giạt chẳng biết nơi đâu. Tiếng đồn đãi về khả năng binh biến ở Kinh khiến

Du lần về, một mặt vì tò mò, một mặt vì muốn tìm giữ một tập bản thảo tên đề là "Truyện Thúy Kiều". Du đến dinh Khương Tả hầu nhưng Nhật vắng mặt, đành ngồi đợi. Nhìn đám Cấm binh thần thái khẩn trương, Du biết là tiếng đồn đãi có xác cứ. Bố-già, người lính lâu năm nhất, cũng mò tới tìm Nhật. Ông ta nhìn Du đăm đăm, buồn rầu:

- Đời lính tôi suốt mấy mươi năm rồi, đến nay đâu lẽ nào phải cầm gươm cầm kiếm đánh đấm với chính anh em lính chúng tôi... Đánh giặc, lúc nào tôi cũng sẵn sàng, nhưng ai nỡ lòng nào đâm chém vào ruột vào thịt mình.

Du xôn xao nhìn cánh bướm vàng chập chờn trên hàng dâm bụt màu đỏ tươi, bâng quơ nói an ủi. Nhật về, thấy Du, vội ôm chầm lấy, quên Bố-già đứng lóng ngóng bên cạnh. Uống chén nước hàn huyên xong, nhìn Nhật, Du nhắc lại lời Bố-già. Lúc ấy, Bố-già chắp tay, giọng trang trọng:

- Quan Chưởng cơ, chỉ có ngài mới cứu được việc anh em lính chúng tôi phải đâm chém lẫn nhau. Bọn Bằng Vũ, Nguyên Nhưng hăng lắm, không cản được, lại có Bật Trực thúc vào. Lính Tiền Hùng đã từng tốp vào Kinh, bỏ hết phòng thủ tuyến sông, tiếng là về cứu Ấu Chúa. Ngoài ra, cơ đội Nhượng Trung, Hậu Dũng và Tiền Ninh cũng phối hợp trấn đóng những chỗ hiểm yếu, hăm hở đợi tiếng trống hiệu... Riêng đội Trung Kính và Thị Nội tả quân do Chưởng cơ chỉ huy là không động tĩnh gì, vẫn tiếp tục phận sự bảo vệ Tam cung Ngũ phủ. Nay, anh em ăn thề trên núi Khán Sơn phái tôi đến xin ý của Chưởng cơ, và cầu trời cho khỏi đổ máu, là phúc cho lính...

Nói đến đấy, Bố-già sụp xuống quì lạy Nhật, khóc ròng ròng. Nhật vội đỡ Bố-già lên, mủi thương, nhẹ nhàng:

- Xin lão đứng dậy. Nhật này cũng gớm mùi máu.

Ôm vai Bố-già tiễn ra cổng, Nhật nhìn lão, nói:

-... Nhật không phụ ai, nhưng cũng chẳng để ai phụ mình. Lão về bảo họ như vậy.

Trong thời gian đó, Thánh Mẫu đã gặp Hoàn Quận công. Hoàn đồng lòng, xin Thánh Mẫu hạ chỉ dụ Hoàng Tế Lý, hứa sẽ thuyết phục đám Đại-thần phụ chính. Chỉ của Thánh Mẫu như sau:

"Ấu Chúa ốm đau, trong nước bàn dân lo sợ nghi ngờ. Tướng quân nếu lấy xã tắc làm trọng, thì nên tạm cho Thế tử Tông nhiếp chính để yên lòng người. Chờ đến khi nào Ấu Chúa trưởng thành, Tông sẽ trả lại chính quyền, lui về làm tôi..."

Tế Lý lĩnh chỉ, đọc xong, tự lấy bút nghiên ra thảo:

"Lý tôi quì lạy dưới cửa Thánh Mẫu. Thánh Mẫu đã lo đến việc lớn

của xã tắc, tôi đâu dám không vâng lời? Chỉ hiềm là việc đó không phải ý của Tiên Vương. Lý tôi khi được Tiên Vương gửi gấm, ngài đã dặn dò cặn kẽ, lại có tờ "Cố mệnh" làm bằng. Nay tử cung (quan tài) còn quàn ở đây mà thay đổi mệnh ngài, lòng tôi nghĩ sao cho đang? Vậy xin việc đó hãy để sau rồi sẽ liệu tính... Vả chăng, trong thiên hạ sau này nếu lo âu sẽ hết lo, nếu ngờ vực sẽ hết ngờ, dám xin Thánh Mẫu cứ yên tâm..."

Đưa thư hồi âm về Thánh Mẫu xong, Tế Lý nghiến răng chau mày gọi hai hàng quan văn võ vào triều ngay buổi chiều hôm đó tại Nội phủ.

Đám Thị Nội quân được chia ra canh gác, mặc quần áo trận, cứ sáu thước có một người lính, gươm giáo sáng lòe. Đội Nội cuông chấn mặt Bắc, Nội dực mặt nam, còn phía đông và tây do đội Nội nhưng và Nội kiệu phòng thủ. ở vòng ngoài, những dinh thự lớn như dinh Kim Âu, dinh Trung Nhuệ đều được canh gác cẩn mật bởi cơ đội chủ lực Trung Kính. Đám Thị-kỵ quân được giao giữ cung Vọng Hà, cung Tây Long và cung Trung Hoa ở trung tâm, có thể dùng như lực lượng trù bị sẵn sàng cứu viện những mặt quan yếu. Cuối giờ Thân, các quan đã đủ mặt, ngồi hai hàng ghế. Trên trướng cao, chiếc ngai Chúa để trống, nhưng bên cạnh có sắp một chiếc ghế cho Đặng Tuyên-phi. ở hàng đầu, Tế Lý liếc mắt nhìn kiểm điểm, thấy thiếu Hoàn Quận công. Quốc cữu Viêm Quận công cáo ốm, không đến. Lý trình bày sự thể, cắt đặt công việc cho Châu Quận công là Binh phiên Trì sự, đưa ra bằng chứng có người tố Viêm Quận công định làm loạn và yêu cầu chư quan đình nghị để trị tội. Lý trầm giọng:

- Chỉ mai kia là có biến, hàng quan võ các ông cũng nên một phen hãn mã, thử xem nghề cung kiếm còn phong độ hay không... Phía quan văn, các ông bảo người nhà sửa soạn đao kiếm để tự phòng vệ, chớ có khinh trọng.

Hai hàng quan xì xào, hư thực, bấm bụng nói cứng nhưng lo ngay ngáy, ai nấy nhấp nhổm chỉ muốn về nhà. Trời sập tối, có kẻ khuyên Lý mang nghĩa sĩ vào phủ hộ vệ cho mình, có kẻ lại bàn là Lý nên ẵm Ấu Chúa trốn khỏi Kinh rồi gọi quân ở ngoài vào bắt bọn phản loạn. Lý chỉ im nghe, rồi chắp tay cảm tạ các quan, khẳng khái:

- Xưa nay, hư thực trong chuyện binh biến thế nào ai mà lường được. Dẫu sao, cứ để thong thả, không việc gì phải mất bình tĩnh.

Lý cười, ung dung, tiếp:

- Ví bằng việc gấp quá, không trị nổi bọn làm giặc, thì tôi đã vâng mệnh Tiên Vương, sống thác cũng cam, có chi mà hốt hoảng?

Đêm hôm ấy, Tế Lý vẫn mang vài người hầu như thường lệ vào ngủ ở Phủ đường nhưng cho người đi gọi Toàn Nhật. Chờ đến canh hai không

thấy, Lý bắt đầu lo, cả đêm không chợp mắt.

Tiễn Bố-già xong, Nhật thấy đầu choáng váng, vào nhà trong đặt mình xuống giường. Mấy hôm nay, trời ẩm đục, âm u, mây trĩu xuống như bị ai trì kéo. Chợp mắt được một lúc, Nhật nghe tiếng người gọi tên mình. Nhật choàng dậy. Cạnh cửa sổ, bóng người đàn bà ở miếu Ba Cô trên Phố Hiến thấp thoáng. Lưng quay lại, dải áo trắng bung phần phật mặc dầu không có gió, tóc xõa ra đằng sau như uốn như lượn, người đàn bà như chực bị bốc lên không trung. "Con ngoan, mẹ về với con nhưng chẳng được lâu, lại sắp phải đi đây!". Nhật đứng dậy, mắt căng ra, gọi: "Mẹ đừng đi nữa, ở lại để con báo hiếu mẹ... Tội nghiệp thân mẹ". Tiếng khóc thút thít, bắt đầu còn nhỏ, sau lớn dần rồi choáng ngợp thành những tiếng nấc, lẫn vào dăm câu nói tức tưởi: "...báo hiếu, con ơi..., mẹ chờ...". Cánh cửa sổ phềnh ra, đen ngòm, hút lấy dải áo trắng vẫn phần phật bay, mờ dần rồi tan biến như khói. Nhật gào lên: "Mẹ, mẹ ơi..."

Khi Du vào lay, Nhật tỉnh lại, thấy mặt mình lã chã nước mắt, người nhễ nhại mồ hôi. Du nhẹ nhàng ngồi xuống cạnh, lo ngại:

- Chắc Toàn huynh ốm mất rồi.

Nhật nhắm mắt định thần một lúc rồi đứng dậy ra sân sau. Chàng rút gươm chém ba đường, cứ thế chém, vừa chém vừa hét. Không biết vì lẽ gì, đường gươm thứ nhất lại chậm hơn trước. Nhật ngừng, nói với Du: "Du xem mắt ta có ánh căm hờn không?" rồi lại tiếp tục chém.

Tối đến, Du về dinh Kim Âu là dinh của Nguyễn Khản. Toàn Nhật lên ngựa đi thẳng về phía sông Nhị. Quả thật những điếm canh nay bỏ trống, lính Tiền Hùng đã kéo nhau vào Kinh. Ngồi ven sông, Nhật nghe tiếng nước rì rào như tâm sự những nỗi niềm từ vạn đại. Chàng nhắm mắt, liên tưởng đến khoảng thời gian vừa qua. Khi quan Chánh dường trao cho chàng thanh kiếm "Hoàng gia", Nhật biết là gốc gác mình quả có rễ rợ sâu xa với họ Hoàng. Cha chàng là ai? Là Quận Việp Hoàng ngũ Phúc? Hay chính là Hoàng Tế Lý? Nếu là Quận Việp thì thôi, đã chết rồi, vậy chẳng qua là chàng mồ côi cha từ nhỏ! Nhưng nếu là Tế Lý? Thế có nghĩa là kẻ phụ bạc mẹ chàng, khiến mẹ phải trầm mình chết để rửa nhục, sờ sờ còn đấy, quyền cao chức trọng, thế lật thiên hạ như trở bàn tay. Và bóng mẹ chàng ở miếu Ba Cô còn luẩn quẩn quanh đây, phải chăng là để nhắc nhở chàng mối hận câu chuyện ngày xưa mà nước sông Lam vẫn chưa rửa sạch?

Nhật bần thần, tay mân mê đốc kiếm, lòng phân vân. Hình ảnh Bố-già và những giọt nước mắt một người lính già không muốn máu vấy lẫn tay lính lại hiện ra. Ngày mai sự thể diễn biến ra sao? Chàng thừa biết là

lính đội Trung Kính sẽ nghe lệnh, chắc chắn sẽ chống trả khi bị tấn công. Từ ba hôm nay, họ khẩn trương chuẩn bị, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống. Nếu việc binh đao không tránh được, Nhật thầm nghĩ, số nạn nhân hẳn là không dưới vài ngàn. Nhưng làm thế nào đây? Lúc can qua, Hoàng Tế Lý sẽ trực tiếp chỉ huy cả ba cơ đội Thị Nội, Thị Kỵ và Trung Kính. Con người Lý chiến trận đã quen, chắc gì bọn Bằng Vũ, Nguyên Nhưng thủ thắng được. Hơn nữa, quân biên ngoại hiện cũng đã rục rịch về Kinh mang danh nghĩa phù Chúa. Xương máu hàng vạn người sẽ đổ ra! Nhưng để làm gì? Cho ai? Nhật chép miệng, thở dài. Chắc chắn là không phải cho những người phải liều mạng mình vào chuyện xương rơi máu đổ!

Nhật nhìn dòng sông, miệng thầm gọi: "Nước, nước ơi! cho ta xin một lời khuyên." Mắt rưng rưng, chàng ngửng lên trời tìm một ánh sao đêm. Không, không có một vì sao nào hiện ra chỉ lối.

Phóng ngựa vào trung quân của cơ đội Trung Kính ra quân lệnh xong, Nhật đến dinh Kim Âu nơi Du trú ngụ chứ không về nhà. Khoảng canh hai, những tốp quân cứ mười người một từ ba cửa ô Ông Thánh, Trường bản và ô Cầu Giấy lẳng lặng chia nhau tản ra ven đô. Họ đi ngược lên bến Tây Long, giữ bến Hàm Như, bến Thúy Ái cho đến bến Thanh Trì.

Sáng ra, trong Kinh khá im ắng. Hàng dân sợ, không họp chợ, nhà nào nhà nấy thấp thỏm. Trời lại mưa tầm tã, nhìn ra một màu trắng xóa.

Sau giờ cúng cơm, ba hồi trống chín tiếng trong Phủ-đường thúc lên rộn rã. Đột nhiên, tiếng reo hò vang dội từ bốn phía Phủ-đường. Lính tam phủ kéo ra, gươm giáo loảng xoảng, vừa đi vừa hò hét, tiếng chân dậm trên đất thình thịch. Quận Châu ra lệnh đóng chặt cửa Chính-phủ và Nội-phủ, hớt hải gọi lính Thị-kỵ ra tiếp sức với đội Thị Nội, rồi báo Hoàng Tế Lý: "Không còn bóng nào của Cơ đội Trung Kính cả!"

Lý hoảng, nhưng lại lấy vẻ ung dung, cười bảo: "Cậu đừng lo, việc quân ta đã xếp đặt đâu đấy rồi..". Quận Châu đi ra lắc đầu, mặt tái ngắt.

Điệu Bằng Vũ bắt quì trước thềm, Lý cao giọng hỏi:

- Mày đánh trống làm hiệu dấy loạn, vậy làm loạn để đạt mục đích gì?

Bằng Vũ vùng mình đứng dậy, miệng hiên ngang:

- Ta không làm loạn. Kẻ làm loạn là bọn lập ra Ấu Chúa để tiếm quyền rồi phá nát cơ nghiệp nhà Chúa!

Lý bình tĩnh:

- Bay có bao nhiêu lính mà làm loạn nổi?

Bằng Vũ ngửng mặt dằn giọng:

- Hỏi cung ta à? Đã vào đây, ta nào sợ gì cái chết! Nhưng để ta bảo

cho mi biết, bọn ta là lính đất "tắm gội" của nhà Chúa, đã đông tâm với nhau từ hai trấn Thanh-Nghệ cho đến tận Tuyên Quang, Hà Bắc...

Lý quát:

- Giỏi đấy! Chư Đại-thần phụ chính, ta phải chém đầu thằng tặc này, bêu lên làm lệnh cho ba quân để giữ phép nước!

Lúc ấy, Tạ Danh Thùy đứng ra can, trong bụng là tìm cách cứu lấy thân mình nếu vạn nhất không thắng được bọn lính Tam phủ, nhưng ngoài mồm lại nói:

- Giết một đứa như tên đánh trống này thì lấy đâu là đầu mối để bắt bọn đầu đảng?

Lý chỉ cười nhạt, ra đứng ngoài lan can nhướng mắt xem xét tình hình. Vẫy tay gọi gia nhân, Lý thì thào vào tai, rồi vào thảo tờ khải:

"Lý tôi kính tâu: đám ba quân nổi loạn làm cho Kinh khuyết náo động. Tôi xin vâng lĩnh mệnh Chúa đem quân giết chúng, nếu được, ấy là nhờ oai lĩnh nhà Chúa, nhược bằng không, tôi đành liều chết để xuống dưới âm cung ra mắt Tiên Vương."

Trao tờ khải cho đám phụ chính, Lý ung dung nói: "Cứ yên tâm, đâu sẽ vào đấy!" rồi lên ngựa trẩy về tư dinh của Trịnh Cán với sáu người võ sĩ hộ vệ.

Bấy giờ, Đặng Tuyên-phi và Diễm Quận công đã chực sẵn chờ Lý. Huệ cười khẩy, nói mát: "Quan Chánh đường tính toán thế nào để tam quân mở hội mừng Tân Chúa vui vẻ đến như vậy!"

Lý lẳng lặng đi trước, Diễm ẵm Cán, Huệ và dăm ba tì nữ đi sau, đến trước cửa dẫn vào đường hầm bí mật được ngụy trang sau một cái tủ chè bằng gỗ mun rộng bằng nửa bức tường. Lý mở tủ, tay vặn ba cái khoen bằng đồng, sai võ sĩ đẩy tủ sang một bên. Cửa hầm rộng vừa một người đi lờ mờ hắt ánh sáng lên. Đường hầm đó sẽ dẫn vào nghĩa địa cạnh bến Tây Long. Lý tính rằng Ấu Chúa và Đặng Tuyên-phi có thể lấy thuyền con sang tả ngạn sông Nhị, từ đó tắp lên Kinh Bắc rồi liên lạc với Quận Thạc là Hoàng Phùng Cơ đang chuyển quân về Kinh cứu giá.

Đợi người tùy tùng cuối cùng vào hầm, Lý và cận vệ mới nai nịt, gánh theo một hòm vàng nặng trĩu gánh trên vai hai người lực lưỡng. Họ quay vào phòng, làm động tác mở cửa hầm. Lý chợt giật nẩy người, lùi ngược lại, quát: "Ai?"

Từ cửa hầm, một người khoan thai bước ra, lưng gài kiếm dài, tay cầm kiếm ngắn, vai đeo khiên. Tế Lý thét lên:

- A! Toàn Nhật, là ra ngươi...

Nhật nghiêng người thi lễ, miệng cười buồn buồn:

- Kính chào thượng quan, đội Trung Kính đã chờ Ấu Chúa ở ven sông để xa giá.

Nhật nghiến răng nói rành mạch:

- Nhưng thượng quan là dường cột, đâu bỏ đi như thế được!

Lý tái mặt, tay nắm vào đốc kiếm.

Nghĩ thế nào, Lý lại bỏ ra, giọng như van:

- Nhật con, con cầm thanh kiếm Hoàng gia do tổ phụ truyền lại là để giết cha sao?

Nhật nhìn lên trần, nói từng tiếng, lạnh lùng:

- Tôi họ Võ, đẻ ra chưa đầy tháng thì mẹ tôi trầm mình trong dòng sông Lam. Sống với ông ngoại đến năm mười hai, ông tôi mất. Từ đó, tôi về làm nghĩa tử của La Sơn Phu tử họ Nguyễn, làm gì có máu mủ với họ Hoàng?

Toàn Nhật vung tay ném về phía Tế Lý, miệng tiếp:

- Quan Chánh dường nhận lầm người, đây xin trả lại ngài thanh kiếm!

Tế Lý bắt lấy, rút ra khỏi bao, nhìn chằm chặp vào sống kiếm, rồi bật cười não nùng, miệng rên: "ới oan gia, hỡi oan gia..."

Sáu người võ sĩ đứng hai hàng quanh Lý ngẩn ra như phỗng, không biết cư xử thế nào, đưa mắt nhìn nhau. Chợt Lý quát:

- Thôi thì đành... giết nó cho ta!

Ba người võ sĩ lừ lừ tiến lên, tay đao sáng quắc, rồi bất ngờ xông vào. Lóe lên ba lằn sáng và một tiếng hét. Toàn Nhật thoắt đã trở về vị trí cũ, thanh kiếm cũng lại bỏ vào bao giắt sau lưng. Một thây người đã mất đầu đổ xuống như thân cây mục, máu phun phì phì. Còn lại hai võ sĩ. Họ thất thần, rồi gập xuống, theo vết chém xẻ đứt bảo giáp từ trên xuống dưới và từ trái sang phải.

Lý kinh hoảng rú lên, rồi quát: "Bắn, bắn nó...". Ba người võ sĩ còn sống vừa đưa tay ra sau lấy cung thì Nhật xoay người hất ngược cánh áo. Trên mu bàn tay cả ba võ sĩ, ba đồng chinh cạnh mài sắc ghim vào, máu ứa ra nhỏ giọt xuống sàn đá hoa. Họ thất sắc, đứng như bị thôi miên, ngẩn người ra nhìn.

Nhật lại nhẹ nhàng:

- Ba vị không hại Nhật này, thì không lo Nhật hại ba vị, xin đi đi.

Khi họ lùi ra, Tế Lý cũng liền chân theo, vừa bước vừa lẩm bẩm những gì không ai nghe rõ.

Cắm đầu chạy luồn qua những luống hoa thược dược trong vườn Uyển, Lý và ba người võ sĩ trở lại Chính-phủ. Bọn quan Đại-thần phụ chính ngơ ngác chờ Lý, nhao nhao lên kêu. Quận Châu báo vào là loạn

binh đang đục tường để vào phủ. Lý ngầm tính trong bụng là sẽ trì hoãn bằng cách nhận đòi hỏi đưa Tông lên ngôi Chúa, nhưng bó buộc phải chờ sắc phong của Vua Lê cho thuận danh nghĩa. Hét quản tượng đưa voi ra, Lý nhảy lên, sai thúc chiêng. Bấy giờ, Quận Châu sợ quá đã mở toang cổng phủ, đám binh Tam phủ kéo nhau vào đầy sân, không có trật tự nào, chen vai thích cánh, vừa la vừa hét. Lý tuốt gươm đứng trên lưng voi, từ từ đi ra, quát:

- Bớ tam quân, các người là lính đã mấy đời ơn Vua ơn Chúa, có chi không toại chí thì cứ để bạt qua chư quan, việc gì mà phải mất phép nước mang tiếng loạn tặc...

Vốn sợ oai Tế Lý, lại chẳng biết đầu suôi đuôi ngược thế nào, đám binh Tam phủ kéo nhau ngồi bệt xuống đất. Nhân thế, Lý đánh thêm một đòn tâm lý, lập lờ tiếp:

- Nay, ta bảo cho biết, lính tráng là để đi dẹp giặc chứ không phải đi làm giặc. Cơ đội Trung Kính đã vây quanh từ ven đô trở vào, nhưng ta không nỡ nồi da xáo thịt, nên không cho hành động sợ làm máu đổ vô ích... Vậy chư quân ai về đội ngũ nấy, làm tờ khải lên triều đình, việc gì ta cũng sẽ cất nhắc cho...

Đám lính hoang mang, nhìn nhau, rồi đùn Bố-già ra. Vị lão binh này đi đến trước chân voi, quì xuống, nói lớn:

- Bẩm Chánh dường thượng quan, kẻ hèn này là Hài đã suốt đời làm lính, một lòng ân nhà Chúa, và chỉ mong giữ yên xã tắc chứ đâu muốn dấy loạn thành ra bọn tặc phản...Trình quan, cứ như chỉ dụ của Thánh Mẫu là tạm lập Thế tử Tông vào ngôi Chúa, đợi cho Ấu Chúa trưởng thành rồi trả lại quyền bính, thì bọn lính tráng chúng tôi cắn cỏ ngậm vành đội ơn bề trên, và xin tha ngay tội náo động cung khuyết, ai về cơ nấy tức thì... Bằng không thì...

Nói chưa dứt lời, bỗng con voi rống lên, lấy vòi cuốn lấy Bố-già tung bổng lên trời rồi quật xuống. Thì ra có kẻ lấy kích đâm vào bụng voi, nó nổi khùng, phản ứng nhanh khiến quản tượng không kịp kìm lại. Ba quân nhốn nháo đứng cả dậy, ào ào ném thương, ném kích vào mình voi, miệng la hét vang trời át tiếng gào của Lý. Quản tượng bị câu liêm ném lên giật xuống đất và bị ba quân dẫm chết tại chỗ. Con voi lùi ra sau, luống cuống, xoay vòng vòng. Lý kêu: "Bằng lòng, ta bằng lòng..." nhưng nào có ai nghe nữa. Năm sáu cái câu liêm ném lên cùng một lúc giật Lý ngã từ mình voi xuống đất. Chỉ hai phút sau, Lý đã là một cái xác không hồn, đầu bị đập nát, óc phòi ra trắng hếu.

Có một kẻ lấy đại đao nhè cổ Hoàng Tế Lý chém hai nhát. Cổ không

đứt, hắn nhay qua nhay lại lưỡi đao, mồm văng tục. Thấy thế, một kẻ gạt hắn ra, ngồi xổm thọc kiếm vào khớp xương cắt như đồ tể đang sẻ xương lóc thịt trâu bò. Lúc chiếc đầu lìa ra khỏi xác, lại một kẻ khác lấy đầu ngọn giáo cắm vào, rồi đưa lên cao, miệng hò như khi hát đúm.

Đám lính rầm rập bước theo ngọn giáo cắm đầu Hoàng Tế Lý, vừa đi vừa hò hét như hổ beo trong cát bụi mờ mịt. Riêng có hai kẻ, mặt mũi gân guốc, mắt mầu đỏ đục, chạy te lại lôi cái xác không đầu vào một góc. Họ cởi giáp, lấy dao thọc vào, miệng hềnh hệch cười, tay móc ra một buồng gan nóng hổi. Một kẻ liếm môi tiếc rẻ nói: "Chà, phải chi có cút rượu!".

Nam Dao

(trích đoạn từ tiểu thuyết lịch sử "Gió Lửa" sắp xuất bản)

CHUYỆN LÃO TƯỢNG PHẬT DI LẶC
VÀ NÀNG NẬM MÂY

tác phẩm mới nhất của

phạm thị hoài

Văn Nghệ xuất bản, giá 8 Mỹ kim

Từ những "bi kịch be bé" trong số phận một pho tượng, Phạm thị Hoài viết thành một "hài kịch nhân sinh"; từ một chuyện tưởng là dành cho trẻ con mà thành chuyện người lớn, với tất cả cái thâm trầm nấp đằng sau một thứ ngôn ngữ diễu cợt tinh luyện.

Từ *Thiên Sứ* đến *Man Nương*, rồi *Marie Sến* đến *Di Lặc và nàng Nậm Mây*, mỗi lần Phạm thị Hoài đưa ra một tác phẩm mới là mỗi lần bạn đọc kinh ngạc, khám phá một Phạm thị Hoài khác, một bút pháp khác.

Cái nhất quán trong toàn bộ văn nghiệp của Phạm thị Hoài, có lẽ là sự trân trọng đối với chữ nghĩa, và mối quan tâm của nhà văn đối với mọi sắc thái của "hài kịch nhân sinh"

Lỡ hẹn

QUAN DƯƠNG

(Cho M.)

Ngủ dậy đánh răng và súc miệng
Ho vài ba tiếng vào hư không
Lau mặt chiếc khăn nhàu vết nám
Từng vết thời gian xếp nứt lằn.
Mặc áo xỏ giày chào buổi sáng
Vác tấm thân tàn liệng vô xe
Chạy trốn bóng hình vừa đến muộn
Cắm cổ như thằng đang hôn mê.
Đôi mắt săn lùng như đuổi giặc
Nhớ em không kịp giấu trong hồn
Cuộc sống nhấn chìm anh tuyệt tích
Như khạc cục đờm ra khoảng không.
Tiếng bánh xe gào trên đường nhựa
Anh chẳng biết mình trôi đi đâu ?
Chắc lưỡi. Lắc đầu. Thôi kệ mẹ!
Đi đâu cũngđược , miễn vơi sầu.
Xa lộ trải dài theo sợi khói
Bọt nắng trên gương nhảy loạn cuồng
Có phải em về từ thiên cổ ?
Anh khảy nhúm tàn vào huyễn sương.
Chợt gọi tên em nghe thảm khốc
Như cứa ngang tim lưỡi kiếm cùn
Vết đứt thiên thu không liền mặt
Ai xát muối vào đợi hóa thân?
Trước mặt khúc đường như ngắn củn
Làm sao đến được chỗ em chờ?
Anh lạc đường xe vào ước hẹn
Mảnh nắng quay tròn cõi thực hư.
Thành phố không nằm trong trí nhớ
Có phải nơi này em đến đây?
Còn chút hơi tàn anh ráng thở
Cho đủ trăm năm lỡ kiếp này .

Mùa phục sinh

Bùi Bích Hà

Thán tặng D.Chi

Anh yêu,

Em biết chắc rằng dù với bản chất nhậy cảm đặc biệt của anh, với trí tưởng tượng phong phú và hẳn là ký ức anh vẫn còn ghi đậm nét về người và cảnh vật ở nơi này, anh cũng không cách nào hình dung ra, càng không nghe được, tiếng đập hung hãn của cơn mưa đầu mùa đang trút xuống mái nhà mình đêm nay. Những đợt nước hắt rào rạt lên cửa sổ từng chặp, lùa qua các khe ván hở, đem sự ướt át vào tận bên trong căn phòng mọi khi anh thường ngồi làm việc khuya khoắt, bên cạnh tách cà phê thơm lừng. Cái tách cà phê thì vẫn ở chỗ cũ nhưng hương cà phê không còn, trái ngược với một điều lòng em đang cảm nghiệm: anh đã đi xa rồi nhưng hơi hướm của anh vẫn cứ lẩn khuất, ám vào từng hơi thở em.

Người ta thường nghĩ, nỗi lo âu khắc khoải làm cho thời gian dài ra. Đối với em, anh đi thấm thoát thế mà đã ba tháng từ lúc nào. Anh đã đến được cái bến bờ đầu tiên đúng như chúng ta cùng hy vọng và cầu nguyện. Từ đây về sau, những bến bờ khác của anh có khi không còn trùng lắp trong nỗi ao ước và mong đợi chung của hai chúng ta nữa.

Em hơi ngạc nhiên nhận ra sự tỉnh táo khác thường của em lúc này so với thời gian mình chuẩn bị chuyến đi gần một năm trời. Cả một quãng đời hơn ba mươi năm chúng ta chung sống cùng nhau, quả thật em đã chẳng có một cơ hội nào để mường tượng ra sẽ có một ngày anh không còn ở bên em nữa, kể cả trong gần hai ngàn ngày đêm anh cải tạo vắng nhà. ở nơi em sinh sống là chòm xóm, tổ dân phố, ở nơi em lao động kiếm miếng ăn và sự dung thân yên ổn cho mấy mẹ con là trường học (mà em là cô giáo), em luôn được người đời nhắc nhở anh cho em vì anh là ngụy

quân, vì em ràng buộc với anh không những bằng tình nghĩa riêng tư vợ chồng mà còn bằng món nợ máu nhân dân chúng ta không hề vay nhưng nay thì chế độ mới đem tròng vào cổ chúng ta và đòi thanh thỏa. Thật ra, trên hết những nhắc nhở cay đắng từ cuộc đời thường ấy, em biết chúng ta không rời nhau nửa bước vì ở hai đầu cái dòng sông Bến Hải cuộn theo đường đi mịt mù cát bụi của đoàn quân thắng trận, em ý thức chúng ta vẫn cần nhau, vẫn bám vào nhau như một chiếc phao cứu rỗi, vẫn luôn có nhau ở hai đầu sợi dây mong manh, căng hết cỡ, của hy vọng và tuyệt vọng, đứa này buông, đứa kia chìm theo. Cho đến lúc chúng ta bàn nhau việc để anh trốn đi một mình (tất cả vốn liếng còn lại của chúng ta chỉ là chút phương tiện ít ỏi đủ cho một xuất đi mà thôi) em cũng vẫn chưa thực sự hình dung ra cái cảnh chia ly nó như thế nào? Giả dụ ngày đó mà em tiên liệu được, chắc bây giờ mọi việc đã đổi khác, chắc em vẫn còn ngày ngày nhìn thấy anh lẩn quẩn trong bốn bức tường nhà như một chiếc bóng vật vờ, đêm đêm ngồi cắm cúi viết lách ở cái góc phòng kia, bên cạnh khung cửa sổ không chỉ đóng kín im ỉm mà còn lót những tấm bìa dày để ngăn ánh sáng lọt ra ngoài, kích thích những cặp mắt cú vọ rình mò của công an khu vực đi tuần tra. Và, anh ơi, nhất là vẫn còn... vẫn còn... nó, sinh vật bé nhỏ tội nghiệp vô cùng kia...

Như em đã nói ở trên, thế nào thì anh cũng không hình dung ra được cơn mưa đầu mùa ngất trời đang đập xối xả trên mái nhà của mình đêm nay. Cơn mưa càng lúc càng hung hãn, quất những đợt roi nước vun vút lên bốn phía cửa mục nhiều nơi vá bằng những miếng thiếc mỏng rỉ sét, cơn mưa nhuốm một chút ánh hồng loang trên nền gạch, từ nửa cái hình hài dập nát đang dãy dụa của con vật đáng thương...

Hóa ra trong căn nhà vắng vẻ từ ngày anh cất bước ra đi này, không phải chỉ một mình em mong nhớ anh. Nó, con vật yếu đuối nhỏ bé kia, một con thằn lằn trắng xinh đẹp, nhỉnh bằng một ngón tay em, một con thằn lằn cái (chắc thế), hẳn nó cũng như em, đã hằng đêm nhìn thấy anh ngồi thu lu trước cái bàn viết nhỏ, bên cạnh cái tách cà phê thơm lừng, bên cạnh cái gạt tàn thuốc ngún lửa. Lúc đi, chắc anh không từ giã nó (anh có ngờ đâu, có biết đâu), cũng không ai, sau khi anh đi, nói cho nó biết tách cà phê đã thôi không còn bốc khói, cái gạt tàn chỉ còn sót lại vài mẩu đuôi thuốc thừa nguội lạnh, để nó thôi đừng đến chầu chực nữa. Mà đã chắc gì nó cần biết những điều khôn ngoan, phải lẽ, như em vừa mới nghĩ ngợi ra bằng cái đầu óc con người cao cấp hơn nó của em?

Thỉnh thoảng em có nhìn thấy nó đấy chứ nhưng em không có lý do gì để bận tâm về nó, càng không bao giờ bận tâm về mối liên hệ giữa nó và anh. Nó xếp loại chung với cả trăm ngàn sinh vật vô danh, bé nhỏ, vẫn

hiện diện đầy rẫy xung quanh em. Cho đến đêm nay, cho đến cái lúc cơn mưa đầu mùa, sau những tháng hè khô ráo, bất chợt ồ ạt té tát nước vào bốn phía căn nhà nhỏ của chúng ta, khiến em vội vàng kéo sập cánh cửa sổ lá sách, kẹp nó vào giữa khe gỗ sắc, cắt nó làm hai, nửa đuôi rơi tòm xuống nền gạch ướt, quằn quại, cong rướn lên từng chập, nửa đầu còn nguyên vẹn, ngắc ngoải, vắt vẻo, thò ra giữa hai cái nẹp cửa, hai con mắt nó nhỏ xíu, đen lánh, nhìn em ảo não.

Cơn mưa lớn, tiếng gió riết rống lùa qua các lùm cây ven vách tường, nỗi sợ hãi làm em lạnh buốt sống lưng, hai đầu gối run rẩy đập vào nhau. Em khuỵu xuống, cảm nhận một cách ghê khiếp cái lạnh ướt, khô cứng của những viên gạch bông lót nhà luồn thốc lên buồng ngực, đè nặng lên đấy, như một khối băng lớn. Bên dưới nó, trong em, mơ hồ tiếng đập xa xôi, mỏng và xao xác, của trái tim em bỗng như vừa lâm bệnh nặng.

Nó, con thằn lằn cái (em tin chắc thế) xinh đẹp, bé bằng một ngón tay em, vừa mới chết tươi trong cái kẹt cửa, ở cái xó nhà tối tăm không một ai biết tới này, ngoài em. Hình như có một cái gì giống nhau giữa nó và em. Hình như em cũng vừa mới đứt làm hai khúc trong một cái kẹt cửa bất ngờ như nó, khúc đuôi ngoe nguẩy, khúc đầu thất lạc và máu từ vết thương trên thân thể em như con suối mùa khô, sẽ cạn dần, không một ai hay biết, không một ai chứng kiến, để xót xa, để kể lại cho anh nghe như em đang kể cho anh nghe về cái chết của con thằn lằn bên cái bàn viết của anh đêm nay. Nghĩ cho cùng, em chưa được bằng nó.

Cơn mưa đã ngớt từ lâu, đang tạnh dứt, chỉ còn tiếng tí tách thưa thớt của những giọt nước cuối cùng rơi ngắt quãng như những tiếng nấc. Hình như có một cơn mưa khác cũng vừa tạnh ráo trong cõi lòng bỗng nhiên quang đãng của em. Hoặc là em như người vừa cắm đầu chạy hụt hơi trong một cuộc đua dài ngày, bây giờ được ngồi yên để thở và tỉnh táo nhớ lại những gì đã xảy ra.

Anh ạ, đúng là phải đợi đến lúc con thằn lằn bị kẹp chết ở cái khe cửa sổ thì em mới nhận ra tình cảnh chia lìa giữa chúng ta. Những sợi dây thừng vẫn buộc chúng ta vào nhau đã tuột ở một đầu vì nơi anh đang đi tới và chỗ em đang ở, những cái giống nhau, những cái chung, vốn đã ít, ngày sẽ càng ít hơn. Khi chúng ta nghĩ về nhau, những cái mốc quen cũng phai dần hình dáng cũ. Em cũng vừa chợt nhớ ra là xung quanh em, ở cái khe cửa sổ những căn nhà khác, biết đâu đêm qua, đêm nay hay đêm mai, cũng có những con thằn lằn đáng thương chết một cách tình cờ, đứt đoạn, như con thằn lằn ở nhà mình. Em nhớ ra là cả hai chúng ta đã cùng nhau tính toán, cầu nguyện, sắp đặt cách nào cho thật hoàn hảo, cách nào phải thực hiện xong, cuộc chia ly của chúng ta, thúc đẩy mơ hồ bởi nhu cầu

thoát thân buồn bã và cấp thiết đến lạ. Thời đại chúng mình phải sống có nhiều điều kỳ dị. Em nghĩ ở cuối thế kỷ hai mươi này, câu chuyện cổ tích Thạch Sùng chắc cần được viết lại. Cái ông Thạch Sùng về sau hóa thân thành con thằn lằn, đêm đêm bò quanh quẩn trên mấy bức trần nhà, bình yên tắc lưỡi tiếc xót thời vinh hoa phú quí chóng qua nay phải được đổi thành người đàn bà Việt Nam nhọc nhằn, ai oán, đau khổ, vô cớ bị xô đẩy ra khỏi cái khung đời đang ấm êm hạnh phúc, bị quăng ném ra giữa trùng trùng giông tố để rồi sẽ bị chết tức tưởi giữa dở dang hương lửa đời mình.

Nhưng mà thôi anh ạ, sau cái chết phần hồn đau thương của họ, người đàn bà Việt Nam nào cũng hiển thánh hết vì: họ sẽ hân hoan chấp nhận, sẽ tha thứ, sẽ vượt thoát mọi cảnh ngộ bất cứ xảy ra như thế nào và sẽ dày xéo họ, miễn là những người đàn ông của họ được cứu rỗi ở một phương trời tươi sáng khác, ở một vùng đất an lành khác.

Anh yêu,

Trong cái kẹt cửa sổ nhà mình đêm nay, giữa cơn mưa của đất trời thịnh nộ, con thằn lằn xinh đẹp là hiện thân của em và của những người đàn bà như em, nó vừa mới được hóa kiếp. Nếu có một ngày nào chúng ta còn gặp lại nhau, anh ơi, đối với em, đó là mùa Phục Sinh bằng máu thịt huyền nhiệm đến cho những ai vẫn còn đủ niềm tin vào phép lạ.

Thân yêu,

Đã phát hành

gió biếc

tập truyện ngắn thứ nhì của

lê minh hà

Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ phát hành

Sau thành công của *Trăng Goá*, Lê Minh Hà lại vừa cho in tác phẩm thứ nhì: tập truyện ngắn *Gió Biếc*.
Khác với *Trăng Goá* phần lớn truyện lấy bối cảnh là đời sống ở trong nước, *Gió Biếc* chú trọng đến đời sống và tâm tình của những người tị nạn ra đi từ Miền Bắc hiện sống tại các nước Đông Âu và Đức, một đề tài lâu nay ít thấy trong văn chương hải ngoại.

Sách dày 160 trang, giá 10 Mỹ kim

Lông hồng

Tâm Thanh

Điệp đã thấy bà nội chết năm 92 tuổi, sau 32 năm bình thản chuẩn bị và đợi chờ trong sinh hoạt bình thường. Trong giòng họ Điệp lại có ông cậu tự vẫn chết năm 47 tuổi trong tuyệt vọng cùng cực. Điệp cũng thấy nhiều cái chết bất đắc kỳ tử, thê thảm trong chiến tranh... Nhưng có ai chết trong lúc yêu đời quá (không quá lắm, chỉ quá một giây) để tận hưởng hạnh phúc không? Nếu Điệp không hiểu rõ Nghi, chắc nàng không thể tin rằng sự sống và sự chết gần nhau như vậy, và lại còn có chỗ cho hạnh phúc xen vào giữa. Nhưng Điệp không dám chắc mình hiểu rõ Nghi... ít ai hiểu.

- Tên Điệp của cô dễ đọc. Còn cái tên ... "Ng...hi", đọc thế nào cho đúng, cô Điệp?

Ông Johan, xếp lớn của cả Điệp và Nghi, chờ Điệp ở cuối nhà nguyện, ghé tai hỏi trong tiếng gió từ ngoài nghĩa địa ù ù thổi vào. Điệp thấy tức cười, không lẽ trong sáu bảy năm làm việc chung, ông xếp không một lần gọi tên anh? Không lẽ ông đã từng gọi, nhưng chờ đương sự bị xóa tên trong sổ đời, ông mới cần gọi đúng? Hoặc giả ông chỉ cần gọi đúng khi đọc điếu văn cho anh? Dầu sao, câu hỏi của ông xếp chứng tỏ cả cái tên anh cũng khó, Điệp chỉ cho ông cách đọc, rồi nói thêm:

- Chắc ông cũng hiểu, đối với Nghi, ông gọi thế nào cũng ... đúng... mà không đúng.

Ông háy mắt như biểu đồng tình với Điệp, rồi tất tả đi lên hàng ghế đầu.

Nghi không có gia đình. Không ai biết rõ anh theo đạo nào; bạn bè tưởng anh theo Thông Thiên vì anh đi lại với một ông Thông Thiên chuyên mặc đồ trắng; ông chú họ khẳng định Nghi đã theo Tin Lành, nhưng ông

bà đỡ đầu người Na-uy nói đó chỉ là ý định ban đầu, sau anh đã đổi ý. Vì thế, người ta chỉ mượn nhà nguyện trong nghĩa địa để tiễn chân anh lần cuối cùng. Nghi thức gần như không có gì ngoài các bài điếu văn, khá nhiều. Một bác lớn tuổi có con học chung với Nghi, lúc nào cũng đường bệ và quan trọng, thường chủ trì các đám cưới cho bọn trẻ không có cha mẹ, cũng như đại diện cho các gia đình không quen tổ chức... đám ma, bảo người bạn thân nhất của Nghi thắp nhang trước quan tài, "cho người Na-uy họ biết văn hóa của Việt Nam mình" (lúc hăng quá bác nói "cho Tây nó sợ"). Bác còn đại diện hội Người Việt Kết Đoàn đọc một bài diễn văn khá văn hoa và cảm động. Chỉ có câu "*Lá vàng còn ở trên cây - Lá xanh rụng xuống ...!*" khó dịch, ít người hiểu. Trong số người hiểu lại có người đâm chột dạ. Như cái bà già ngồi hàng ghế trước mặt Điệp quay sang người ngồi cạnh -cũng già mà "còn ở trên cây"- lắc đầu nhún vai, không biết tỏ vẻ bất cần hay bất mãn. Điệp không biết tương quan giữa bà với người "rụng xuống" thế nào. Vì không có gia đình, anh ta được quá nhiều ông bà Na-uy từ tâm chiếu cố, nên không biết ai là cha mẹ nuôi chính thức. Đi học ở đâu là anh có người quen đó. Chỉ từ khi lên Trondheim học Đại học Bách khoa là anh không quen thêm nữa - để giờ học. Điệp không học Bách khoa, nhưng quen mặt gần hết những người Việt Nam cùng trường với Nghi tới dự đám tang hôm nay. Sở dĩ nàng ẩn mặt vì không muốn trả lời những câu hỏi mà khách đưa đám tưởng Điệp biết, như gia đình Nghi ra sao, Nghi có người yêu chưa, sống thế nào, tại sao chết ... Ôi! Tại sao chết, ai mà biết được? Và, những ngày cuối cùng có triệu chứng gì bất tường không? Điều này, dường như Điệp biết, nhưng bây giờ nàng chỉ muốn giữ riêng trong lòng. Nàng ngồi trong góc cuối nhà nguyện, dưới gầm cầu thang xoáy lên gác hát. Gác hát có kê một dàn đại phong cầm, chắc ít được dùng. Trên gác có một cặp trai gái trốn lên ngồi nói chuyện rù rì. Thỉnh thoảng, những lúc tự dưng im bặt trong nhà nguyện, Điệp nghe họ nói một câu không liên quan gì tới Nghi. Giữa một khoảng lặng khác, Điệp lại nghe hai người thì thầm hai chữ "tự tử" và tên "Diễm Chi".

Diễm Chi hôm nay cũng tới, đang ngồi dãy bên trái, ghế áp chót, gần cây đàn phong cầm nhỏ. Cô đẹp, và nổi tiếng thổi sáo hay. Người ta đồn cô mê Nghi và Nghi cũng thích cô lắm. Khi biết tin Điệp vào làm chung sở với Nghi, một con bạn lắm điều cảnh cáo Điệp: "Mày đừng có léng phéng với chàng Nghi. Con Diễm Chi nó xí rồi". Điệp nghe lời nó, một mặt dè dặt trong giao tiếp với Nghi, mặt khác để ý xem có "biến cố" nào xảy ra giữa Nghi và Diễm Chi không. Qua nhiều năm giữa hai người vẫn không có gì. Thế thì khó mà nói anh chàng Nghi tự tử vì tình được. Khó

lòng có gì làm anh tự tử được. Bây giờ Điệp cũng còn nghĩ như vậy.

Sáng thu. Nắng lạnh và lộng gió. Những cành phong lưa thưa lá đỏ như máu oằn oại bên ngoài bức tường kính lớn đầu nhà nguyện. Tới phiên ông xếp đọc điếu văn. Câu mở đề đã hứa hẹn một giòng xúc cảm mãnh liệt:

"Nghi đến với chúng tôi từ rất xa, nhưng không như một con chim lạ, mà như một người anh em..."

Điệp buông theo giòng tư tưởng của mình. Đêm thứ bảy, khi đài phát thanh loan tin tai nạn xe hơi trên Âu lộ E68 gần Hoenefoss, tự nhiên Điệp rùng mình, linh cảm điều chẳng lành. Chiều chủ nhật đài truyền hình lại nói thêm các chi tiết như nhân dạng Á đông của nạn nhân, khiến Điệp nóng ruột quá, phải điện thoại hỏi han các nơi thì được xác nhận nạn nhân đúng là Nghi. Nàng chết đứng, cả tiếng đồng hồ sau mới biết đón taxi tới nhà xác nhận diện. Không lầm lẫn được - hàng chân râu quai nón, như cái bình pha lê xanh lợt, đỡ khuôn mặt vuông, như một bông hoa trắng bạch mà vẫn y nguyên vẻ ngạo nghễ, bình thản, như không phải anh chết vì tai nạn.

- Cô là gì của nạn nhân?

Điệp đỏ mặt, nói vội:

- Đồng nghiệp.

Nghi không có thân nhân gần, trong khi chờ đợi ông chú họ Nghi từ Kristiansand lên, các nhân viên hữu trách cứ bám lấy Điệp để hỏi nọ kia liên quan đến thủ tục khai tử và mai táng. Sáng thứ hai Điệp thẫn thờ tới sở, người đầu tiên Điệp gặp là bà Elin. Thấy Điệp vào, bà gỡ headphone điện thoại, nhổm người lên, trịnh trọng chia buồn (chắc hẳn vì Điệp và Nghi là đồng hương), rồi nói:

- Tội nghiệp, nó mới 31 tuổi. Nó dễ thương quá.

Bà Elin có dáng điệu và cách phục sức trẻ hơn tuổi năm mươi rất nhiều. Bà đẹp đẽ, lịch thiệp, ngồi ở quầy tiếp tân, như một bộ mặt kiêu hãnh cho cả sở. Nhưng chắc chắn, đối với bà, khi còn sống Nghi chẳng phải là một người dễ thương. Đó chỉ vì cái tật Nghi đi đâu ra khỏi sở, không chịu nhấn tổng đài, để nhiều lần khách hàng quan trọng kêu điện thoại vào, bà không biết trả lời ra sao. Bà giận, có lần một người đẹp của Nghi điện thoại vào nhắn gì đó, bà không thèm nhắn lại, Nghi cự nự. Hai bên gây gỗ nhau, khiến vấn đề "tổng đài có nhiệm vụ nhắn việc tư không" phải được ghi vào mục linh tinh trong một nghị trình họp toàn sở. Cái anh Nghi ngang tàng, như là bất chấp nguyên tắc, lại bày đặt nói về nguyên tắc trong một vụ nhỏ nhoi. Điệp bắt đầu thấy anh ta "lạ" từ vụ đó. Câu nói

"nó dễ thương quá" có lẽ để làm hòa với người chết. Tội nghiệp bà. Bà Elin đang ngồi ở hàng ghế đầu, thỉnh thoảng nghếch mũi lên trần như để tránh một làn khói nhang. Cũng có thể là bà hít vào xem nhang thơm thế nào?

Nhà nguyện có khoảng năm sáu chục người, con số tương đối ít so với các đám ma Việt Nam khác, nhưng gấp đôi gấp ba so với đám ma của người bản xứ. Từ sở Điệp có ông Johan, bà Elin, hai người đàn ông làm trong ê-kíp của Nghi, bà đại diện nghiệp đoàn và Điệp. Có thêm con Sonja mà Điệp không hiểu tới với tư cách gì. Nó ngồi ở cánh trái, một mình, đàng trước nhóm bạn học của Nghi. Cái cổ trắng ngần của nó nổi bật trên nền áo dạ đen. Các anh tha hồ ngắm. Theo Điệp biết, Nghi và Sonja không ưa nhau.

Một con quạ đậu xuống cành phong, ngó vào nhà nguyện, thấy đông người ta, bèn quầy quả bay đi. Điệp nghĩ vẩn vơ: có thể nó thấy cảnh đám ma thường quá, không đáng tò mò.

Ông xếp đã sang phần tương quan với đồng nghiệp:

- ... Mọi cái chết đều bi thảm. Nhưng riêng trường hợp Nghi, sự bi thảm ở chỗ anh cười nhiều với chúng tôi. Tiếc thay nhiều khi chính lúc đó chúng tôi không hiểu là cười...

Điệp vẫn ngó sang phía con Sonja. Giá lúc nãy nàng sang ngồi với nó, thì dịp này có thể quay sang thăm dò phản ứng của nó về "lời phê" của ông xếp. Cái anh chàng Nghi, không biết có tình ý gì hay chỉ vì khắc tuổi với con nhỏ bầu bĩnh xinh đẹp má lúm đồng tiền đó, mà học hặc với nó tối ngày. Nó có cây kiểng lá dài như lá giong, lâu lâu từ gốc trổ ra một cái hoa màu trắng như đầu con rắn hổ mang. Sonja cưng hoa lắm, thỉnh thoảng mang ra cửa sổ phía hành lang để hứng nắng. Nghi đi ngang thường đổ tách cà phê nguội vào chậu hoa. Sonja bắt gặp hoài. Rồi một hôm cây chết, Sonja đổ cho Nghi. Anh chàng thay vì cải chính, lại còn vênh váo nói "tao trảm con bạch xà chặn đường". Con Sonja có đọc truyện Tầu đâu mà biết "bạch xà" là cái giống gì. Vả lại, cái nhận xét bông hoa giống đầu con rắn trắng, Nghi chỉ nói một lần với Điệp. Con Sonja tròn xoe đôi mắt màu lam, nửa tức giận, nửa ngu ngơ, không biết đổ tức giận đi đâu, đành nốc cạn tách cà-phê, rồi hậm hực thảy cái tách không vào bồn rửa, bỏ ra khỏi phòng giải lao. Lần khác, Nghi vào phòng Sonja ngó ngang ngó dọc, đo đạt cái nọ cái kia, rồi bắt con nhỏ xê ra cho anh chỉnh lại cái bàn đặt màn ảnh máy điện toán. Anh nói tao mới đi học khóa "lao tác trị liệu", tao biết chiều cao thế nào là đúng cách, gây bệnh mỏi cổ. Có lần Điệp thấy Nghi bóp gáy cho Sonja trong lúc mắt nó lim dim, trông rất ngứa mắt; Điệp tưng tức, định chọc Nghi một câu, nhưng lại thôi. Nhỡ anh ta phát

ngôn một câu chướng thì dại mặt. Trở lại cái vụ ngồi "đúng phép vệ sinh": con nhỏ Sonja nói nó ngồi cao hay thấp, đâu có phải việc của Nghi, nhưng cuối cùng đành chịu bưng cái màn ảnh ra cho anh hạ bàn xuống một khấc. Nhưng anh ta làm thế nào mà cái bàn tụt xuống quá mức, không chỉnh lại được. Anh nói bướng thà cúi thấp một chút mà lại không có hại bằng ngửa cổ cao. Rồi bỏ đi tỉnh bơ. Một tuần sau Điệp sang thấy cái bàn vẫn chưa được điều chỉnh lại. Sonja nói nó đã quen với vị trí mới của màn ảnh rồi. Cô nàng cũng không cần nhằn gì nữa. Có vẻ như Sonja quen cả với lối chơi nhả của Nghi. Trong sự nhẫn nhục để cho Nghi chọc phá, dường như Sonja có sự thích thú được chú ý. Nó tới đưa đám, có thể để chứng tỏ đâu bị chọc phá, nó với Nghi có một tương quan đồng nghiệp tốt đẹp. Hoặc hơn thế.

Một cặp tới trễ. Người con trai (Việt Nam) rón rén lên đặt hoa trong khi thỉnh thoảng ngó xuống người con gái (Âu) như hỏi ý kiến nên đặt hoa ở đâu. Người con gái thì mải lo chọn chỗ ngồi, vì còn nhiều chỗ trống, không biết ngồi đâu. Điệp không quen hai người này. Không biết họ liên hệ với Nghi thế nào.

Ông Johan nói tiếp một cách văn vẻ:

Nghiệp sang Na-uy năm 15 tuổi, không cha mẹ. Anh lớn lên và ở giữa chúng ta, trở thành một phần tử của xã hội Na-uy, suy tưởng và hành động theo Na-uy, nhưng vẫn giữ bản sắc của mình. Tôi nhận ra điều này lần đầu tiên khi gặp người thanh niên hoạt bát và duyên dáng trong phiên họp các trưởng dự án, và tách của anh bốc lên mùi trà thơm nhẹ nhàng, bên cạnh các tách cà phê của sáu người khác.

Điệp vào làm sau Nghi một năm, và tự nhiên cả hai bị "chụp mũ" là dân uống trà, mặc dầu Điệp uống nước suối Farris pha chanh, và Nghi thích uống cà-phê phin, như một ông cụ non. Ở sở anh uống trà vì thiên hạ tưởng anh thích uống trà. Nhưng ông Johan vừa nhắc tới cái tách trà có lẽ trong một ám hiệu để trần tình với người chết, và có thể với Điệp, một nhân chứng tình cờ. Số là Nghi đi họp bên Luân-đôn về có mua một cái tách trà bằng sứ Giang Tây, xung quanh vẽ cảnh sơn thủy màu xanh nên thơ, có kèm cái phễu lọc trà cũng bằng sứ có vẻ tiện lợi, và cái nắp đậy có vẻ vệ sinh. Nghi mang cái tách vào sở được một thời gian thì nó biến mất. Thời gian sau anh thấy cái tách nằm trên bàn ông Johan. Nghi khều Điệp nói riêng đúng là cái tách của anh, tại sao lại nằm trên bàn ông Johan. Điệp nói có thể là Nghi để quên ở đó chăng. Nghi quả quyết anh không bao giờ mang tách vào phòng xếp. Điệp biết tính Nghi hào phóng nhưng cũng rất lý sự. Anh sẵn sàng mua một tá tách tặng mọi người. Nhưng ai tự tiện lấy của anh một cái thì anh khó tha - nếu chưa có hứng. Trước khi

Nghi chết không đầy hai tuần, Điệp nghe to tiếng trong phòng ông Johan, chạy lại coi, thì biết hai người cãi nhau về cái tách. Ông Johan nói cái tách của ông không thể lầm lẫn được vì có cái lọc trà và nắp đậy, nó biến mất một thời gian, bây giờ ông mới tìm lại được. Dầu vậy, cuối cùng ông "nhường" cái tách cho Nghi. Anh cầm cái tách đập choang xuống sàn. Không ngờ Nghi nóng tính như vậy. Điệp choáng váng... và chờ đợi sóng gió. Thế mà tới cuối tuần thứ nhì, vẫn không bùng nổ chuyện gì.

Sáng thứ hai (hôm cả sở xôn xao về tin Nghi chết) ông Johan gọi Điệp vào văn phòng phân trần:

- Tôi rất tiếc về cái chết của Nghi ... Cô thân với Nghi, cô có biết anh ta buồn tôi điều gì không?

- Dạ không.

Điệp từ đầu vẫn muốn giữ riêng cho mình những lời nói và hình ảnh sau cùng của Nghi, nên không nói thêm gì với xếp, dù để trấn an lương tâm ông. Ông Johan hối hận, cứ nghĩ cái chết của Nghi có liên quan tới cái tách trà. Thật tội nghiệp cho ông. Và tội nghiệp cho Nghi.

Con quạ trở lại. Nó đậu lâu hơn và ngó vào như thể Nghi có đặc biệt hơn những người chết khác. Điệp nghiêng đầu tránh cái đầu hói đằng trước để nhìn bức hình Nghi đặt trên quan tài. Vẫn nụ cười bất cần đời. Mặt vuông chữ điền.

Xong bảy tám bài điếu văn, khéo xen vào mấy bài hát, tới phiên Diễm Chi, kết thúc bằng một bài sáo. Điệp không biết tên bản nhạc, nhưng nghe quen quen. Tiếng sáo ấm tròn, gieo hy vọng nhiều hơn sầu thảm. Hết bài sáo độc tấu, nghe có tiếng người đàn bà rón rén tới gần Diễm Chi nói nhỏ gì đó. Điệp liếc sang, thấy bà ngồi xuống cạnh cây phong cầm nhỏ. Hai người song tấu lại bản nhạc vừa rồi. Với tiếng đệm của phong cầm, niềm hy vọng trong tiếng sáo như những rễ cây ngoằn ngoèo đâm xuống một nền đất vững chãi. Chắc Nghi, nếu còn nghe được, phải hài lòng với bản nhạc này. Tự nhiên Điệp ước khi chết, cũng chết vào mùa thu và nằm trong ngôi nhà nguyện có cửa kính lớn nhìn ra hàng phong lá đỏ son kia, nghe tiếng sáo hy vọng của Diễm Chi. Điệp nhìn sang, thấy Diễm Chi đang lau nước mắt, cô khóc dàn dụa, tấm tức. Mãi không nín được, sợ gây tiếng động, phải chạy ra ngoài. Điệp nhói trong lòng: Cô khóc người yêu, khóc một người bạn, hay khóc cho mình, hay ân hận đã làm gì cho Nghi đau đớn? Và tại sao Điệp lại không khóc được?

Nhà đòn lấp huyệt xong và cắm cây thánh giá lên mộ, mặc dầu - như đã nói - không ai biết Nghi theo đạo nào.

- Chỉ để làm dấu thôi.

Đại diện văn phòng mai táng -một ông bụng to, mặc lễ phục đen trang trọng và cũng đeo kính râm- tưởng Điệp là gì của người chết, phân trần như vậy, trước khi về. Điệp gật đầu, và đứng lại một mình bên mộ. Mới hai giờ chiều, nắng loang trắng trên các thảm cỏ xanh, lấm tấm lá thu vàng. Một con bồ câu thật đậu bên một con bồ câu đá, buồn bã. Gió lặng hơn buổi sáng, lúc mọi người ngồi trong nhà nguyện.

Điệp là người cuối cùng gặp Nghi trên đời. Chiều thứ sáu tan sở Điệp biết Nghi sẽ đi Hoenefoss nên xin quá giang đi Asker thăm cô chú Tiến. Khi xe ra vòng đai thành phố, chạy ven bờ biển, Điệp nói:

- Nghi quay kính xuống được không?

Điệp hơi ngạc thấy Nghi ngoan ngoãn quay kính xe, không đệm một câu nói ngang cố hữu. Điệp tự giải thích, cố giữ cho giọng không nhõng nhẽo:

- Cho Điệp ngửi mùi nước biển tí.

Rồi cũng không tránh được một câu "ngang", mặc dầu giấu một chút âu yếm trong giọng:

- Toàn thán khí.

Giữa hai người không có những liên hệ mà lẽ ra "phải" có: đẹp đôi, vừa lứa, đồng hương, có nhiều dịp kề cận trong công việc, đi công tác, hội thảo ở ngoại quốc và địa phương.

Khi xe chạy gần tới Asker, Điệp nhìn ngang nét mặt bướng bỉnh của Nghi. Sắp phải chia tay, nàng tiếc giọng bảo vệ trong câu "Toàn thán khí" của Nghi. Điệp không muốn xuống. Bỗng Nghi nói:

- Điệp cần lại cô chú Tiên gấp không? Nếu không, đi thêm chút nữa lên Tyrifjord ngắm cảnh.

Giá như mọi khi, giá không phải mùa thu, chắc Điệp đã nói ngang một câu trả đũa, ví dụ "có gì mà ngắm". Nhưng bây giờ là mùa thu, hai bên đường bát ngát lá vàng và lá đỏ, nàng vội vàng trả lời như sợ "chàng ngang" đổi ý:

- Đồng ý.

Xe vào xa lộ E68, các vách núi dựng cao hơn. Trời đẹp quá, mà ngồi cạnh người thanh niên đẹp, Điệp muốn kiếm một chuyện kém lãng mạn để bắt đầu - chuyện "thời sự" hai tuần trước:

- Sao anh ngông vậy? Đập ngay cái tách trà trước mặt xếp lớn?

Nghi cười không trả lời, chỉ huýt sáo, mặt hiu hiu. Điệp càng thấy anh ngông - và ... trẻ thơ. Nàng tự nhiên muốn làm một người bạn thân:

- Nghi ngang quá, có hại.

Nghi thoáng lộ vẻ cảm động, rồi lạnh ngay:

- Cám ơn Điệp quan tâm.

- Bạn tốt mà.

Điệp thấy mình bị ảnh hưởng phim tập, nhưng không có cách diễn tả nào khác hay hơn để đáp lại câu lạnh của Nghi. Nghi cười:

- Tôi có cái tật, đúng hơn, một phấn kích kỳ cục đối với những lúc vui quá...

Nghi nói tới đó rồi ngưng, quay sang nhìn Điệp như đo lường xem nàng có "đáng" cho anh tâm sự không. Điệp mở to mắt chờ đợi. Nghi nói:

- Mắt Điệp đẹp quá!

Sự bất ngờ làm Điệp choáng váng, dù biết tính bông lơn của Nghi. Nàng tránh:

- Mình đang nói chuyện tách trà... Và cái tật... Nghi gọi bằng cái gì? Cái... phấn kích gì đó nó như thế nào?

- Có người khi giận dữ thì đập phá. Có người vui mà bật khóc thì vui hơn. Còn tôi, khi vui, tôi phải đẩy niềm vui lên cao bằng cách phá một biên giới. Ví dụ buông cho tách trà vỡ.

- Được lại cái tách trà mà Nghi vui thế à?

- Không phải.

- Chứ gì?

Nghi xa vắng:

- Khi ông Johan đưa cái tách cho tôi, tự nhiên tôi nghĩ sang một việc khác hoàn toàn không liên quan gì tới vụ sở hữu cái tách hay lòng tự ái. Tôi nghĩ tới một vật đựng. Vật đựng nhỏ vỡ ra sẽ hòa với vật đựng lớn. Tôi buông tách trà xuống đất...

Điệp lắng nghe lấy làm lạ, thở dài:

- Người thì tưởng anh Thông Thiên, người tưởng anh Tin Lành. Hóa ra anh Thiền.

Nghi cười dễ dãi:

- Điên thì có.

Bỗng Nghi như quên câu chuyện tách trà, quên Điệp bên cạnh, quên con đường ngoằn ngoèo len qua các vách núi. Đầu ngả ra sau, tựa vào miếng đỡ gáy, mắt lim dim. Xe lạc, xuýt đâm vào vách núi. Điệp hơi hoảng:

- Cẩn thận, Nghi!

Chàng thanh niên không để ý lời bạn, vẫn như say sưa trong một giấc mộng vừa ập xuống.

- Nghi lái xe như người say! Bể cái... tách bây giờ.

Theo phản ứng tự nhiên, Điệp vịn cánh tay Nghi, và cảm thấy cả anh và mình cùng say thật. Và nàng bỗng sợ hãi cả cái cảm giác vịn tay lẫn cái

cảm giác bể vỡ. Nàng đề nghị:

- Mình ngưng lại một chỗ ngắm cảnh, đi!

Anh dừng xe trên một trạm nghỉ bên vịnh Tyrifjord. Điệp tựa người vào một cây dương, nhìn xuống đám mây trắng nằm im dưới chân, trên mặt hồ xanh thăm thẳm. Rừng cây phủ một mầu vàng rực, xen từng tảng mầu đỏ son. Nghi lại gần nhìn chằm chằm vào mái tóc Điệp làm gáy nàng nóng, nàng đoán nó ửng hồng. Anh cúi sát nữa. Điệp hồi hộp, tim đập tưởng chừng lay động những lá dương bám hững hờ trên cành. Nhưng "phù" một cái, không phải Nghi cúi xuống gáy Điệp, mà chỉ định thổi chiếc lá dương khô bám trên tóc nàng. Điệp thấy chiếc lá chao vài vòng, vướng vào một cành cây bên sườn vực, nằm yên như nó mọc ở đó từ bao giờ. Nàng nói:

- Ước được rơi xuống đám mây kia và vướng vào đó!

Nghi cũng theo dõi đường bay của chiếc lá rơi như Điệp, hưởng ứng:

- Nếu mình nhẹ như chiếc lông hồng thì vướng vào mây được.

Nghe vậy, Điệp xúc động, vì đó là cảm tưởng của chính nàng. Lần đầu tiên, Điệp thấy Nghi, bên ngoài lớp vỏ ngang tàng là một tâm hồn nhạy cảm tinh tế vô cùng. Và còn cái gì hơn thế nữa: Nghi đã ngụy trang sự vĩ đại của cuộc sống bằng những cọ xát nhỏ hằng ngày với người chung quanh. Hoa bạch xà, việc nhấn điện thoại, cái tách hay chính việc uống trà v.v. tất cả là những cái cớ nhỏ để anh cảm nghiệm những giây phút sống lớn. Cách tạo cớ đôi khi lạ đời. Nhưng tính anh vậy. Điều lạ hơn nữa là hình như nàng đã bị "lây" cái kỳ khôi của anh. Nàng nhắm mắt lại để tận hưởng giây phút hạnh phúc bất ngờ và mong manh. Hai người yên lặng một lúc lâu, Điệp nói, vẫn tựa vào cây dương:

- Nhắm mắt lại là có thể tưởng mình vướng vào đám mây. Thật thích. Nhưng lại có cảm giác rờn rợn có thể bị ngã xuống vực.

Nàng mở mắt ra, thấy Nghi đã đứng chắn bên mé vực, mỉm cười. Nếu Nghi nói "Có anh bảo vệ đây, đừng lo" chắc Điệp sẽ thất vọng, nhưng anh nói:

- Nghi cũng thích nhắm mắt trong lúc hạnh phúc, dù trong lúc lái xe.

Điệp rùng mình, và nhớ lại nhiều lần Nghi đã làm như vậy.

- Thôi quen nguy hiểm! Bỏ đi!

Trên đường trở lại xe, Nghi bào chữa (con người này ít khi bào chữa hay thanh minh):

- Mắt thấy cảnh đẹp, lòng cảm hạnh phúc mà được nhắm mắt trong một giây, mình cảm thấy như thời gian ngừng lại.

Nói sao làm vậy, trên đường chở Điệp về Asker, thỉnh thoảng Nghi lại nhắm mắt như ngây ngất, ở cả đôi khúc quanh nguy hiểm, xuýt

bay xuống vực. Điệp hoảng sợ:

- Nghi mơ tới thần tiên nào thì cũng phải mở mắt ra mà dòm đường chứ. Chết cả ... hai đứa bây giờ.

Nghi bình tĩnh:

- Điệp yên chí. Có Điệp ngồi cạnh, Nghi có trách nhiệm không để xe lao xuống hố.

Điệp lo sợ, nhưng không dám cãi. Vả lại, bây giờ nàng đã cảm thấy bên anh... sao cũng được.

Nghĩa trang vắng đến nỗi Điệp không dám khóc. Con chim bồ câu thật vẫn nằm bên cạnh con chim đá. Điệp nói với Nghi dưới mộ:

- Nghi ơi! Khi lao xuống vực sâu, anh có đang hạnh phúc không?

Điệp không dám nói tiếp, cũng không dám nghĩ tiếp điều gì làm cho anh lúc đó hạnh phúc đến độ nhắm mắt trong một giây, và bướng bỉnh thêm một sát-na nữa chẳng hạn. Nàng cúi xuống nhặt một bông hồng cắm lên mộ đất ướt.

- *Hy vọng gặp lại.*

Nàng nhắc lại lời cuối cùng của Nghi khi anh bỏ nàng đứng trơ vơ ở đầu ngõ. Chỉ đến thứ hai là gặp lại nhau trong sở, mà anh ta nói như thế. Vẫn bông lơn như mọi khi. Điệp hình dung lại khuôn mặt vuông, đẹp và yên tĩnh như mặt hồ thu của anh, hàm răng trắng như những hòn đá cuội nằm dưới giòng suối. Giòng suối rất trong, rất êm. Điệp nghĩ hôm đó bên cây dương, và lúc chia tay trên xe, nếu anh tiến tới, Điệp có thể... "nhắm mắt". Nhưng Nghi chỉ nói chơi "Hy vọng gặp lại", rồi lui xe, vòng lên đường núi phóng như bay một mình.

Con bồ câu thật thấy Điệp bước lên cắm hoa, cất cánh bay đi.❐

Đã đọc truyện ngắn **Trần Doãn Nho**
Không thể không tìm đọc
tiểu luận văn chương của **Trần Hữu Thục**

viết và đọc
Tạp chí Văn Học xuất bản

Văn Nghệ phát hành
Sách dày 275 trang, Giá 13 Mỹ kim

Biết nói chi

Song Thao

Máu gõ đầu trẻ trong tôi chắc đậm đặc lắm. Quanh quất trong nhà trông ra toàn những Đức Khổng đi lui đi tới. Đụng đâu cũng rặt những bộ mặt dạy dỗ thiên hạ không. Không hiểu đâu con nít có cái chi hấp dẫn mà cả ông nội lẫn ông ngoại, cả bố lẫn mẹ, thêm một lô bà cô bà dì ông chú ông cậu, cùng toàn thể anh chị em tôi bỏ cả đời ra mà gõ. Đó là những người tôi biết được. Lên xa hơn nữa, tổ tiên giòng họ tôi chắc cũng chẳng ít cụ không ỏõngôiõõ nơi này thì cũng cầm roi mây nơi khác để cố nhét mớ chữ nghĩa vào những cái đầu chắc nhận nhiều roi vọt hơn là những lời dạy bảo.

Nghề giáo là cái nghề giữ người, đã nhào vô thì như cá vào lờ, chẳng biết làm sao mà chui lọt ra ngoài được. Nhiều lần tôi cũng cố nghĩ ngợi xem cái nghề được tôn phong là cao quí nhưng ít nuôi nổi người một cách đàng hoàng sao lại như một chất nhựa thượng hảo hạng dính quá là dính như vậy. Chẳng lẽ cứ ôm bụng rau để níu vào cái cao quí là lời giải thích thỏa đáng sao? Cứ suy trong bụng mình, tôi thấy cũng náo nức với những nghề hái ra tiền khác lắm chứ. Mà nghề nào, so với nghề giáo, chẳng là những nghề mà đồng tiền như những trái cây vừa chín tới trước mặt, trông thèm dễ sợ. Thế mà trăm người sa chân vào nghề giáo chẳng có lấy được mươi người gỡ được chân ra. Nghĩ lung lắm thì cũng có lúc ngộ ra. Cái ngộ của tôi nghe ra cũng xót xa lắm. Đó là một khi đã là thầy rồi thì rất nhác nhớm co chân nhảy ra khỏi cái bục giảng, tuy cái bục giảng chẳng có gì ngoài vài viên phấn trắng lạnh lẽo tung bụi mù trời.

Biết được cái tổ con chuồn chuồn rồi thì dù có càu nhàu, dọa dẫm, bất mãn đến đâu đi nữa, rút cục chân cẳng vẫn cứ dính cứng như bị xiềng

bị xích vào chiếc bàn, chiếc ghế mộc mạc đơn sơ. Dính đến nỗi cả giang sơn ngả nghiêng xoay ngược xoay xuôi gì thì tôi cô giáo vẫn cứ là tôi cô giáo. Chạy trời chẳng khỏi nắng, thứ nắng chói chang nhức đầu nhức óc. Nghề giáo của tôi chẳng còn chỉ là bục giảng, viên phấn và tâm huyết của người thầy mà còn là giáo án, lên lớp mẫu, họp tổ, họp nhóm, bồi dưỡng chính trị, bồi dưỡng chuyên môn và những nhu yếu phẩm, con cá bồi dưỡng, miếng thịt tiêu chuẩn treo lủng lẳng trên tay lái xe đạp sau tiết dạy cuối ngày. Cái gọi là thiên chức cao quí co cụm lại cũn cỡn như vạt chiếc áo bà ba thế cho tà áo dài nhập nhằng chẳng che nổi đôi chân không dám cựa quậy vùng vẫy. Chỉ tới khi được bảo lãnh, bùi ngùi mà hớn hở bỏ xứ ra đi, chân cẳng mới rời được bục giảng, tay mới hết trắng màu phấn và hồn thì ngất ngơ như nuối tiếc một cái gì không có thật.

Nghề giáo cũ như một người tình của một cuộc tình không trọn vẹn. Nó nằm đâu đó trong tận cùng tâm tư nhưng gặp dịp là ngóc đầu dạy lúc nào không biết. Cú điện thoại của một ông bạn nhà giáo cũ (bạn tôi có ai không phải là nhà giáo không nhỉ?) như viên đá lửa nháng lên làm bùng trong tôi giòng máu cũ.

- Chị khỏe không chị?

Giọng nói vừa cẩn trọng vừa cố làm ra thân tình này làm tôi hình dung ngay ra cái dáng người vừa ốm vừa cao của thầy Trọng.

- Anh Trọng phải không? Cám ơn anh, tôi khỏe. Còn anh sao?

Cái giọng đầy nhiệt tình ngày xưa hình như chẳng hao hụt với thời gian.

- Lu bu lắm chị ơi. Gọi cho chị để mời chị tiếp tay đây.

Rõ chán cho cái tính tham công tiếc việc của ông giáo ham trường ham lớp ngày nào. Định hỏi thăm sức khỏe của ông mà ông để cho cái bầu máu nhiệt tình lấn lên trước. Người như vậy chắc như đinh đóng cột là phải khỏe. Còn phải hỏi han chi. Tôi dẹp cái ngỡ ngàng qua một bên để đồng hành với bầu nhiệt huyết của ông bằng một câu nhún nhường cho phải phép.

- Tôi mà làm gì được! Chắc anh hết người rồi sao mà đòi đôi tay già của tôi tiếp vậy?

- Tội quá chị ơi! Chị già bộ tôi trẻ à? Việc là việc chung, mình còn làm gì được thì ráng cùng nhau làm chị ạ. Có việc này tôi nghĩ chỉ có chị mới có thể giúp tôi được thôi. Chắc chị không nỡ từ chối chứ?

Vẫn cái tật quá nhiều nhiệt huyết xưa. Chuyện nói chưa ra đầu ra đũa gì mà tưởng như người nghe đã biết hết rồi. Tôi cười thầm trong bụng.

- Mà anh định sai tôi làm gì đã chứ?

- Ấy chết! Chị đừng dạy như vậy tội tôi quá. Chẳng qua là lớp Việt ngữ của Cộng đồng mình thiếu người dạy, tôi định nhờ chị giúp dùm ít giờ. Mà chị đừng có nại cớ bận làm ăn mà từ chối nghe. Ở đây ai cũng bận hết nhưng có thiện chí là có thời giờ à!

Ông Giám Học ngày xưa hiện nguyên hình lại. Giao cho ai việc gì thì chặn trước đường rút lui của người ta. Nhưng chắc lần này cú chặn hậu của ông chẳng cần thiết. Nghe thấy được đi dạy lại, cờ lớn cờ nhỏ trong bụng tôi mở tung ra. Tim tôi bắt đầu chạy nước rút. Tôi nhắm mắt cố dằn cơn xúc động. Máu gõ đầu trẻ trong tôi đỏ au trở lại. Tôi run run giọng.

- Giờ giấc ra sao hả anh?

- Chị yên tâm. Chỉ dám nhờ chị mỗi tuần ba giờ vào chiều Chủ nhật thôi.

- Vâng, anh để cho tôi tính rồi sẽ gọi lại anh sau nghe.

Nói cho điệu vậy thôi chứ còn tính toán nỗi gì. Tôi chỉ muốn mặc quần áo đi ngay bây giờ. Tôi lặng người cho những hình ảnh trường lớp cũ ào ạt như những đợt sóng xô đẩy nỗi vui sướng của tôi. Rồi phấn sẽ lại nhuộm trắng tay, bảng đen sẽ mở rộng trước mặt và những mái đầu nho nhỏ sẽ ấp đầy hạnh phúc tôi.

Lớp học là một tập hợp lạ lùng. Trai có gái có đã đành. Nhưng tuổi tác là một cách biệt rộng rãi. Năm sáu tuổi cũng có mà mười bốn mười lăm cũng có. Cái ngộ nhất là gần nửa lớp là những em lai.Đứa thì nói được tiếng Việt, đứa ngơ ngẩn chỉ biết gật và lắc. Ngay cả đến những đứa Việt hoàn toàn cũng có đứa chỉ nói lõm bõm hoặc hiểu tiếng Việt nhưng miệng cứng ngắc chẳng nói được chữ nào.

Hạnh phúc của tôi coi bộ vất vả. Tôi bặm môi vịn vào lòng yêu nghề mà nhích dần từng bước. Chẳng gì bắt tôi phải cố gắng, chẳng ai trả cho tôi một cắc thù lao, chẳng một chút gì ràng buộc nhưng sao tôi cứ vững chân tỉa dần những chông gai trên đường mà tiến tới.

Tôi thương những mái đầu cái đen cái vàng trước mặt tôi lúc nào không biết. Chúng có cái tội nghiệp của những trẻ mồ côi đang lần bước tìm về nhà. Tôi là người dẫn dắt chúng, cẩn thận dìu từng đứa, chỉ dạy cho từng cái chu miệng phát âm, cầm tay từng đứa vòng vèo viết từng chữ có dấu. Kết quả mỗi tuần như những viên thuốc bổ tiếp sức cho tôi đi tới.

Tôi được khuyến khích bởi những bậc cha mẹ bỏ những giờ nghỉ quí báu đưa đón con đi học một tiếng nói chẳng cần cho cuộc mưu sinh nơi chốn này. Họ nán lại trò chuyện, gợi ý, bàn bạc với tôi. Họ là những người Việt như tôi tuy con họ có thể mang màu tóc khác nên chúng tôi cùng có chung những lo lắng chỉ đường cho đám trẻ tìm về nguồn gốc của chúng.

Monique thì khác. Cô đầm rặt có khuôn mặt thanh thanh này không có một nét đen nào trên tóc, trên lông mày, trên mắt. Chỉ có từng chữ Việt phát âm hoàn hảo thoát ra từ đôi môi biết cười nhưng không biết che kín được hàm răng trắng đều như tấm hình quảng cáo của nha sĩ. Tôi vui với câu chào trong lần đầu gặp gỡ.

- Chào bà.

Miệng tươi, đầu cúi thấp, mắt như dè dặt đo độ phản ứng của tôi. Tôi tần ngần chào lại.

- Chào cô. Cô dẫn cháu tới học?

Giọng tôi thận trọng chậm rãi. Thật ra câu hỏi của tôi như một thăm dò, tôi chẳng nghĩ là cô đầm trước mặt hiểu được. Thấy tiếng chào của cô vững giọng quá tôi muốn thử cho biết.

- Thưa bà, vâng ạ. Tôi muốn cho cháu tới học vì ông già cháu là người Việt.

Tôi ngạc nhiên vì lối phát âm rặt giọng địa phương miền cực nam nước Việt, nơi tôi đã từng có thời "ngồi" tới sáu năm. Nhưng tôi cũng bấm bụng cười vì lối dùng chữ khá tức cười của cô đầm chay này. Tôi tò mò thử tiếp.

- Cô muốn nói cháu có cha là người Việt?

Cô đầm không nhận ra chủ tâm của tôi, chẳng chút bối rối.

- Dạ, bà nói đúng, ông xã tôi là người Việt Nam.

Tôi cười. Cô đầm cũng nhoẻn miệng cười theo. Nghe được cái giọng chân chất của địa phương nơi khởi đầu những ngày dạy học, tôi thấy mọi sự trở nên ngộ nghĩnh lạ lùng. Tôi vui miệng.

- Cô nói tiếng Việt hay và rõ quá. Nếu chỉ nghe giọng nói mà không nhìn thấy mặt, tôi nghĩ chắc chắn là tôi tưởng đang nghe một người Việt nói tiếng Việt.

- Bà quá khen. Tôi còn phải học hỏi nhiều.

Tôi tò mò.

- Ai dạy cô nói tiếng Việt mà hay quá vậy?

Bặm môi, lưỡng lự, Monique như châm chọc.

- Không có ai dạy tôi cả.

Nhìn vẻ mặt chưng hửng của tôi, Monique chắc vừa lòng lắm. Cô tiếp.

- Tôi nghe và bắt chước ông xã tôi và các bạn của ông ấy.

Bụng tôi đã có ý nể cô đầm thông minh này. Tự học mà nói được tiếng Việt như vậy dễ có mấy người. Tôi thành thật khen.

- Như vậy chắc chồng cô hài lòng lắm nhỉ!

Monique chớp mắt đứng ần ngần, tay bối rối vuốt mái tóc nâu đã quá mượt mà, giọng không vui.

- Chẳng phải vậy đâu, bà ạ!

Không đồng tuổi tác nhưng dẫn dà Monique và tôi quả có một tình bạn. Tôi vì mến tấm lòng của cô đối với quê hương tôi, còn Monique nhìn tôi ra sao tôi cũng không rõ lắm. Có lẽ một chút nể vì, một chút quí mến và là một chốn cô có thể dễ dàng tâm sự được. Qua những cuộc gặp gỡ mỗi tuần, qua những cú điện thoại khá thường xuyên, tiếng Việt của Monique đã được tôi uốn nắn thêm cho hoàn hảo. Và chúng tôi đã thân thiết chị chị em em với nhau.

Gần tết, lớp học của tôi cũng rộn ràng niềm vui nguyên đán. Các bậc phụ huynh sốt sắng góp tay với tôi để cho các em cảm được cái tết dân tộc. Mỗi người một tay, chỉ hơn tiếng đồng hồ, những trái bong bóng rộn ràng màu mè, những giải giấy ngũ sắc, phong pháo giả đỏ tươi, cành mai tíu tít hoa vàng đã đưa tâm hồn các em vào hội. Lại còn bánh mứt, hạt dưa, kẹo và nhất là những phong bao lì xì thắp sáng niềm vui trên nét mặt của từng em. Những bài hát, chuyện kể, những lời chúc, trò chơi lôi cuốn các em vào một không khí ngập tràn tết nhất. Monique tích cực trong mọi việc. Tết hình như chẳng là cái gì xa lạ với cô. Cô chu đáo cả đến việc, trước khi chia tay, trao cho tôi một hộp mứt, mặt đầy vẻ nghiêm trang.

- Em xin tết chị hộp mứt và cám ơn chị đã vất vả dạy dỗ cháu trong năm qua. Em mong được gặp chị trong ngày hội tết để mình vui tết với nhau.

Tết ngập đầy lòng tôi. Chưa bao giờ tôi nhận được món quà tết cảm động như vậy. Hộp mứt ngũ vị đầy màu sắc được trao cho tôi bằng đôi tay trắng muốt nồng nàn ấm áp. Tết không chỉ quẩn quanh giữa người Việt với nhau mà đến với tôi bằng một ngả tưởng như chẳng biết tết là gì.

Tôi cám ơn Monique bằng một giọng xúc động khác thường. Tôi hứa sẽ gặp lại Monique trong hội tết để chúc nhau trước thềm năm mới. Mắt tôi nhìn thấy rất Việt Nam khuôn mặt tây phương này.

- Gia đình em chắc ăn tết lớn lắm nhỉ?

Monique nhún nhường.

- Cũng vậy vậy thôi chị ơi. Thì cũng bánh mứt. Bánh tét nghe chị. Nhân gì cũng có. Em ưa bánh mặn, còn ông xã em ưa bánh ngọt nhân chuối. Chị có biết em thích gì nữa không? Thích đêm giao thừa đi chùa xin xâm hái lộc. Em ham vui chứ mấy lá xâm nói chung chung vậy thì có ăn nhằm gì. Mà xấu tốt tại mình phải không chị? Em cứ nghĩ vậy nên trước tết, việc em lo trước tiên là mừng tuổi ông bà già chồng em ở Việt Nam. Tội nghiệp!

Mặt Monique thừ ra. Tôi gợi chuyện.

- Em cũng gởi tiền về Việt Nam à?

Câu hỏi không rõ nghĩa của tôi làm Monique bối rối.

- Gửi về thì sao hả chị?

- Đâu có sao! Chị thấy em giỏi quá!

Monique chớp mắt, giọng rầu rầu.

- Em không gửi thì ai gửi! Điện thoại về chúc tết thì cũng em thôi!

Tôi ngửi thấy mùi lạ trong câu nói dỗi hờn của Monique. Cái dáng ngồi buồn bã làm tôi cảm thấy áy náy với cô đầm nết na trước mặt. Tôi chẳng muốn khơi thêm chuyện có thể làm tôi bối rối. Tôi đang tìm lời để nhảy ra khỏi tình trạng bất ưng thì Monique đã ngửng phắt đầu lên hỏi bằng một giọng gay gắt.

- Sao đàn ông Việt Nam uống rượu nhiều quá vậy hả chị? Uống chai này qua chai khác, càng vui bạn thì càng uống nhiều. Uống vào rồi thì mặc hết mọi chuyện. Tết thì em quí nhưng chuyện tụ họp nhau nhậu nhẹt vui xuân đến xỉn cả đám thì em ghét thậm tệ.

Tôi còn biết nói sao. Đành ờ ưa.

- Chị cũng nghĩ như em vậy. Cái gì quá đáng đều không hay cả.

Thằng Tony kéo tay mẹ đòi về. Tôi chụp lấy cơ may.

- Thôi, trễ rồi. Em cho cháu về. Mình gặp nhau ở hội tết nghe!

Năm nào tôi cũng ghé qua hội tết. Phần để có dịp gợi lại những cái tết xưa, phần để hòa mình với đông hương ké một chút hơi ấm khi đất trời đổi mới, nhưng phần đáng chú ý nhất là để có dịp mỗi năm một lần gặp lại bạn bè thân thuộc, chúc nhau ít câu cho phải phép. Thường thì chiều chiều tôi mới tạt qua, ở chơi cho tới khi bế mạc mới ra về. Năm nay, vì có hẹn với Monique, tôi phá lệ tới sớm.

Trên sân khấu đang có màn tế lễ. Các cụ ông xúng xính trong áo dài lam khăn đống đang ê a trước bàn thờ. Phía dưới, quây gọn ngay sát sân khấu, có vài chục ghế ngồi dành cho quan khách ngoại quốc và một số chức sắc trong cộng đồng Việt Nam.

Lần đầu tiên đi sớm gặp màn tế lễ, tôi dựa người vào cột chăm chú theo dõi. Các cụ đang nhịp nhàng tiến tới quay lui dâng rượu. Người nào cũng như cố ý chậm rãi trong từng cử chỉ trang nghiêm kính cẩn. Tôi liếc qua đám quan khách ngoại quốc. Họ ngồi thoải mái dán mắt lên sân khấu như đang được coi một tấn tuồng lạ. Tôi chắc họ chẳng bắt được cái trang nghiêm cần có của một buổi tế lễ hợp với khung cảnh đình chùa hơn là trên một sân khấu trống trải giữa những tiếng ồn ào của đông đảo người đi tới đi lui phía dưới.

Quanh tôi lao xao tiếng người ồn ào như chợ vỡ. Gặp nhau, đập vai nhau, la hét mừng rỡ, chúc nhau ầm ĩ, hầu như chẳng ai để ý đến những gì đang diễn ra trên sân khấu. –n ào hơn nữa là khu bán thức ăn. Người mua tấp nập vào ra, tiếng mời chào khỏe khoắn của người bán lôi kéo khách, tiếng cười đùa vang dội. Trên những ghế đá, bục gỗ la liệt những người ăn uống thoải mái. Nhìn cảnh, thấy người, tôi thấy tội nghiệp cho sự trang nghiêm trên sân khấu đang được các cụ cố giữ như người níu sợi dây sắp đứt.

Tiếng chào của Monique kéo tôi ra khỏi những ý nghĩ chua chát đầu năm.

- Thưa chị. Chị tới lâu chưa? Tony chào cô đi con.

Thằng bé vòng tay lí nhí ngậm câu chào trong miệng trong lúc mắt láo liên nhìn quanh. Tôi vuốt cằm đứa học trò nhỏ, móc ví lấy ra bao lì xì mừng tuổi. Thằng bé chụp vội chiếc bao đỏ toét miệng cười. Monique nhắc con.

- Cám ơn cô đi con.

Tiếng cám ơn của Tony nhẹ như gió thoảng. Người thanh niên bên cạnh Monique nhìn tôi rụt rè bối rối. Tôi sững người trước khuôn mặt ngượng trân. Đôi mắt đò dẫm của tôi làm nhột nhạt thêm khuôn mặt vốn đã bối rối dữ. Monique nhìn qua nhìn lại bằng đôi mắt ngơ ngác. Bỗng anh thanh niên ngượng ngập chào.

- Chào cô. Cô còn nhớ em không?

Mặt tôi nhíu lại. Cả một đời dạy học đã có biết bao nhiêu khuôn mặt học trò. Làm sao tôi nhớ hết được. Nhưng khuôn mặt này tôi không thể quên. Chỉ chưa đặt nó vào đúng chỗ trong bộ nhớ của tôi thôi. Bộ óc đang bận rộn điều chỉnh quá khứ của tôi còn chưa ráp được tới đâu thì tai tôi đã bắt được cái tên.

- Em là Toàn đây. Toàn Đệ Ngũ Thoại Ngọc Hầu thưa cô.

Tôi thở phào. Mảnh quá khứ đã rõ nét. Tôi không tin ở mắt mình.

- Em khác quá làm cô ngờ ngợ nhận chưa ra. Nhưng Toàn thì làm sao cô quên được!

Mặt Toàn chín đỏ. Cuộc gặp gỡ như một bất ngờ thiếu thú vị. Monique vỗ tay reo lên.

- Ngộ quá! Dạy cha rồi lại dạy con. Vui thiệt! Ông xã của em đấy chị.

- Quả tôi có vui. Niềm vui của nghề dạy học không phải là niềm vui mì ăn liền. Phải có thời gian mài giũa để khi gặp lại được học trò cũ, được học trò ân cần chào hỏi, nhắc lại trường lớp, lúc đó tâm hồn người thầy mới rầm rộ hạnh phúc. Như thể được gắn huy chương trên ngực. Hạnh phúc của tôi khi được Toàn xưng tên xưng lớp xưng trường chào hỏi như

là một thứ hạnh phúc quí hiếm. Vì Toàn là khuôn mặt nghịch ngợm phá phách thần sầu quỉ khốc hiếm gặp trong đời dạy học của tôi. Tôi đã từng nhẫn nhục chịu đựng, nén lòng không đưa ra những hình phạt nặng nề, sợ đập vỡ tương lai của một đứa trẻ đang nằm trong vòng tay chăm sóc của mình. Vậy mà tôi còn nhớ như in là đã cho Toàn đủ mọi loại hình phạt trừ hình phạt cuối là đề nghị đuổi khỏi trường đứa học trò không dạy nổi này. Vậy mà chính Toàn, đang đứng trước mặt tôi, hàng ria mép rậm rạp đang nhếch lên, cặp mắt xưa lì lợm nay dữ dằn đang cố làm dịu xuống, nụ cười bất cần xưa đang mềm lại. Tôi đọc được trên mặt Toàn nét mừng rỡ pha chút ngượng ngập lính quýnh.

Tiếng chiêng trống nhộn nhịp trên sân khấu đưa đoàn lân ra đi vòng quanh khu hội chợ làm Tony nhảy cẫng lên kéo mẹ chạy theo. Monique xin phép tôi dẫn con đi. Còn lại Toàn và tôi, một thầy một trò chẳng có những kỷ niệm ngọt ngào nơi trường lớp xưa, tôi chẳng còn tâm trạng của ngày cũ nhưng Toàn như vẫn chưa xếp lại được thời hoang đàng xưa.

- Em không ngờ được gặp lại cô ở đây. Chắc cô còn phiền em lắm nhỉ?

Toàn nói bằng cái giọng xúc động làm tôi muốn chảy nước mắt. Giọng tôi cũng xúc động không kém.

- Chuyện xưa em nhắc lại làm chi. Tuổi trẻ ai chẳng có những lỡ lầm. Điều đáng nói là có rút ra được kinh nghiệm gì cho cuộc sống của mình không.

Tôi giật mình ngưng lại. Máu mô phạm suýt làm tôi đi quá xa. Trước mặt tôi bây giờ có phải là Toàn học trò khi xưa đâu! Toàn đã trưởng thành, đã vợ con, đã như tôi trong cuộc sống. Tôi lảng qua chuyện khác.

- Cô mừng cho em có được vợ quí. Cô thấy Monique quá đỗi dễ thương. Đã dịu hiền lại còn say mê nói tiếng Việt, đưa con đi học tiếng Việt, xử sự như một người Việt mình. Uả! Mà sao chẳng bao giờ cô thấy em đi cùng Monique tới trường cả. Nếu em tới thì thày trò mình gặp nhau lâu rồi. Cô đâu có ngờ anh chồng tốt phước của Monique lại là em!

Giọng nói vồn vã của tôi chỉ nhặt được nụ cười nhạt của Toàn.

- Em không có thời giờ. Nó thích thì để nó đi.

Tôi kín đáo bắt mạch cái giọng lạnh lùng của Toàn, hùa theo một cách ngượng ngập.

- Ừ, đời sống bên đây tất bật quá. Cô cũng vậy. Thấy thời gian như lúc nào cũng đuổi bén gót. Mệt chi lạ! Mới đó mà em đã vợ con chững chạc. Sao em tốt phúc gặp được Monique vậy?

Toàn tự nhiên rút thuốc cắm lên miệng, mồi lửa, kéo một hơi dài đủng đỉnh trả lời.

- Lỡ ấy mà cô!

Giọng Toàn mang vẻ bất cần nhắc tôi cái tính ương ngạnh ngày xưa của Toàn. Tôi cười cười mắng yêu.

- Lấy được vợ thương chồng thương con như vậy thì cũng đáng lỡ lắm.

Toàn nhìn thẳng vào mắt tôi.

- Lỡ thiệt đấy cô. Cô biết tính em lang bang từ hồi nhỏ đâu muốn đèo bòng vợ con chi. Ngặt cái là lỡ có thằng Tony nên kẹt.

- Kẹt như vậy còn bằng mấy tính toán. Vợ chồng là duyên số, cốt sao thương nhau là được. Cô thấy Monique thương em như vậy là quá quí rồi. Trời thương em đấy.

Toàn cười gượng.

- Cũng bởi vậy nên em mới kẹt hung. Đôi khi cũng thấy nó tội nghiệp nhưng tính em lông bông quen rồi. Mà thôi, thây kệ nó cô ơi, tới đâu hay đó!

Tôi thấy gan ruột như bị ướp muối. Xót xa cho Monique vô chừng. Tự nhiên tôi cảm thấy ngán ngẩm buồn rầu. Một bà bạn đi ngang qua ríu rít chào hỏi. Tà áo dài đỏ thắm tết nhất đốt lòng tôi lên. Toàn vớ được dịp may, chào tôi, kiếm cớ bỏ đi. Tôi theo bà bạn trầm mình vào trong biển người đang hối hả hội hè.

Chen vai thích cánh nhích từng chút trong không khí ồn ào túng rối, người tôi mệt lử muốn ra về. Loanh quanh thế nào tôi lại quay về chỗ cũ. Monique mừng rỡ khi thấy bóng tôi.

- Em tưởng chị về rồi chứ! Đang rầu muốn chết!

Giọng nói như reo làm mấy người xung quanh ngạc nhiên thích thú nhìn cô đầm nói tiếng Việt chay. Tôi kéo Monique về phía góc tường tương đối vắng vẻ.

- Toàn đâu rồi?

Giọng Monique buồn so.

- Ảnh đi với bạn rồi.

- Lại đi nhậu hả?

Monique lắc đầu.

- Không, mấy ảnh kéo nhau đi casino. Em khổ lắm chị ơi!

Tôi ngạc nhiên nhìn đôi mắt ươn ướt của Monique, giọng dỗ dành.

- Ngày tết rủ nhau đi thử thời vận coi năm mới hên xui ra sao phải không?

Monique chấm nước mắt.

- Không phải đâu, hồi này ảnh đi đánh bạc liên miên à. Bao nhiêu tiền cũng hết!

Tôi phân vân chẳng biết nói sao. Ngày xưa tôi chẳng giáo hóa được đứa học trò ngỗ nghịch thì ngày nay Monique chắc cũng chẳng đủ sức cầm chân được anh chồng ham chơi. Tôi nén tiếng thở dài chặn đứng nơi cổ họng. Tội nghiệp cho Monique và cũng nẫu lòng cho tôi. Monique như một cây tầm gửi muốn dựa vào một thân cây tưởng là vững chắc lắm. Nhưng tôi biết tôi cũng chỉ là một thứ sậy èo uột.

- Chị là cô giáo của ảnh, chị khuyên ảnh giùm em được không?

Nét mặt chờ đợi của Monique làm nhói lòng tôi. Tôi nào có cây gậy quyền phép trong tay để có thể giúp được người con gái khốn khổ trước mặt. Ngày Toàn còn là học trò tôi, tôi đã xuôi tay bất lực, giờ đây đôi tay gày guộc yếu ớt của tôi còn làm được chuyện chi. Biết vậy nhưng tôi không nỡ bỏ mặc Monique.

-Ừ, em yên tâm, để chị nói.

Mặt tôi đỏ lên. Tay tôi buông xuôi. Đầu óc tôi vẩn vũ mang mang. Biết nói chi đây?❐

Đón đọc:

CỒN MÂY

truyện dài

HỒ MINH DŨNG

Văn Mới Xuất Bản

MÙA HẠ 1999

Tạp Ghi

Thạch Hãn

Giải thưởng Pulitzer 1999

Ngày 12 tháng 4 năm 1999, Ủy ban Pulitzer thuộc Đại Học Columbia, New York, loan báo các nhà văn nhà báo được trao giải năm 1999, cho những thành tích đạt được trong năm trước. Ngoài những giải thưởng dành cho báo chí, ủy ban còn trao giải văn học nghệ thuật có tác phẩm của mình xuất bản hoặc trình diễn trong năm trước.

Về văn học, giải tiểu thuyết về tay Michael Cunningham với cuốn *The Hours* do nhà Farrar, Straus và Giroux xuất bản. Tác giả được ca tụng là "một trong những nhà văn lớn của thời đại chúng ta," theo Richard Eder của Los Angeles Times, và trước đó đã có hai tác phẩm xuất bản. *The Hours* là một cuốn tiểu thuyết dựa trên những chi tiết trong đời sống của nhà văn nữ Virginia Woolf, mà tác phẩm *Mrs. Dolloway* của bà cũng là một phần hữu cơ đan kết tình tiết giữa hư cấu và sự thực trong tác phẩm đoạt giải.

Về biên khảo, loại tiểu sử (biography), Scott Berg được vinh danh với tác phẩm viết về con người và sự nghiệp của Lindbergh, có nhan cùng tên. Lindberg là người đầu tiên thành công trong chuyến bay solo băng Đại Tây dương, sau 27 giờ bay trên đại dương trước khi hạ cánh xuống Paris trong tiếng hoan hô vang khắp thế giới. Sách do nhà G. P. Putnam and Sons xuất bản.

Về lịch sử, Edwin G. Burrows và Mike Wallace đoạt giải với tác phẩm *Gotham: A History of New York City*, do Oxford Unviersity Press xuất bản. Trong lãnh vực thi ca và âm nhạc, thi tập *Blizzard of One* của Mark Strand do Alfred A. Knopf xuất bản, và *Concerto for Flute, Strings and Percussion* của Melinda Wagner được chấm giải.

Ngoài ra, Hội đồng Pulitzer còn trao giải cho Duke Ellington như một giải đặc biệt tán thưởng những đóng góp và công trình của ông trong suốt một đời phục vụ đại chúng như một nhà soạn nhạc.

Ngoài ảnh hưởng của giải đối với nghề báo, giải thưởng Pulitzer còn là một giải thưởng văn học nghệ thuật cao quý của Hoa Kỳ. Kể từ khi thành lập năm 1912 và lần trao giải thưởng đầu tiên năm 1917, đến nay đã có một số rất đông nhà văn, nhà báo, nhà thơ, nhà soạn nhạc, nhà biên khảo, v.v. được vinh danh. Riêng trong lãnh vực tiểu thuyết, giải Pulitzer đã có những chọn lựa xứng đáng, một số các nhà văn Mỹ được giải Pulitzer cũng là nhà văn đoạt giải Nobel. Trong 11 nhà văn Mỹ được trao giải Nobel, có 8 người được giải Pulitzer, có người được hai lần như trường hợp William Faulkner (Nobel 1945, Pulitzer 1955 và 1963), phần lớn được Pulitzer trước khi được Nobel như Sinclair Lewis (Nobel 1930, Pulitzer 1926), Pearl Buck (Nobel 1938, Pulitzer 1932) John Steinbeck (Nobel 1962, Pulitzer 1940), Ernest Hemingway (Nobel 1954, Pulitzer 1953), Toni Morrison (Nobel 1993, Pulitzer 1988). Riêng Saul Bellow đoạt Pulitzer và Nobel cùng năm, 1976.

Cũng như giải Nobel, việc chọn người trúng giải không thoát khỏi sự chỉ trích của văn giới, báo giới hay đại chúng. Khi thì người được trao giải bị chỉ trích không xứng đáng, khi hội đồng bị than phiền vì đã không theo lời đề nghị của hội đồng giám khảo. Trong lãnh vực báo chí, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giành độc giả của các nhật báo, người ta càng chú ý kỹ càng hơn tới những bài báo, thiên phóng sự, hình ảnh hay các bài viết nhiều kỳ, trên các tờ báo lớn như The Wall Street Journal, The Washington Post, The Los Angeles Times hay The New York Times. Trong lãnh vực tiểu thuyết, ủy ban đã từ chối không trao giải thưởng cho Ernest Hemingway với tác phẩm *Chuông gọi hồn ai* (For Whom the Bell Toll) năm 1941, nhưng lại vinh danh tác phẩm ngắn hơn của nhà văn này là *Ngư Ông và Biển Cả* (The Old Man and The Sea) năm 1953.

Sự liên hệ giữa nghề văn và nghề báo được Joseph Pulitzer quan tâm khi ông thiết lập giải thưởng hơn bảy mươi năm về trước, nhằm vinh danh những thành quả rực rỡ trong nghề báo, vốn tôn trọng và phản ánh sự thật, và tuyên dương những công trình văn học nghệ thuật, vừa có tính sáng tạo, xiển dương cái đẹp, ở cả hai phương diện sự thực và hư cấu. Không thiếu những nhà văn nổi tiếng sống về nghề báo, và cũng có rất nhiều nhà báo chuyển hướng sang nghề văn.

Trở lại với mối tình đầu

Hiện tượng này rõ ràng nhất ở nơi một nhà văn/nhà báo nổi tiếng người Colombia. Tác giả *Trăm Năm Cô đơn* là một tên tuổi lớn trên văn đàn quốc tế với nhiều tác phẩm định hình nền văn học Nam Mỹ, Gabriel

Garcia Marquez, hồi đầu tháng ba đã gây chú ý khi ông quyết định trở về với mối tình đầu của mình. Mối tình ông ấp ủ suốt nhiều chục năm không ai khác hơn là nghề báo. Năm nay 72 tuổi, ông quyết định mua lại một tạp chí đang thua lỗ và rồi ngay tức khắc trở thành một biên tập viên của tạp chí. Nhưng đối với ông, đây là một quyết định rất đáng làm. Từ lâu ông có ý định dùng số tiền được giải Nobel lập một tờ báo lấy tên *El Otro* (Tha Nhân), cho nên khi có một số ký giả và biên tập viên đề nghị ông mua lại và chỉnh đốn tờ tuần báo *Cambio*, ông đồng ý ngay. Oạng cho đó là cơ hội để mình trở lại ôm ấp mối tình đầu. Ông nói: "Nghề báo là nghề duy nhất mà tôi yêu thích, và tôi khi nào cũng tự xem mình là một nhà báo." Gabriel Garcia Marquez đã từng sống về nghề báo trước khi ông đoạt giải Nobel văn chương năm 1982, ngay cả trước khi ông xuất bản *Trăm Năm Cô Đơn*, tác phẩm xác định văn nghiệp của ông. Chính thức thì Marquez là chủ tịch hội đồng quản trị gồm 7 người, nhưng đó không phải là chức vụ ông quen làm. Trên thực tế, ông đảm nhiệm vai trò chủ biên, có khi phải đi thực địa như hồi đầu năm khi ông phải đến tận nơi nhân vụ thương thảo giữa chính phủ và phe phiến loạn khuynh tả.

Giữa làm văn và làm báo, Marquez thú nhận ông học hỏi rất nhiều ở hai tác giả Hoa Kỳ đoạt giải Nobel. Chúng ta hãy nghe những ý kiến của ông về một trong hai người đó, nhà văn/nhà báo Ernest Hemingway. Bài viết sau đây của ông thuật lại một lần ông tình cờ gặp nhà văn cao lớn này giữa những quán sách cũ khu Latin ở Paris năm nào.

Tôi nhận ra ông ta ngay lập tức, lúc đó ông đang cùng vợ là Mary Welsh đi trên đại lộ St. Michel ở Paris, vào một ngày mưa đầu xuân năm 1957. Ông ấy đi ở phía bên kia đường, hướng về vườn Lục Xâm Bảo, mang chiếc quần bò sờn cũ, áo ca rô, đầu đội mũ của những người đánh banh. Vật duy nhất trên người trông không hợp với ông chút nào là chiếc kính thuốc có mặt tròn, nhỏ, gọng thép, khiến ông trông già như một ông cụ, tuy chưa đến tuổi. Lúc đó ông mới 59, thân hình to lớn, rất dễ nhận ra, mặc dù đã không cho người ta một cái ấn tượng ông có một sức mạnh hung hãn, như ông cố ý làm ra vẻ như thế, vì mông ông hẹp, đôi chân lại trông rất mỏng manh trong đôi giày thô kệch của những người làm gỗ đi rừng. Dáng điệu ông thật linh hoạt, thoăn thoắt giữa các quán sách cũ, giữa đám thanh niên trẻ trung đang từ trong đại học Sorbonne ào ra. Không ai ngờ ông chỉ sống thêm có bốn năm nữa thôi.

Hình như lúc nào cũng vậy, chỉ trong một tích tắc thôi tôi đã nhận ra mình đang bị dằng co giữa hai vai trò. Tôi có nên yêu cầu ông cho phỏng vấn, hay là băng qua đường gặp ông để bày tỏ lòng khâm phục vô điều

kiện của tôi? Nhưng dù đóng vai trò nào đi nữa, tôi vẫn thấy có điều gì không ổn. Lúc đó, tiếng Anh của tôi thì cứ ấp a ấp úng giống như bây giờ, và tôi lại càng không tin gì mấy vào mớ tiếng Tây Ban Nha đấu bò của ông. Vì vậy tôi đã không làm gì cả, sợ làm hỏng buổi gặp gỡ nên thay vào đó, tôi bụm hai tay đưa lên miệng, đứng bên này đường la với sang bên kia: "Ôôông thâââầy!" Ernest Hemingway hiểu ngay là chẳng thể có một người thứ hai nào được gọi như thế giữa đám đông sinh viên này, ông quay lại nhìn tôi, đưa tay lên cao rồi la lớn bằng tiếng Castilian với một giọng rất trẻ con, "Tạm biệt, bạn hiền!" Đó là lần duy nhất tôi gặp ông.

Lúc đó tôi mới là một nhà báo 28 tuổi, vừa xuất bản một cuốn tiểu thuyết, và đoạt một giải văn chương ở Colombia, nhưng tôi lại đang sống lang thang, nay đây mai đó ở Paris. Hai bậc thầy tôi trọng vọng nhất lại đều là người Bắc Mỹ, chẳng ai giống ai. Lúc đó tôi đã đọc hết tất cả những tác phẩm của họ, nhưng tôi không đọc người này để bổ khuyết cho người kia, mà trái lại đọc hai tác giả như hai con người hoàn toàn khác biệt, hai cách nhìn văn chương đối chọi, triệt tiêu nhau. Một trong hai người là William Faulkner. Tôi chưa được diện kiến ông lần nào, chỉ hình dung ra một nông gia mặc áo dài tay ngồi gãi ngứa bên hàng hiên với hai con chó con màu trắng như trong một bức hình nổi tiếng của nhiếp ảnh gia Cartier-Bresson. Người kia chính là con người chợt biến chợt hiện vừa mới lên tiếng chào từ giã tôi từ bên kia đường, để lại cho tôi một ấn tượng là thật sự đã có một biến cố xảy ra trong đời tôi, suốt cả một đời.

Tôi không biết ai đã nói là các nhà văn đọc tác phẩm của nhau chỉ cốt để xem tác giả viết lách ra làm sao thôi. Tôi cho là đúng. Chúng ta không thỏa mãn với những điều bí ẩn được lột trần ra trên trang giấy; chúng ta lật đi lật lại cố tìm cho ra những đường kim mũi chỉ đã khâu vá mọi thứ lại thành một tác phẩm. Không thể nào giải thích được là làm sao chúng ta đã tháo gỡ cuốn sách ra thành từng phần nhỏ, rồi lắp ráp những phần nhỏ đó lại với nhau cho nguyên như cũ, sau khi đã tìm ra được bí quyết, hiểu được những sự vận hành như nhìn bên trong một chiếc đồng hồ. Nhưng nếu là sách của Faulkner thì đừng hòng, bởi vì dường như ông không theo một phương pháp sáng tác có tính hữu cơ nào. Thay vào đó, ông đi chập choạng như một người mù trong thế giới của thánh kinh, như một đàn dê được thả chạy tán loạn bên trong một gian hàng bán thủy tinh. Cố gắng tháo gỡ một trang viết của ông, người ta sẽ có cảm giác là những đinh ốc, nhưng lò xo sẽ nằm vương vãi tứ tung, và chẳng thể nào lắp ráp lại cho y như cũ được. Hemingway, ngược lại, tuy người ta sẽ không có được nhiều đam mê, nhiều cảm hứng, ít điên rồ hơn, nhưng lại có được cái tuyệt vời về mức độ nghiêm chỉnh, chúng ta sẽ phơi bày hết

tất cả những đinh ốc, những lò xo đó, như hàng hóa nằm phơi trên những toa xe lửa mui trần. Có lẽ vì thế mà Faulkner là một nhà văn ảnh hưởng nhiều đến tâm hồn của tôi, nhưng Hemingway lại là người giúp tôi trau dồi tay nghề –không những chỉ qua các tác phẩm của ông mà thôi–mà còn ở kiến thức thâm hậu của ông về nghề viết lách.

Trong một cuộc phỏng vấn có tính lịch sử với George Plimpton trong The Paris Review, Hemingway bày tỏ quan niệm đi ngược với quan niệm về sáng tạo của trường phái lãng mạn. Theo ông, sự dư dật về kinh tế và có sức khỏe tốt đều là những yếu tố giúp ích cho việc sáng tác; rằng một trong những khó khăn lớn lao là làm sao sắp xếp cho hay các con chữ; rằng khi sáng tác nếu cảm thấy bí tắc thì nên đọc lại những tác phẩm của mình để tự nhắc nhở sáng tác là một việc khó. Nhà văn chỉ có thể sáng tác ở nơi không ai quấy rầy, nơi không có điện thoại reo vang, và cho rằng nghề làm báo thường giết chết nghề văn là không đúng, như người ta vẫn nói. Không đúng đã đành mà còn ngược lại là khác. Chừng nào người ta biết dẹp chuyện làm báo sang một bên, đúng lúc, đúng nơi, thì không sao. "Một khi việc sáng tác trở thành một tật xấu khó chừa và một thứ khoái sảng tuyệt vời," ông nói, "chỉ có cái chết mới chấm dứt được nó thôi." Sau cùng, bài học của ông chính là ông đã khám phá ra rằng trong việc sáng tác, nhà văn mỗi ngày chỉ nên ngừng viết khi nào biết rõ ngày hôm sau mình sẽ tiếp tục ở chỗ nào. Tôi không thấy có lời khuyên nào hữu ích cho việc sáng tác hơn là nhận xét đó. Nói một cách chính xác, đó là liều thuốc chữa cơn bệnh ma quái của nhà văn: mỗi buổi sáng cứ phải ngẩn ngơ trước trang giấy trắng.

Tất cả những tác phẩm của Hemingway cho thấy tinh thần của ông sáng láng nhưng lại đoản mệnh. Điều đó dễ hiểu. Sự giằng co nội tại trong tác phẩm của ông, thường phải chịu đựng một sự trấn áp của kỹ thuật, không thể nào tồn tại được lâu ở bên trong những phạm trù bao la và ngặt nghèo của tiểu thuyết. Đó là do bản tính của ông, và cũng vì ông phạm phải một lỗi lầm là đã cố vượt qua những giới hạn vốn đã tuyệt vời của mình. Và cũng vì thế mà những gì có vẻ dư thừa ở trong tác phẩm của ông dễ làm cho người ta chú ý hơn là trong tác phẩm của các tác giả khác. Tiểu thuyết của ông giống như những truyện ngắn được phóng đại, ôm đồm nhiều thứ. Trái lại, điểm hay nhất trong truyện ngắn của ông là ở chỗ ông cho người đọc cảm giác thiếu thốn một cái gì đó, và đó chính là cái đã tạo cho truyện của ông vừa đẹp, vừa huyền bí. Jorge Luis Borges, một trong những nhà văn lớn của thời đại chúng ta, cũng có những giới hạn như thế, nhưng khác ở chỗ ông còn đủ tỉnh táo để không cố vượt quá giới hạn của mình.

Phát đạn duy nhất của Francis Macomber bắn vào con sư tử cho một bài học thấu đáo về nghề săn, nhưng cũng còn cho ta một bài học về tuyệt đỉnh của nghề viết. Trong một truyện ngắn của ông, Hemingway viết rằng một con bò đực ở Liria, sau khi đã quẹt vào ngực anh chàng đấu bò, quay trở lại như "một con mèo chạy quanh góc." Với tất cả khiêm tốn, tôi cho rằng nhận xét đó là một trong những thứ điên rồ lúc cao hứng mà chỉ có thể thấy ở nơi những nhà văn tài ba. Tác phẩm của Hemingway đầy dẫy những khám phá đơn sơ nhưng vô cùng tuyệt vời như thế, đưa đến chỗ ông phải sửa đổi định nghĩa của ông về viết văn: tợ như một tảng băng sơn, việc sáng tác chỉ vững vàng khi ở bên dưới có đến bảy phần tám trọng khối của nó kềm giữ.

Sự chú ý về kỹ thuật sáng tác rõ ràng đã khiến Hemingway không đạt đến tột đỉnh vinh quang nhờ tiểu thuyết của ông, mà lại đạt được bằng những truyện ngắn. Khi nói về Chuông gọi hồn ai, *ông bảo là ông không có trước một kế hoạch dàn dựng cuốn truyện, mà chỉ lập ra từng ngày trong suốt thời gian sáng tác. Ông không cần phải nói lên điều đó: nó quá rõ ràng. Ngược lại, những truyện ngắn của ông sáng tác bằng những cảm hứng bộc phát tức thời thì lại không chê vào đâu được. Như ba truyện ngắn ông viết trong một buổi trưa tháng Năm ở Madrid, khi một cơn bão tuyết buộc phải hủy trận đấu bò nhân buổi đại tiệc ở San Isidro. Những truyện ngắn đó, như lời ông nói với George Plimpton, là "Những kẻ giết người" (The Killers), "Mười người da đỏ" (Ten Indians) và "Hôm nay là thứ Sáu" (Today is Friday), và cả ba đều là những truyện có uy thế. Cũng lối suy nghĩ đó, theo ý tôi, truyện tôi cho là ông đã dồn nén hết nội lực của mình cũng là truyện ngắn nhất, "Con Mèo Trong Mưa." (Cat in the Rain)*

Tuy thế, mặc dù nói ra lại có vẻ dèm pha số phần của ông, đối với tôi, truyện đẹp nhất và nhân bản nhất của ông lại là truyện ít thành công nhất: "Bên kia sông và sau hàng cây." (Across the river and into the trees) Như ông thố lộ, nó bắt đầu như một truyện ngắn nhưng rồi lạc bước vào khu rừng của tiểu thuyết. Thật khó mà hiểu được sao lại có quá nhiều kẽ nứt trong cấu trúc và quá nhiều lỗi kỹ thuật như thế ở nơi một nhà văn cao tay nghề, đối thoại lại quá gượng ở nơi một người thợ vàng xuất sắc trong lịch sử văn học. Khi cuốn sách được xuất bản năm 1950, các lời chỉ trích quả có gay gắt, nhưng lại chỉ trích sai chỗ. Hemingway cảm thấy bị tổn thương, và từ Havana ông đã tự vệ bằng cách đánh đi một bức điện tín lời lẽ gay gắt không xứng đáng với một nhà văn tầm cỡ như ông. Ông cho đó không chỉ là tác phẩm hay nhất của ông, mà còn là tác phẩm có mang tính riêng tư nhất, vì ông sáng tác nó vào lúc tuổi đời bắt đầu sang thu, hoài niệm về những năm tháng đã qua không bao giờ trở lại, cùng những

dự báo trước một vài năm còn lại trong đời ông. Không có một tác phẩm nào khác mang nhiều dáng dấp của ông, và cũng không ở nơi nào khác ông đã tìm được cách tạo được hình dáng cho những tâm cảm về tác phẩm và cuộc đời mình như trong cuốn này. Ông muốn nói đến cái vô dụng của mọi chiến thắng. Cái chết của nhân vật chính diện, bề ngoài trông nhẹ nhàng và tự nhiên, thật ra chỉ là một sự ngụy trang cái chết tự tìm của ông về sau này mà thôi.

Khi người ta sống lâu đến thế với một công trình của một nhà văn, năng nổ và thân ái đến thế, người ta không thể tách rời hư cấu khỏi thực tại. Tôi đã mất nhiều giờ, nhiều ngày ngồi đọc trong quán cà phê ở Place St. Michel mà ông cho là nơi thuận tiện cho việc viết lách vì nó sạch, sáng, ấm, thân, và tôi vẫn hy vọng có ngày gặp lại cô gái ông đã gặp ngày nào, bước vào quán vào một ngày lạnh lẽo, đầy gió, một cô gái đẹp, tươi mát, tóc nằm chếch ngang mặt như một cánh chim. "Em thuộc về tôi và Paris thuộc về tôi," ông viết cho cô gái, cũng với thứ ma lực chiếm hữu thường thấy trong cách viết của ông. Những gì ông mô tả, mỗi một khoảnh khắc thuộc về ông, đều là vật sở hữu của ông suốt đời.

Tôi không thể nào đi ngang qua số 12 đường L'Odeon ở Paris mà không nhìn thấy ông chuyện trò với Sylvia Beach, trong một tiệm sách nay đã đổi khác, giết thì giờ cho đến sáu giờ tối, lúc James Joyce có thể tạt ngang. Trên thảo nguyên ở Kenya, chỉ cần nhìn thấy một lần thôi ông đã là sở hữu chủ của đàn trâu rừng, đàn sư tử, cũng như những bí mật nhất của nghề săn. Ông trở thành sở hữu chủ những tay vật bò, những tay võ sĩ quyền Anh, những nghệ sĩ, những tay súng chỉ hiện hữu trong khoảnh khắc ông ta sở hữu họ mà thôi. Ý, Tây Ban Nha, Cuba - một nửa trái đất đầy dẫy những nơi chốn chỉ cần ông nhắc đến thôi cũng đã trở thành vật sỡ hữu của ông. Ở Cojimar, một làng nhỏ gần Havana, nơi người ngư phủ cô đơn của Ngư Ông và Biển cả *(The Old Man and The Sea) trú ngụ, có dựng một tấm biển ca ngợi những thành quả của ông, lại thấy có một pho tượng bán thân, mạ vàng, của Hemingway. Ở Finca de la Vigia, nơi ẩn cư của ông ở Cuba, nơi ông đã sống cho đến một thời gian ngắn trước khi tự sát, căn nhà vẫn còn nguyên vẹn, nằm giữa những tàng cây rợp bóng, vẫn còn nhiều sách vở, những kỷ vật săn bắn, bàn viết, đôi giày lớn quá cỡ, và vô số những vật trang hoàng ông sưu tầm suốt cả một đời khắp năm châu cho đến khi ông chết, và vẫn tiếp tục cuộc sống của chúng sau khi ông đã quá vãng, bằng chính cái linh hồn ông đã cho chúng khi ông sở hữu chúng.*

Mấy năm trước, khi lên xe của Fidel Castro–một người rất ham mê đọc văn–trên ghế ngồi tôi thấy có một cuốn sách nhỏ đóng bìa da màu đỏ.

"Sách của ông thầy Hemingway đó," Fidel Castro nói với tôi. Thật thế, Hemingway vẫn hiện diện ngay cả nơi ít ai ngờ nhất, 20 năm sau ngày ông lìa đời, vừa lâu bền vừa phù du như buổi sáng hôm đó, có lẽ vào tháng Năm, khi ông nói, "Tạm biệt, bạn hiền," từ phía bên kia đại lộ St. Michel.

Triển Lãm Tranh và Ra Mắt sách Nghiêu Đề

Chiều 17 tháng 4 năm 1999 tại Phòng Sinh hoạt Nhật Báo Người Việt ở Westminster, California, khoảng hơn 100 thân hữu đến thưởng lãm và tham dự buổi ra mắt tuyển tập tranh của họa sĩ Nghiêu Đề, do Hội Mỹ thuật Việt Nam và gia đình Nghiêu Đề tổ chức.

Cuốn sách là một cố gắng vượt bực của chị Nghiêu Đề, sau những năm tháng bền bĩ chịu đựng săn sóc anh cho tới lúc anh lìa đời cách đây hơn năm tháng.

Mở đầu buổi họp mặt, Nguyễn Nghiêu Khải Thư, cô con gái út của Nghiêu Đề ngồi trước dương cầm gởi đến bố tấu khúc Clair de Lune của Debussy. Mười ngón tay thon lướt trên phím ngà, Khải Thư như nhận ra bố yêu của cô đang hiện diện đâu đó, ở giữa những bằng hữu mà lúc sinh thời anh vẫn thường đàn đúm. Không khí buổi ra mắt sách vì thế đã rất "Nghiêu Đề" ngay từ lúc đầu, nhẹ nhàng, tươi vui, và thân mật. Trước đây, vào những buổi chiều cuối tuần như thế này, Nghiêu Đề thường lái xe cả trăm dặm đường từ nhà anh ở cực nam San Diego đến khu Little Saigon để đem tiếng cười cho bằng hữu qua những câu nói, những phát biểu rất dí dỏm của anh.

Nhà văn Võ Phiến nhắc lại một vài kỷ niệm khó quên với Nghiêu Đề. Ông quen biết người họa sĩ tài ba này ngay từ những năm anh mới xuất hiện trong sinh hoạt văn học nghệ thuật ở Sàigòn vì nơi ông làm việc lúc đó, Nha Văn Hóa Bộ Thông tin, lại nằm ngay bên cạnh Phòng Thông tin Đô Thành, nơi Nghiêu Đề cùng những người bạn của anh trong Hội Họa Sĩ Trẻ thường trưng bày tranh. Nhưng sự quen biết giữa hai người đã trở thành một mối duyên văn nghệ khi Nghiêu Đề nhận lời vẽ bìa sách cho tác phẩm đầu tiên của nhà văn vào khoảng đầu thập niên sáu mươi. Theo lời kể của nhà văn, Nghiêu Đề nhận lời vẽ bìa, nhưng khoảng một tháng sau, anh cho biết là vẽ bìa thì không khó, nhưng dường như có điều gì không ổn ở nơi tựa sách và tên tác giả. Nghiêu Đề cho rằng bìa sách chỉ có bốn chữ gồm tên tác giả (Võ Phiến), và tên sách (Giã Từ), mà lại bỏ dấu "râu ria" xồm xoàm, nên anh đề nghị vất hết dấu, chỉ ghi VO PHIEN va GIA TU. Nhà văn đồng ý, vì theo lời ông, khi nói đến mỹ thuật hay hội

họa thì ông như một người "loạn thị," hễ thấy có được hai màu xanh đỏ là đẹp rồi. Kết quả là sách in ra với bìa do Nghiêu Đề trình bày. Cuốn sách mới xuất hiện đã gây nhiều chú ý, ngoài văn tài của Võ Phiến, một phần khác do ý nghĩ ngộ nghĩnh của Nghiêu Đề. Ông Nguyễn Ngu Í, người chịu trách nhiệm xuất bản sách Võ Phiến lại nghĩ khác. Ông cảm thấy hối tiếc khi đã không chăm sóc được cho cuốn sách đầu tay của nhà văn nên muốn nhận trách nhiệm lo bìa cho cuốn thứ hai. Khi Nguyễn Ngu Í đưa bìa cho Võ Phiến xem, bìa sách cũng lại do Nghiêu Đề trình bày, nhưng lần này tên sách và tên tác giả được bỏ dấu đầy đủ. Đó là cuốn Thương Hoài Ngàn Năm, một cuốn sách bán chạy, vì theo lời Võ Phiến, người ta mua vì thấy nhan sách có vẻ lớn lối, "thương gì mà đến cả ngàn năm." Những kỷ niệm ban đầu đó đã giữ chặt hai người trong một tình thân lâu dài, bền vững.

Tiếp lời của Võ Phiến, chị Nghiêu Đề làm cho mọi người xúc động khi chị muốn nhân cơ hội này nói với anh điều từ lâu chị muốn nói, nhưng trong những ngày cuối cùng của anh, chị đã không nói được. Chị giải thích với bằng hữu lý do nào khiến chị thực hiện cuốn sách sưu tập lại những bức tranh của anh cùng những bài viết của thân hữu, để hôm nay chị gửi đến Anh như một món quà cuối cùng. Theo lời chị, trước khi bệnh anh trở nên trầm trọng, anh kín đáo ngỏ ý với một người bạn ước muốn của anh được thấy một cuốn sách sưu tập lại những tác phẩm suốt một đời của anh. Chị hiểu là anh làm như thế chỉ vì anh không muốn đặt thêm bất cứ một gánh nặng nào khác lên vai chị. Nhưng chị quyết tâm giành lấy công việc mà chị cho là bổn phận của chị. Từ đó, giữa những giờ phút săn sóc đưa chồng đi bác sĩ, bịnh viện, thuốc thang, giữa những giờ phút tuyệt vọng trước cơn bệnh ung thư quái ác, giữa những giấc ngủ chập chờn chị liên lạc với bạn bè khắp nơi, hỏi xem ai còn giữa được ít nhiều tranh của anh, cho chị mượn để chụp lại. Sau nhiều tháng thăm hỏi, kết quả ngoài sức dự đoán. Chị sưu tập được khoảng 20 bức tranh, và đặc biệt hơn nữa, có ba nguyên bản do Đặng Tiến ở Pháp gởi tặng lại. Mọi người trong phòng hội rất xúc động khi chị tâm sự là mối tình giữa hai người là lý do khiến chị phải nhận lấy trách nhiệm thực hiện tuyển tập, sau khi đã phải trả một giá rất đắt để có được đời sống lứa đôi với mối tình đầu của chị. Do bản tính coi nhẹ mọi chuyện trên đời của Nghiêu Đề, kể cả việc giữ riêng cho mình những họa phẩm đắc ý, việc tìm kiếm tranh Nghiêu Đề không phải dễ. Có lẽ đây một trong số hiếm hoi họa sĩ không bao giờ bằng lòng với thành quả của mình, luôn luôn mong muốn đạt tới những lần mức cao hơn, xa hơn, Nghiêu Đề chỉ cảm thấy nhẹ nhõm mỗi khi tranh của anh được người khác mang đi, hoặc bán hoặc tặng. Ngay cả ở

nhà riêng của anh, nếu có ai hỏi tranh anh đâu, anh chỉ cười rồi đánh lảng không trả lời.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác nhắc lại bản tính coi nhẹ mọi thứ trên đời của Nghiêu Đề, thuật lại một vài lời tâm sự của Nghiêu Đề lúc anh còn sống. Mỗi khi bán được tranh, thường là với một món tiền khá lớn, Nghiêu Đề thường hay tiêu xài một cách phung phí vì anh nghĩ món tiền đó "trên trời rớt xuống," chứ chẳng phải do công trình sáng tạo của anh. Có khi anh lại cho đó là một sự "lường gạt," chứ công sức của anh đâu đáng nhiều tiền như thế. Tất cả những lối ứng xử đó cho người ta thấy Nghiêu Đề là một con người thành thật, một nghệ sĩ chân chính, lấy tự toàn thiện làm mức đến để liên tiếp cải tiến tay nghề để đi xa hơn trên con đường sáng tạo. Cũng theo Nguyễn Mộng Giác, Nghiêu Đề chỉ bằng lòng với những gì anh đạt được trong một thời gian ngắn mà thôi. Vẽ xong một bức tranh, anh gật gù ngắm nghía , nhưng chỉ không đầy một tiếng đồng hồ sau, anh lại mong có ai đến mang nó đi, đừng bao giờ nhìn thấy nó thêm lần nữa.

Hai họa sĩ Hồ Thành Đức và Nguyên Khai cũng đã nhắc lại nhiều kỷ niệm với Nghiêu Đề. Cả hai đều là thành viên của Hội Hoạ Sĩ Trẻ thập niên 1960 ở Việt Nam, và cũng từng làm việc chung với Nghiêu Đề trong nhiều năm. Hồ Thành Đức nói đến quan niệm và đường lối sáng tác của Nghiêu Đề. Theo anh, Nghiêu Đề không cần phải ký tên mình trên tranh, vì chính anh đã tự tìm ra cho mình một bút pháp riêng biệt, không thể nhầm lẫn. Nghiêu Đề, cũng như Hồ Thành Đức và nhiều họa sĩ khác, đều có thời theo học hội họa ở Trường Cao đẳng Mỹ Thuật Gia Định, nhưng Nghiêu Đề không ở lâu. Anh tách ra khỏi để tự tìm cho mình một cách thể hiện cái đẹp "không giống ai." Và anh đã thành công. Hồ Thành Đức còn nói đến tài làm thơ của Nghiêu Đề, ngoài tài năng của một họa sĩ. Nghiêu Đề ít làm thơ, những những bài thơ anh sáng tác thì hầu như lúc nào cũng được tán thưởng, yêu thích. Anh còn viết văn, và đã xuất bản tập truyện Ngọn Tóc Trăm Năm vào khoảng giữa thập niên 1960.

Nguyên Khai trước khi nhắc lại những năm tháng làm việc chung với Nghiêu Đề tại Bộ Xây Dựng Nông Thôn, anh mô tả Nghiêu Đề là một con người "lè phè, nhưng khi cần phải làm thì anh lại chóng vánh và đâu vào đó." Nghiêu Đề không ngần ngại để lộ bản tính của mình cho bạn bè thấy, vì ngay cả lúc công việc ứ đọng, anh vẫn dửng dưng, bình chân như vại. Nhưng khi đến ngày phải giao, anh chỉ việc dùng lại những bản vẽ cũ, thêm thắt đôi chút, rồi biến nó thành một sản phẩm mới, bắt mắt. Thế là huề cả làng, chẳng ai phiền trách gì anh được. Khi cần, anh là người đáng tin cậy. Duy có một đồ án không được hoàn tất đúng ngày hạn định mặc

dù thượng cấp nhiều lần nhắc nhở hay gặn hỏi. Lúc đó, nhóm họa sĩ tùng sự tại Bộ được lệnh xây một chiếc bình phong để án ngữ mặt tiền của trụ sở, vì theo lời Nguyên Khai, "Bộ trưởng và mấy ông lớn cứ bị thay đổi hoài nên họ đi xem bói. Thầy bói bảo là phải xây một bình phong chắn ngang mặt tiền thì cái ghế bộ trưởng mới vững. Thế là bọn tôi bị sung công vào xây chiếc bình phong." Cứ lần lữa mãi, chiếc bình phong đắp bằng đất sét cứ nằm ì ra đến khô nứt mà vẫn chưa biết bao giờ mới xong. Cuối cùng thì cũng xong, chỉ dựng lên được năm bữa nửa tháng thì mất nước.

Nguyên Khai còn làm cho bằng hữu trong phòng hội cười vang khi anh nhắc lại những lần triển lãm tranh chung với Nghiêu Đề. Thường thì đến giờ phút chót anh mới giao tranh, mà hầu như lúc nào cũng kèm theo mảnh giấy viết chữ lớn "Sơn Ướt," hay thiếu khung anh phải lấy một sợi dây thừng quấn quanh vải bố, có khi không che kín hết chu vi của khung bố. Nhưng đến ngày phòng tranh mở cửa, tranh anh lại được giới thưởng lãm chú ý nhiều. Những năm kẹt lại Việt Nam sau 1975, anh thường vẽ tranh theo yêu cầu của người mua, thường là du khách ngoại quốc. Vì sáng hôm sau phải giao hàng, anh thức suốt đêm để vẽ. Xong được phần nào anh cho quạt máy chạy tối đa, có khi đốt nguyên một lò than lớn, sấy khô tranh cho kịp giao.

Buổi triển lãm và ra mắt sách chấm dứt bằng một tiệc trà giản dị nhưng thân mật. Bằng hữu trong giới văn nghệ bồi hồi nhớ những ngày còn đàn đúm với Nghiêu Đề, giữa những tiếng cười ròn rã theo sau một câu nói có khi lửng lơ, hồn nhiên, có khi thâm thúy, châm biếm của người họa sĩ tài danh.

Tôi chỉ mới quen Nghiêu Đề một vài năm sau khi anh đã đến định cư tại Mỹ. Ấn tượng đầu tiên của tôi về anh vẫn còn mồn một trong trí nhớ. Một người đàn ông nhân dáng già nua, nhưng tiếng nói và tiếng cười lại âm vang như một người trẻ. Cách nói, lời nói của anh không thể làm ai mích lòng, trái lại, còn mang đến cho người nghe một nỗi khoái trá đồng tình, đồng cảm. Người nghe lại cười hòa theo khi nghe anh nói, bao nhiêu bực dọc trong một ngày của đời thường như chưa từng xảy ra. Tôi và anh trở nên thân thiết nhau một cách dễ dàng. Ở nơi anh, tôi không thấy cần có một khoảng cách vừa phải-decent interval-, và anh đối với tôi như đã thân quen với nhau từ bao giờ. Anh tin ngay vào sự quen biết mới có, và không ngần ngại giao cho tôi một vài việc anh cần làm hộ cho anh. Chẳng có gì nhiều, cứ mỗi lần anh muốn bạn bè "nam du" về nhà anh vào một ngày cuối tuần nào đó, anh giao cho tôi trách nhiệm làm chim nhạn đưa tin. Thường thì anh hay đưa chị Giang cùng các con lên khu phố Little

Saigon, nơi phần lớn bàn bè anh cư ngụ. Cứ mỗi cuối tuần, khi gặp nhau, mọi người ai cũng mở đầu bằng câu hỏi, "Nghiêu Đề đâu?" Chẳng phải đợi lâu, Nghiêu Đề bỗng từ đâu lù lù xuất hiện, bao giờ cũng với nụ cười thân quen và lối ăn nói hóm hỉnh duyên dáng. Có một bữa chúng tôi đang ngồi chơi ở nhà Nguyễn Mộng Giác, anh xồng xồng đi vào, mặt tươi cười hớn hở. Mọi người vui hẳn lên khi thấy anh, nhưng chưa kịp chào hỏi thì anh đã lên tiếng. "Mấy bạn biết sao không, sáng nay tôi lời được trăm rưỡi." Hỏi làm sao lại lời to thế, anh vừa cười vừa nói. "Thì đây, sáng nay tôi vừa mới quẹo trái ở chỗ cấm quẹo trái, thế mà không có cảnh sát ở đó để phạt. Vậy thì tôi lời được trăm rưỡi rồi chứ gì nữa!" Nghe xong, mọi người lăn ra cười. Nghiêu Đề là thế. Anh cười ở chỗ người khác méo mặt, anh hóm hỉnh ở nơi người khác hậm hực. Chưa bao giờ tôi thấy một nét băn khoăn nào hiện ra trên mặt anh, hay ít ra không thấy ở nơi có bạn bè anh. Dĩ nhiên những lo toan cho đời sống gia đình cũng như tương lai của các con anh, anh vẫn có, vẫn thiết tha. Có một lần anh ngồi ở nhà tôi nói chuyện rất khuya, sau khi bạn hữu đã ra về, chỉ còn mình anh, tôi và một người bạn ở gần nhà, anh đã nói rất nhiều về những mong muốn của anh đối với tương lai của các con anh. Tôi biết nhiều lúc anh cũng cảm thấy mình không giúp gì được cho việc học hành của con cái, tôi trấn an anh rằng ở đây, bọn trẻ rất có tinh thần trách nhiệm và biết tự tìm cho mình một hướng đi thích hợp. Anh gật gù, rồi lại hóm hỉnh: "Ông biết không, mỗi lần tôi thấy đứa nào mon men cầm cọ chấm sơn là tôi bủn rủn tay chân." Cả đám lại phá lên cười. Nghiêu Đề là thế. Lúc nào anh cũng cỡn bợt được, nhưng đó là cái cỡn bợt đáng yêu.

Nghiêu Đề quý bạn, và nếu vì lý do gì đó cách tuần không gặp nhau, anh lại đi tìm. Có một lần đang ngồi chơi ở nhà Nguyễn Mộng Giác, giữa đêm thấy anh gõ cửa. Khi thấy anh đi một mình, bọn tôi hỏi anh chị Giang và các cháu đâu. Anh cười cười, rồi giải thích. "Tôi nói với bà ấy là đi La Jolla uống cà phê. Uống xong trên đường về chợt thấy thích lái xe một mình đi một quãng trên xa lộ. Tôi lấy hướng bắc đi về Los chỉ định chạy một quãng ngắn rồi trở lui. Nhưng khi nhìn lấy biển chỉ Oceanside, tôi lại nghĩ từ đây đến Orange Country đâu còn xa bao nhiêu. Thế là tôi quên hết chuyện trở lui, đến khi nhìn lại thì thấy mình đã ở Little Saigon. Thế là tôi tấp vào đây." Ai cũng cười vang lên, biết tính Nghiêu Đề nhớ bạn, cố tìm cách đi, nhưng lại không muốn nói ra. Ngày hôm sau, chị Giang từ San Diego gọi điện thoại đến những nhà bạn anh thường lui tới, không rầy rà gì, chỉ nhờ nhắc Nghiêu Đề châm dầu bởi xe cũ đang ăn dầu, lỡ thiếu có thể làm hỏng xe trên xa lộ mà khổ cho Nghiêu Đề thôi.

Mỗi khi anh muốn chúng tôi về chơi ở San Diego, anh thường lấy lý

do "chính đáng" để đừng ai trong chúng tôi ngại chuyện "đường xa ướt mưa." Khi thì anh bảo là có các bạn xuống chơi anh mới bõ công dọn dẹp vườn sau (thường thì cỏ cao tận đầu gối), hay khi có hơn hai trăm đóa hướng dương trên những thân cao bằng thân người nở rộ bên hè nhà. Những đóa hoa tròn to bằng chiếc đĩa lớn, cánh màu vàng tươi bao quanh nhị nâu đầy hạt, nở rộ tươi cười cùng với tiếng cười nói của anh, của bạn hữu. Còn khi dù đường có xa, có ướt mưa, một khi anh đã hứa đến với bạn, anh sẽ giữ lời. Sau khi phát giác anh mang trong người cơn bệnh trầm kha, tuy thỉnh thoảng cơn đau vẫn đến hành hạ, anh vẫn có thể di chuyển đây đó khá bình thường, tuy việc ăn uống đã bắt đầu khó khăn. Anh có hẹn đến chơi với chúng tôi tại nhà của Huy Văn ở Bellflower, cách nơi anh ở suýt soát 120 dặm về phía Bắc. Đêm hôm đó, thời tiết trở xấu, mưa kéo đến xối xả, gió rít lên từng cơn, ai cũng nghĩ Nghiêu Đề chưa chắc đã lên được. Nhưng mọi người đều sai, khi Nghiêu Đề gõ cửa bước vào, người đẫm nước khi từ xe vào nhà. Ai cũng vui mừng ra mặt, và thế là buổi họp mặt lại nổ ran như pháo. Nghiêu Đề là thế, yêu bạn, quý bạn.

Hôm tôi về thăm anh lần sau cùng, khoảng một tuần trước khi được chị Giang báo hung tin, anh vẫn còn nhận ra tôi. Lúc này cơn bệnh quái ác đã đến hồi quyết liệt, anh phải được bơm thuốc giảm đau với liều lượng mạnh hơn trước gấp ba lần. Mỗi lần bơm thuốc anh lại thiếp đi, cho đến khi cơn đau trở lại. Lần đó, giữa những cơn đau và sự tỉnh thức, anh thều thào hỏi :"T.H. đâu?" Anh ngoắt tay gọi tôi lại gần, bàn tay gầy guộc của anh nắm lấy tay tôi như muốn gởi tôi một lời chào như anh vẫn thường làm lúc sức khỏe anh còn tốt. Tôi ngồi bên cạnh anh, mắt tôi bắt gặp tia nhìn yếu ớt nơi đôi mắt anh, và tôi nhận ra ngay điều anh muốn nói.Tôi gật đầu, nói nhỏ:"Bạn cứ yên nghỉ, tôi sẽ làm điều bạn muốn." Lúc đó anh nhắm mắt, rồi thiếp đi trong hơi thở yếu, ngực anh thoi thóp theo từng nhịp thở rời rạc. Tôi để anh nghỉ, quay qua nói chuyện đôi chút với Khải Thư và Trúc Hạc, hai cô con gái đã bỏ học để cùng mẹ săn sóc bố trong suốt sáu tháng từ khi anh xuất viện cho đến ngày lìa đời. (Người con trai đầu của anh đi học xa). Có ngồi bên Nghiêu Đề mới thấy được những hy sinh của chị Giang và hai con. Từ khi anh vào bệnh viện giải phẫu để gắn ống chuyền thuốc và thức ăn vào cơ thể, chị Giang đã tranh đấu kịch liệt với bệnh viện để chị được đưa anh về săn sóc tại gia, thay vì phải đưa vào điều dưỡng viện (nursing home) như quy định. Đây là một quyết định táo bạo, ngoài trách nhiệm săn sóc thường tình, còn có trách nhiệm chuyền thuốc đòi hỏi kiến thức tối thiểu về điều dưỡng, kỷ luật về việc bơm thuốc đúng liều lượng và giờ giấc quy định. Chị và hai cháu phải gạt hết mọi việc, dành hết ưu tiên săn sóc anh. Ngày cũng như đêm, mỗi lần cơn đau

đến hành hạ, một trong ba người phải có mặt để chuyền thuốc, để xoa bóp các cơ bắp co rút do lâu ngày nằm yên một chỗ. Những lo âu trong tuyệt vọng hiện ra trên nét mặt chị Giang, những luyến tiếc cho một mất mát lớn lao đang ụp đến làm cho nét mặt tươi trẻ của hai cô con gái luôn ríu rít quanh bố giờ đây trở nên ưu tư, làm bớt đi rất nhiều cái hồn nhiên trong tiếng nói, tiếng cười như trước đây dành tán thưởng những nhận xét độc đáo của bố.

Đối với tôi, Nghiêu Đề vẫn sống. Dù anh ở trong căn nhà đường Amanda ở San Diego, hay trên triền đồi vùng Mira Mesa, tôi vẫn thấy anh ở đâu đó. Như hôm qua, trong buổi triển lãm và ra mắt sách. Không phải là tôi đang tươi cười với anh đó sao, khi nghe Võ Phiến nói về anh? Không phải là tôi đang đàn đúm với anh đó sao, lúc nghe Khải Thư nắn nót từng phím đàn để đánh cho anh nghe bản nhạc anh ưa thích của Debussy? Rồi chị Giang cũng lên tiếng mời anh ngồi lại cho chị nói đôi lời. Tôi giận chị Giang, khi anh em mình đang vui, chị lại làm cho tôi xúc động. Nhưng liếc nhìn qua anh, tôi cũng thấy hai mắt anh ươn ướt, như bày tỏ lòng biết ơn của anh đối với những người thân yêu nhất đời anh.

Trời đã vào Xuân, sao lòng mình vẫn buồn nhỉ!

Nhà văn Thế Uyên bị tê liệt

Nhà văn Thế Uyên vừa trở về nhà sau một thời gian phải vào bệnh viện vì đột ngột bị tai biến mạch máu não, sau cuộc họp mặt vui vẻ mừng cuốn sách thứ ba mươi được xuất bản của mình. Do ảnh hưởng của căn bệnh hiểm nghèo, anh bị tê liệt một nửa thân mình bên phải, tiếp chuyện với bạn bè bằng một tiếng nói nhỏ hơn, chậm hơn , và nhất là không còn sử dụng được tay phải để viết. Anh bắt đầu tập viết tay trái, và lá thư anh viết cho Văn Học dù nét chữ yếu đuối không thẳng hàng nhưng nội dung vẫn hết sức lạc quan:

"Tôi được xuất viện hai hôm rồi. Vợ tôi cười bảo: 'Anh còn sống mà về nhà, là hên rồi'. Nhưng tổng số thiệt hại hơi nhiều. Nói nhỏ đi. Di chuyển hoàn toàn bằng xe đẩy. Tay phải tê liệt nên việc văn chương hoãn đến khi tôi viết được computer bằng tay trái. Buồn cười đêm trước tụ họp bạn bè ra mắt sách, thì sáng hôm sau đau. Vừa cười nói xong, là vụt biến ...như là tuồng No vậy.Vụ đau ốm này gây nhiều phiền nhiễu, nhưng vợ chồng tôi càng thương yêu nhau. Bà Thúy Sơn thật là tuyệt vời."

Thay mặt tất cả bạn bè, chúc anh THế Uyên chóng bình phục, để tiếp tục cho ra đời những cuốn sách thứ 31, 32...

Lê Minh Hà: Tiếng chim gọi bình minh mới

Triều Hoa Đại thực hiện

THĐ: *Thưa chị, mở đầu cho câu chuyện hôm nay, tôi muốn được hỏi chị về những sinh hoạt của người viết nữ hiện nay ở Hải ngoại, chị có nhận xét gì không về họ, chẳng hạn như công việc sáng tác, mức độ sáng tác nhanh, chậm lúc gần đây?*

LMH: Một câu hỏi khó với tôi. Nghề văn cũng như nghề y hay nghề giáo, việc phân biệt nam nữ thực ra không cần thiết lắm. Vào bệnh viện người ta chỉ mong được bác sỹ giỏi điều trị cho chứ ai còn nghĩ đó là bà hay ông bác sỹ. Văn chương cũng thế. Tuy nhiên, là một người đọc khó tính, tôi thích đọc những tác phẩm ít nhiều nam tính, nghĩa là không rườm lời, không bù lu bù loa. Đòi hỏi này tôi đặt ra cho cả các tác giả không thuộc phái nữ.

Các nhà văn nữ ở hải ngoại tôi hầu như không có duyên gặp gỡ. Nên không thể trả lời chi ly câu hỏi chi ly của anh. Nhưng chỉ căn cứ vào ít nhất là ba tạp chí văn học có uy là Văn học, Văn, Hợp Lưu thì các bậc mày râu cũng có thể hài lòng: Phụ nữ viết nhiều, viết bạo, rất có giọng. Hoặc đáo để, liều như PhạmThị Hoài, hoặc bão lũ như Lệ Hằng, hoặc ngông như Trần thị NgH. Hay tinh trẻ như Hồ Như, buồn tươi tắn như Hoàng Nga... Rồi Nguyễn thị Ngọc Nhung... Và còn một cây bút nữa hồi mới tiếp xúc với văn học Hải ngoại tôi đã rất thích một "Những mùa trăng mới lớn" dạo này không thấy xuất hiện... Có những số Văn người đọc đã phàn nàn rằng tạp chí hình như đi theo khuynh hướng trọng nữ. Văn Học nếu không có hẳn một mảng phê bình, là mảng người viết nữ ít thấy ra tay, trừ trường hợp Thụy Khuê và Phạm Thị Hoài, thì có lẽ cũng bị bạn đọc phàn nàn như vậy. Sắp tới, tôi được biết Hợp Lưu sẽ ra một số toàn các bà các cô viết. Ông chủ bút Hợp Lưu dũng cảm.

Cái nhiều này hẳn đã đủ để cho thấy các bà các cô viết khá nhanh. Mà nhanh thật. Đọc danh mục sách mới trình làng của Lệ Hằng, phải giật mình. Hai năm trước, Phạm Thị Hoài bằng Marie Sến đã tạo một biến cố trong văn học ở ngoài nước và cả ở trong nước, nay lại vừa có tác phẩm mới và chắc hẳn là tác phẩm này sẽ làm thiên hạ tốn khối thời gian mà gõ máy bàn luận với nhau.

THĐ: Thế thì trong tương lai chúng ta nên lạc quan hay bi quan hả chị?

LMH: Tùy cách nhìn, tùy điểm nhìn anh ạ. Với tôi, điều này không phụ thuộc vào giới tính của người viết. Tôi sẽ lạc quan nếu luôn được đọc những tác phẩm hay, dù rằng có thể tác phẩm rất hay đó không hợp tạng xúc cảm của tôi. Nhưng chúng ta sẽ sa đà nếu nói dài về điều này. Sẽ phải định nghĩa thế nào là cái hay của một tác phẩm và...

THĐ: *Chị có lo âu không bởi vì mấy lúc gần đây có nhiều tiếng chuông báo nguy về "vận số" của văn học Việt Nam ở Hải ngoại: số người đọc mỗi ngày một teo đi, ngay cả người viết cũng vậy?*

LMH: Những người viết văn thật sự thường âm thầm, nên tôi không biết có thực số người viết văn ở hải ngoại đang teo đi như anh nói. Còn về chuyện người đọc... Không! Tôi không chia xẻ cái lo âu về vận số của văn học Việt nam Hải ngoại. Nếu vận số của nó đồn trong một chữ "hết" thì dù đau lòng chúng ta cũng phải nghĩ rằng nó nên chết, nó không có lý do để sống. Nhưng tôi còn một lý do nữa để không băn khoăn về vận số những trang viết của chúng ta: Tôi luôn nghĩ rằng chẳng lẽ trong hơn bảy mươi triệu người Việt đang sống trên quê hương tài năng nói chung, nói riêng là văn chương lại ít hơn số tài năng được công nhận, trong hai triệu người Việt hải ngoại. Và tôi nghĩ tới một ngày những diễn đàn văn học thật sự sẽ thu hút được những người yêu mến văn chương thật sự, từ người đọc tới người viết, ở cả trong lẫn ngoài nước. Chúng ta sẽ đọc của nhau, và sẽ viết cho nhau một cách chân thành thoải mái. Tôi kinh nghiệm điều này bằng chính mình: Tôi có viết về trại cải tạo mở ra trên đất nước mình sau 1975 đâu, cũng không kể gì nhiều về những ngày đói khổ ăn bo bo thay cơm hàng tháng trời. Tôi viết về một thành phố tôi yêu thương, về những con người tôi yêu thương, viết những điều dấm dớ của riêng tôi, và tôi đã được đọc.

Tôi không lạc quan tếu đâu! Thử làm một so sánh nhỏ: Mỗi đầu sách

in trong nước chừng ngàn bản, cho gần tám mươi triệu dân. Ở ngoài nước, cứ cho là năm trăm bản với mỗi đầu sách đi, cho hai triệu người. Vậy là văn học hải ngoại vẫn được đọc nhiều đấy chứ. Con số này chắc tăng vù vù nếu như người ta có thể bán sách ở trong nước. Vận số của văn học rút lại luôn được quyết định bởi giá trị của tác phẩm. Xin chứng minh ngay: Năm 1998, Chân dung và Đối thoại của Trần Đăng Khoa in đi in lại trong nước, bán hết veo. Tờ An ninh Thế giới phải dành hai số để phỏng vấn những người liên quan đến những trang viết của Trần Đăng Khoa. Báo Văn Nghệ mở cuộc hội thảo trong giới về cuốn sách này, nội dung hội thảo công bố liền trên ba số báo. Vậy là người đọc sẽ đọc khi có những cái đáng đọc. Còn về phần người viết... thì chẳng phải ta vẫn viết ngay cả khi không biết tác phẩm sẽ được đón nhận thế nào đấy ư?

THĐ: *Theo chị thì có nhiều người trẻ tham dự vào chuyện viết lách hay không?*

LMH: Xin thêm vào câu hỏi của anh ba chữ "ở hải ngoại" để dễ trả lời. Tại vì câu hỏi này không đặt ra với văn học trong nước.

Thế nào là trẻ với một người viết? Trẻ là tuổi đời ít hay tuổi nghề ít? Thêm một điều: Trong nghệ thuật tuổi đời tuổi nghề không quan trọng lắm. Nếu có tài, viết ngay cái đầu đã sạch nước cản rồi. Như Phan Thị Vàng Anh chẳng hạn: Rất trẻ, viết chưa bao lâu, nếu không kể bài thơ viết từ hồi sáu tuổi mà tôi thấy cũng vầy vậy thôi, dù được giải quốc tế gì đó. Thế nhưng chỉ bằng vài trang viết, ngắn như không thể ngắn hơn: Kịch câm, Khi người ta trẻ, Hoa muộn... Phan Thị Vàng Anh đã tót luôn được lên đỉnh mà người viết tài lùn có hì hục cả đời cũng không leo tới được. Theo dõi văn học trong nước tôi nhận ra một điều nhiều cây bút trẻ hiện nay đang viết dưới cái bóng của Phan Thị Vàng Anh, như mấy năm qua đã có nhiều người viết theo giọng Nguyễn Huy Thiệp.

Tôi cũng được coi là trẻ dù đã sắp tới tuổi "nhi bất hoặc" (điều tôi nghi ngờ sẽ xảy ra cho mình). Tôi cả tin lắm, nên giật mình trước cho vừa.

Nếu trẻ là ở tuổi trong ngoài ba mươi thì văn học hải ngoại đang là nơi vùng vẫy quẫy cựa của nhiều cây bút trẻ. Đã có Phạm Thị Hoài nhiều năm nay. Đã có Nguyễn Quý Đức, Nguyễn Hoàng Nam, Trần Vũ vân vân và gần đây là Phạm Hải Anh mới từ Việt Nam qua. Rồi đây, khi chuyện hợp lưu của những người cùng trôi từ một nguồn ra không cần phải đặt ra nữa, tôi nghĩ những cây bút trẻ trong nước cũng sẽ tìm tới, tự bổ sung mình vào tập hợp những người viết ở ngoài nước, nếu họ tìm thấy ở văn học Việt Hải ngoại những gì họ muốn biết, nếu họ tìm thấy sự cảm thông,

thấy những thương yêu con người phải dành cho con người trên mỗi trang sách mà hôm nay họ chưa được đọc. Như tôi đã thấy. Qua những Võ Phiến, Cao Tần, Nguyễn Mộng Giác, qua những Võ Đình, Trúc Chi, Phạm Xuân Đài, Nguyễn Xuân Thiệp, Trần Doãn Nho... Xin thứ lỗi cho tôi vì sự đọc của tôi chưa nhiều, vả chăng chúng ta cũng không có nhiều thời gian...

THĐ: *Chẳng hiểu cái ngày chị rời đất Bắc trời có một màu "tang chế" hay không, nhưng trong những chuyện chị viết lê thê một trời giá buốt, gió lạnh mưa phùn ghê quá, chị có để ý thấy không?*

LMH: Đâu có! Tôi đã xem lại rồi. Tôi viết cả về những tháng hạ nóng phát rồ và mỗi lần có điện lại cảm như là một ân huệ của trời đấy chứ.

Tôi rời Việt Nam vào một ngày áp Tết, nắng hanh, ấm. Người ta đang nô nức vì Tết và thấp thỏm mừng vì tin Mỹ sắp bỏ cấm vận (chỉ sau đó ít ngày thì đó là sự thực). Cái màu tang chế mà người đọc cảm thấy ở văn tôi chính tôi cũng không hiểu tại sao có. Bên ngoài những trang viết tôi là người nghịch ngầm. Loay hoay viết về bất kể cái gì, viết kiểu gì cuối cùng tôi cũng tự dắt mũi mình trở lại cái giọng ấy. Thôi thì cứ coi như đó là cái giọng của riêng tôi: giọng mưa phùn. Một ông bác sỹ ở góc độ nghề nghiệp riêng chắc sẽ chỉ ngay ra nguyên nhân: Thể chất tôi rất ọp ẹp, từ bé tới... già như thầy bói nói, và tôi đặc biệt nhạy cảm với thời tiết xứ Bắc. Bạn bè tôi vẫn gọi tôi là Ve sầu ngủ đông tới tận giờ.

THĐ: *Nhiều người "Bắc Kỳ quốc" thì lại nói với tôi: Đọc văn chị gợi nhớ một lần, nhiều lần hơn thế nữa về những kỷ niệm tưởng như đã quên đi kể từ ngày "từ Bắc vô Nam tay cầm bó rau..." Chị thấy thế nào?*

LMH: Một trí thức có tuổi du học tại Pháp từ những năm đầu thập niên sáu mươi, cũng là người Bắc di cư, viết thư cho tôi cũng nói như thế. Rằng "tôi ngạc nhiên thấy mình bồi hồi". Nhân đây tôi cũng xin khoe anh một chút, trong số những bạn đọc như thế có những người không phải là dân Bắc kỳ. Tôi vui mừng vì những vang vọng mà tôi nhận được và tôi muốn cảm ơn những người đọc tôi chưa từng gặp gỡ vì thế. Tôi viết về một Hà Nội của tôi, một vùng quê của tôi và không biết gì về một Hà Nội, một vùng quê của thời mẹ tôi chưa sinh tôi, của những người "Bắc kỳ quốc" như anh nói. Thế mà bạn đọc thấy là tôi đã đồng cảm với họ. Đôi khi tôi nghĩ như thế có lẽ tôi đã ít nhiều vượt ra được cái nhất thời. Nhưng như thế tôi biết rằng tôi không có nhiều người đọc.

THĐ: *Vẫn cái "giọng" Bắc kỳ quốc ấy, nhiều người ví von chị như là tiếng chim hót đầu ngày để gọi bình minh. Chị nghĩ sao về ý tưởng ấy?*

LMH: Tiếng chim hót gọi bình minh! Là Lê Minh Hà? Thử nghĩ tới đó tôi đã phải thở dài hình dung cái cảnh ông chồng ông bạn của tôi lăn ra cười. Từ thời đi học, tôi đã có nhiều biệt danh: Hà Cận, Hà Văn, Mèo đen, Ve sầu ngủ đông, Bồ thuốc. Theo tôi lâu dài nhất và khá đúng với tôi là cái tên Ve sầu ngủ đông. Sau này, nhà tôi khi hài lòng về tôi thì gọi vợ là gà mái ghẹ. Để cho tôi cứ là thế thì tốt hơn anh ạ. Gà mái cục ta cục tác ban trưa, những mùa xuân, xóm nhỏ, lúc mưa tạnh, và bếp nhà ai thơm một mùi gì đó. Phùng Cung có những câu thơ tuyệt hay, đặc biệt tinh tế về khứu giác: "Trứng nhà ai rán thơm mùi thiếu mỡ"; "Mùi tép rang hàng xóm thơm nghiêng"... Không dở hơn là làm một con chim gọi ngày phải không anh?

THĐ: *Trong truyện "Gió biếc" khi kể về những học sinh "ngoài ấy" nói giọng này, giọng nọ chị đã viết. "Học sinh nói đủ thứ giọng. Giọng Kẻ. Giọng Mỗ. Giọng Nhổn. Giọng Trích Sài." Thú thực với chị tôi chẳng hiểu mô tê gì cả. Xin chị vui lòng giải thích giùm cho.*

LMH: Câu này đem hỏi được cụ Tô Hoài thì chắc ta sẽ có được một câu trả lời hết ý. Kẻ, Mỗ, Nhổn, Trích Sài, rồi Đăm, Canh, Trôi, Gối... là những vùng quanh quanh Hà Nội mạn bên này sông Tô, phía ngược Hoài Đức, Sơn Tây. Tôi chỉ ghi nhận nhưng không biết nhiều lắm vì sao có sự khác biệt giọng nói của dân ở đây. Một nhà Hà Nội học đã cắt nghĩa hiện tượng này bằng những biến diễn lịch sử đã xa lơ xa lắc thời chúng ta. Chẳng hạn như giọng Trích Sài. Theo ông, dân làng Trích Sài vốn có nguồn gốc từ những người lính Tây Sơn được vua Quang Trung lưu lại đất kinh kỳ, khi kéo quân về Phú Xuân. Họ sống quần tụ với nhau, duy trì giọng nói và tập quán riêng suốt nhiều đời. Dĩ nhiên là bây giờ họ không nói giọng Thuận Hóa thứ thiệt, nhưng càng không phải là giọng Hà Nội như mọi người vẫn quy ước phải như thế như thế. Ngược lên chút nữa, tới Phùng chẳng hạn thì giọng nói lại mang rất rõ âm sắc Sơn Tây. Thú vị lắm anh ạ.

THĐ: *Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp nói rằng: "Đất nước chúng ta có thể khá được nếu không có quá nhiều nhầm lẫn", chị có đồng ý vậy không?*

LMH: Nguyễn Huy Thiệp nói cũng như viết, kín và gợi. Ông có lý. Phần tôi, tôi còn hay luẩn quẩn nghĩ rằng giá như chúng ta biết sợ nhiều hơn. Biết sợ những điều đáng sợ là phải can đảm lắm. Có lần tôi nghe một cụ bà vốn là đảng viên cộng sản kể chuyện đi chùa nói một câu hết sức tỉnh và lạnh: "Ở nước mình người ta không biết sợ Trời Phật, chỉ sợ nhau, thành ra mới nên nỗi thế." Thôi thì thế cũng là tốt lắm rồi, biết sợ những điều mình tin mà không hiểu, biết đâu người ta chẳng tử tế hơn...

THĐ: *Vậy thì với tư cách là một công dân và là một nhà văn chị có cách nào giải quyết được những "nhầm lẫn" ấy không?*

LMH: Anh hỏi lại "hơi bị" khó rồi. Tôi không có "Cách nào". Chỉ mong được và biết sống tử tế. Và (có thể là tôi đang tưởng bở đây) tôi cứ nghĩ mỗi người cứ sống tử tế hơn một chút thì chắc mọi sự cũng đỡ buồn hơn.

THĐ: *Khi viết văn chị có nghĩ rồi đây nhờ đó mà trở nên danh phận?*

LMH: Danh phận trong nghề văn? Tôi đọc ông Nguyên Sa, rùng mình vì một thực tế: Đại văn hào Nguyễn Du của dân ta với người ngoại quốc rút lại chỉ là một cái tên gợi chút hương xa. Lại đọc ông Nguyễn Hưng Quốc, giật mình: Nguyễn Hưng Quốc kể rằng hai tác giả tôi rất khoái (Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài) tiếng vang như mõ trong nước, được dịch ra nhiều thứ tiếng, nhưng rút cục vẫn không được bạn đọc nước ngoài tìm đọc một cách thấu đáo.

Viết văn để có một danh phận? Trước khi được gọi là nhà văn, tôi là nhà giáo. Tôi hài lòng với cái danh đó, với cái phận đó. Tôi viết vì tôi thích viết, cần viết, và cả vì thích đọc. Cũng phải góp chữ cho các ông chủ bút để khỏi áy náy vì đọc chùa mãi chứ! Chứ không phải vì mong có một danh phận. Mong như thế rồi mới cầm bút thì đích thị là đi đúng vào con đường sai.

THĐ: *Có cần thiết lắm không cho những cuộc tranh luận đứng đắn giữa những người làm văn học với nhau?*

LMH: Rất, rất, rất cần. Những cuộc tranh luận như thế ít nhất cũng làm cho mỗi người cầm bút tự hiểu mình hơn một chút. Và nâng mình lên. Có một thực tế ai cũng nhận thấy là kiến thức lý luận phê bình văn học của người sáng tác nhìn chung là mỏng. Thiếu cái đó, người ta khó có thể

tỉnh khi đọc mình. Phần các nhà phê bình, hiểu được những cá nhân người sáng tác cụ thể chắc cũng không thừa. Không nên tuyệt đối hóa một phương pháp phê bình nào cả, dù hiện đại tới đâu. Đoạn tuyệt tác giả và môi trường cảm xúc rộng cũng như hẹp của tác giả, chỉ biết tới văn bản, rất có thể rơi vào sự thiếu thể tất khi viết về tác giả tác phẩm, thiếu khách quan khi khái quát hóa một trào lưu, thiếu thuyết phục trong những dự đoán khoa học. Vâng, những cuộc tranh luận giữa những người làm văn học là rất cần, rất cần, lẽ cố nhiên là phải đứng đắn, phải thành tâm khi tranh luận.

THĐ: *"Nhà văn là kẻ mơ mộng giữa thế gian phàm tục và thời thế phàm tục". Là một nhà văn chị có "mơ mộng" như thế không?*

LMH: Câu này rõ là phải cho vào một cuốn lời hay ý đẹp để người ta chép vào những trang sổ có hoa lá bướm chim. Có mơ mộng không ư? Lại còn là mơ mộng trong ngoặc kép! Tôi không biết. Nhiều người hì hục với thơ văn đã tự nhận mình là người mơ mộng và khi đó tôi thường im lặng. Nếu mơ mộng là túm tóc mình lôi lên khỏi thế gian và thời thế, hoặc giả quên tuốt đi thì tôi không phải là người mơ mộng. Mà thôi anh, chữ của mỗi người viết nói với ta nhiều hơn những lời người ấy giãi bày.

THĐ: *Nếu vậy thì nên sống theo, sống với thời thế như thế nào để tự do viết những gì mình muốn viết?*

LMH: Thời thế thì thay đổi. Sống theo thời thế mệt lắm. Sống với nhau sao cho có thể yêu thương nhau dù muộn màng đã quá khó rồi. Sống với mình càng khó hơn. Làm sao tôi có thể trả lời anh câu hỏi này. Cứ sống cho hết những buồn khổ của đời mình đi đã. Sẽ học được nhiều. Rồi hẵng viết. Thiên bẩm không phải là nguyên liệu duy nhất để từ đó có được một trang văn buộc người đọc băn khoăn, bàng hoàng. Nhưng hình như tôi đang nói một điều không mới.

Tôi lại càng không thể trả lời anh vì tôi không xứng cái danh nhà văn cho lắm. Nói điều này không phải là để làm duyên đâu. Mọi người gọi thế thì cũng sướng trong bụng một chút thế thôi, chứ tôi tuyệt nhiên không có khả năng sống chết cho văn chương như một một nhà văn phải thế. Tôi là người của gia đình, là một người đọc chuyên nghiệp. Điều này tôi đã từng nói với ông chủ bút Văn Học. Chắc anh Triều Hoa Đại rất đồng ý với tôi: người đọc có nhiều quyền lắm.

THĐ: *Viết thư cho tạp chí Văn Học chị đã dùng những chữ "Bắc kỳ" ơi là Bắc kỳ, chẳng hạn như "viết hay khiếp lên được", những chữ ấy tạo nên những hình ảnh vừa dễ thương vừa nũng nịu. Chị có "âm mưu" nào không đấy khi muốn "nhuộm" người đọc thành dân "ngoài ấy"?*

LMH: Ồ không! Tuyệt nhiên không có "âm mưu" gì. Chẳng qua tôi nói theo thói quen thôi. Cũng y như anh vừa nói "Bắc kỳ ơi là Bắc kỳ" một cách rất bắc. Tôi cũng thích dùng từ Nam chứ. Ví như mấy chữ "Không dám đâu". Mà áp dụng không đắt. Nhà văn Nguyễn Quốc Trụ có lần đã sửa trên bản thảo cho tôi một từ cho thật Nam đấy. Theo tôi thì chính tiếng Sài Gòn mới thực dễ thương. Nhà tôi có lần tự thú là cảm lòng không nổi trước các hàng sinh tố. Không biết nước uống ngọt hơn hay giọng người bán hàng ngọt hơn. Riêng tôi thì lại thích nghe các cụ bà trong ấy, nghe đôn hậu quá chừng.

Nhưng anh Triều Hoa Đại biết không, tôi hay nghe Văn Cao. Tôi thích Đàn chim Việt, thích chữ "Người Nam" trong lời bài hát ấy. "Người Nam còn nghe lời chim nhắn lúc xa... Cánh nhạn vào mây thiết tha, lưu luyến một trời xa."

THĐ: *Sau "Trăng góa" chị đang dự định những gì?*

LMH: Không còn là dự định. Tôi vừa được biết tập "Gió biếc" của tôi đã in xong. Tên tập này nghe ra cũng tươi tỉnh hơn "Trăng góa" phải không anh?

THĐ: *Chị có nhắm vào một loại độc giả nào khi chị viết không?*

LMH: Không anh ạ. Làm gì mà dám thế. Nghe ra thì có vẻ như mọi ông bà viết văn đều ra vẻ khi nói rằng viết là viết cho mình. Nhưng điều đó là sự thật. Tôi viết trước hết là cho mình, và tôi mong con tôi sau này sẽ đọc tôi để hiểu và thương bố mẹ. Vậy thôi. Ông chủ bút Văn học mặc dù thỉnh thoảng nhớ ra lại giục bài nhưng cũng đã chẳng yêu chiều gì bảo luôn là tôi đừng có mong được đông đảo bạn đọc hoan hô, vì rằng tôi đòi hỏi nhiều ở người đọc bằng lối viết của mình. Thế đấy anh ạ.

THĐ: *Nói về những sinh hoạt văn học nơi chị cư ngụ đi, chị đồng ý chứ?*

LMH: Đồng ý. Nhưng thú thật là tôi không biết gì nhiều. Ở Berlin

hiện nay đang có những ngày "Gặp Việt Nam". Nhiều văn nghệ sỹ có tiếng được mời từ Việt Nam qua và tôi cũng muốn qua đó để... xem. Nhưng cũng không biết có đi được để kể cho anh nghe một chút gì không. Tôi ở cách Berlin rất xa. Còn đúng ở vùng tôi thì bà con hình như chỉ mê đại nhạc hội. Đọc chưa phải là một nhu cầu hàng ngày. Thú thực là tôi không sợ mất sách mình cho là hay, vì chẳng ai ở gần mượn cả.

THĐ: *Vậy thì hiện nay tình trạng sinh hoạt văn nghệ nơi chị như thế nào, có nhiều sinh động hay không?*

LMH: Thì cũng có tạp chí "Gió đông", nhưng chúng tôi thỉnh thoảng lại phải hỏi nhau rằng "Gió đông" liệu có thành "Đống gio" không. Mới đây, ông chủ bút Gió đông khẳng định rằng gió đông vẫn vi vút. Dĩ nhiên là chúng tôi mừng.

THĐ: *Chị có đóng góp, tiếp tay ít nhiều vào những công trình ấy?*

LMH: Như một người viết thì có.

THĐ: *Nhìn chung vào sinh hoạt văn học hải ngoại nhiều người âu lo cho tương lai của nó. Còn chị, lạc quan hay bi quan?*

LMH: Âu lo cho tương lai văn học hải ngoại? Không! Khó có thể kể hết tên những người viết tạo được ma lực trên trang sách của mình bằng sự giản dị, thâm trầm, bằng lòng tin vào con người, vào lẽ đời, bằng những thương yêu không vơi cạn trong lòng mình. Đầu câu chuyện của chúng ta, tôi đã nhắc tên một số người viết như thế. Mới đây tôi được đọc "Tôi cùng gió mùa", tôi lại đọc lại "Mùa biển động", "Hà Nội trong mắt tôi" và "Yêu con dạy con nên người Việt." Cuốn sách thứ tư này thì không hẳn là sách văn học, nhưng khi một cuốn sách như thế được tái bản và được tìm đọc thì người ta có quyền không âu lo cho tương lai một sinh hoạt văn hóa đặc thù của những người Việt lưu vong: sinh hoạt chữ nghĩa.

THĐ: *Khi được hỏi: "Ông có muốn người ngoại quốc đến Việt Nam không" nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã không ngần ngại trả lời: "Muốn chứ, họ mang văn minh vào Việt Nam". Chị có đồng ý như vậy không?*

LMH: Tôi đồng ý với Nguyễn Huy Thiệp ở sự muốn. Người ngoại quốc vào Việt nam thời điểm này là cái may cho đất nước mình. Họ mang

những cái khác ta đến cho ta và chúng ta đang cần một sự cọ xát như thế.

THĐ: *Những dòng cuối của bài phỏng vấn hôm nay xin để dành cho chị, vậy chị có cần thêm bớt gì không, chị muốn tâm sự, nhắn nhủ gì với độc giả nữa không?*

LMH: Tôi vốn kỵ những từ "tâm tình, tâm sự". Nên không có gì để nói thêm ngoài những câu trả lời anh. Tôi không coi đây là cuộc nói chuyện với độc giả chung chung mà là một cuộc trò chuyện giữa tôi và nhà thơ Triều Hoa Đại. Xin cảm ơn anh vì cuộc trò chuyện này.

THĐ: *Xin được thay mặt độc giả cám ơn nhà văn Lê Minh Hà, chúc mọi điều may mắn và hạnh phúc.*

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Hoài Việt, ***Amour et Liberté***, tập thơ viết bằng Pháp ngữ của Hoài Việt, La Pensée Universelle (Paris) xuất bản, tựa của Ali Smaoui. Người viết tựa hết lời ngợi khen tập thơ. Xin trích nguyên văn: "Lamour et Liberté, le recueil des poèmes du poète vietnamien Hoài Việt est un banquet si exquis et riche, qu'une fois abordé, on ne veut plus le quitter. La Poésie, la musique, la beauté, le chant et l'amour s'y entremêlent et s'y harmonisent dans une symphonie allègre et enivrante."

Tập thơ dày 64 trang, giá 53 Francs.

Địa chỉ nhà xuất bản: La Penseé Universelle
115 Boulevard Richard-Lenoir
75540 Paris Cedex 11 France
Phone: 43.57.74.74

KHẢO CỨU, TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

📖 Trần Hữu Thục, ***Viết và Đọc***, tiểu luận văn chương, Tạp chí Văn Học xuất bản, sách dày 275 trang, giá 13 MK. Trần Hữu Thục là tên thật của nhà văn Trần Doãn Nho, tác giả hai tập truyện ngắn Vết Xước Đầu Đời (Thanh Văn xb, 1995) và Căn Phòng Thao Thức (Thanh Văn xb, 1997). Sách gồm ba phần: Phần I: Viết, nói về những vấn đề liên quan đến chuyện sáng tạo. Phần II: Đọc đề cập tới Hàn Ốc, Võ Phiến, Bùi Giáng, Khoa Hữu, Hoàng Xuân Sơn. Phần III: Phỏng vấn hai nhà văn Võ Phiến và Nguyễn Mộng Giác.

Sách tiểu luận văn chương xuất bản ở hải ngoại lâu nay thật hiếm hoi,

nhất là những sách bàn trực tiếp tới những vấn đề viết và đọc, căn cứ từ thực tế đời sống và văn chương hải ngoại. Do đó, cả những người đang viết văn lẫn các bạn đọc đều cần tìm đọc cuốn sách này.

Sách do nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành.

🕮 Thế Uyên, ***Những người Mỹ chung quanh chúng ta***, tiểu luận, Xuân Thu xuất bản, sách dày 204 trang, giá 12 MK. Đây là cuốn sách thứ 30 được xuất bản của Thế Uyên. Sách gồm ba phần: Những người Mỹ chung quanh chúng ta, Biến đổi của gia đình Việt Nam qua thời gian và không gian, Phụ lục.

Phần I trình bày: Người Mỹ và các giai cấp của họ, từ giai cấp thượng lưu, trung lưu và lao động, từ cộng đồng da trắng da đen đến cộng đồng Mễ; từ tôn giáo, yêu đương bình thường đến đổi vợ đổi chồng. Đọc, để hiểu, thông cảm và hội nhập.

Phần II: Sự biến đổi của gia đình Việt Nam qua không gian và thời gian: Cơ cấu gia đình như thế nào và đã biến đổi ra sao từ lúc lập quốc, thời quân chủ, Pháp thuộc, thời hai nước Việt Nam, thời thống nhất sau 1975 ở nội địa, và nhất là thời các cộng đồng Việt Nam hải ngoại. Đọc để hiểu không có gì là bất biến, để biết và chấp nhận, thích ứng với những gì hiện hữu.

Liên lạc: Xuân Thu, PO Box 97 Los Alamitos CA 90762
Phone: (714) 828-9200

🕮 Vũ Ngự Chiêu, ***Các vua cuối nhà Nguyễn***, Tập I, Văn Hóa (Houston TX) xuất bản, sách dày 390 trang, giá 22 MK.

Vũ Ngự Chiêu là tên thật của nhà văn Nguyên Vũ. Đây là Tập I: Đại Nam mất tự chủ, 1858-1884. Nội dung tập I hình như không ăn khớp với nhan sách "Các vua cuối nhà Nguyễn 1883-1945".

Trong Dẫn Nhập, tác giả cho biết trọng tâm nghiên cứu là chính sách của người Pháp đối với 5 vua cuối cùng của nhà Nguyễn cùng những phản ứng của họ. Thời gian nghiên cứu giới hạn trong khoảng 1883-1945. Sách chia làm hai phần chính: Phần I Đại Nam mất tự chủ từ 1858-1884, gồm 6 chương. Phần II Thiên mệnh Đại Pháp 1885-1945 gồm 6 chươngviết về các vua Hàm Nghi, Đồng Khánh, Thành Thái Duy Tân, Khải Định, và Bảo Đại. Tài liệu tác giả sử dụng là năm kho văn khố Pháp (Văn khố trung ương, Văn khố Bộ Thuộc địa, Văn khố Bộ Ngoại giao, Văn khố Hải quân, Văn khố Lục quân).

Như vậy cuốn I chỉ là phần chuẩn bị cho cuốn II là trung tâm của

nghiên cứu.

Muốn mua sách xin liên lạc:
Hoàng Đỗ
PO Box 38325, Houston TX 77238-8325
Phone/Fax (713) 528-2606

📖 Lê văn Lân, ***Bút khảo về Xuân (tập I & Tập II)***, Văn Nghệ xuất bản, tập I dày 380 trang, giá 18 MK; tập II dày 260 trang, giá 13 MK. Để giải thích về lối viết biên khảo phong tục của mình, tác giả viết: "Những bài viết được viết theo thể bút khảo, nghĩa là pha trộn vừa thể tùy bút vừa biên khảo, đương nhiên là không hoàn toàn nghiêm túc như một bài tra cứu mà chỉ cốt dùng thể văn nhẹ nhàng để đẩy đưa câu chuyện..."

Trong tình trạng khan hiếm tài liệu về phong tục tập quán của dân tộc ở hải ngoại hiện nay, mỗi lần cần tra cứu về cách tổ chức lễ lạc, hay giải thích cho lớp trẻ ý nghĩa một số phong tục cổ truyền, bạn đọc không biết tìm hỏi ai. Sách của Lê văn Lân đáp ứng được nhu cầu cấp thiết đó.

📖 Thiện Xuân Inna Malkhanova, ***Dưới bóng Từ bi***, Tiểu luận, tác giả là một phụ nữ Nga mà tên tuổi của chị rất quen thuộc đối với những người Nga cùng khổ, với những người Việt ở trong và ngoài nước. Vì Inna Malkhanova là một nhà nghiên cứu Việt học lâu năm, một người tranh đấu cho nhân quyền, phu nhân của ông Nguyễn Minh Cần hiện là một người hoạt động chính trị nổi tiếng trong giới người Việt tự do ở Moscow. Nhưng quan trọng hơn hết tác giả là một Phật tử nhiệt thành, chị đã cùng với chồng thành lập Hội Phật giáo Thảo Đường tại thủ đô Nga.

Sách dày trên 170 trang, giá 11 MK. Muốn mua sách xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ.

📖 ***Nghiêu Đề***, Giai phẩm tưởng niệm cố hoạ sĩ Nghiêu Đề do Viet Art Society xuất bản, in trên giấy trắng láng khổ lớn, dày 100 trang, giá 25 MK. Giai phẩm sưu tập in lại một số tranh quan trọng của Nghiêu Đề, cùng những bài viết về Nghiêu Đề của Nguyễn Ngu Í, Thái Tuấn, Đỗ Quí Toàn, Du Tử Lê, Huỳnh Hữu Ủy, Trần Dạ Từ, bản dịch sang Anh ngữ của Lê Thọ Giáo. Trình bày giai phẩm: Nguyên Khai và Khánh Trường.

Viet Art Society đã tổ chức một cuộc họp mặt ra mắt giai phẩm vào ngày 17 tháng Tư năm 1999 tại Phòng Sinh hoạt Nhật báo Người Việt, Quận Cam bang California Hoa Kỳ.

Bạn đọc ở xa muốn mua giai phẩm xin liên lạc về:

Bà Nghiêu Đề
5595 Amanda Street, San Diego CA 92114
Phone (619) 26-8759.

🕮 Trương Vĩnh Kính, ***Hồ Chí Minh tại Trung quốc***, biên khảo của một nhà viết sử Đài loan, dựa vào nguồn tài liệu phong phú của chính quyền Quốc dân đảng Trung Hoa tìm hiểu thời kỳ Hồ Chí Minh hoạt động chính trị tại Trung quốc trước 1945, cùng những quan hệ với quân đội Tưởng Giới Thạch khi quân Tưởng tiến sang Việt Nam tiếp quản phần đất phía Bắc Việt Nam. Tác giả đã tìm gặp và phỏng vấn những nhân chứnglịch sử người Trung Hoa còn sống, như tướng Tiêu Văn chẳng hạn. Đây là một tài liệu quí để tìm hiểu rõ thêm về Hồ Chí Minh.

Sách do Văn Nghệ xuất bản và phát hành, bản Việt ngữ của Thượng Huyền, giá 18 MK.

🕮 Bá Dương, ***Người Trung quốc xấu xí***, bản dịch của Nguyễn Hối Thủ, Văn Nghệ xuất bản, giá 15 MK. Tác phẩm đã từng gây chấn động lớn, trước hết tại Đài loan, sau đó tại Trung Hoa lục địa, vì Bá Dương mạnh mẽ chê trách những đặc tính hủ lậu xấu xa làm cản trở bước tiến của Trung quốc. Là một nhà báo, Bá Dương đã từng ngồi tù 10 năm vì ngòi bút quyết liệt, can đảm của mình. Dịch giả Nguyễn Hối Thủ dịch và xuất bản lần đầu tác phẩm này, vì thấy những gì Bá Dương viết về dân tộc Trung Hoa cũng giống như những gì ăn sâu vào tâm khảm của dân tộc chúng ta. Đọc 'Người Trung quốc xấu xí" để thấy người Việt Nam cũng xấu xí không kém, xã hội Việt Nam cũng là một "vại tương" đặc quánh bốc mùi mãi mãi không chịu phản tỉnh, nhìn thẳng vào chân tướng mình để tiến bộ.

🕮 Nguyễn Thụy Long, ***Hồi ký viết trên gác bút***, tập hồi ký mà tác giả tâm sự trong bài Tựa: "Tôi nhặt ra những mẩu đời sống của mình, hẳn nhiên không mấy đẹp đẽ. Viết hồi ký, là sự thật, không thể hư cấu để đánh bóng cho đẹp đẽ, đọc lên nghe du dương cho tâm hồn bay bổng. Không có điều đó trong tập hồi ký này. Tôi giới hạn tập hồi ký này từ năm 1975 đến hôm nay, cuối năm 1997"

Qua hồi ký, người đọc mới thấy Nguyễn Thụy Long đã sống 22 năm trong cái đáy tận cùng của nghèo khổ, đói khát, nhục nhã, chịu hết nạn này đến nạn khác. Hai mươi hai năm sống ngay trong căn nhà của mình mà không có hộ khẩu, không có quyền công dân, không có quyền tìm

việc làm, không có quyền hi vọng... Gác bút là chỗ yên ổn cuối cùng của nhà văn, và tập hồi ký là lối thoát cuối cùng của một đời cùng quẫn tuyệt vọng.

Sách dày 280 trang, Văn Nghệ xuất bản và phát hành, giá 13 MK.

📖 Bùi Tín, ***Mây mù thế kỷ***, tập sách ghi lại những đối thoại của tác giả với các cựu chiến binh Việt Nam, Hoa Kỳ, Úc, Pháp...về cuộc chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương 1945-1975 và về tình hình hiện tại của đất nước, do Đa Nguyên xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành. Sách dày 340 trang, giá 18 MK.

Là một người trong cuộc, Bùi Tín đã viết nhiều về bản chất và những biến tướng của chế độ cộng sản Việt Nam, nhất là guồng máy điều động cuộc chiến tranh kéo dài ba mươi năm qua. Nhưng tác giả không dừng lại trong vai trò một nhân chứng. Ông phân tích và đánh giá chính sách "đổi mới" nửa vời hiện nay của chính quyền VN, và cho rằng đó là kết hợp của một thứ chủ nghĩa tư bản không luật pháp, và một thứ chủ nghĩa xã hội không mang phúc lợi cho xã hội. Đó là mầm mống của hỗn loạn.

📖 Trần Mộng Tú, ***Cô Rơm và những truyện ngắn***, tập truyện thứ nhì của một nhà thơ quen thuộc của bạn đọc Văn Học, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 200 trang, giá 12 MK. Tác phẩm được tác giả chia làm hai phần: phần I Cô Rơm gần như là những bài tùy bút mang rất nhiều dáng dấp của chính người viết, giọng tâm sự và tự truyện rất rõ. Phần II là những truyện ngắn đúng nghĩa, một số đã đăng trên Văn Học. Bạn đọc sẽ tìm thấy lại cái chất "lãng mạn trong sáng" của "Thơ Trần Mộng Tú" và "Câu chuyện của lá phong". Đọc Trần Mộng Tú lúc nào cũng thấy đời đáng sống, và con người đáng yêu.

📖 Phạm thị Hoài, ***Chuyện lão tượng phật Di Lặc và nàng Nậm Mây***, truyện vừa của tác giả "Marie Sến", "Thiên sứ", Man nương"...Giới thiệu tác phẩm mới của Phạm thị Hoài, nhà xuất bản viết ở bìa sau cuốn sách: " Từ những "bi kịch be bé" trong số phận một pho tượng, Phạm thị Hoài viết thành một "hài kịch nhân sinh"; từ một truyện tưởng là dành cho trẻ con mà thành chuyện người lớn, với tất cả cái thâm trầm nấp đằng sau một thứ ngôn ngữ giễu cợt tinh luyện.

Từ *Thiên Sứ*, đến *Man Nương*, rồi *Marrie Sến* đến *Di Lặc và nàng Nậm Mây*, mỗi lần Phạm thị Hoài đưa ra một tác phẩm mới là mỗi lần bạn đọc kinh ngạc, khám phá một Phạm thị Hoài khác, một bút pháp khác.

Cái nhất quán trong toàn bộ văn nghiệp của Phạm thị Hoài, có lẽ là sự trân trọng đối với chữ nghĩa, và mối quan tâm của nhà văn đối với mọi sắc thái của "hài kịch nhân sinh".

Sách dày 100 trang, Văn Nghệ xuất bản, giá 8 MK.

🕮 Nguyễn Trung Hối, ***Trong mê cung***, tập truyện ngắn, Tạp chí Văn Học xuất bản, Văn Nghệ phát hành, Tựa của nhà thơ Trần Hồng Châu, Bạt của Nguyễn Mộng Giác, thơ cảm đề Hồng Khắc Kim Mai, sách dày 260 trang, giá 13 MK.

Nguyễn Trung Hối đã đăng nhiều truyện ngắn trên Văn, Văn Học, và được bạn đọc chú ý nhờ không khí mới mẻ của truyện. Nhân vật truyện của Trong Mê Cung không mang dáng dấp sáo mòn của "thân phận lưu vong" hay "người di tản buồn". Ngược lại, họ là những người trẻ tự tín, không mặc cảm, không lạc loài. Họ không khác với những người đồng trang lứa ở xứ sở họ định cư. Một tác phẩm đặt nhắc nhở cho người đọc những câu hỏi lớn: Thật sự chúng ta là ai? Chúng ta muốn gì?

🕮 Lê Minh Hà, ***Gió biếc***, tập truyện ngắn, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ phát hành, sách dày 160 trang, giá 10 MK.

Sau thành công của tập truyện đầu tay "Trăng Goá" (Thanh Văn xuất bản năm 1998) Lê Minh Hà được giới phê bình xem là nhà văn lớp mới ra đi từ Miền Bắc nói lên được tâm tình chung của những "tường nhân" Đông Âu. Viết về quê nhà cũng như quê người, Lê Minh Hà chú ý đến những mẩu đời thường, những thân phận bé nhỏ của cuộc sống hằng ngày. Nhưng qua những mẩu đời thường đó, cũng như ẩn đằng sau một bút pháp cô đọng mà đơn giản, Lê Minh Hà vẽ ra được toàn cảnh của bi kịch đời sống.

🕮 Điệp Mỹ Linh, ***Tưởng như trở về***, tập truyện, tác giả xuất bản, sách dày 190 trang, giá 10 MK. Tác phẩm gồm bảy truyện ngắn mới của một cây bút nữ quen thuộc của thành phố Houston Texas, trong đó một số truyện lấy hứng từ chuyến trở về thăm quê hương của tác giả. Cách nhìn đời sống, ghi nhận sự kiện cũng như cách viết của Điệp Mỹ Linh luôn luôn đôn hậu, hồn nhiên; tác giả ít thích đi sâu vào những ngõ ngách phức tạp của con người và đời sống. Do đó truyện nào cũng có tính chất giáo dục, đề cao lẽ thiện, vinh danh sự trung thực...

Mọi liên lạc xin gửi về: PO Box 401
Alief, TX 77411 USA

thư tín

Nhà thơ Lê Nguyễn,
Tampa Florida:

Tôi mừng cho Văn Học, vượt bứt mọi khó khăn để sống đến năm thứ mười lăm, và dứt khoát sẽ còn sống dai nhanh nhách nữa!

Hình bìa số 156 này đẹp, "sang", trang trọng quá. Cố gắng giữ mẫu bìa này, được chứ? Hay chỉ đổi cách trình bày cho số kỷ niệm chu niên thôi? Xin lặp lại: Bìa báo Văn Học kỳ này đặc biệt lắm, nhìn qua đơn giản thôi, nhưng nó sang và trang trọng, và rất văn nghệ.

Tôi cũng xin góp ý thẳng về mảng thơ. Xin cố tránh cả nể, đăng các bài thơ...lung tung, không ra thơ. Tôi góp ý vì lâu lâu trên Văn Học lại bắt gặp một hai bài thơ đọc chẳng hiểu quí tác giả muốn nói gì. Anh em chúng ta, yêu thơ làm thơ đều trên dưới ba mươi năm, mà đọc một bài thơ không nắm được, có khi chỉ 40% ý tác giả muốn nói. Hỏi chứ với số đối tượng khác làm sao phổ cập được?

Cái truyện ngắn của Lâm Chương trên số 156 được lắm, đọc rất đồng cảm. Nhưng thú thật đối với "lũ tù VC" như chúng tôi, viết như thế không quá khó khăn đâu. Vì ai cũng mười ba năm trở lên, từng nếm mùi conex, cùm kẹp một hai bận... kinh nghiệm y chang như nhau..."

Cảm ơn góp ý của anh về chuyện tuyển thơ đăng trên Văn Học. Thơ phải dễ hiểu, hiểu được hay không thể dễ hiểu...chuyện đó không đơn giản đâu, anh Lê Nguyễn. Có thể Văn Học sẽ đem vấn đề này ra bàn luận trên một số báo về Thơ. Truyện "Những ngày mắc cạn" của Lâm Chương được rất nhiều bạn văn và bạn đọc khen ngợi. Có người nêu ý kiến: Sở dĩ cùng viết kinh nghiệm tù cải tạo nhưng Lâm Chương, Thảo Trường viết khác nhiều người vì như Trần Hữu Thục viết trong "Viết và Đọc": "Một tác phẩm nói lên được kinh nghiệm bất hạnh phải bao gồm nỗi

bất hạnh và suy gẫm dài hơi về nỗi bất hạnh ấy cùng với những bất hạnh nói chung. Giá trị của một nỗi đau không phải là chính nỗi đau đó, mà là những suy gẫm về nó". Một bên kể lể, một bên trầm tư. Khác nhau, hơn nhau là ở cách nhìn, phải không anh Lê Nguyễn?

Nhà văn Ngô Nguyên Dũng
(Dortmund, Germany)

Mấy dịp gần đây, tôi thích đọc mấy truyện viết về trại cải tạo của anh Lâm Chương, rồi đọc được bài phỏng vấn anh của Triều Hoa D$ại, thấy anh ấy thành thật đáng mến quá. Tôi cũng theo dõi mấy bài viết của anh (NMG) về hiện trạng văn chương hải ngoại. Tôi tôn trọng quan điểm của anh (NMG) trong bài viết đăng trên số Tết, nhưng tôi nghĩ đó chỉ là một khía cạnh thôi. Tại sao anh cứ nhìn văn học hải ngoại bằng những quan niệm không mấy lạc quan? Cả các "phê bình gia" khác nữa. Họ toàn nhặt ra những mặt tiêu cực, không sáng sủa của văn chương hải ngoại để rồi cho rằng dòng văn chương đó cũng chẳng có gì. Thử khách quan nhìn lại, bằng công tâm, anh có nghĩ rằng văn chương hải ngoại cũng đạt được nhiều thành quả đáng kể lắm không? Với vài triệu người tha hương, trong đó con số thiết tha với văn học VN chẳng là bao nhiêu, thì số lượng người viết, người đọc và số sách ấn hành mỗi năm được như thế, đáng khích lệ lắm chứ. Cho dù số lượng ấn hành có giảm đi so với trước đây, nhưng thử so sánh với tình trạng ấn hành sách văn học trong nước, thì sao? Còn phẩm chất ư? Theo tôi nghĩ, phẩm chất văn chương hải ngoại cũng không đến nỗi nào. Thế mà mấy lúc sau này giới văn thi sĩ hải ngoại cứ bị trách cứ hoài. Chuyện văn thơ, nếu không phải "nghề" cũng là "nghiệp". Khen nhau hoài cũng kỳ. Mà cứ rầy rà chì chiết nhau, cũng không vui. Hình như có điều gì đó không ổn trong "Việt tính" của chúng mình???

Vâng, nhất định là có cái gì không ổn như anh nói! Có cái không ổn chung: sách vở ngày càng gặp khó khăn trong cuộc cạnh tranh với những thú giải trí hiện đại khác, nên ở đâu số người mua sách đọc sách cũng giảm. Có cái không ổn riêng: hình như người viết ở hải ngoại hiện nay mất khá nhiều tự tín, ít ra là qua một số bài nhận định phê bình đã đăng báo. Nguyễn Hưng Quốc nói tới "mặc cảm những chú lùn", "những kẻ thống dâm", "bi kịch văn hóa"...Tôi không bi quan như Nguyễn Hưng Quốc, dù có nêu ra tình trạng "lão hóa" của văn chương.

Bà Hoa Thu (Seattle WA)

Kính gửi Ban Biên tập Tạp chí Văn Học

Trong số 65 tháng 7 năm 1991, trang 38, quí báo đã đăng bài "Nói chuyện với Lê Văn Vũ Bắc Tiến". Ông LV-VBT tuyên bố đã dựng vở kịch Viễn Khách của Hoa Thu.

Tôi là Hoa Thu, xin cải chính chuyện đó hoàn toàn sai sự thực. Vở kịch thơ Viễn Khách là do tôi mang về Thành (Hà Nội) năm 1949, đưa thân nhân là nhà văn Vũ Bằng, và ông Vũ Bằng đã cho in vào Tiểu Thuyết Thứ Bảy từ 27.8.49 đến 24.12.49.

Đầu năm 1951, Hoa Quỳng Kịch Xã thành lập bởi các ông Phan Tại, Vũ Khắc Khoan...đã trình diễn Viễn Khách tại Nhà Hát lớn Hà Nội và Hải Phòng.

Tiểu Thuyết Thứ Bảy đăng Viễn Khách và Hoa Quỳnh Kịch Xã trình diễn Viễn Khách, đều trả bản quyền cho tôi. Hồi đó, tôi có mặt tại nội thành, ông Lê Văn Vũ Bắc Tiến không thể tự tiện dựng vở kịch Viễn Khách mà không có sự đồng ý của tôi.

Khi Ông LV-VBT tuyên bố với quí báo như trên, chắc chắn ông ấy chưa rõ nội dung bố cục Viễn Khách ra saovì từ 1951, Viễn Khách thất lạc, gần như biến mất trên văn đàn.

Nay Viễn Khách đã được ấn hành, trong Kịch Thơ Việt Nam (tháng 4.1995) và in riêng với tiêu đề Viễn Khách (kịch thơ - Hoa Thu-Lê Huyền Linh — Nhà xuất bản Văn Học (Hà nội) 1997). Tôi kính tặng quí báo một cuốn cùng một số dữ kiện liên hệ tới Viễn Khách.

Bảy tài liệu Bà gửi cùng với kịch thơ Viễn Khách do Nhà xuất bản Văn Học (Hà Nội) in, theo ý chúng tôi, đã đủ để cải chính những lầm lẫn - do thiếu tài liệu - về tác giả của Viễn Khách. Chắc chắn từ nay không ai còn bảo tác giả Viễn Khách là Hoàng Cầm hay Hoàng Công Khanh nữa. Phần tờ Văn Học, chúng tôi cũng không có tài liệu nào để kiểm chứng xem là hồi đó anh Lê Văn Vũ Bắc Tiến có dựng vở Viễn Khách hay không. Phỏng vấn những văn nghệ sĩ lão thành thuộc thế hệ đàn anh, chúng tôi chỉ ghi nhận các phát biểu của họ, còn phần đúng sai thế nào cũng có những người đồng thời lên tiếng. Điều đó đã xảy ra với kịch thơ Viễn Khách. Và nhờ thế lịch sử văn học Việt Nam bớt đi một nghi vấn.

Lauren Hoang Lan
(Santa Ana CA):

Mỗi lần đến kỳ gia hạn báo, Văn Học lại nhận được một tấm carte đẹp, với những lời lẽ đẹp, viết bằng một nét chữ đẹp. Chúng tôi vô cùng cảm động. Sự trân trọng và trang nhã hiển hiện trong một lá thư. Không phải thư. Một bài thơ. Xin cảm ơn Lauren Hoang Lan.

Duong Thanh Be
(Northridge CA)
Xin các anh chị gia hạn cho tôi

hai năm. Số còn dư xin được ủng hộ cho các anh chị tiếp tục "ở sao cho phải" với độc giả và văn học. Xin cảm ơn sự hi sinh của toàn thể anh chị trong tòa báo.

Không ngờ mấy lời quê mùa trong Thư Tòa soạn số vừa rồi được nhiều bạn đọc chú ý. Và sự quan tâm của bạn cũng trở thành một món nợ ân tình. Vâng, Văn Học xin hứa "ở sao cho phải" và "viết sao cho tử tế" trong năm thứ 15 sắp tới.

Một văn hữu ở San Francisco

Thời gian gần đây, tôi thấy Tạp chí Văn Học "ăn nên làm ra" quá. Bằng chứng là Văn Học liên tiếp xuất bản nhiều tác phẩm cho các văn hữu cộng tác, hết thơ Khoa Hữu, thơ Nguyễn Xuân Thiệp lại đến tiểu luận của Tạ Chí Đại Trường, Trần Hữu Thục, rồi trong số báo tháng Tư lại thấy quảng cáo tập truyện ngắn Trong Mê Cung của Nguyễn Trung Hối. Một người bạn văn của tôi ở Los Angeles còn bảo Văn Học sắp in tùy bút của Trúc Chi, truyện ngắn của Tâm Thanh. Tôi chưa cộng tác với Văn Học, xin hỏi các bạn có sẵn sàng in cho tôi một tập truyện không? Nếu đồng ý, tôi sẽ gửi bản thảo đến hộp thư của quí báo.

Tuy bạn giấu tên, nhưng chúng tôi đoán bạn không phải là một người xa lạ trong văn giới. Nội chuyện bạn kể vanh vách những sách Văn Học đã in, đang in và sẽ in đủ chứng tỏ bạn là người rất am tường chuyện trong làng. Chỉ có câu "ăn nên làm ra" của bạn là không am tường mà thôi.

Văn Học xin giải thích rõ vì sao gần đây có nhiều tác phẩm giá trị do Văn Học xuất bản. Trước tình trạng ấn hành và phát hành sách văn chương khó khăn hiện nay, chúng tôi đã nghĩ tới một giải pháp: là tác giả, tạp chí Văn Học cùng nhà phát hành Văn Nghệ có thể hợp tác với nhau để in và phổ biến những tác phẩm giá trị. Các tác giả lo việc hoàn tất bản thảo và ứng trước ấn phí, tạp chí Văn Học theo dõi việc in ấn và thông báo, quảng cáo cho bạn đọc biết, nhà xuất bản Văn Nghệ nhận phát hành một số sách do Văn Học xuất bản để tác giả thu lại khoản tiền ứng trước để in sách. Với công thức đó, dù số lượng in thấp, tác giả vẫn có hy vọng thu lại tiền vốn, và sách sẽ đến tay những bạn đọc xứng đáng; tạp chí Văn Học được cái "oai" làm nhà xuất bản "không vốn"; còn nhà phát hành Văn Nghệ phổ biến được thêm những sách giá trị mà khỏi phải xuất những món tiền lớn nếu tự mình xuất bản. Vấn đề chính là giá trị của tác phẩm. Câu hỏi đơn giản: "Sách có đáng in hay không?" thật ra vô cùng rắc rối, phức tạp, dễ gây ân oán. Cho nên Văn Học chỉ dám thu gọn trong vòng các văn hữu cộng tác với Văn Học mà thôi.

hộp thư

● Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

Lauren Hoang Lan (Santa Ana CA), Phạm Hữu Thanh (Montbard France), Nguyễn văn Long (Ponzano, Italy), Võ Đình Xa (Norway), Nguyễn Quốc Trung (Plano TX), Fung Ngo (Oakland CA),Tuong Luu (Houston TX), San Francisco Public Library (đổi địa chỉ) La Thạch Hà (Úc, mất báo), Footscray Campus Lib. (mất báo), Nguyễn Mạnh Thắng (Orleans Canada), Trương Quỳnh Ly (Kanata Canada), Nguyễn văn Thiệu (S.S.W. Australia), Do van Hoa (Houston TX), Boston College (Boston MA), Lê Trung Định (Atascadero CA), Ngọc Tâm (Galveston TX), Hai Lai Burger Meister (The Netherlands), Medex Drugs (San Jose CA), Bùi Quang Diễm Thu (Smyrna CA), LH Machine Inc. (New Orleans LA), Hoàng Xuân Thanh (San Francisco CA), Nguyễn văn Cường (Harvey LA), Tâm Nguyên (Vienna VA), Precision Color Graphics Inc (City Of Industry CA), Cung Trầm Tưởng (St Paul MN), Nguyễn Nguyên Thanh (Germany, báo bị trả lại), Kha văn Tài (báo trả lại), Phong Dương (San Diego CA), Ngô Nhựt Tân (Ottawa Canada), Khánh Dương (Pearland TX), Tôn Thất Thọ (San Jose CA), University of Washington Library (Seattle WA), Nguyễn Minh Thiện (Lillehammer Norway), Dương Thu Lan (Northridge CA), Nguyễn Đình Phùng (El Paso TX), Dũng Nguyễn (Houston, TX), Nguyễn Đức Bạn (Bedford Park IL), Nguyễn Đăng Liên (Dallas TX),Nguyễn Như Huệ (Paris France)

● Bài nhận trong tháng:

"Parking, mưa chiều" gửitừ Seattle WA, "Tóc người cuối sông" gửi từ Durham NJ, "Cảm nghĩ trũ tình về văn hóa dân tộc và ngôn ngữ mẹ đẻ", "Limbô" gửi từ St Paul MN, "Gặp người bạn cũ", "Ngũ ngôn", "Hiểu ra chữ nghĩa" gửi từ Morrow GA, "Muộn màng" gửi từ San Jose CA, "Trôi theo đường mây" gửi từ Middleburg FL, "Sợi tóc" gửi từ Issaquah WA, "Tôi vẫn theo em" gửi từ Anaheim CA, "Mỗi ngày", "Ai bảo em...", "Em Email...Em là ai" gửi từ Harvey LA, Thư của Thư viện Đại học Cornell NY, Thư của Eva Maria (Mr Trần văn Trạng, Madison AL), Thư của Lê Nguyễn (Tampa Florida), Thư của Ngô Nguyên Dũng (Dortmund, Đức)

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện, và không kể những bài gửi qua e-mail Văn Học đã nhận được đầy đủ. Trân trọng cảm tạ sự cộng tác của quí bạn.

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Đã phát hành khắp nơi:

Về
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Câu Nam Ai Thất Lạc
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00
Kéo Neo Mà Chạy
Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc, giá $8.00
Đêm Hè
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Còn Đó Bóng Hình
Tập truyện Song Thao, giá $8.00
Những Chiếc Mặt Nạ Cười
Tập truyện Kinh Dương Vương, giá $8.00
Vầng Trăng Nội Thành
Tập truyện Hồ Đình Nghiêm, giá $10.00
Những Người Thích dấu Huyền
Tạp bút Đặng Trần Huân, giá $10.00
Một Mình Em, Đến Giữa Đời
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00
Lần Cuối, Sài Gòn
Truyện, tạp luận Nguyễn Quốc Trụ, giá $10.00
Đoạn Đường Hốt tất Liệt
Tập truyện Lâm Chương, giá $10.00
Một Dây Trầm
Tập truyện Hoàng Du Thuỵ, giá $10.00
Cơn Giông Ngày Về
Tập truyện Ninh Hạ, giá $10.00

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
nhà phát hành VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683 *Điện thoại: (714) 527-5761

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Những truyện ngắn "hiền khô" của Lê Minh Hà gây kinh ngạc và tạo cảm giác lâng lâng dài lâu trong tôi sau khi đọc xong. Có thể nói nếu những nhà văn khác (như Thế Giang, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh...) thuộc dòng "văn chương vết thương", thì Lê Minh Hà thuộc dòng "văn chương vết rạn". Văn của chị không có tiếng nổ, tiếng gào thét xung phong hay tiếng rú đớn đau. Chỉ có những lời thì thào, những tiếng nấc nghẹn, những nỗi đau âm thầm. Không gian truyện thu vào chuyện nhà, chuyện phố, chuyện làng, chuyện bà cháu, chuyện bạn bè, thậm chí chuyện một cái bát sứ là của gia bảo của gia đình.

Nguyễn Mộng Giác

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI

Trân trọng giới thiệu tập truyện ngắn đầu tay của Lâm Chương, vừa mới phát hành tháng 11 năm 1998.

Đoạn Đường
HỐT TẤT LIỆT
Tập truyện Lâm Chương
Lời mở Trần Doãn Nho
Bìa Khánh Trường

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn _____năm, từ số _____tháng _____,gởi hạng _____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Người giới thiệu _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

DU KHÁCH NÀO TỚI VÙNG ORANGE COUNTY
CŨNG ĐỀU GHÉ LẠI

VĂN KHOA

9200 BOLSA AVE., STE. # 123 • WESTMINSTER • CA 92683 •
(Trong khu Phước Lộc Thọ)

TEL: (714) 892-0801

SÁCH MỚI VỀ

20 năm binh nghiệp - Hồi ký Tôn Thất Đính (455 p.) $22.00
Những huyền thoại & Sự thật về Chế độ Ngô Đình Diệm (493 p.) Vĩnh Phúc $22.00
Xóm Đạo (612 p.) Truyện dài mới nhất của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn $25.00
Truyện Kiều và Tuổi trẻ (694 p.) Lê Hữu Mục & Phạm thị Nhung $32.00
Việt Nam một thế kỷ qua (323 p.) hồi ký của Nguyễn Tường Bách $16.00
Mây mù thế kỷ (338 p.) Tiết lộ mới về hậu trường chính trị Hà nội, Bùi Tín $18.00
Hồi ký Nguyên Sa (412 p.) di sản quí của nhà thơ bất hủ Nguyên Sa $18.00
Đường mây trong cõi mộng (416 p.) Đại sư Hán Sơn, Nguyên Phong phóng tác $18.00
Góc trời Ngô Thụy Miên (55 p. khổ 8.11) tập nhạc của Ngô Thụy Miên $13.00
Cẩm nang căn bản điện toán (322 p.) sách thực dụng của Tôn Thất Thái $14.00

Ở xa xin gửi chi phiếu đề cho Văn Khoa, giá tiền bằng giá ghi trên, miễn cước phí ở Mỹ.

SÁCH VĂN KHOA MỚI XUẤT BẢN

GÓC TRỜI NGÔ THỤY MIÊN
(Tập Nhạc 56tr.) $13.00

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER, CA 92683, USA
TEL&FAX: (714) 527-5761

SÁCH MỚI

- NHỮNG HUYỀN THOẠI VÀ SỰ THẬT VỀ CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM *Vĩnh Phúc* cựu chủ biên Ban Việt Ngữ đài BBC Luân Đôn 22MK
- BÚT KHẢO VỀ XUÂN I *BS Lê Văn Lân* 18MK
- BÚT KHẢO VỀ XUÂN II *BS Lê Văn Lân* 13MK
- DƯỚI BÓNG TỪ BI Nữ Phật Tử Nga *Inna Malkhanova* 11MK
- CÔ RƠM VÀ CÁC TRUYỆN NGẮN *Trần Mộng Tú* 12MK
- HỒ CHÍ MINH TẠI TRUNG QUỐC (Một Kẻ Ngụy Trang Chủ Nghĩa Dân Tộc Việt Nam) biên khảo *Tường Vĩnh Kính*, *Thượng Huyền* dịch 18MK
- HỒI KÝ VIẾT TRÊN GÁC BÚT *Nguyễn Thụy Long* 13MK
- CHUYỆN LÃO TƯỢNG PHẬT DI LẶC VÀ NÀNG NỆM MÂY truyện *Phạm Thị Hoài* 8MK
- NGƯỜI TRUNG QUỐC XẤU XÍ *Bá Dương, Nguyễn Hồi Thủ* dịch 15MK

SÁCH PHÁT HÀNH

- TUYỂN TẬP BÌNH NGUYÊN LỘC *Võ Phiến* giới thiệu 20MK
- MÂY MÙ THẾ KỶ *Bùi Tín* 18MK
- TUYỂN TẬP SỰ THẬT 99 *Lê Hữu Dãn* 25MK
- QUỶ MA VÀ HỌC TRÒ phiếm và truyện *Huỳnh Văn Phú* 12MK
- NHỮNG BÀI VĂN SỬ *Tạ Chí Đại Trường* 10MK

Ngoài Hoa Kỳ, xin thêm 2MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK.
Thêm 3MK cho sách giá từ 19MK đến 28MK.
Liên lạc với VĂN NGHỆ để nhận Thư Mục
với hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.
E-Mail: **vannghe@pacbell.net**
Homepage:**http://home.pacbell.net/vannghe**

Giá:$4.00